

ĐẠI CƠ HUỒN
Môn sanh Minh Lý Đạo



Minh Lý Thánh Hội
Ấn phẩm kỷ niệm lần thứ 39 ngày quy tiên của
Ngài Minh Thiện (1897-1972)

NGÀI MINH THIỆN

Cuộc đời và đạo nghiệp

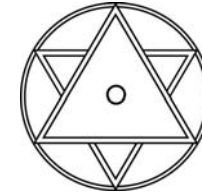
*Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.*

Nhà xuất bản **TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN**
San Martin, CA, USA • 2010

ĐẠI CƠ HUỒN (Nguyễn Thị Thu Cúc) giữ bản quyền
© All rights reserved – 2010

MỤC LỤC

<i>Ngũ Nguyên</i> (Ngài Nguyễn Minh Thiện)	4
<i>Lời Tựa</i> (Ngài Tường Định)	5
<i>Lời Mở</i>	9
1. Tiền Thân	13
2. Hiện Kiếp	17
3. Cơ Duyên	25
4. Thọ Pháp	31
5. Đạo Nghiệp	36
6. Bác Nhã Tịnh Đường	42
7. Liên Giao Với Cao Đài, Phật Giáo	43
8. <i>Tín Tâm Minh</i> . bản dịch của Ngài Minh Thiện	47
9. Sơ Khảo Sự Nghiệp Trứ Tác, Biên Dịch	50
10. Công Đức	56
11. Bát Địa Hồng Danh	64
12. Kinh Xưng Tụng Công Đức	67
13. Thay Lời Kết	75
<i>Phụ Lục I</i> . Điều Văn, Văn Tế, Thư Chia Buồn	79
<i>Phụ Lục II</i> . Năm Bài Giảng Đạo Của Ngài Minh Thiện	
1. Nhơn Đạo Và Thiên Đạo	104
2. Sự Tích Khai Đạo Minh Lý	125
3. Ngũ Chi Đại Đạo	146
4. Hòa Đồng Các Tôn Giáo	161
5. Khai Mạc Lễ Lạc Thành Bác Nhã Tịnh Đường	185
<i>Phụ Lục III</i> . Hình Bóng Người Xưa	196



NGŨ NGUYÊN

Nhứt nguyên Đại Đạo Tiên Thiên,
 Quy nguyên Tam Giáo, rộng truyền ngũ châu.
 Nhị nguyên thế giới đầu đầu,
 An cư lạc nghiệp, ca âu thái bình.
 Tam nguyên Thánh Miếu an ninh,
 Đạo trường miên viễn, môn sinh một lòng.
 Tứ nguyên thiện tín thêm đông,
 Lánh xa tội nghiệt, vun trồng phước đôn.
 Ngũ nguyên đệ tử đừng sờn,
 Lý chơn tham học, kỹ nhơn độ đều.
 Lòng thành khản đảo mời chiêu,
 Ngưỡng trông lượng cả năm điều chứng minh.

Nguyễn Minh Thiện

Lời Tựa

Cách nay hơn tháng, lúc tôi đang ngồi làm việc tại văn phòng, nữ đạo hữu Đại Cơ Huần bước vào xin gặp tôi. Tôi hỏi có chuyện gì không, thì Đại Cơ Huần cho biết muốn trình cho tôi bản thảo tập sách nhỏ viết về Ngài **Minh Thiện**, Cố Định Pháp Tổng Lý Minh Lý Thánh Hội, để xin tôi xem và duyệt xét. Phải nói là tôi vô cùng ngạc nhiên. Ngạc nhiên lẫn thích thú vì đây là lần đầu tiên có một đạo hữu thuộc tịch Đại có can đảm viết lên cuộc đời, sự nghiệp và đạo nghiệp của Ngài Minh Thiện. Trong thâm tâm tôi nói: “Thôi thì thử xem sao.”

Đọc xong tập bản thảo dày gần 200 trang, tôi phải để lời ngợi khen tác giả đã có công sưu tầm tài liệu qua các bài viết về tiểu sử của Ngài cùng các thánh ngôn, lắng nghe các vị đạo hữu có thời gian sống cận kề Ngài và ghi lại những mẫu chuyện kể về Ngài lúc sinh tiền, để kết hợp một cách hệ thống. Chính nội dung, có thể nói mặc dù không đủ lắm về Ngài, nhưng đã nói lên được những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp, đạo nghiệp và công đức của Ngài. Điều này làm cho tôi nhớ lại...

Cuộc đời của Ngài là một chuỗi thời gian hết lòng hành đạo và hoằng pháp không biết mệt, dù phải trải qua bao nhiêu sóng gió. Ngài vẫn luôn luôn kiên quyết giữ Đạo mà Ôn Trên đã trao cho Ngài. Mãi đến khi sức khỏe suy yếu vì bệnh hoạn, Ngài cũng không chịu nghỉ dưỡng sức, mà lại lo lắng trong lòng chưa hoàn thành nhiều bộ kinh thiết yếu cho việc tu tập của môn sinh.

Ngài nghiên cứu các kinh sách, chỉ dẫn các nguyên lý kiểu mẫu để xây dựng lại ngôi chùa Tam Tông Miếu cũ xưa. Từ khi nhập môn (1925) và đến khi đảm nhận chức Chủ Trì (1938-1964), kế thừa Ngài Minh Chánh, Ngài Minh Thiện theo dõi chăm sóc, sửa chữa từng chi tiết một. Sau hai lần sửa chữa, chỉnh trang lại, ngôi Tam Tông Miếu có được hình dáng đồ sộ, nguy nga, thiết trí trang nghiêm, mang đầy ý nghĩa đạo pháp của một ngôi đại từ phụng thờ Tam Giáo tại Sài Gòn.

Về liên giao với các tôn giáo bạn, Ngài Minh Thiện đã hiệp cùng với quý Ngài Huệ Lương Trần Văn Quý, Nguyễn Phan Long, Lương Vĩnh Thuật, Nguyễn Quang Châu thành lập Đại Đạo Tam Kỳ Liên Hòa Tổng Hội, kêu gọi các chi phái Đạo trong Nam hòa hiệp thống nhất nhau lại để hoằng dương chánh pháp, nhưng vì có hai nhóm Liên Hòa và Liên Đoàn không đồng thuận với danh hiệu Cao Đài và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nên sự thành lập Liên Hòa Tổng Hội đã thất bại.

Khi Ngài mãn phần, trong Thư Viện Tam Tông Miếu đã có được hơn sáu mươi đầu kinh sách của Ngài biên dịch, giảng nghĩa, trước tác về Tam Giáo và thơ, truyện đạo học... Ngoài ra còn rất nhiều tập bản thảo viết tay hoặc đánh máy để đầy trong tủ mà chúng tôi, các môn đệ của Ngài, cho đến nay còn chưa đủ sức để đọc, hiểu và chưa phổ biến

Ngài quy vị vào năm 1972,⁽¹⁾ để lại bao niềm thương tiếc cho toàn thể môn sanh Minh Lý, vì đã mất đi một

⁽¹⁾ Sau khi quy tiên, quả vị thiêng liêng của Ngài là *Bác*^(*) *Nhã Thiềm Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát*.

^(*) *Prajñā* (tiếng Sanskrit) hay *paññā* (tiếng Pāli) được dịch ra chữ Hán là 般若. Truyền qua Việt Nam, thay vì đọc và viết *bàn* (*ban*) *nhược* thì xưa nay vẫn đọc và viết là *bát nhã*. Tương truyền, Ngài Minh Thiện chủ trương nên viết là *bác* thay vì *bát*.

người lãnh đạo gương mẫu, tài đức vẹn toàn. Tánh cương trực, tâm khoan dung, Tam Công giữ vẹn, lễ nghĩa giữ tròn, ôn hòa khiêm cung với mọi người. Nhập tự, hiến thân cho Đạo năm 1955, Ngài đã quên mình, tâm trí, tinh thần luôn lo việc Đạo, cho môn sanh Minh Lý, sao cho về Đạo thì được phát triển về chiều rộng và chiều sâu, và môn sanh được tăng gia về lượng cũng như phẩm.

Đức **Hưng Đạo Đại Thánh** nhắc lại công đức của Ngài Minh Thiện và khuyên nhủ môn sinh Minh Lý:

“Chẳng cần bắt chước ai, gần hơn là MINH THIÊN, suốt nửa cuộc đời oằn oại đôi vai đạo nghĩa. Lúc treo ấn từ quan, về tu dưỡng lấy gánh nhơn sanh. Một thân phải đương đầu mọi khó khăn để bảo trì cơ sở, bảo vệ môn sanh. Lo vun đắp nền Đạo Minh Lý bằng vật chất, khai triển từ tay không có nên triệu triệu, từ chia ly rời rạc được quy tụ, quyền pháp xương minh. Lo sửa hạnh chế tâm, ngày tháng không quên mình là mục thước cho người người, mò mẫm men theo đường sáng của tiền nhơn, dịch sách xem kinh, sớm chiều đầu chán. Thì bây giờ chừ Thiên ân nên học Người, theo Người từ động tác để tu, từ cái nói cái đi, cái nói cái làm, để học, để trở nên Người, để cho mọi người yêu, mọi người nương chờ, trông cậy.”⁽²⁾

Và Đức **Đông Phương Lão Tổ** đã tuyên xưng khả năng của Ngài như sau:

“MINH THIÊN đã tất lực mình đem khả năng mà phục vụ Giáo Hội, tô điểm giáo quyền, mở mang giáo lý, chỉnh tu giáo pháp, hướng dẫn giáo đồ, an bài giáo phẩm. Người đã nâng tay làm cho giáo sở được huy hoàng, tài lương đầy đủ.”⁽³⁾

⁽²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-01-1973.

⁽³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-12-1972.

Để kết luận, tôi xin khuyến khích các đạo hữu Minh Lý Thánh Hội mỗi người nên có tập sách nhỏ này để hiểu rõ hơn về Ngài Minh Thiện là một vị chơn tu đạo đức, vượt qua mọi trở ngại, sóng gió, nhân tâm ly tán, đã kiên tâm giữ gìn mỗi Đạo được Ôn Trên trao phó, và hiểu rõ hơn về một ân sư đã hết lòng lo cho Đạo, cho môn sanh tiến tu lập hạnh.

*NAM MÔ BÁC NHÃ THIÊN SƯ TAM TÔNG PHÁP
CHỦ NGUYÊN QUÂN BỔ TÁT*

Rất lòng thành tín.

TƯỜNG ĐỊNH

Tổng Lý Minh Lý Thánh Hội

Lời Mở

Cuộc đời như một quán trọ, người ta đến rồi đi, có người sống để lưu danh như Nguyễn Công Trứ (1778-1858) đã viết:

*Làm sao cho bách thế lưu phương,
Trước là sĩ sau là khanh tướng...*

Nhưng đối với cuộc đời của các nguyên căn như Ngài Minh Thiện thì giống như cánh nhạn bay cao vút từng không buông chiếc bóng in trên mặt nước... Ngài không còn vướng mắc vào một cái gì dù đó là có hay là không, vì có không chỉ là trăng soi đáy nước thì lưu lại dấu tích để mà làm gì, nhất là một người khi còn sống đã chứng được chơn tâm tự tánh, biết được tiền kiếp của mình.

Ngài Minh Thiện đến thế gian và rời thế gian như cánh nhạn lưng trời, hình ảnh này khiến cho môn sanh của Ngài càng thêm thấm thía từng câu từng chữ trong bài kệ thị tịch nhủ khuyên đệ tử của Thiền Sư Từ Đạo Hạnh (1072-1116):

*Thu về chẳng báo nhạn theo bay,
Cười nhạt người đời uống xót vay.
Thôi hỡi môn nhân đừng quyến luyến,
Thầy xưa mấy lượt hóa thầy nay.⁽⁴⁾*

⁽⁴⁾ Ngô Tất Tố (1894-1954) dịch. Nguyên tác:

秋來不報雁來歸	Thu lai bất báo nhạn lai quy,
冷笑人間暫發悲	Lãnh tiếu nhân gian tạm phát bi.
爲報門人休戀著	Vị báo môn nhân hưu luyến trước,
古師幾度作今師	Cổ sư kỷ độ tác kim sư.

Nhưng môn đồ không quyến luyến sao nổi khi ân sư của mình đã để lại bao nhiêu lời huấn đạo bằng một tấm lòng từ ái, giảng dạy từng chút một thế nào là Nhơn Đạo và Thiên Đạo, chỉ mong các môn đồ hiểu và hành để trở thành một con người đúng nghĩa chơn chánh của một con người có đạo hạnh.

Những bài thánh ngôn nói về tiền kiếp Ngài Minh Thiện, khi còn sanh tiền Ngài đã ra lệnh xóa bỏ vì không muốn gây hiểu lầm và hoang mang. Và chỉ sau khi đăng tiền đắc quả Bác Nhã Thiền Sư, Ngài mới hé lộ cho môn sanh biết.

Qua các bài đàn của Đức Diệu Quan Chơn Nhơn nói về tiền kiếp, xem các huyền sử trong *Lĩnh Nam Chích Quái*,⁽⁵⁾... chúng ta mới hiểu được một phần nào về cuộc đời và đạo nghiệp một nguyên căn thể Thiên hành hóa, và thấy được thế nào là một nhân duyên từ đời này sang đời khác của các bậc tiền bối...

Tập sách này chỉ là một tổng hợp những bài viết mà các vị như Khai Minh (Định Pháp, Tổng Lý thứ hai), Khai Sắc (Tổng Cán Viên), Tường Định (Tổng Lý hiện tại), đạo huynh Tường Chơn (Vụ Trưởng Giáo Lý), và đạo hữu Tường Diệu đã từng đọc nhân các ngày giỗ Ngài Minh Thiện. Tập sách này cũng kết tập những mẫu hồi ức của các đạo hữu Viên Phúc, Huyền Như Sơn, Định Quang...

Ngày nay, những tư liệu đã phôi pha theo thời gian. Các đệ tử cận kề với Ngài Minh Thiện như quý vị Khai Sắc, Khai Minh, Khai Tịch, Tường Vân, Tường Diệu, Tường Sơn, Diệu Chơn Sắc, Diệu Chơn Diệu, Diệu Chơn Tịch...

⁽⁵⁾ Được biên soạn vào khoảng cuối đời nhà Trần (1225-1400), *Lĩnh Nam Chích Quái* 嶺南摭怪 (nghĩa là chọn lựa những chuyện quái dị ở đất Lĩnh Nam) là một tập hợp các huyền sử Việt Nam.

đều đã lần lượt được Ôn Trên gọi về.

Nhiều chi tiết đã bỏ sót, một số chi tiết chưa được kiểm chứng vì lẽ người chứng cũng không còn, vật chứng nhạt mờ hay biến mất sau các biến cố lịch sử.

Đại Cơ Hườn tuy là cháu của Ngài, nhưng thời gian kề cận “ông ba Minh Thiện” cũng ít và lúc đó hãy còn quá nhỏ. Ba của Đại Cơ Hườn, cháu gọi Ngài Minh Thiện bằng cậu ruột, nay lại quá già, khó có thể nhớ lại hết các chuyện xưa.

Với lòng thành bấy lâu khao khát muốn làm sống lại cuộc đời của một bậc tiền khai Tiên Thiên Đại Đạo và cũng là người ông của mình, Đại Cơ Hườn đã cố gắng tìm tòi tài liệu, thánh ngôn và xin được thay mặt môn sanh tịch Đại biên soạn một tập sách nhỏ về Ngài Định Pháp, Tổng Lý đầu tiên của Minh Lý Thánh Hội.

Quyển *NGÀI MINH THIỆN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP* xin được hân hạnh là lễ phẩm của môn sanh tịch Đại, đồng kính dâng lên Đức **Bác Nhã Thiển Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát**, nhân kỷ niệm ba mươi chín năm ngày đăng tiên của Ngài Minh Thiện. Uống nước nhớ nguồn, tập sách nhỏ này còn là một khởi đầu cho hành trình tìm hiểu lịch sử Minh Lý Đạo của các môn sanh.

Đại Cơ Hườn trân trọng bày tỏ lòng biết ơn về sự khuyến khích của ông *Tường Định* (Tổng Lý), các hiền huynh *Đại Bác* (Chủ Trì), *Tường Chơn* (Vụ Trưởng Giáo Lý), *Đại Khai*, *Đại Tam*, hiền tỷ *Đại Cơ Minh*, các tỷ muội *thuộc chi đạo Long An* đã trợ giúp nhiều về nội dung, sưu tập hình ảnh tư liệu, cũng như người bạn trẻ *Đoàn Khoa* đã phụ giúp xử lý hình ảnh.

Sự chung tay, khích lệ của các huynh, đệ, tỷ, muội Minh Lý tại Thánh Sở, Long An, Bác Nhã Tịnh Đường, và

Long Hải Ngoại⁽⁶⁾ để quyển sách có thể hình thành là điều mà Đại Cơ Hườn ghi tạc trong tâm.

Đặc biệt nhất, đạo muội xin trân trọng tâm lòng của đạo huynh *Huệ Khải* trong việc hiệu đính, nhuận sắc để tập sách được hoàn hảo, và chương trình *Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài* cùng nhà xuất bản *Tam Giáo Đồng Nguyên* (San Martin, CA, USA) đã giúp phổ biến quyển sách này đến các môn sanh Đại Đạo và các đạo tâm gần xa.

Sau cùng, dù đạo muội đã rất cố gắng, nhưng chắc chắn vẫn không tránh được sơ suất. Xin quý đạo trưởng và quý huynh tỷ hoan hỷ lượng thứ và chỉ giáo thêm để tập sách được hoàn thiện trong các lần tái bản sau này.

Xin cầu nguyện Đức Bác Nhã Thiển Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát ban ơn lành đến toàn thể quý vị.

Rất lòng thành tín.

Đại Cơ Hườn

Tháng 10 năm 2010

⁽⁶⁾ Hiện tại môn sanh Minh Lý tu học tại ba nơi: *Thánh Sở* tức là Tam Tông Miếu (số 82 Cao Thắng, quận 3, Sài Gòn). *Long An* là nơi sẽ xây dựng thêm một thánh miếu. *Bác Nhã Tịnh Đường* (thị trấn Long Hải, Bà Rịa) là nơi để môn sanh tu học thiền tịnh. *Long Hải Ngoại* là danh xưng đã có từ lâu, do Ôn Trên ban cho các môn sanh Minh Lý đang sinh sống và tu học ở nước ngoài.

1. Tiền Thân

Lời truyền rằng vào năm 1897 tại làng Lợi Bình Nhơn, tổng Hưng Long, tỉnh Tân An, có một đứa bé sanh ra khóc luôn ba ngày ba đêm. Không ai rõ lý do!

Người có xu hướng tâm linh thì dè dặt đoán phỏng: Phải chăng đứa trẻ đó vốn không chịu lia cõi trời xuống cõi trần nên mới khóc? Đây là một hiện tượng bất thường, nhưng căn cứ theo thánh giáo có thể giải thích như sau:

“Một khi con người đã thọ lấy xác thân tứ đại này, không một ai qua khỏi công lệ tình sống giữa nhau, dầu bậc nguyên nhân đến thế hay các bậc đẳng Nhơn sanh trải nhiều kiếp đến nay cũng không sao quên được mối dây liên hệ của nghiệp thức tạo thành.”⁽⁷⁾

Đứa trẻ này tên thật là Tôn Văn Khuê và theo dòng đời lớn lên lại có tên là Nguyễn Văn Miết.

Nhờ duyên lành từ trước nên Ngài sớm ngộ Đạo:

*Tôi may nhờ hồng ân gặp Đạo,
Được thần cơ chỉ giáo tu hành,
Hiệp cùng MINH LÝ môn sanh,
Chủ trì quyền pháp, tài thành TAM TÔNG.⁽⁸⁾*

Về sau nhiều người có tâm đạo tìm đến Ngài cầu pháp thường chỉ biết Ngài với thánh danh là Minh Thiện, hoặc biết phương danh Nguyễn Minh Thiện in trên các kinh sách do Ngài biên soạn hay dịch giải.

⁽⁷⁾ Đức Bác Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 10-01-1973.

⁽⁸⁾ Đức Bác Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 10-01-1973.

Qua thánh ngôn có thể biết được phần nào tiền thân của Ngài Minh Thiện. Chẳng hạn, kiếp trước Ngài từng là bạn đạo tri kỷ, chí thân của Vạn Hạnh Thiên Sư.

Thật vậy, ngày 09-12-1972, Ngài Minh Thiện đang mang trọng bệnh, không hầu đàn được. Đêm ấy, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư giáng cơ và giảng cho môn sanh Minh Lý một thời pháp. Cuối thời pháp, Đức Thiên Sư gọi tên một vị đang hầu đàn và dặn dò:

“Bản Tăng nhờ đạo hữu Pháp Án cho Bản Tăng một ly bạch thủy để Bản Tăng họa phù trợ lực người bạn đạo chí thân ...”

Họa phù vào ly nước lạnh xong, Đức Thiên Sư dạy tiếp:

“Đạo hữu để lại giùm nơi Thiên Bàn. Sau khi xả đàn, đem cho đạo hữu Định Pháp Minh Thiện uống và nói rằng món quà đặc biệt này của Vạn Hạnh Thiên Sư tặng người bạn tri kỷ.”⁽⁹⁾

Sau khi quy tiên ngày 21-12-1972, Ngài Minh Thiện được trở về ngôi vị cũ, đặc quả vị Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát. Từ đó, Ngài thường trở về trần gian dạy đạo tại Minh Lý Thánh Hội.

Trong một đàn cơ ở Long Hải, Đức Bác Nhã Thiên Sư hé lộ hai tiền kiếp của Ngài ở đời Lý: một kiếp là bạn của Thiên Sư Vạn Hạnh; một kiếp sau đó là bạn của Thiên Sư Minh Không:

*Góp mặt trần gian đã lắm lần,
Thờ Trời, giữ Đạo, sự quân dân.
Khi cùng VẠN HẠNH dung tam tế,
Lúc với MINH KHÔNG luyện pháp thân.
Đất Việt Tam Kỳ tuyên sứ mạng,
Trời Nam vạn pháp hội canh tân.*

⁽⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 09-12-1972.

*Chịu ơn Thiên lệnh khai MINH LÝ,
Bác Nhã huyền môn tự lãnh phần.*⁽¹⁰⁾

Thiền Sư Vạn Hạnh

Sư họ Nguyễn, quê ở châu Cổ Pháp (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), xuất gia năm 21 tuổi, cùng với bạn là Thiền Sư Định Tuệ tu học tại chùa Lục Tổ dưới sự chỉ dẫn của Thiền Sư Thiên Ông.

Sư Vạn Hạnh là cố vấn của vua Lê Đại Hành (trị vì 980-1005), và là thầy của Lý Công Uẩn, có công gây dựng cho Công Uẩn lên làm vua Lý Thái Tổ (trị vì 1009-1028).

Sau khi Sư Vạn Hạnh viên tịch,⁽¹¹⁾ vua Lý Nhân Tông (trị vì 1072-1127) có bài kệ truy tán Ngài như sau:

萬行融三際	<i>Vạn Hạnh dung tam tế,</i>
眞符古識詩	<i>Chân phù cổ sấm thi.</i>
鄉關名古法	<i>Hương quan danh Cổ Pháp,</i>
拄錫鎮王畿	<i>Trụ tích trấn vương kỳ.</i>

Vạn Hạnh thông ba cõi,
Lời ông nghiệm sấm thi.
Quê hương làng Cổ Pháp,
Chống gậy trấn kinh kỳ.⁽¹²⁾

Trong bài thơ giảng cơ nói trên, Đức Bác Nhã bảo “*Khi cùng Vạn Hạnh dung tam tế*” tức là có liên hệ tới câu đầu bài kệ của vua Lý Nhân Tông.

Thiền Sư Minh Không

Đọc quốc sử và lịch sử Phật Giáo nước nhà, nhất là căn

⁽¹⁰⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 28-12-1974.

⁽¹¹⁾ Có sách bảo là năm 1018 hay năm 1025 (?).

⁽¹²⁾ Nguyễn Đức Vân và Đào Phương Bình dịch.

cứ theo *Lĩnh Nam Chích Quái* 嶺南摭怪 đời Trần, chúng ta biết rằng Thiền Sư Minh Không (thọ 76 tuổi) thế danh là Nguyễn Chí Thành, quê ở làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng (cũng gọi Gia Viễn), phủ Trảng An (Nam Định), từ nhỏ học đạo với Thiền Sư Từ Đạo Hạnh (1072-1116) được hơn mười năm. Năm 1136 vua Lý Thần Tông (sinh năm 1116, trị vì 1127-1138) mắc bệnh lạ, mọc lông vằn vện khắp người, gằm thét như cọp, phải nhờ Thiền Sư Minh Không vào triều dùng thần thông cứu khỏi. Vua tôn Ngài làm Quốc Sư. Tương truyền tiền kiếp vua Lý Thần Tông là Thiền Sư Từ Đạo Hạnh (1072-1116).⁽¹³⁾

*

Đặc biệt, khi còn hành đạo tại thế, có lẽ Ngài Minh Thiện cũng biết được tiền kiếp của mình rồi, bởi lẽ Đức Hưng Đạo Đại Vương có lần giảng cơ hỏi môn sanh Minh Lý:

“*Minh Thiện xưa kia là ai, các hiền có hiểu không? Ngày Minh Thiện còn tại tiền cũng đã biết mình là người đó rồi.*”⁽¹⁴⁾

⁽¹³⁾ Vua Lý Nhân Tông không con, nhường ngôi cho Lý Dương Hoán là con trai của Sùng Hiền Hầu (em trai Nhân Tông). Dương Hoán chính là Thiền Sư Từ Đạo Hạnh đầu thai, và trở thành vua Lý Thần Tông. Trước khi đầu thai vào nhà Sùng Hiền Hầu, Thiền Sư Từ Đạo Hạnh gọi đệ tử là Minh Không tới dặn dò rằng kiếp sau sẽ bị nạn, Minh Không hãy tới cứu. Quả nhiên hai mươi năm sau xảy ra việc vua Thần Tông mọc lông cọp.

⁽¹⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-01-1973.

2. Hiện Kiếp

Ngài Minh Thiện sinh ngày 23-7 Đinh Dậu (20-8-1897) trong một gia đình đạo đức Nho Giáo tại làng Lợi Bình Nhon, tổng Hưng Long (nay thuộc thị xã Tân An), tỉnh Tân An. Họ tên thật của Ngài là *Tôn Văn Khuê*.

Thời kỳ này, phong trào Tây học rầm rộ nổi lên, muốn cho Ngài có thể tiên thân, ông thân Ngài mới dẫn con đến trường xin nhập học, nhưng trường đòi phải nộp khai sanh. Thời kỳ ấy ở các làng xóm, người dân quê chưa có ý thức phải làm khai sanh khi sanh con, nên Ngài không có khai sanh. Ông thân Ngài liền dẫn con đến ông chánh lục bộ⁽¹⁵⁾ để xin làm khai sanh, lấy họ tên mới là *Nguyễn Văn Miết*.

Gia thế

Thân phụ Ngài là Tôn Văn Thi, một nhà Nho tu theo phái Minh Sư, giữ công quá cách,⁽¹⁶⁾ siêng làm các việc phước thiện. Trong nhà có dành nơi để thờ phượng và cúng lễ theo phái Minh Sư. Thân phụ Ngài cũng là môn sanh Minh Lý, nhập môn ngày 02-9-1926, pháp danh Hiệp Nhứt, quy vị ngày 03-9-1947, được ân phong quả vị Thiên

⁽¹⁵⁾ *Chánh lục bộ*: Năm 1904, thực dân Pháp ra nghị định thành lập Hội Đồng Hương Chức (gọi là Bàn Hội Tề), gồm mười hai chức vụ, trong đó chót hết là chức *chánh lục bộ* trông coi hộ tịch và thông báo khi có dịch bệnh. Nghị định ngày 30-10-1927 của Toàn Quyền Đông Dương quy định Hội Đồng Hương Chức Hội Tề (gọi là Bàn Hội Tề) cũng gồm có mười hai chức vụ, thì chót hết vẫn là chánh lục bộ, với nhiệm vụ như cũ.

⁽¹⁶⁾ Về *công quá cách*, xin tham khảo: *Thiện Thư* (tr. 167-189) của Lê Anh Minh.

Long Chơn Nhon.

Thân mẫu Ngài là bà Lâm Thị Chợ, quê nội xưa kia ở trấn Củ Chi, huyện Hóc Môn, sau đến đời ông thân Ngài Minh Thiện mới dời về Long An.

Rất có thể bà Lâm Thị Chợ là nhân vật được soạn giả Huệ Khải nhắc tới ở trang 21 trong quyển *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*.

Nguyên, vào đời vua Khải Định, năm Quý Hợi (1923) môn sanh Minh Sư có ấn tống quyển kinh chữ Hán nhan đề *Văn Xương Đế Quân Cứu Kiếp Bảo Sanh Kinh* 文昌帝君救劫保生經 (kinh giữ gìn mạng sống, giải cứu tai họa của Đức Văn Xương Đế Quân). Trên bìa, bên trái nhan đề có in dòng nhỏ: 新安林氏 翽⁽¹⁷⁾ 重刊 祈病愈 *Tân An Lâm Thị Chợ trùng san (khan) kỳ bệnh dữ* (Lâm Thị Chợ ở Tân An tái bản để cầu khỏi bệnh). Bà Lâm Thị Chợ là chị thứ bảy của ông Lâm Xương Quang (tục gọi ông Lão Tám Lâm Đạo Nguơn), là người nổi tiếng trong giới tu tiên ở Nam Kỳ qua các bản dịch *Thất Chơn Nhon Quả*, *Ngọc Lộ Kim Bàn*, *Hồi Dương Nhon Quả*, *Ngọc Lịch Minh Kinh*...

Sau khi bà Lâm Thị Chợ qua đời, Đức Thái Ất Thiên Tôn đã cho phép hồn thân mẫu Ngài Minh Thiện về đàn báo tin:

*Hình khổ U Minh rất thảm thay,
Siêu thăng về tổ một lời này,
Kinh Tiên linh hiển rền lòng tụng,
Thất Tổ Cửu Huyền đặng xá ngay.*⁽¹⁸⁾

Và thần Lục Đinh vưng lệnh Đức Đạo Tổ lâm đàn báo

⁽¹⁷⁾ *Chợ* là chữ Nôm, mượn chữ Hán, viết với trợ 助 (*giúp*) để lấy âm, rồi thêm thị 市 (*chợ*) để lấy nghĩa.

⁽¹⁸⁾ Thánh ngôn, 29-5-1925.

cho Ngài Minh Thiện biết như sau:

“*THIỆN, ta mừng giùm cho người. Nay mẹ người đang phong Thánh đi phổ độ nhơn gian, là nhờ công người siêng lo tu, giữ Đạo một lòng và có công tìm kiếm dịch kinh sách* *đặng phụ giúp mà khuyên người ta mau tỉnh ngộ... Mẹ người sẽ đi khắp thế giới coi ai có lòng mộ đạo thì Người độ, ngày sau người sẽ có tin mừng.*”⁽¹⁹⁾

Lời dạy của Đức Đạo Tổ chẳng những xác minh chân lý tu là cứu cứu huyền thất tổ, mà còn cho thấy công đức vô lượng của việc Ngài Minh Thiện xả thân làm pháp thí. Đạo nghiệp của Ngài Minh Thiện to tát thế nào thì chúng ta có thể lượng biết nhờ thánh giáo của Đức Thần Oai Viễn Trần Quan Thánh Đế Quân dạy ngày 02-11 Tân Mùi (10-12-1931):

“*Phàm người tu hành mà đặt đặng một bộ kinh sám khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành Tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.*”⁽²⁰⁾

Trở lại với gia thế Ngài Minh Thiện. Ngài có một chị và ba người em là: *Tôn Thị Kỳ* (chị cả), *Tôn Thị Thân* (em gái, môn sanh Minh Lý, pháp danh Toàn Lạc, sau khi quy tiên được ân phong quả vị là Diệu Đức Nương Nương), *Tôn Thị Sáu* (em gái, môn sanh Minh Lý, pháp danh Toàn Kiệt), và *Tôn Văn Lâm* (em trai, môn sanh Minh Lý, pháp danh Chí Giác).

Nhơn đạo

Ngài lập gia đình ngày 09-7-1917. Bạn đời của Ngài là Lâm Thị Hộ, sanh năm 1895 tại làng Nhân Nhượng, tỉnh

⁽¹⁹⁾ Thánh ngôn, 06-8-1926.

⁽²⁰⁾ Chiêu Minh Đán, *Tam Nguơn Giác Thế*. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam (Ngài Cao Triều Trực ấn tống), tr. 36.

Long An. Bà nhập môn Minh Lý năm 1925, pháp danh Diệu Nguơn. Bà mãn phần ngày 18-3-1953 với cấp tu là Thanh Tịnh Cô và được ân phong quả vị là Diệu Duyên Nương Nương.

Vì thấy vợ chồng Ngài không có con nên người em là bà Toàn Lạc mới đưa một cô con gái làm con nuôi. Đó là cô Nguyễn Thị Kim Tuyết, nhập môn Minh Lý, pháp danh là Tịnh Nhứt và lập gia đình với ông Nguyễn Vĩnh Nghi, cũng là một môn sanh Minh Lý, pháp danh là Thanh Thể, hiện nay sống ở bên Mỹ với ba cô con gái và có một người con trai đang sống bên Úc.

Khi song thân Ngài Minh Thiện qua đời, các con cháu trong gia đình đều lên thành phố sanh sống, tạo sự nghiệp, nên ngôi nhà bỏ không,⁽²¹⁾ nhờ các đạo hữu Minh Sư chăm nom săn sóc, và về sau hiến luôn cho đạo Minh Sư làm thánh sở. Đền nay tại thánh sở ấy, tức Quan Âm Phật Đường, chỉ còn có hai vị sư cô, nên đã xin gia nhập vào chùa Thiên Khánh thuộc Tỉnh Hội Phật Giáo Long An để tiện bề tu học.

Hoạt lộ

Năm 1916 Ngài đậu bằng Thành Chung (*Diplôme de Fin d'Études Complémentaires Franco-indigènes*). Năm này, chính quyền có mở cuộc tuyển công chức, Ngài nộp đơn xin việc làm tại Sở Công Chánh (*Service des Travaux Publics*).

Ngày 13-7-1916, Ngài nhận được quyết định làm việc với ngạch thư ký công nhựt (*secrétaire journalier*) và được bổ nhiệm vào Văn Phòng Kế Toán của Kỹ Sư

⁽²¹⁾ Nay ở số 55/4 đường Huỳnh Thị Mai, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Trước mặt nhà là con sông Bảo Định.

Trưởng (*Bureau de la Comptabilité de l'Ingénieur en Chef*) kể từ ngày 08-02-1916.

Ngày 24-02-1917, Ngài được thăng lên ngạch thơ ký tập sự (*élève secrétaire*) và chuyển về làm việc tại Văn Phòng Thống Đốc Và Các Tỉnh (*Bureaux du Gouvernement et des Provinces*), theo nghị định ngày 23-02-1917 của Thống đốc Nam Kỳ. Sau đó, Ngài được chuyển đến nhà giam Côn Đảo (*Pénitencier de Poulo-Condore*) để làm việc hành chánh văn phòng.

Nhờ đức tính rất tốt và làm việc cần mẫn, nên Giám Đốc nhà giam ký tên vào bản sơ yếu lý lịch cá nhân của Ngài ngày 23-10-1917 và khen ngợi không tiếc lời rằng Ngài xứng đáng có một tương lai xán lạn trong nghề nghiệp, và đề nghị thăng thưởng cho Ngài lên ngạch trật cao hơn.

Theo nghị định ngày 09-7-1918, Trưởng Phòng Nhân Viên Văn Phòng Thống Đốc Nam Kỳ ký văn thư đề ngày 10-7-1918, thông báo cho Ngài là đã được chính thức thăng lên ngạch phó thơ ký hạng ba (*secrétaire auxiliaire de 3^e classe*) kể từ ngày 14-7-1918.

Sau ba năm làm việc ở Côn Đảo, theo nghị định của Thống Đốc Nam Kỳ ngày 31-3-1920, Ngài được chuyển từ văn phòng nhà giam Côn Đảo về Sài Gòn làm việc tại Phòng Nhì (2^e Bureau) dưới quyền Giám Đốc Văn Phòng Thống Đốc (*Directeur des Bureaux du Gouvernement*).⁽²²⁾

⁽²²⁾ Phủ Thống Đốc Nam Kỳ có Phòng Nhì phụ trách việc thương mại, với nhiệm vụ: “Chuyên về công việc cầu đường, nhà cửa, cùng các sở coi việc. Chịu giấy làm giá cả. Giấy hiệp đồng, lãnh biện vật hạng cùng công việc làm. Suy tính, làm giấy lãnh tiền về đồ dùng cùng công việc làm. Các kho dự trữ, cấp phát vật hạng. Đồ dùng xưa cùng đồ công nhu cho các phòng. Việc đường sá. Phân đường

Giám Đốc nhà giam Côn Đảo nhận xét đức tính toàn hảo của Ngài nên đề nghị thăng lên ngạch phó thư ký hạng nhì qua văn thư ký ngày 19-5-1920.

Ngày 01-7-1922, Ngài được thăng chánh ngạch thơ ký hạng tư.

Ngày 17-6-1935 Hoàng Gia Cam Bốt (*Royaume du Cambodge*) trao tặng Ngài Huân Chương Monisaraphon (*Ordre Royal du Monisaraphon*).

Sau hơn hai mươi năm làm việc, Ngài được Giám Đốc Phòng Nhì đề nghị phẩm Huyện hàm (*honoraire*) ngày 01-6-1938.

Ngày 29-8-1938 Ngài đậu hạng ba trong cuộc thi kiểm toán (*vérification des comptes*) của Văn Phòng Thống Đốc Và Các Tỉnh Nam Kỳ. Quyết định ngày 24-10-1938 tăng lương lên ngạch chánh thơ ký hạng ba từ ngày 01-01-1937 sau khi Ngài thi đậu kỳ thi tuyển chọn kiểm toán quốc gia.

Ngày 29-9-1938 Thống Đốc Nam Kỳ ký nghị định thưởng Ngài phẩm Huyện hàm (*honoraire*).

Do trong văn thư ngày 24-8-1940 của Giám Đốc Phòng Nhì Chevalier đã có những nhận xét rất tốt về đức tính và

lộ, lấy mực cắt nhà, mực đường. Xét dọn bộ sổ vật hạng, cùng bộ sổ công việc làm.” (Paulus Của, *Sách Quan Chế*, Sài Gòn 1888, tr. 13.)

Như vậy, Ngài Minh Thiện là công chức hành chánh (dân sự). Đừng ngộ nhận rằng Phòng Nhì ở Phủ Thống Đốc là cơ quan mật vụ, gồm các “lính kín”, là một nơi chuyên bắt bớ, điều tra, tra tấn... của thực dân Pháp, tức là *service de la sûreté* mà thời xưa người Việt gọi là sở liên phóng. Bên quân đội, phòng nhì là cơ quan chuyên báo cáo cho bộ chỉ huy biết tình hình và khả năng hoạt động của quân địch, chịu trách nhiệm về các hoạt động tình báo và chiến tranh tâm lý, thu nhật tin tức tình báo, nghiên cứu các hoạt động của nghĩa binh và quân du kích. (Tham khảo: Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*.)

tác phong làm việc của Ngài, nên ngày 29-3-1941 Ngài được đề nghị Huy Chương Kim Tiền hạng ba (*Medaille Kim Tiền de 3^e classe*). Ngài chính thức nhận được huy chương này vào ngày 10-4-1941.

Ngày 09-9-1941, vâng theo lệnh Ôn Trên, Ngài làm đơn xin về hưu trước hạn tuổi. Ngày 31-12-1941, Thống Đốc Nam Kỳ chấp thuận đơn xin về hưu của Ngài.

Ngày 01-01-1942, Ngài chính thức nghỉ hưu.

Ngày 14-02-1950, đại biểu Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam (*Gouverneur du Sud-Vietnam*) chính thức ân thưởng Ngài phẩm Phủ hàm (*honoraire*).

Ngày 29-8-1950, Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam ban hành quyết định đề cử Ngài làm Ủy Viên Miền Nam Việt Nam và Ngài chính thức làm Ủy Viên Miền Nam Việt Nam ngày 06-9-1950.

Bước đạo

Sau khi Minh Lý Đạo khai năm 1924, vào năm 1926 các vị chức sắc nhận thấy cần phải lập một *Hội Tam Tông Miếu (Tam Tông Miếu Association)* để hợp thức hóa mọi hoạt động của Đạo theo đúng luật pháp của Chánh Quyền Nam Kỳ thuộc Pháp (như tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau và có thể thu nhận các loại tặng dữ đóng góp cho chùa).

Hội Tam Tông Miếu được lập với bản Điều Lệ ngày 19-06-1926 gửi lên Thống Đốc Nam Kỳ. Hội Tam Tông Miếu được phê chuẩn ngày 08-02-1927 với ông Âu Kiệt Lâm là Chánh Hội Trưởng và ông Nguyễn Văn Miết làm Phó Hội Trưởng.

Theo lệnh Ôn Trên, chùa lập tiệm cơm chay Hiệp Ích để độ và khuyến khích người người có phương tiện ăn chay đồng đảo, tập tu lần lần. Chùa cũng lập nhà sách Đức Môn

Thư Xã, để có nguồn sanh lợi cho chùa và có nơi để phổ biến kinh sách truyền bá giáo lý, và xây cất nhà phố gần chùa cho môn sanh Minh Lý mượn ở với giá rẻ ngõ hầu dễ dàng lo việc cúng kiếng và làm công quả.

Ngày 14-05-1939, Hội Tam Tông Miếu nhận được tư cách pháp nhân.

Ngày 27-02-1951, Ngài Minh Thiện làm Chánh Hội Trưởng Tam Tông Miếu.

Ngày 06-02-1964, Quận Trưởng quận Ba cử Ngài làm hội viên Ủy Ban Cứu Tế Xã Hội Quận.

Quy vị

Ngài Minh Thiện quy tiên vào giờ Tý ngày 16-11 Nhâm Tý (Thứ Năm 21-12-1972), trùng ngày Vía Đức Phật A Di Đà.

Vừa thoát xác thì Ngài được Tam Giáo Tổ Sư phong cho thánh vị là *Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ* và vào năm 1995 trong một đàn cơ dạy đạo, Ngài báo cho toàn Đạo biết rằng đã được Ôn Trên ân phong là *Nguyên Quân Bồ Tát*.

Trong khóa tịnh Đông Chí tại Bác Nhã Tịnh Đường (Long Hải) 1974, ba Đấng thiêng liêng là Đức Trần Hưng Đạo, Đức Lê Đại Tiên, và Đức Vạn Hạnh Thiên Sư liên tiếp giáng đàn, ban cho bốn mươi câu kinh xưng tụng công đức Ngài. Đó là bài *Xưng Tụng Công Đức Đức Bác Nhã Thiên Sư* hiện nay Minh Lý Thánh Hội đang dùng.

3. Cơ Duyên

Trong mấy năm làm việc hành chánh tại Côn Đảo, Ngài Minh Thiện mục kích lắm chuyện đau thương, thấy nhiều người đau khổ đến độ muốn chết đi cho rảnh, mà chết đi cũng không được.

Với tuổi đời còn trẻ, Ngài đã cảm thấy xót thương cho những kẻ bất hạnh trong chốn lao tù. Cuộc đời của những kẻ ấy là một chuỗi dài đau khổ, phải chăng là cái nghiệp tiền khiên mà họ phải đeo mang và chịu đựng, dù dưới bất cứ lý do gì?

Những cảnh mà Ngài chứng kiến ở ngục tù Côn Đảo đã gây một ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn của Ngài. Phải chăng đây là bước đầu cho con đường hướng về đạo pháp của Ngài để có thể tìm phương giải quyết những diễn biến của con người trong cuộc sống lăn trôi qua vòng tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử)?

Và cơ duyên đạo pháp đã đến với Ngài Minh Thiện.

Trong bài giảng về sự tích khai Đạo ngày 10-11-1964 trong dịp lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai năm thứ bốn mươi, ⁽²³⁾ Ngài Minh Thiện thuật như sau:

“Từ xưa, trong nước ta cũng có nhiều đàn tiên, mà sự tín ngưỡng của thiên hạ hãy còn mơ màng. Họ chỉ đến hầu đàn cầu thuốc, hay cầu hỏi việc tương lai mà thôi, chớ ít ai để tâm về mặt đạo đức. Nhờ có huyền cơ mà số người nói trên mới bắt đầu tin chắc trong cõi thế giới vô hình quả thật có Trời Phật Tiên Thánh, không còn ngờ vực gì

⁽²³⁾ Xem Phụ Lục II, bài giảng thứ hai: Sự Tích Khai Đạo Minh Lý.

nữa.

Huyền cơ là gì? Có khác với thần cơ sao?

Tuy cũng là Thần Tiên giáng dạy, mà phương pháp dùng chỉ truyền có khác.

Theo thần cơ, Thần Tiên mượn tay của đồng tử (người phàm) mà viết ra. Có khi dùng cơ, có khi chấp bút.

Cơ là một khí cụ đặt trong tay đồng tử. Hình cơ như cái giỏ nhỏ, có cán dài độ năm tấc. Đầu cái cán này dạng chạm giống như mỏ con chim loan, ngâm một cây cọ để viết chữ trên mặt bàn. Dùng cơ loan thì phải có hai đồng tử nắm vành giỏ cơ mà đưa theo sức điều khiển của Thần Tiên. Một người có đủ sức cũng có thể cầm cơ một mình được.

Nếu chấp bút thì dễ dàng hơn. Chỉ một đồng tử nắm cây bút chì trong tay mặt, tịnh tâm mà tiếp điện và viết ngay trên tờ giấy trắng để sẵn trước mặt. Vì vậy mà khi nói phở loan, thủ cơ, chấp bút, thì đều hiểu là thỉnh Tiên.

Còn theo huyền cơ, Thần Tiên tự viết ra, không cần có tay người đồng tử xen vào, cũng không có cái cơ hay là cây bút chì làm món khí cụ để viết, như cách nói trên. Không biết các vị Thiêng Liêng viết bằng cách nào, mà tự nhiên trên giấy trắng ta thấy có chữ hiện ra rõ ràng đủ ý nghĩa. Tôi có thể nói đây là nhờ một sự huyền diệu phi thường, chúng tôi dạng trực tiếp với thần linh bằng văn tự.

(...) Mấy kỳ đàn huyền cơ là để gieo sự tín ngưỡng mà thôi. Kể từ ngày dùng thần cơ, chúng tôi mới tiếp được đạo hiệu Minh Lý, các kinh tụng, các lễ nghi, lễ nghi, v.v...”

Là một đại nguyên căn xuống thế để khai Đạo theo tân pháp, Ngài Minh Thiện đã chứng kiến tận mắt cảnh khổ của những tù nhân trong cảnh lao tù chịu bao nhiêu tủi nhục trước tình trạng nước mất nhà tan dưới sự thống trị

của chính quyền thực dân Pháp tàn ác. Được đánh động tâm linh, Ngài đã tự đặt bao nhiêu câu hỏi làm sao giải quyết thực trạng.

Trực tiếp chứng kiến và tham dự những đàn thỉnh Tiên dùng huyền cơ linh thiêng và huyền diệu, Ngài cùng các vị đạo tâm tiên khai khác đã được Ôn Trên phù trợ hướng dẫn khai mở Minh Lý Đạo trong vận hội Phổ Độ Kỳ Ba.

Ông Tường Diệu, trong một bài viết về tiểu sử của Ngài Minh Thiện (năm 2004), có thuật lại như sau:

“Chủ đích của Ngài là tu theo Tiên gia vì ảnh hưởng của cụ thân sinh của Ngài, tu theo phái Minh Sư. Phái này không phổ biến như Phật Giáo, nên sự tâm đạo của Ngài cũng gay go, gian khổ. Ngài cùng với vài người bạn có đạo tâm, mỗi người một xe đạp, nghe bất cứ nơi nào có cao tăng, minh sư thuyết pháp, hoặc cầu cơ thì cùng nhau đến nơi để cầu học.

Thời cơ đưa đến, thời kỳ tân giáo hoằng khai, Tam Kỳ Phổ Độ hoạt động thì người hợp tác với quý vị Ngài đại căn khai đạo:

Minh Chánh, Minh Giáo, Minh Truyền, Minh Trục, Minh Đàm, hết lòng thành tín, vượt qua khó khăn thọ pháp huyền cơ và thần cơ.

Ông Âu Minh Chánh giữ phần thủ cơ, giao cảm với Phật Trời, nên từ đây Ôn Trên dạy đạo, tạo lập cơ sở vật chất: chùa Tam Tông Miếu. Đến năm 1924 đưa Đạo Minh Lý ra chào đời.

Ông Minh Chánh và ông Minh Thiện quyết tâm nắm tay nhau giữ mối đạo bị đảo điên trong thời kỳ mạt pháp.”

Trong bài giảng *Khai Học Thiên Thắt* (năm 1954) tại thánh sở Minh Lý, Ngài Minh Thiện nhắc lại giai đoạn đầu tiên cơ duyên đến với Ngài qua các lời thánh giáo đã tiên tri ít nhiều về phận sự của Ngài như sau:

“Ban sơ tôi chưa có chí hướng tu hành, chỉ mong nghiên cứu chút ít đạo đức, để phân biệt lành dữ, trái phải mà cư xử với đời cho nhằm lẽ đó thôi.

Không dè có một khi hầu đàn, Ngài Đông Phương Lão Tổ kêu tôi mà dạy rằng:

*Thiên đạo tùng tâm, chánh đạo tâm,
Chơn nhơn trợ nhữ lạc duyên tâm.
Phước chí anh linh thường ám hộ,
Minh minh vận chuyển tại u tâm.
Ư tâm tích đức hạnh,
Vạn sự đắc phương hanh.
Tâm sư nan học đạo,
Cửu nhựt dĩ công thành.⁽²⁴⁾*

(...)

Một khi khác Đức Đạo Tổ lại dạy:

*Đơn kinh huyền bí, Đạo mang mang,
Kiên chí trì tâm, tư ẩn tàng.
Huồn bộ đãi thời, hành vật cấp,
Bán đồ nhi phế, sự vô đoan.⁽²⁵⁾*

(...)

Kể đó, có Ngài Đông Phương Lão Tổ giảng tiếp mà nói rằng: *“Đồ đệ đặng Đạo Tổ cho một bài thơ quý bất khả ngôn. Nay đừng hỏi nhiều, để sau sẽ rõ.”*

⁽²⁴⁾ *Tạm dịch:* Đạo Trời nương theo lòng, hãy tìm chánh đạo, / Chơn nhơn giúp người vui giữ cái duyên này. / Phước đến, các đấng anh linh thường âm thầm phò hộ, / Mệt mõi vận chuyển ở trong lòng. / Hãy tích đức ở tâm, / Muôn việc được suôn sẻ. / Tìm thầy, học đạo thì khó, / Lâu ngày thì mới thành công.

⁽²⁵⁾ *Tạm dịch:* Sách luyện đơn huyền bí, Đạo mênh mông, / Bền lòng gắng chí, đạo ẩn ở trong lòng. / Bước chậm, đợi thời, đi chớ vội, / Kéo nửa đường đứt gánh, việc chẳng có đầu đuôi.

Tôi cầu Ngài chỉ cho tôi biết hay ở chỗ nào, thì Ngài lặp lại câu nói trên mà đổi ngược lại như vậy: “Để sau sẽ rõ, nay đừng hỏi nhiều.”

Chừng mở Đạo Minh Lý rồi, có Ngài Lữ Thuần Dương tiến dẫn tôi vào Đạo.

Ngày 20-6-1925, Đức Khổng Tử truyền lệnh rằng: “Trong việc đạo, Chánh là đầu, Thiện là đuôi ... Đạo khai cũng nơi tay Thiện đó. Hễ việc giảng đạo thì Thiện trọn quyền.”

Đức Tây Phương Giáo Chủ giảng đàn ngày 14-10-1925 bảo: “Người phải ráng mà giảng cho chư đạo hữu người rõ thông lý Đạo thêm. Nếu rõ thì hết mê, hết mê thì sót sáng. Nếu có sót sáng, thì ít ai dám lầm lỗi. Người phải ráng năng chỉ vẽ và cắt nghĩa là công người đó. Chẳng cần nói việc cao xa, mở lần lần bề ngoài.”

Ngày 5-12-1925, sau khi cho bài Thứ Giai Nhị Bộ, Đức Tây Ba Đế Quân lại hỏi: “Đó là Nhị Bộ, ai dám lãnh?”

Tôi bước ra quỳ bạch chịu lãnh.

Ngài dạy tiếp như vậy:

“Người lãnh thì ráng mà dìu dắt chúng đạo hữu, bởi vì phần điểm đạo về người. Vậy người chẳng nên phân chia nhiều nhánh, phải ráng mà gom về một, sau sẽ có Thần Tiên chỉ giúp.

Điểm Đạo chẳng phải làm như đăng thiên đầu, mà phải chịu đốt ba liêu hương. Ấy là trước phải điểm Tánh, rồi kể Mạng, rồi Đạo. Điểm Tánh ở trên điểm xuống, Mạng ở dưới điểm lên, còn Đạo nơi giữa.”

Đến ngày 10-4-1930, có Ngài Thái Ất Thiên Tôn giảng đàn ấn khả, nghĩa là nhìn nhận cái đạo của tôi, bằng tiếng Pháp như sau này:

“THIỆN, le Đạo que vous pratiquez est le Đạo de tous

les temps. Son but est de perfectionner l'être humain et de le rendre heureux, non en lui procurant les satisfactions brutales et avilissantes, mais en lui faisant connaître la place exacte dans l'espace.

Si vous avez un désir sincère à trouver la vérité dans vos études, livrez-vous d'un cœur assuré à vos travaux. C'est là que vous trouverez la lumière. Rien ne s'acquiert sans travail.

Vous qui souffrez, blessé aux épines de la route, suivez les conseils qui sont donnés dans les diverses séances et je vous aiderai à trouver ce qui vous a manqué.”

(Nghĩa Nôm:

THIỆN, cái Đạo của người hành là cái Đạo từ xưa đến nay. Mục đích của nó là mở mang nơn loại và làm cho người đặng hạnh phúc, chớ không phải làm cho họ vui sướng xác thịt và nơn nhóp, mà chánh là chỉ cho họ biết cái chỗ của họ chiếm trong không gian.

Nếu người thiết lòng muốn tìm chơn lý trong sự nghiên cứu tìm tòi, thì phải yên tâm mà lo công việc của người. Người sẽ gặp yêng [ánh] sáng nơi đây. Không có cái chi thâm thái được mà không có công phu.

Người chịu đau khổ vì bị gai góc đâm dọc theo con đường đi, hãy nghe lời Ta dạy trong các đàn thì ta sẽ giúp người tìm được các chỗ người còn thiếu sót.)

Trên đó là tôi nhắc lại một ít đoạn thánh ngôn của Thần Tiên đã dạy bảo tôi khiến tôi rất cảm động mà không dám khước từ phận sự. Đây là lược kể đại khái.”

4. Thọ Pháp

Đức Phù Hộ Đế Quân gọi Ngài nhập môn ngày 01-05-1925 (09-04 Ất Sửu). Thánh danh của Ngài là **Minh Thiện**. Tịch đạo chữ Minh gồm những vị khai sáng Minh Lý Đạo, căn cứ theo hai đôi liên do Đức Thái Thượng Lão Quân ban cho:

1. MINH chánh giáo, Đạo truyền thiện hạnh,
LÝ trực đàm, đức hóa cường ngôn.
2. MINH khai tường Đại Đạo,
LÝ hiểu đạt thâm uyên.⁽²⁶⁾

Đôi liên đầu Ôn Trên dành riêng để ban cho thánh danh của mười hai vị khai sáng với chữ MINH, gồm quý ông: Minh Chánh, Minh Giáo, Minh Đạo, Minh Truyền, Minh Thiện, Minh Hạnh, Minh Trực, Minh Đàm, Minh Đức, Minh Hóa, Minh Cường, Minh Ngôn.

Đôi liên thứ hai liệt kê tuần tự tịch đạo các đời nối tiếp nhau, khởi đầu là tịch Minh, tiếp đến là các tịch Khai, Tường, Đại cho đến chót là Uyên. Hiện nay, đang tới đời thứ tư với tịch Đại.

Lần lượt Ngài Minh Thiện được Ôn Trên ân ban cho các cấp tu như sau:

1. Thọ Thiên phong phẩm **Thanh Tịnh Sư** ngày 04-4-1930.

⁽²⁶⁾ Đức Thái Thượng Lão Quân, 16-11-1930.

Theo lệnh Ôn Trên, Ngài xin nghỉ hưu, về lãnh nhiệm vụ *Chủ Trì* từ ngày 01-9-1938 cho đến ngày 21-5-1952 thì mãn nhiệm kỳ mười hai năm; tái đắc cử Chủ Trì đến năm 1965.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban cho Ngài Minh Thiện một bài thơ ngày 20-5-1953:

*MINH tâm kiến tánh lão thông,
THIỆN duyên ngày ấy, giữ lòng thủy chung.
Nhìn xem trần thế nạn hung,
Phật Trời cứu độ, khá từng dạy khuyên.
Cứu đời, độ thế mãi liên,
Anh em giùm giúp, Hoàng Thiên chứng lòng.
Ngày sau cửa Phật thông dong,
Ngày nay góp sức mới xong Đạo Trời.
Việc làm phải lúc, hợp thời,
Giữ gìn chung thủy chớ lời hoang mang.
Thương trần, lệ nhỏ đôi hàng,
Các con góp sức, vinh quang thường bồi.
Cang thường sửa việc suy đồi,
Nho Giáo tổng quát, nguyên khôi anh tài.
Ngày sau chấn chỉnh đổi thay,
Thuần phong mỹ tục, thiên tai đâu còn.
Giúp giùm cửa Khổng sắt son,
Diêu Trì chờ đợi, môi mồn xót thương.
Dân chúng tai nạn lương đưng,
Hòa quang cứu giúp, thiện lương tu trì.*

2. Ngài Minh Thiện nhập tự năm 1955.

3. Ngài được Đức Thượng Đế ban phong phẩm **Khiết Tịnh Sư** ngày 21-8-1965. Cũng trong thánh ngôn ngày 21-8-1965, Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

“... hào Cửu Tử [quẻ Trạch Lôi Tùy], một vị đủ quyền đủ pháp, đóng công góp tuệ, xây dựng cả vật chất lẫn tinh thần, thì ở đây chư đạo tâm phải nhận sự nghiệp Minh Lý có nên ở Minh Chánh, và Minh Thiện. Nên hôm nay Thượng Đế đặc ân vào vị này. Vị này là Khiết Tịnh.”⁽²⁷⁾

Đức Hồn Chung Ly ban ơn cho Ngài Minh Thiện:

MINH THIÊN thọ ân phong *KHIẾT TỊNH*,
Lo lái lèo, chấn chỉnh dưới trên,
Đồng lòng lớn nhỏ tiến lên,
Để cho chánh pháp móng nền được sâu.⁽²⁸⁾

4. Ngài được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban phong phẩm **Vĩnh Tịnh Sư** ngày 02-10-1965:

MINH THIÊN được ủy trao quyền pháp,
Gắng lòng lo bồi đắp đạo lành,
Sớm chiều dẫn bước nhơn sanh,
Lái lèo cơ Đạo thông hanh xa gần.
Đuốc Minh Lý ân cần dẫn lối,
Đạo Tam Tông một hội cứu đời,
Từ đây giữ trọn ơn Trời,
Gia phong *VĨNH TỊNH* độ đời tinh mê.

5. Ngài được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban phong phẩm **Siêu Tịnh Sư** ngày 06-8-1967.

Ngài được Ôn Trên ban chức vụ **Định Pháp Tổng Lý** năm 1966.

⁽²⁷⁾ Thánh ngôn, 25-7 Ất Ty (21-8-1965). Trong sổ của đạo Minh Lý ghi chép về Ngài Minh Thiện như sau: “*Khiết Tịnh Sư* (thánh ngôn Đức Thượng Đế phong).”

⁽²⁸⁾ Thánh ngôn, 17-7 Ất Ty (13-8-1965).

Sau khi quy tiên Ngài Minh Thiện được ân phong quả vị **Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ** ngày 10-01-1973.

Trong đàn cơ ngày 10-7 Ất Hợi, Ngài cho biết quả vị là **Bác Nhã Thiên Sư Nguyên Quân Bồ Tát**.

Sau khi quy tiên và đắc quả vị Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát, Ngài giáng đàn kể lại:

“*Chính Bản Huynh* đã vượt thời gian mấy mươi năm thử thách, từ công sở quan trường cho đến lúc nhập tự xuất gia. *Bản Huynh* nào có ý định tu để thành Phật Thánh Tiên hay Bác Nhã Thiên Sư như bây giờ đâu.

Thật sự, *Bản Huynh* chỉ mong tự giác, là để xa lánh vật chất phù hoa đang quyến rũ con người vào tội lỗi, đọa đày, mà trước mắt *Bản Huynh* hằng ngó thấy.

Tự giác là mong gìn tròn nhân bản của một con người; trên chẳng hổ cùng Trời, dưới không thẹn với nước non dân tộc. Ý chí tự giác độc diễn trong tâm hồn thời quan lại, hoàn cảnh bên ngoài càng giục thúc, rồi *Bản Huynh* tự hỏi người hay ta?

Hằng đêm giờ trang Phật sử để nghĩ suy, Thái Tử Sĩ Đạt Ta chỉ ngạc nhiên trước vấn đề sanh lão bệnh tử của con người mà thắc mắc đến độ lia bỏ cung vàng điện ngọc, xa vợ đẹp con xinh để đi tìm lý vô sanh bất diệt.

Một công cuộc hành trình cương quyết trên đường giải thoát quả khó khăn. Phải làm thế nào đạt được Thiên lý, nắm Thiên cơ để thoát vòng Thiên luật, mới tránh khỏi luân hồi sanh tử. Thế mà Thái Tử Sĩ Đạt Ta đã thành công trong lịch sử Thế Tôn Phật Tổ.

Đạo lý huyền nhiệm đường ấy, nếu chưa phải là hàng đại giác ngộ, thì khó mà tìm hiểu bản thể của Như Lai.

Còn hiện trạng trước mắt Bản Huynh thời đó, hằng ngày những cánh tù tội xiềng xích. Họ muốn sanh cũng chẳng được sanh, muốn tử cũng không được tử. Bệnh, lão bám sát thân sanh trong vòng lao lý.

Họ là ai? Họ là gì?

Dầu oan hay ung, dầu đáng tội hay không đáng tội, dầu họ là kẻ bạo tàn sát nhân, hay họ là anh hùng sĩ khí trong cơn nhà tan nước mất, tất cả họ đều là nguyên nhân của tứ khổ. Nguyên nhân được ghi trong những quyển sổ bìa đen của tay hữu trách. Trước họ đã có và sau họ cũng sẽ có. Ai sẽ đưa họ ra ngoài vòng tứ khổ? Ai sẽ giải quyết hiện tại để cứu cánh tương lai?

Giác ngộ đã giúp Bản Huynh lên đường giải thoát. Bản Huynh nhắc lại đây để chư hiền đệ, hiền muội nếu quyết tâm tu chứng, thì đừng mơ viễn ảnh Tây phương cực lạc, mà hãy nhắm vào sự cứu cánh chân thật và lòng chí thành giải quyết những gì hiện tại đúng theo lòng Trời, đúng đạo lý để được bằng lòng ở tương lai. Các bậc giáo chủ cũng thành công do lẽ đó.”⁽²⁹⁾

⁽²⁹⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 02-3-1974.

5. Đạo Nghiệp

Ông Tường Diệu thuật lại:

“Về sau nội bộ có sự khảo đảo, rồi đến năm 1934 ông Minh Đàm xin đổi về xứ ở Châu Đốc.

Ngài Minh Thiện đứng ra lãnh phận sự Chủ Trì từ ngày 06-6-1938, vì ông Minh Chánh bệnh hoạn nên không thể tiếp tục chức vị này được nữa và đến năm 1941 thì ông Minh Chánh quy tiên.

Từ năm 1941 đường thông công đứt lỏi, hàng ngũ đã lỏng lẻo, nay lại rã rời thêm. Con thuyền Minh Lý trong cơn bão tố, Ngài Minh Thiện bơ vơ lèo lái một mình nên phải yêu cầu ông Minh Đàm xin đổi về Sài Gòn để chung tay chống đỡ cho Minh Lý qua cơn sóng gió, bão táp.

Con đường sứ mạng lúc bấy giờ rất gay go, trải qua mấy mươi năm, biết bao thử thách, khó khăn. Có người muốn phá Đạo, có kẻ lăm le dùng thế lực chính quyền Pháp chiếm đoạt ngôi chùa. Đạo vẫn được duy trì, chùa vẫn được giữ vẹn. Cho hay: Hữu chí cánh thành.

Từ ngày có ông Minh Đàm bên cạnh, Ngài Minh Thiện bớt lẻ loi, vững lòng cùng với Minh Lý môn sanh tiến bước giữ ngôi chùa Tam Tông Miếu.

Từ khi đứt đường thông công, Ngài Minh Thiện cùng ông Minh Đàm các tận sở năng, lèo lái con thuyền Minh Lý. Đối ngoại thì liên giao với các giáo phái bạn, ngày càng thêm chặt chẽ. Đối nội thì điều chỉnh luật lệ, chương trình học tập, lễ nghi, giáo khoa, soạn các bài giảng, nhưt Ngài đều tận tâm lo liệu.

Ngài Minh Thiện giỏi Pháp văn, thông suốt Hán văn từ đầu. Ngài đã nghiên cứu rít ráo các loại sách Thần Linh Học, Thông Thiên Học.⁽³⁰⁾ Ngài có đặc điểm là một quyển sách dày 500 trang, Ngài thức ba đêm là đọc, hiểu thấu suốt mà vẫn khỏe khoắn như thường. Ngài cũng có cái đặc sắc của ông Minh Chánh: đọc sách, khi gặp chỗ nào khó hiểu, Ngài chỉ xếp sách lại độ 30 giây là hiểu rất rõ, không cần phải tra cứu.

Nhờ thông suốt Hán văn nên Ngài đã đọc qua hầu hết kinh sách Phật Giáo bằng Hán văn. Ngài thường họp với các đại đức, thượng tọa, hòa thượng để nghiên cứu học hỏi rành mạch giáo lý này.

Đăng đăng hai mươi lăm năm ròng rã một dạ kiên trì với tâm từ bi độ dẫn chúng sanh, với ý chí mãnh liệt trung hưng chánh pháp. Thật ứng với câu liên trước chùa:

Thống Tam Giáo dĩ tôn sùng, tân tự trúc thành hưng chánh pháp,

Hiệp vạn nhơn nhi giảng luận, cựu kinh đàm bãi dục linh căn.⁽³¹⁾

統三教以尊崇新寺築成興正法
合萬人而講論舊經談罷毓靈根

Và trong bài Kinh Xưng tụng Công Đức của Ngài do Đức Đại Thánh Trần Hưng Đạo, Vạn Hạnh Thiền Sư, Lê Đại Tiên ban cho môn sanh Minh Lý có đoạn như sau:

*Thông tam tạng, đôn thiên nhưt quán,
Suốt lục kinh, tánh mạng tinh tuyền.*

⁽³⁰⁾ Thần Linh Học (cũng gọi là Thông Linh học): *Spiritisme*; Thông Thiên Học: *Théosophie*.

⁽³¹⁾ Chúng tôi mạo muội tạm dịch ý như sau:

Thống nhất Tam Giáo để tôn kính, chùa mới xây thành hưng chánh pháp, / Hợp vạn người mà giảng luận, kinh xưa bàn phương hàm dưỡng linh căn.

*Phụng thừa Tam Giáo quy nguyên,
Dung hòa tổng hợp chơn truyền về sau.*

Trong bài diễn văn khai mạc nhân lễ lạc thành Bác Nhã Tịnh Đường ngày 27-11 Tân Hợi (13-01-1972).⁽³²⁾ Ngài cho biết Minh Lý đã trải qua ba thời kỳ như sau:

a. Thời kỳ thứ nhất (1924-1940): Tổ chức hữu hình.

b. Thời kỳ thứ nhì (1941-1965): Nghiên cứu kinh sách Tam Giáo.

c. Qua thời kỳ thứ ba (1965-1972): Khai cơ giáo pháp.

Thời kỳ này, đến năm 1965, cơ Đạo chuyển mình, trong đó: “nền đạo MINH LÝ được phục hưng, cửa pháp rộng khai, nguồn ân chảy đến, điển huệ sáng soi, thần cơ tái hiện”.

Giai đoạn ba mở một phương trời tươi đẹp vô cùng rực rỡ, cảnh tượng TAM TÔNG MIẾU tưng bừng sống động. Toàn Đạo gọi ơn giáo pháp, khởi tâm tu đức lập công, phát đại thừa tâm, tu bổ tát hạnh. Hồng ân của Trời Phật rót nhỏ đều đều mỗi tuần, mỗi tháng, suốt qua bao nhiêu năm thấm nhuần nơi lòng đạo. Ai nấy cũng được mở to mắt huệ, soi thấy cội nguồn, tỏ tường diệu lý pháp môn Không, thiền Bác Nhã, tin tưởng vai trò sứ mệnh Quyền Pháp của MINH LÝ sẽ thành công, đại dụng cho sau này, ở chỗ Thiên nhơn hiệp nhưt, tâm vật bình hành, dung hợp mọi tinh ba kết thành một nền tôn giáo cộng đồng.”⁽³³⁾

Trong giai đoạn này, Ngài đã ra công kết tập thánh ngôn, dịch kinh sách Tam Giáo, một số đã xuất bản, một số còn giữ nguyên bản thảo, hoặc được in ronéo để phổ biến nội bộ, để làm tài liệu cho Minh Lý. Đó là các bộ:

⁽³²⁾ Xem Phụ Lục II, bài giảng số 5: Khai Mạc Lễ Lạc Thành Bác Nhã Tịnh Đường.

⁽³³⁾ Đức Bác Nhã Thiền Sư, 20-8 Bình Dân.

Minh Lý Chơn Giải, Dịch Kinh Huyền Nghĩa, Đạo Học Chỉ Nam... Thật là hồng ân của Trời Phật ban trao kho tàng cho Minh Lý.⁽³⁴⁾

Trải qua mấy mươi năm trời, biết bao là thử thách khó khăn, thăng trầm điên đảo, nhưng nhờ Ngài kiên tâm trì chí, vững tay lái lái con thuyền Minh Lý, mới vượt qua phong ba bão tố. Rồi như đà hưng khởi, nền chánh pháp được bắt đầu vươn lên phát triển:

*Thuyền té độ, phong ba xô sát,
Giữ lái lèo, cạy bát một tay.
Gian nan chí cả đâu nài,
Kiến cơ nhi tác, sắt mài thành kim.
Thân hướng đạo, ba chìm bảy nổi,
Chí quyết gầy cơ hội trung hưng.
Tiền phong chiến đấu không ngừng,
Thành công đem lại vui mừng vinh quang.*⁽³⁵⁾

Ngài đem hết sức lực, tâm trí, ngày đêm nghiên cứu, học hỏi các kinh sách như bói toán, bốc dịch, tướng số, thiên văn, địa lý, y học, môn nào cũng nhờ thầy chuyên môn chỉ dẫn tận tường, chớ không chịu đọc sách qua loa.

Do đó lịch Tam Tông Miếu được nghiên cứu tinh vi, nên được khắp nước Việt Nam tin tưởng và ưa chuộng.

Nhờ ý chí tự túc do sức của mình nên nên tài chánh nay được vững bền. Ngài Minh Thiện mới bắt đầu tu bổ nghĩa trang Tam Tông Miếu⁽³⁶⁾ cho được tốt đẹp vẹn toàn, mua thêm đất dành cho thân nhân của môn đạo Minh Lý, mua thêm đất gần đó để mở trường Xuân Phong, trước là giúp

⁽³⁴⁾ Xem *Sơ Khảo Sự Nghiệp Trứ Tác, Biên Dịch Của Ngài Minh Thiện*.

⁽³⁵⁾ *Kinh Xưng tụng Công Đức Đức Bác Nhã Thiên Sư*.

⁽³⁶⁾ Nghĩa trang tọa lạc ở số 445/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11. Đến giữa năm 2006 thì nhà cầm quyền có lệnh giải tỏa.

đỡ con em nhà nghèo vùng đó trả học phí nhẹ. Ngài cũng mua cho chùa 40 thửa ruộng ở Tân Quý Đông.

Ngài ra công nghiên cứu hình thức ngôi chùa sao cho đúng với đạo pháp, thích ứng với kỹ thuật. Năm 1957, Ngài bắt đầu trùng tu ngôi chùa khiêm tốn lúc xưa thành một ngôi chùa nguy nga đồ sộ. Công trình này thành tựu mỹ mãn vào năm 1959 và làm lễ lạc thành vào năm 1961. Hình thức ngôi thánh sở thật là to tát, tương xứng với nội dung đạo pháp. Công đức thật lớn lao vô cùng.

Tất cả những gì ở đây, đều do khối óc của Ngài thiết kế xây dựng, đều do bàn tay Ngài kiến tạo mà nên. Chí đến sự liên giao kết dải đồng tâm với chư thiện tri thức, với các bậc đại đức để mở rộng sự trao đổi, dung hòa giáo lý, liên minh chỉ đạo cho quyền pháp đặng rộng sâu, mọi việc Ngài đều tận tâm lo liệu, cân nhắc không để sơ hở một điều nào. Nhưng nội dung còn quan trọng gấp mấy lần hơn, đó là Ngài âm thầm xây dựng với bao công trình: nào sáng tác, nào dịch sách kinh Tam Giáo gồm công truyền, lẫn cả bí pháp.

Lãnh trách nhiệm Chủ Trì chùa Tam Tông Miếu (Minh Lý Đạo), Ngài hằng lưu tâm đến các môn sanh Minh Lý. Ngài tâm sự trong bài giảng về Khóa Học Thiên Thất:

“Lại tôi tuân lệnh Thượng Đế và Tam Giáo Tổ Sư bắt buộc phải làm Chủ Trì, không đặng phép từ chối. Phàm làm đệ tử mà không vưng lệnh trên dạy thì làm sao ngày sau còn mong thấy các bậc tôn sư.

Đây tôi nói dạy là nói theo lời thông thường. Kỳ thiết vào trường hợp của chúng ta hôm nay, chữ dạy không đúng nghĩa chánh của nó. Tại sao?

Vì đây tôi chỉ đem một phần học hỏi và kinh nghiệm rất nhỏ nhen, không đáng kể. Các đạo hữu sau khi đặng các phần tài liệu ấy, còn phải gia công nghiên cứu thêm mới

có thể đi đến mức cứu cánh.

Thế thì các đạo hữu đến đây chẳng phải để học mà thôi, còn phải cố gắng tìm tòi rộng rãi hơn nữa, để làm một cái gia tài tinh thần cho đạo Minh Lý và cho nước Việt Nam.”

E sợ mọi người không thông hiểu lý do tại sao Ôn Trên lại cho ra đời một tân pháp dù đã có Phật Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo, nên Ngài đã giảng dạy thêm nghĩa lý Minh Lý Đạo, ý nghĩa thánh sở Tam Tông Miếu, nguyên tắc lập Đạo, các nguyên tắc tu thân như thế nào trong bài giảng cho môn sinh Minh Lý ngày 26-11 Quý Mão (10-11-1964).⁽³⁷⁾

⁽³⁷⁾ Xem *Phụ Lục II*, bài giảng số 2: *Sự Tích Khai Đạo Minh Lý*.

6. Bác Nhã Tịnh Đường

Ngài Minh Thiện luôn ôm một mối ưu tư vì giáo sở luyện tu bí pháp chưa được dựng xây. Vào năm 1967, sức khỏe đã mỗi mòn ở tuổi 70, Ngài vẫn dồn tâm lực vào việc xây dựng Bác Nhã Tịnh Đường. Ý của Ngài là dùng Tịnh Đường này làm nơi giúp môn sinh Minh Lý nói riêng, người đạo nói chung, được tu được luyện, ngộ hầu trở nên bậc chơn tu giải thoát mới đủ đảm nhiệm quyền pháp, gánh lấy sự nghiệp nhơn sanh. Tâm chí này thể hiện qua đôi liễn trước chánh môn Bác Nhã Tịnh Đường:

BÁC NHÃ tâm khai, huệ chiếu vô minh hườn bốn giác,

TỊNH ĐƯỜNG khí phục, đơn thành nhứt lịp thoát thai thân.

般若心開慧照無明還本覺

靜堂氣復丹成一粒⁽³⁸⁾脫胎神

Để hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của ngôi Bác Nhã Tịnh Đường, chúng tôi xin in lại trong phần *Phụ Lục*, bài giảng số 5, cũng là diễn văn của Ngài Minh Thiện trong buổi lễ lạc thành ngôi Tịnh Đường vào ngày 27-11 Tân Hợi (13-01-1972).

⁽³⁸⁾ Chữ *LIP* 粒 này còn viết và đọc là *lạp*, có nghĩa là hạt hay viên, hay vật gì nhỏ mà rời từng hạt..

7. Liên Giao Với Cao Đài, Phật Giáo

Từ năm 1935, Ôn Trên đã có lệnh thành lập Tổng Hội Liên Hòa nhằm kết hợp Ngũ Chi Đạo là Cao Đài, Minh Thiện, Minh Tân, Minh Lý, Minh Đường.

Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

“Ngày nay Thiên ý định phải quy về một mối, nghĩa là Ngũ Chi hiệp nhất, Tam Giáo quy nguyên, khiến cho các con đừng một ý lo việc Đại Đạo Liên Hòa... Các con có thấy trong bản đồ cách sắp đặt cho Tổng Hội Liên Hòa chăng?”⁽³⁹⁾

Tuy nhiên sau nhiều phiên họp thảo luận không kết quả, Tổng Hội Liên Hòa thất bại, vì không đồng thuận với danh hiệu Cao Đài và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.⁽⁴⁰⁾

Thất bại này không làm Ngài Minh Thiện nản lòng. Trái lại, Ngài vẫn hoài bão thực hiện cho kỳ được dù có phải trải qua bao nhiêu năm tháng.

⁽³⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội 29-11-1935.

⁽⁴⁰⁾ Trong *Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển II: Truyền Đạo* (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ấn hành, 2008, tr. 581, 583), tác giả cho biết: Hội Long Vân đệ Nhứt kỳ ngày 01-11 Ất Hợi (1935) tại Trước Lý Minh Đài chưa đạt kết quả tốt vì hai nhóm “Liên Đoàn” và “Liên Hòa” còn tranh luận về tên của tổ chức, lấy chữ Cao Đài hay chữ Đại Đạo. Trong đàn cơ đêm 11-11 Ất Hợi tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Thái Thượng Đạo Tổ ban cho danh hiệu “Đại Đạo Liên Hòa”. Ngài định: (a) Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Liên Đoàn là cơ quan riêng của Đạo Tam Kỳ, để quy sanh chúng và chi phái bên ấy; (b) Đại Đạo Liên Hòa thì để riêng cho Ngũ Chi.

Do đó, ngoài việc hết lòng lo tổ chức nội bộ cho đúng với lời dạy của Ôn Trên, tận tụy truyền dạy môn sanh về giáo lý, Dịch học, giảng giải thánh ngôn do Tiên Phật, Thánh Thần giảng đàn ban cho, Ngài Minh Thiện còn mở rộng liên giao với đạo Cao Đài, Phật Giáo, Hội Dịch Học, Thông Thiên Học.

Trong bài giảng ngày 07-11-1956 nhân lần thứ ba mươi một kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai, Ngài nêu lên những nguyên tắc chủ yếu về Thiên Đạo và kêu gọi sự liên giao trong tình anh em.

Trong bài giảng đêm 08-12-1967 nhân lần thứ bốn mươi bốn kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai, Ngài nói về hòa đồng và đưa ra các phương pháp thực hiện với nội dung như sau:

“Một việc cần yếu mà Bề Trên nhắc nhở phải sớm lo, là việc liên lạc cùng nhau, ngõ hầu đi đến duy nhất mối Đạo Trời, để cầu nguyện thanh bình, yên lòng bá tánh, ngưng đờ lấy nhau mà trải qua một khúc quanh lịch sử nước nhà. Đứng trước cuộc xáo trộn này, trời đất còn cảm động thâm sâu, hướng chỉ chúng ta là người ở trong đại cuộc mà không đau đớn. Thần Tiên cũng giảng dạy khắp nơi kêu chúng sanh hồi tỉnh, thì chúng ta cũng vưng theo lệnh trên đem lời vàng ngọc đó mà truyền lại cho đồng bào, ngõ hầu kết thúc một cuộc đời rối loạn, để mở mang một cuộc đời đại đồng giữa chúng sanh, đem lại sự thanh bình an lạc cho nhơn loại.

Đó là công việc lớn lao của Trời làm, chẳng phải sức con người mà làm nổi. Nhưng chúng ta cũng cần phải thông cảm việc làm đó, phải có sức cộng tác chung lo mới là mong đi tới đích.

Vậy phải thông hiểu những gì? Phải ra sức cộng tác thế nào? Đây tôi xin thay mặt cho Đạo Minh Lý mà bày giải

sở kiến của chúng tôi, gọi là góp ý kiến đó thôi. Ngoài ra còn có ý kiến các bậc trí thức, còn có Trời Phật trên cao hướng dẫn chúng ta nữa.”

Trong bài giảng này, Ngài giải thích và đưa ra các nguyên tắc về: hòa đồng, quy nguyên, đồng nhứt tối cao, các phương pháp thực hành.

Sau khi việc thành lập Tổng Hội Liên Hòa theo lệnh của Ôn Trên thất bại, lúc nào Ngài Minh Thiện cũng ưu tư đối với thể đạo chính nghiêng, đạo đức suy đồi, tôn giáo chia năm xẻ bảy và mất tính cách chơn truyền. Ngài nhận thấy cần kết hợp với đạo Cao Đài, đạo Phật, nhứt là với Cao Đài vốn có sự liên quan mật thiết với Minh Lý Đạo từ ngày khai Đạo để chung lo cho việc phục hồi chánh pháp. Ngài đã nhiệt tâm cùng với Hội Thánh Truyền Giáo tìm cách liên giao tôn giáo.

Bài *Điều Vãn* của ông Trần Luyện (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) có kể lại quá trình những cuộc liên giao, đại ý như sau:

Năm 1956, Minh Lý Thánh Hội cùng với Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức các buổi tiếp xúc liên giao tôn giáo với các nhà lãnh đạo trong và ngoài nước như Nhựt Bản, Mã Lai, Trung Hoa, v.v...

Năm 1957, hai Thánh Hội cùng thành lập Ủy Ban Liên Giao Tôn Giáo Việt Nam với sự tham dự của cụ Mai Thọ Truyền, Hòa Thượng Minh Trục (Phật Bửu Tự), Hòa Thượng Thành Đạo (chùa Phật Ấn), v.v...

Năm 1967, Ngài Minh Thiện cùng Hội Thánh Truyền Giáo thành lập Hội Đồng Liên Giao Chi Phái Đại Đạo, với thành phần nòng cốt là Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo, Hội Thánh Tiên Thiên, Minh Thiện Đạo và Cơ Quan Phó Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Hội Đồng chủ tâm thực hiện kế hoạch huấn luyện

giáo sĩ, đào tạo nhân tài ngũ hầu quảng truyền chánh giáo, hoạt động văn hóa xã hội và tạo người kế tục sự nghiệp hoằng khai Đại Đạo.

Nhờ những cố gắng ấy mà sau này mới có những sự liên giao chặt chẽ giữa các phái Cao Đài và Minh Lý Thánh Hội (như tổ chức các lớp học chung về Dịch lý, giáo lý và đặc biệt là tu tịnh tại Bắc Nhã Tịnh Đường).

Tất cả những gì có được và tồn tại đến ngày nay đều do khối óc của Ngài Minh Thiện lập kế hoạch, đều do bàn tay Ngài kiến tạo mà nên. Chỉ đến sự liên giao kết dải đồng tâm với các thiện tri thức và đại đức để mở rộng sự trao đổi, dung hòa giáo lý, liên minh chỉ đạo cho quyền pháp đặng rộng sâu, mọi việc Ngài đều tận tâm lo liệu, cân nhắc, không sơ hở một điều nào. Nhưng còn quan trọng gấp mấy lần hơn thế, đó là Ngài âm thầm xây dựng với bao công trình: sáng tác, dịch sách kinh Tam Giáo (công truyền và bí pháp).⁽⁴¹⁾

⁽⁴¹⁾ Xem thêm *Phụ Lục I*, bài 4: Điều vãn của phái đoàn Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, do ông Trần Luyện đọc ngày 27-12-1972.

8. TÍN TÂM MINH

Một Bản Dịch Sáng Tạo Và Tài Hoa Của Ngài Minh Thiện

Bài TÍN TÂM MINH 信心銘 là tác phẩm lừng danh của Thiền Tông Tam Tổ TĂNG XÁN 禪宗三祖僧璨. Chưa rõ năm sinh, nhưng biết rằng Ngài viên tịch năm 606 trong đời nhà Tùy (581-619). Bài này gồm 73 câu, mỗi câu 2 vế, mỗi vế 4 chữ, tổng cộng gồm 584 chữ.

Minh 銘 (inscription) tức là bài văn đề ghi nhớ, đề khuyên răn, ngày xưa thường được khắc chạm vào bia đá hay gương đồng, v.v...

Ngài Minh Thiện là một dịch giả rất tài hoa. Ngài đã rút gọn nguyên bản của Tổ Tăng Xán còn 10 câu, mỗi câu 8 chữ, tổng cộng 80 chữ.

Khi rút gọn, Ngài giữ lại từ câu 1 đến câu 6, sau đó chuyển sang câu 34-35, nhảy sang câu 57, rồi quày ngược về câu 40 để kết thúc.

Rồi Ngài dịch thành 20 câu thơ, mỗi câu 7 chữ, tổng cộng 140 chữ. Có thể nói, không chỉ tài hoa mà đây còn là bản dịch có tính sáng tạo.

Bản dịch của Ngài được các môn sinh đọc trước khi ngồi tịnh (thiền), và trở thành một nghi thức của các tịnh viên Minh Lý Thánh Hội.

Sau đây là bản chữ Hán và phiên âm. Bản chữ Hán này căn cứ theo văn bản kinh điển nhà Phật được phát hiện tại Đôn Hoàng.⁽⁴²⁾

1. 至道無難, 唯嫌揀擇.
Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch.
2. 但莫憎愛, 洞然明白.
Đản mạc tăng ái, đồng nhiên minh bạch.
3. 毫釐有差, 天地懸隔.
Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách.
4. 欲得現前, 莫存順逆.
Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch.
5. 違順相爭, 是爲心病.
Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh.
6. 不識玄旨, 徒勞念靜.
Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh.
34. 放之自然, 體無去住.
Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ.
35. 任性合道, 逍遙絕惱.
Nhiệm tánh hiệp Đạo, tiêu diêu tuyệt nảo.

⁽⁴²⁾ Đôn Hoàng thị 敦煌市, là một thị xã (31.200km²) nằm trong một ốc đảo sa mạc thuộc tỉnh Cam Túc, Trung Quốc. Năm 1900 một đạo sĩ họ Vương quản lý hang động tại Đôn Hoàng tình cờ phát hiện một hang nhỏ 3x3 mét, chứa hơn 50.000 cổ vật cực kỳ quý hiếm có niên đại từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 11, trong đó kinh điển nhà Phật là một tài sản rất phong phú và vô giá. Bản chữ Hán *Tín Tâm Minh* trích dẫn trên đây mượn từ địa chỉ

<http://www.mahabodhisunyata.com/home/.../3-sengcan/faith-mind-inscription>

57. 一切不留, 無可記憶.

Nhứt thiết bất lưu, vô khả ký ức.

40. 智者無爲, 愚人自縛.

Trí giả vô vi, ngu nhân⁽⁴³⁾ tự phược.

Bản dịch của Ngài Minh Thiện:

*Chỉ đạo chẳng có chi rằng khó,
Hiềm vì người cau có so đo.
Chỉ không nên thương ghét rị mò,
Lòng thiết trọng xét dò tỏ sáng.
Vương một mảy làm sai chẳng hạn,
Chia đất trời cách hẳn đôi bên.
Muốn đạo cao trác lập hiện tiền,
Chớ thuận nghịch mà thiên đây đó.
Bằng trái phải đua tranh chẳng bỏ,
Ấy bình tâm nê có hãy còn.
Nếu chẳng rành huyền chỉ chí ngôn,
Dầu niệm tịnh cũng khôn mảy ích.
Buông thong thả, xả đưng ràng rịt,
Thế vốn không xô dịch lại qua.
Nói tánh thường hiệp Đạo mới là,
Hết phiền não, vào ra tự tại.
Chớ cầm giữ cái chi ở lại,
Cho tâm còn một mảy nhớ nhưng.
Người khôn ngoan vô tác thi công,
Kẻ ngu dốt đành lòng tự trói.*

⁽⁴³⁾ Bản của Ngài Minh Thiện là *Ngu giả 愚者*. Hầu hết các bản chữ Hán hiện nay đều viết *Ngu nhân 愚人*, giống bản *Đôn Hoàng*.

9. Sơ Khảo Sự Nghiệp Trứ Tác, Biên Dịch Của Ngài Minh Thiện

“*Khi sanh tiền Bàn Tăng quý nhưt là kho tàng kinh điển của chùa. Các Thiên ân cố gắng giữ lại cho người sau và cho mình khi thì giờ rảnh rỗi. Tất cả rồi đây sẽ có một cuộc cải cách sâu rộng. Nhưng Thượng Đế cũng đương xúc tiến một cuộc cải cách lớn lao cho hơn loại. Trời muốn cải cách xây dựng một xã hội đặc biệt thì Trời cũng nhân đó mà làm một cuộc toàn diện lớn lao hơn để cho loài người trọn hưởng hồng ân của Trời trong kỳ hạ nguơn tái tạo này. Nói thế để các Thiên ân suy gẫm mà yên lòng.*”

Đức **Bác Nhã Thiển Sư**
Minh Lý Thánh Hội, 05-6-1974

I. KẾT TẬP THÁNH NGÔN

1. **Minh Lý Chơn Giải** (ronéo, 1967)
2. **Đạo Học Chỉ Nam** (ronéo, 1971)
3. **Dịch Kinh Huyền Nghĩa** (dang dở, ronéo)

II. TRỨ TÁC

1. **Tứ Đại Điều Qui** (1933; Nhà in Nguyễn Đức, 1950)
2. **Cảm Ứng Luận** (Imprimerie de l'Union, 1937)
3. **Nhị Thập Tứ Điều** (Chú giải theo lệnh Đức Đạo Tổ, 1945; Nhà in Nguyễn Đức, 1947)
4. **Minh Lý Yếu Giải** (Nhà in Nguyễn Đức, 1947)

5. **Tam Qui Ngũ Giới Giảng Nghĩa** (*Nhà in Nguyễn Đức, 1950*)
6. **Hán Học 214 Bộ Chữ Cái** (*Nhà in Nguyễn Đức, 1954*)
7. **Hiếu Kinh Và Phụ Mẫu Thập Ân** (*Nhà in Nguyễn Đức, 1955*)
8. **Phật Giáo Yếu Lý** (*ronéo, 1955*)
9. **Tiêu Ngữ Của Đạo Minh Lý** (*ronéo, 1957*)
10. **Phật Giáo Tâm Lý Học** (*Nhà in Nguyễn Đức, 1960*)
11. **Lễ Nghi Giáo Khoa** (*ronéo, 1963*)
12. **Tài Liệu Học Huyền Công Dành Cho Lớp: Dự Bị, Sơ Cơ, Trúc Cơ** (*ronéo, 1966*)
13. **La Religion Minh Lý** (*năm?*)
14. **Minh Lý Học Thuyết** (*dự định 9 quyển, mới viết được 7 quyển*)
15. **Phật Học Dị Giải** (*viết tay*)

III. BIÊN DỊCH

1. **Báo Ân Chơn Kinh**. Phù Hựu Đế Quân chú giải. Dịch chung với Nguyễn Văn Kinh (*Nhà in Nguyễn Đức, 1943*)
2. **Tĩnh Thế Ngộ Chơn Và Thiết Yếu Ngữ Lục**. – Chưa biết tác giả (*Ấn quán Nam Trung Bắc, 1943*)
3. **Thái Thượng Độ Nhơn Kinh**. Phù Hựu Đế Quân giảng bút (*ronéo, 1949*)
4. **Dương Chơn Tập**. Bạch Tân Lão Nhơn Vương Sĩ Đoan (*Nhà in Thanh Cảnh, 1957*)
5. **Chỉ Quán Tọa Thiền**. Trí Khải Đại Sư (*Nhà in Nguyễn Đức, 1962*)
6. **Thiền Pháp Yếu Giải**. Bản dịch chữ Hán của Curu Ma La Thập (*Nhà in Nguyễn Đức, 1962*)
7. **Châu Dịch Xiển Chơn**. Tổ Phác Tán Nhơn Ngộ Nguơn Tử

- Lưu Nhứt Minh (*Nhà in Trường Sơn, 1963*)⁽⁴⁴⁾
8. **Dịch Cân Kinh và Bát Đoạn Cẩm** (*ronéo, 1963*)
 9. **Thanh Tịnh Kinh Giảng Nghĩa**. Thái Thượng Lão Quân (*ronéo, 1963*)
 10. **Trung Dung Giảng Nghĩa**. Tử Tư (*ronéo, 1963*)
 11. **Hoàng Cực Luận Và Trung Dung Giải**. Minh Giáo Đại Sư (*ronéo, 1965*)
 12. **Kinh A Di Đà Diễn Nghĩa** (*Nhà in Nguyễn Đức, 1965*)
 13. **Nhị Lãn Tâm Thoại** (*ronéo, 1966*)
 14. **Tây Du Kí Bí Giải** (*ronéo, 1966*)
 15. **Tiên Thiên Chánh Lý** (*ronéo, 1966*)
 16. **Huỳnh Đình Kinh Giảng Nghĩa** (*ronéo, 1968*)
 17. **Khổng Dịch Xiển Chơn (Đại Tượng Truyện, Thượng & Hạ kinh)**. Tổ Phác Tán Nhơn Ngộ Nguơn Tử Lưu Nhứt Minh chú giải (*ronéo, 1968*)
 18. **Duy Thức Tam Thập Tụng**. Thế Thân Bồ Tát (*ronéo, 196?*)
 19. **Đạo Đức Kinh**. Huỳnh Nguơn Kiệt chú thích theo Tiên Đạo (*ronéo, 1970*)
 20. **Ngũ Đình Tâm** (*ronéo, năm?*)
 21. **Tăng San Bốc Dịch** (*ronéo, năm?*)
 22. **Tôn Bất Nhị Nữ Đơn Kinh** (*ronéo, năm?*)
 23. **Tượng Ngôn Phá Nghi**. Ngộ Nguơn Lão Nhân (*ronéo, năm?*)
 24. **Viên Giác Liễu Nghĩa**. Đế Nhân Pháp Sư giải nghĩa (*ronéo, năm?*)

⁽⁴⁴⁾ Lưu Nhứt Minh (1734-1821), người huyện Khúc Ốc, phủ Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, là một nhà nội đơn đời Thanh (Trung Quốc). Ông hiệu là Ngộ Nguơn Tử, biệt hiệu là Tổ Phác Tán Nhơn.

25. **Phật Giáo Luân Lý Học** (viết tay)
 26. **Tiên Phật Hiệp Tông**. Xung Hư Từ (viết tay)
 27. **Tham Đồng Khế Trục Chỉ**, Ngô Nguon Từ Lưu Nhứt Minh (viết tay)

IV. BÀI GIẢNG

1. **Luận Về Việc Ăn Chay** (ronéo, 15-10 Bính Tý, 28-11-1936)
2. **Tịnh Nghiệp Văn Giảng Nghĩa** (ronéo, 15-01 Canh Dần, 03-3-1950)
3. **Tứ Đại Điều Qui Giảng Nghĩa, Thế Văn Văn** (ronéo, 1950)
4. **Tánh Tập Quán** (ronéo, 15-11 Canh Dần, 23-12-1950)
5. **Giảng Bác Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh** (ronéo, 15-10 Tân Mão, 13-11-1951)
6. **Khai Học Thiền Thất** (ronéo, 1954)
7. **Các Tiên Triệu Của Minh Lý Đạo** (15-10 Giáp Ngọ, 10-11-1954)
8. **Giảng Nghĩa Hình Thức Và Lý Do Của Lễ Cầu Siêu** (đánh máy, 15-01 Ất Mùi, 07-02-1955)
9. **Tứ Diệu Đế** (ronéo, 11-5 Ất Mùi, 30-6-1955)
10. **Hiếu Kinh** (22-5 Bính Thân, 30-6-1955)
11. **Giảng Nghĩa Về Vấn Đề Thái Cực** (đánh máy, 15-7 Ất Mùi, 01-9-1955)
12. **Tìm Biết Về Điều Trì Kim Mẫu** (đánh máy, Thánh Đản Đức Điều Trì Kim Mẫu 17-7 Ất Mùi, 03-8-1955)
13. **Nhơn Đạo, Thiên Đạo** (ronéo, 25-11 Ất Mùi, 07-01-1956)
14. **Nghĩa Của Tông Giáo - Triết Học - Đạo Đức** (đánh máy, 15-01 Bính Thân, 26-02-1956)
15. **Nói Về Vấn Đề Bình Đẳng** (đánh máy, 15-7 Bính Thân,

- 20-8-1956)
16. **Diệu Nghĩa Của Bộ Truyện Tây Du Ký** (ronéo, 15-10 Đinh Dậu, 06-12-1957)
 17. **Nói Về Bát Chánh Đạo** (đánh máy, 15-01 Mậu Tuất, 1958)
 18. **Nói Về Cái Tâm** (ronéo, 15-7 Mậu Tuất, 29-8-1958)
 19. **Bỏ Mối Bất Bồng** (đánh máy, 15-01 Kỷ Hợi, 21-02-1959)
 20. **Sự Tích Từ Đạo Hạnh** (ronéo, 15-10 Canh Tý, 03-12-1960)
 21. **Nghĩa Hai Chữ Tự Do** (đánh máy, 15-01 Tân Sửu, 01-3-1961)
 22. **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh** (đánh máy, 15-10 Nhâm Dần, 11-11-1962)
 23. **Thiên Tiêu Điều Du Của Thầy Trang Tử** (đánh máy, 15-7 Quý Mão, 02-9-1963)
 24. **Nhắc Sơ Sự Tích Ngày Khai Đạo, Các Nguyên Tắc Lập Đạo Và Tu Thân Của Đạo Minh Lý** (lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Quý Mão, 10-01-1964)
 25. **Nhắc Nhở Ít Điều Đại Khái Về Công Việc Khai Đạo Buổi Ban Sơ Và Các Nguyên Tắc Lớn Tu Hành Của Người Đạo Minh Lý** (lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Ất Ty, 18-12-1965)
 26. **Thượng Đế Ba Ngôi** (ronéo, 15-7 Bính Ngọ, 30-8-1966)
 27. **Ngũ Chi Đại Đạo** (lễ khánh thành trùng tu chùa Minh Thiện Đạo tức Thanh An Tự, tháng 11-1966)
 28. **Ngày Khai Đạo Minh Lý Và Lý Do Chọn Ngày Khai Đạo** (đánh máy, lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Bính Ngọ, 06-01-1967)
 29. **Phản Bốn Hườn Nguyên** (14-01 Đinh Mùi, 22-02-1967)

30. **Hòa Đồng – Quy Nguyên – Đồng Nhứt Tối Cao** (đánh máy, lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Đinh Mùi, 14-01-1968)
31. **Bài Giảng Đạo Giáo** (ronéo, 19-9 Kỷ Dậu, 29-10-1969)
32. **Thập Mục Ngưu Đồ** (lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Kỷ Dậu, 04-01-1970)
33. **Bài Giảng Trí Và Thức** (ronéo, 27-8 Canh Tuất, 27-9-1970)
34. **Luật Tiến Hóa** (15-01 Canh Tuất, 20-02-1970)
35. **Giảng Nghĩa Đồi Liễu Để Ở Chánh Môn Của Bác Nhã Tịnh Đường** (22-9 Canh Tuất, 21-10-1970)
36. **Lược Đồ Hỏa Hậu Của Đạo Minh Lý** (lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai, 26-11 Canh Tuất, 24-12-1970)
37. **Tiêu Ngữ Đạo Minh Lý** (ronéo, 15-7 Tân Hợi, 04-9-1971)
38. **Huấn Dụ** (ronéo, 02-7 Nhâm Tý, 10-8-1972)
39. **Giảng Nghĩa “Diêu Trì Kim Mẫu, Vô Cực Từ Tôn”** (ronéo, 17-7 Nhâm Tý, 25-8 1972)
40. **Lễ Trung Ngươn Theo Đạo Giáo, Nho Giáo, Và Phật Giáo** (ronéo, năm?)
41. **Luật Nhân Quả** (ronéo, năm?)
42. **Nghiệp** (ronéo, năm?)
43. **Nhơn - Thiên Thừa** (đánh máy, năm?)
44. **Siêu Hình Học Nho Giáo** (ronéo, năm?)
45. **Tâm Vương, Tâm Sở** (ronéo, năm?)

...

(Các bài giảng của Ngài Minh Thiện có thể còn chưa được sưu tập đầy đủ.)

10. Công Đức

Ngài Minh Thiện quy tiên ngày 21-12-1972, sau đó đắc quả vị **Bác Nhã Thiển Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát**. Sau khi Ngài quy tiên, toàn thể môn sanh cảm nhận có một khoảng trống mênh mông vì thiếu vắng một vị lãnh đạo tài đức vẹn toàn. Bảy giờ chưa có vị chức sắc nào có đủ khả năng tài đức kế vị, nên Ông Trên đã trấn an toàn Đạo.

Ngày 02-01-1973, Đức Hưng Đạo Đại Thánh giảng đàn báo một tin vô cùng khích lệ:

“*Định Pháp Tổng Lý viên tịch là một gánh nặng. Người để lại cho chư hiền mọi người phải đương, mọi người phải hết lòng chia nhau mà lo liệu, cốt là giữa nhau hòa thuận thương yêu, lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, thì dầu khó khăn đến đâu cũng thành công nhanh chóng. Bằng mỗi người mỗi ý thì sự nghiệp lớn đến đâu cũng đổ vỡ trong chốc lát.*

Chư hiền công phu công quả chưa nhiều, đức tài còn kém, nên cần gia công tu luyện ngày ngày mới đủ tư cách bảo trì nền móng Minh Lý. Phải để tâm hạ khí trước mọi thử thách lớn lao, phải ân cần công vụ chiều sớm làm đẹp lòng bạn, lòng Trời, quên mình mà ưu tư giềng mối Đạo, không nên cậy tài trí tâm thường của nhơn sự mà làm hư đổ mối chơn truyền.

Hồi Minh Thiện còn tại tiền, vì đức lớn tài cao, ngồi một chỗ mà thấy được khắp nơi, nói ít thiên hạ nghe nhiều, không la rầy mà ai cũng sợ, chẳng nịnh nọt mà người quyền quý mến yêu, không ban ơn thí vật mà người

người như được cây nhờ nhiều lắm. Vì đức độ, vì uy nghi, vì quên thân cầu đạo mà quần chúng quy tụ một cách nồng nàn. Mỗi lúc mỗi thấy sum sê thêm nhiều cái hay cái đẹp...

Thôi, việc đó chờ ngày mừng bẩy tới đây Minh Thiện về cơ sẽ khai thị chư hiền. Ngày đó chư hiền thiết lễ long trọng mừng Người chứng vị. Tam Giáo phong cho Người thánh vị là *Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ*.⁽⁴⁵⁾

Chỉ trong mười ngày sau, Đức Chí Tôn dạy:

“Hôm nay Thầy đến ban quyền cho Minh Thiện được phục hồi chính vị và cầm mối Thiên cơ đui dắt các con nơi Thánh Hội Minh Lý một thời gian để cùng nhau hoàn thành sứ mạng. Thầy cho phép các con an vị.

Thầy không quên nhắc lại các con có sự hiện diện hôm nay. Mỗi đứa đến thế gian này đều có một sứ mạng mà Thầy đã nấy trao. Dầu các con đang ở thời gian hoàn cảnh nào, cũng cố gắng làm tròn bổn phận để ngày chung quy được hội hiệp cùng Thầy, khỏi bị chư Thần Thánh phiến lòng mà phân nộ.”⁽⁴⁶⁾

Nhân dịp này, Bác Nhã Thiên Sư được lệnh Ôn Trên giáng đàn đoàn tụ và tâm sự cùng nhắc nhở toàn Đạo.

ĐỊNH tâm BÁC NHÃ nhập chơn không,
PHÁP quán THIÊN SƯ diệt cảnh lòng.
MINH lý TAM TÔNG Trung Nhứt Đạo,
THIỆN hành PHÁP CHỦ bố huyề công.

(...) Hôm nay, Bản Tăng được trở lại với chư đạo hữu Minh Lý Thánh Hội để đáp lại lòng mong đợi của nam nữ đạo hữu.

Một khi con người đã thọ lấy xác thân tứ đại này, không một ai qua khỏi công lệ tình sống giữa nhau, dầu

⁽⁴⁵⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-01-1973.

⁽⁴⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, 10-01-1973.

bạc nguyên nhân đến thế hay các bậc đẳng nhơn sanh trải nhiều kiếp đến nay cũng không sao quên được mối dây liên hệ của nghiệp thức tạo thành.

Bản Tăng cũng được nhiều hồng ân sớm gặp Đạo tu hành, nhưng cũng vì xác thân này làm trở ngại không biết bao nhiêu. Ai đã thoát xác rồi mới thấy cái xác phạm ô trược quá nặng nề, phủ kín tâm linh mới gây nên nhiều bất bình trở ngại cho nhau.

THI BÀI

Vào đời như lạc nơi trần thế,
Chón mê đồ không dễ gì ra,
Rào quanh địa vông thiên la,
Bát môn yểm trản, đặng xà hãm vây.
Trường thi mượn nơi đây chấm điểm,
Đúng mức thì được điểm chấm cao,
Đậu xong Thiên quốc mời vào,
Rớt cam nô lệ trần lao khổ trầm.
Đề tài chỉ có TÂM và CẢNH,
Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên,
Để duôi buông thả tâm điên,
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do.
Mảng vui thích đời kho vô tận,
Ám ảnh và hấp dẫn cuốn lôi,
Đắm mê, thiên chức quên rồi,
Vương mang trần tục, luân hồi xuống lên.
Biết bao người cỡi trên đến thế,
Nhiễm mùi trần trí tuệ mờ lu,
Chúng sanh trong cõi trần tù,
Một khi giác ngộ cỡi cù lên mây.
Muôn loài mượn nơi này tu học,

Nhờ lò đời luyện lọc ra thi,
 Vượt trên tất cả những gì,
 Đại hùng, đại lực, đại bi thoát trần.
 Tôi may nhờ hồng ân gặp Đạo,
 Được thân cơ chỉ giáo tu hành,
 Hiệp cùng MINH LÝ môn sanh,
 Chủ trì quyền pháp, tài thành TAM TÔNG.
 Trải bao năm gia công tu học,
 Cũng bao lần cười khóc buồn vui,
 Cực lòng đất nước chia đôi,
 Nhon tâm, thế đạo suy đồi đến nơi.
 Đành trôi mặc dòng đời được mất,
 An thân nơi cửa Phật nhà Tiên,
 Cùng trong MINH LÝ bạn hiền,
 Noi theo tiếng gọi Thiêng Liêng chỉ bày.
 Phần nội bộ rủi may mây độ,
 Phải đương đầu thách đố gay go,
 Cơ đồ gánh nặng ai lo,
 Khách đông thuyền nhỏ, sóng to ngược dòng.
 May những khúc long đong vượt khỏi,
 Thẳng một lèo tận cõi Tiên bang,
 Bụi ngùi nhìn lại trần gian,
 Chạnh bao người chít khăn tang buồn buồn.
 Thôi, dần lòng chớ tuôn lệ ngọc,
 Mến yêu nhau, lo học lo hành,
 Liệu phương hoàng pháp lợi sanh,
 Cùng nhau chinh đốn, hoàn thành mở mang.
 Sứ mạng còn ngổn ngang bề bộn,
 Nội bộ còn thiếu thốn tài hiền,
 Thiếu vai quyền pháp trung kiên,

Lái lèo cơ Đạo trấn yên trong ngoài.
 Khuyên đạo hữu gái trai giới hạnh,
 Thêm sức cho Hội Thánh huy hoàng,
 Thêm người có chí có gan,
 Có tâm giải thoát cơ quan đủ điều.
 Giáo đồ phải tuân theo giới ước,
 Phải y khuôn mực thước giáo điều,
 Không ân hận, không oán kiêu,
 Kính trên nhường dưới, thương yêu mọi người.

Hôm nay cũng một lần đầu được quyền pháp ban cho,
 Ôn Trời chan chứa mà Bàn Tăng được phục hồi nguyên vị.
 Nhưng sứ mạng chưa tròn, nên lệnh Tam Giáo Tổ Sư cho
 trở lại nơi này để cùng chư đạo hữu thông đồng tình cảm
 tâm linh, cùng lo sứ mạng để Giáo Hội Minh Lý được
 thành hình. Sự đời tình nghĩa bao la không biết đến đâu là
 cùng tận, mà việc đạo rất cần, nên tạm gác để lo học, lo
 tu. Mình nên thì thiên hạ được nhờ. Mình được trọn xong
 thì thân quyến, bạn bè cũng đồng chung hạnh phúc.

Bàn Tăng cũng muốn tâm sự giữa nhau để được cảm
 thông, nhưng ít thì giờ mà điện quang cũng không cho
 phép kéo dài.

Đây tóm lại:

Một là, mừng vui cho các Thiên ân đạo hữu may duyên
 gặp Đạo, ngàn năm một thuở, gắng lập công tu học, làm
 tròn sứ mạng để được dự phần ngày hội Long Hoa sắp
 đến không lâu và chư hiền hữu giúp cho Minh Lý Đạo
 được sớm thành hình. Cảm ơn tất cả thân bằng quyến
 thuộc đã vì Bàn Tăng viếng đưa, cộng tác chung lo như
 một gia đình.

Hai, trong cốt nhục bà con quyến thuộc được an vui,
 chờ gặp nhau một đàn khác.

Ba, Minh Lý Thánh Hội chư đạo hữu từ đây cũng nên chọn trong số Thiên ân một người kế tiếp đương hành quyền pháp, để Thánh Hội có người chủ yếu chịu trách nhiệm giữa Thiên, nhơn. Trong đó, tuy ai cũng không nhận mình là đủ khả năng, nhưng tập làm thì có ngày cũng được như Bản Tăng trước kia.

(...) Việc còn nhiều lắm, cũng phải chờ Bản Tăng đàn sau. Có gì cần kíp để giải quyết không?

Việc của Bản Tăng là mục đích xây dựng Bác Nhã Tịnh Đường, cốt để giữa nhau trong Minh Lý ai nấy cũng được tu được luyện, trở nên bậc chơn tu giải thoát, mới đủ đảm nhiệm quyền pháp, gánh lấy sự nghiệp nhơn sanh, thì nơi đó chư Thiên ân nên lưu tâm và đặt mình chăm siêng tu học.

Việc ngoại giao, liên lạc cùng các đạo bạn giữ được mãi thêm chặt chẽ và lợi lạc chung.

Nội bộ cần chỉnh tu, sắp xếp cho hàng ngũ được uy nghi, dưới trên nhưt luật, vì Bản Tăng lúc sanh tiền nặng nhưt về đường khảo cứu, muốn đi sâu vào Đại Đạo, ngộ nhập chơn không, để khi hướng đạo cho đời khỏi đưa người vào tà kiến bàng môn. Nhưng vì sứ mạng mà chưa đường nào xong cả. Và lại, mang lấy xác phàm có nhiều làm lỗi, che mất thánh tâm, nên có đôi điểm cần sửa lại.”⁽⁴⁷⁾

Ngày 16-01-1973, Đức Hưng Đạo Đại Thánh giảng đàn báo tin:

“Từ đây Minh Thiện còn nhiếp quyền Định Pháp Tổng Lý trong thời gian điều hành quyền pháp nội bộ Minh Lý và Pháp Chủ Bác Nhã Tịnh Đường, nhưng hiện nay Minh Thiện phải nhập định một trăm ngày để hoàn kết kim thân. Vì vậy mà chưa cùng các hiền để bàn việc đạo nhưng ngày

⁽⁴⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 10-01-1973.

mồng bảy Tết [Tết Nguyên Tiêu] Minh Thiện được về mừng xuân để gặp chư hiền.”⁽⁴⁸⁾

Và trong đàn cơ ngày 20-02-1973, Đức Hưng Đạo Đại Thánh dạy tiếp cho các Thiên ân:

“Người nào cũng là Minh Thiện Định Pháp Tổng Lý. Người nào cũng là Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ. Ở đây ở đó, trước mặt sau lưng. Ai cũng trông thấy bóng người, cũng nghe tiếng người, được người vỗ về an ủi. Người ngồi ở đây để trì hành pháp vụ, an bài trên dưới, hàng ngũ cơ quan. Người ngồi đây để dung hương cầu nguyện cho bá tánh, môn sanh được Ôn Trời che chở, Người đứng đây để giảng luận kinh, luật, pháp môn, cảnh giác người đời. Người đi đó đi đây để kết mối đồng tâm, gieo mầm đạo hạnh khắp nơi. Người là Minh Thiện thứ hai. Người là người đương hành sứ mạng, không còn biết gì tư riêng cho mình, hay cho gia đình, gia tộc. Ấy là người Thiên ân.”⁽⁴⁹⁾

Đức Đông Phương Lão Tổ giảng đàn khuyên nhủ môn sanh Minh Lý như sau:

“Mỗi người hiện nay nhận thấy ông thầy của mình là Định Pháp Minh Thiện đã qua đời, đã để lại thanh âm vắng vắng bên tai, nhắc nhở hâm nóng cõi lòng, để lại những hình bóng như in tạc vào tường, vào những chỗ đứng, chỗ nằm, chỗ giảng. Vì vậy mà cố gắng khuyên bạn khuyên mình nối chí người xưa, học đời kẻ trước. Thật một gương khiến các đạo đồ có một cơ hội tự lập tự tu. Nhưng ý của Thiêng Liêng quyền pháp thì muốn ai cũng tự tạo cho mình một thân linh chủ tế ngự ở cõi tâm, xây dựng cho thân này thành một ngôi thánh miếu bửu tòa, tổ chức một cơ thể tứ chi trở nên một bộ máy giáo quyền điều khiển

⁽⁴⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-01-1973.

⁽⁴⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 20-02-1973.

nhơn sanh, thay vào điều khiển lấy tâm tư, ngũ quan, tứ thể, cho được nhịp nhàng, cho thành guồng máy vô vi nhưt đồng vũ trụ.”⁽⁵⁰⁾

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Bản Đạo được lệnh Ngọc Hư Cung dẫn truyền cho chư Thiên ân chủ hành pháp vụ ngày Minh Thiện được thọ Thiên ân thừa hành sứ mạng, phối đồng cùng Hội Thánh để bảo trì chánh pháp Minh Lý trong giai đoạn quyền pháp chưa vững chắc, bên ngoài nghịch cảnh còn ngăn ngại cho dòng đạo pháp lưu hành. Ngày 26 đến đây là ngày Minh Thiện xuất thiên để thọ Thiên ân quyền pháp nơi Ngọc Hư Cung, tiếp tục sứ mạng, hiệp cùng chư Thiên ân nam nữ nơi Hội Thánh Minh Lý để hoàn thành giai đoạn hình hiện pháp đạo. Người sẽ gần gũi chư Thiên ân để âm phù mặc hộ và giúp chư hiền đệ để làm tròn bổn phận. Trong sự hiện diện của Người giữa vô vi và hữu vi sẽ có kế hoạch gặp nhau trong những lúc cần mưu đồ đại sự. Thì từ đây Minh Thiện được quy nguyên cùng các bực Tiên Khai Đại Đạo Phối Tế linh đường.”⁽⁵¹⁾

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy Minh Lý môn sanh biết:

“Minh Lý được Bác Nhã Thiên Sư chứng Bồ Tát vị, được Chí Tôn trao ban quyền Trung Bảo... Đã nói Bác Nhã Thiên Sư là Thánh Trung Bảo làm nhịp cầu nối thông giữa Thiên nhơn. Các con được hồng ân là nhờ Người bảo hiểm cho các con và chịu trách nhiệm việc nên hư của Minh Lý cùng Trời. Đành rằng như thế, nhưng giữa các con cùng Bác Nhã Thiên Sư là Trung Bảo để nối thông giữa thể dụng, căn tâm. Song học đạo nên mượn cái dụng mà hiểu, như đem căn thân hòa hợp thì phải nhờ chơn ý chỉ dẫn nối thông. Chơn ý là bác nhã. Thiên là tâm. Tâm

⁽⁵⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 24-3-1973.

⁽⁵¹⁾ Minh Lý Thánh Hội 24-3-1973

diệu tịnh là niết bàn. Ý diệu minh là bác nhã. Bác nhã do trí do tâm diệu tịnh gọi là Chơn Bác Nhã Trí...”⁽⁵²⁾

*

11. Bát Địa Hồng Danh

Từ lúc đắc quả vị đến nay, Đức Bác Nhã Thiên Sư đã nhiều lần giảng đàn dạy đạo và sắp đặt công việc trong Thánh Hội, làm chúng ta tin chắc rằng sau khi thoát khỏi phần nhục thể nặng nề, tinh thần Ngài càng siêu việt sáng suốt, đầy đủ quyền năng nhiệm mầu hơn trước để độ dẫn nhơn sanh.

Vì lòng từ bi, không những thường xuyên giảng cơ dạy đạo cho môn sanh Minh Lý còn đang nương cỡi thể gian tu học mà Đức Bác Nhã Thiên Sư còn lo cứu vớt các vong linh thân nhơn của môn sanh Minh Lý còn lưu lạc khắp trong Tam Giới để tiếp dẫn về Bát Địa Thanh Tịnh tiếp tục tu học trong cõi vô vi.

Có lần, vào mùa xuân Quý Dậu, Đức Bác Nhã Thiên sư tâm sự với môn sanh:

“Ôi! Một kiếp làm người tự đổi hình cảm thú, mà Bản Tăng xin Thượng Đế, Tam Giáo, quần Tiên đem công đức mấy mươi kiếp tu trì nguyện hồi hướng trọn cả cho môn sanh Minh Lý, dầu sống chưa tròn đạo đức, chết cũng được tiếp độ, không để linh hồn theo nghiệp mà dẫn vào đường lục đạo. Nên khi nào được thấy đạo hữu lâm chung trút linh hồn, đến dẫn về **Bát Địa Hồng Danh** nung luyện cho sạch chướng (duyên) để sớm vẹn toàn thánh thiện.

Nên Chí Tôn, Tam Giáo thấy đại nguyện của Bản Tăng

⁽⁵²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 18-7 Nhâm Tuất.

mà ban cho một quốc độ thành Phật sát rộng dung tất cả: Chẳng những Minh Lý môn sanh, mà còn tiếp cứu thân nhân toàn những dòng huyết thống có liên hệ trong gia đình, gia tộc. Nên Bản Tăng, cũng như các vị sáng lập trong Tam Tông Miếu, phải ngày đêm túc trực lo khai quan điểm đạo cho đạo hữu đến lúc viên thành.”

Để có được cảnh **Bát Địa Hồng Danh** cứu rỗi các chơn hồn, công việc đã phải chuẩn bị từ chín năm trước đó. Thật vậy, khi năm Quý Hợi sắp tàn, Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

“Hôm nay Bản Thánh được lệnh Tam Giáo truyền dạy chư Thiên ân mấy việc cần sớm lo hoàn tất lệnh Trên.

Thánh Hội Minh Lý cần thiết phải chung nhau lập thành một báo lệnh sáu mươi năm, nhứt là từ ngày lập Đạo đến nay số đạo hữu tử là bao nhiêu người? Cốt là lập bảng danh sách những đạo hữu quá vãng để Bác Nhã Thiên Sư đến đài Nam Cực coi bao nhiêu người quy vị, được tái sanh, sa đọa nơi nào để tìm mà cầu rỗi cho những vong hồn ấy.

Vậy nên làm gấp rôi để tại bàn đàn. Khi Bác Nhã mời Nam Cực Tiên Ông đến duyệt rôi, sẽ báo tin cho chư Thiên ân những số lạc nẻo mê đồ mà lo thiết đàn chẩn tế.”

Nhờ đâu Đức Bác Nhã Thiên Sư lại có được quyền năng hy hữu như thế để cứu độ các chơn hồn thể theo lòng từ bi lân mẫn của Ngài?

Người nay làm sao biết được câu trả lời nếu không có lời giảng giải của Đức Hà Tiên Cô vào cuối năm Ất Sửu. Và nếu không có Đức Tiên Cô dạy bảo thì kẻ hữu hình dương thế làm sao biết được trong cảnh giới siêu hình kia, tám cõi đất Phật ấy tên gọi là chi và có công năng huyền diệu ra sao. Đức Tiên Cô dạy:

*“Nhờ sanh tiền có tu, nên Bác Nhã Thiên Sư mới nhờ sức thần thông của Tam Giáo mà lập **Bát Địa Hồng Danh***

để tiếp độ các chơn linh về đó an cư, tiếp tục tu luyện cho đến khi nào tâm địa viên thành y như các danh địa ấy như:

1. An Lạc Địa: *Để trị cái tâm phiền nhiễu.*
2. Thanh Lương Địa: *Để trị cái tâm sân hận.*
3. Ly Cấu Địa: *Để trị cái tâm ô nhiễm.*
4. Hoan Hỷ Địa: *Để trị cái tâm chấp nhứt.*
5. Viên Thông Địa: *Để trị cái tâm mê trệ.*
6. Vô Ngại Địa: *Để trị cái tâm chướng, ngăn ngại.*
7. Vô Đối Địa: *Để trị cái tâm phan duyên, đối đãi.*
8. Bồ Đề Tự Tại Địa: *Để trị cái tâm bất định, câu nệ.*

Trước đó một năm rưỡi, vào giữa năm Giáp Tý, Đức Bác Nhã Thiên Sư báo tin mừng cho môn sanh Minh Lý có người thân quá vãng:

“Bản Tăng chuyển thần bút báo lệnh cho Thánh Hội Minh Lý để đón mừng ơn tận độ của Đại Từ Bi Phụ và Phật Thánh mở lượng hồng ân siêu rỗi cả con số dưới hai trăm nam nữ môn sanh quá vãng trong sáu mươi năm qua:

Kẻ có công đức nguyện lớn được Chí Tôn phong tước ban quyền, hiệp cùng huyền cơ chuyển hóa linh căn phò trì chánh pháp.

Còn lại cũng đều được đấng phong Thiên vị, nhập cư Bát Địa thanh tịnh bác nhã, không bỏ sót một người nào, mà lại còn rỗi độ quyền thuộc phụ mẫu, tôn thân chư linh hồn của cha mẹ.

Hay con cháu có công tu, nguyện cầu cứu độ tiên linh thất tổ cửu huyền thoát nghiệp, đều được Ôn Trên siêu rỗi cả.

Thật là hy hữu!”

12. Kinh Xung Tụng Công Đức Đức Bác Nhã Thiên Sư

Khóa tịnh Đông Chí năm 1974 tại Bác Nhã Tịnh Đường (Long Hải), có bốn khối nòng cốt: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, thánh thất Minh Đức, Hội Thánh Truyền Giáo, và Minh Lý Thánh Hội. Dịp này Ôn Trên giảng đàn, ban cho bài kinh xung tụng công đức vô lượng của Ngài Minh Thiện.

Đức Trần Hưng Đạo ban cho mười hai câu đầu. Đức Lê Đại Tiên cho mười hai câu kế tiếp, và Đức Vạn Hạnh Thiên Sư mười sáu câu sau rốt.⁽⁵³⁾

Ôn Trên dạy rằng bài này ban cho Minh Lý môn sanh để xung tụng công đức của Đức Bác Nhã Thiên Sư cho xứng đáng với đạo nghiệp Ngài còn lưu lại trong đời.

*Đầu cúi lạy **TAM TÔNG PHÁP CHỦ**,
Nhớ ơn xưa Sư Phụ dựng gậy,
Cơ đồ sự nghiệp còn đây,
4. Nhờ Thầy mới có nơi này ngày nay.
Tạo giáo sở: pháp, tài, lữ, địa,
Chọn lập trường chính nghĩa chơn tu,
Công trình, công quả, công phu,
8. Thường hành đạo sự, cần cù, chăm siêng.
Thông tam tạng, đôn thiên nhưt quán,
Suốt lực kinh tánh mạng tinh tuyền,*

⁽⁵³⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 01-11 Giáp Dần (14-12-1974).

*Phụng thừa Tam Giáo quy nguyên,
12. Dung hòa tổng hợp chơn truyền về sau.⁽⁵⁴⁾
Tâm bình đẳng coi nhau đồng thể,
Hạnh nhưt như từ huệ độ đời,
Đoan trang mẫu mực làm người,
16. Nằm ngồi đi đứng không rời oai nghi.
Lịnh Tam Giáo chủ trì **MINH LÝ**,
Từ quan về khắc kỷ tu công,
Gặp hồi bước đạo gai chông,
20. Bên ngoài áp lực bên trong bất hòa.
Thuyền té độ phong ba xô sát,
Giữ lái lèo, cạy bát một tay,
Gian nan chí cả đầu nài,
24. Kiến cơ nhi tác sắt mài thành kim.⁽⁵⁵⁾
Thân hướng đạo ba chìm bảy nổi,
Chí quyết gầy cơ hội trung hưng,
Tiền phong chiến đấu không ngừng,
28. Thành công đem lại vui mừng vinh quang.
Nay đệ tử trước đàn hiến lễ,
Chạnh thương Thầy giọt lệ trào tuôn,
Nhớ câu cây cội nước nguồn,
32. Cô đơn chan chứa nỗi buồn làm sao!
Vui mừng Thầy chứng cao vị quá,
Tối thượng thừa **BÁC NHÃ THIÊN SƯ**,
Độ đời đến chỗ nhưt như,
36. Giúp con lái chiếc thuyền từ Tam Tông.
Đệ tử nguyện một lòng tu học,
Để đền ơn bảo bọc dắt dìu,*

⁽⁵⁴⁾ Đức Hưng Đạo Đại Vương ban cho 12 câu (1-12).

⁽⁵⁵⁾ Đức Lê Đại Tiên ban cho 12 câu (13-24).

Nói dòng sử đạo cao siêu,
40. Đồng tâm nhứt trí là điều Thầy mong.⁽⁵⁶⁾

*

Bài kinh *Xưng Tụng Công Đức Đức Bác Nhã Thiên Sư* được tất cả môn sanh Minh Lý tụng đọc trong mỗi lễ giỗ của Ngài Minh Thiện.

Đức Bác Nhã Thiên Sư đã nhiều lần giảng đàn nhủ khuyên, dạy bảo môn sanh Minh Lý Đạo:

a. “*Nền đạo Minh Lý được thành hình quyền pháp do Tam Giáo ban trao sứ mạng trọng đại.*

Một nền tân pháp được xuất hiện phải có cái gì cao cả lợi ích cho muôn người. Nếu chẳng thế thì khác nào lập phái lập phe, cùng thiên hạ tranh đua cầu cạnh lợi quyền địa vị. Chắc chur Thiên ân cũng thông cảm nhiều và đồng ý với Bàn Tăng. Bởi bệnh đời mà chế ra thuốc, lập ra phương để trị. Đạo Phật, đạo Chúa, đạo Khổng, đạo Lão xuất hiện là do bệnh tình trầm trọng của những xã hội đương thời, nên phương thuốc cứu đời lúc ấy trùng với bệnh ấy. Các bệnh ấy thuốc ấy xã hội hiện nay đổi khác, không còn giống như xưa thì ta phải căn cứ tình trạng bây giờ mà đưa giải pháp ra cho ứng hợp...”⁽⁵⁷⁾

b. “*Bây giờ người Thiên ân có con đường tắt được trực nhập dễ dàng là con đường sứ mạng. Con đường sứ mạng là con đường hành đạo. Đối chí hướng lo cho thân cho nhà, trở lại lo cho Đạo, cho nhơn sanh. Coi việc Đạo như nhà, mọi việc đều chăm lo, sự mất sự còn, sự thua sự được, sự danh dự đối với đời, với các chi bạn đạo cho được đặt ngang nhau, và lo cho nhơn sanh như vợ con của*

⁽⁵⁶⁾ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư ban cho 16 câu (24-40).

⁽⁵⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-5 Bính Thìn.

mình, lúc đói lúc no, lúc biến của họ, lấy họ làm thân. Đó là Bồ Tát Đạo. Được vậy thì sự chứng một cách dễ dàng là vì thân tâm đều là của Đạo, không phải của mình, lo cho người đưng mà coi như lo cho vợ con.

Có điều chắc chắn hơn hết là lập công bồi đức. Công càng nhiều nghiệp chướng càng giải mau, không bị oan gia trói buộc là tự do giải thoát dễ dàng. Đức càng dày thì thiên hạ kính nể, Thần Thánh hộ phò, nói một lời ra mà tội chướng của người được sạch như gáo nước tưới tắt lửa lòng. Chúng sanh gần mình thì lòng vô minh của chúng trở nên thanh tịnh. Nên, chỉ có đức không cần khiến mà họ nghe, không cần dạy mà họ sửa.

Các hiền nên tu đức. Đức có thì việc gì cũng nên, Thần quỷ cũng phục, mà có đức là chỉ có thiên. Thiên đức là con đường của Bồ Tát hoằng đạo cứu nhơn. Mà thiên là gì? Là ly vọng thức, nhập chơn không. Vọng thức mỗi ngày mỗi giảm xuống thì chơn không mỗi ngày mỗi tăng lên. Ngày ngày như thế, lâu ngày đức tụ. Đức tụ thì sáng suốt. Sáng suốt mới thấy được cái lỗi lầm khi xưa ta cho là hay là đúng. Sáng suốt mới được có tâm cởi mở, bình đẳng với mọi người. Sáng suốt mà không hay, thành đạo mà không biết, việc thành mà không ngờ.”⁽⁵⁸⁾

c. “*Bàn Tăng đã từng làm người, trải qua nhiều kiếp, lăn lóc trong tình đời, chịu đủ cảnh hưởng buồn vui chết sống, ném đủ mùi vị, khạc không ra, nuốt không vào, bỏ không rời, lấy không xong, khổ với cái thân tứ đại không sao kể xiết!*

May có chút thiện căn, nó thường phát hiện, thúc giục lúc ngộ sự, lúc vắng vẻ một mình, trách phạt những điều làm lỗi, khen ngợi những việc hồi mình mỹ thiện, thúc đẩy những bước tiến trình, nhắc lại những lời hứa nguyện,

⁽⁵⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 17-6 Bính Thìn.

khuyên bảo cái thiên chức làm người, cái danh dự ở đời, cái con đường siêu đạo, v.v...

Rỉ rả mãi nơi lòng, ngoài thì rù rì riu rít bên tai, phải như thế nọ, như thế kia, lời ngọt tiếng ngon, đủ thân đủ sơ, bạn đời, người nhà, toàn là chuyện thế gian lợi hại.

Ôi! Một trận giặc lòng trường kỳ tranh chấp, không ngày đình chiến.

Cũng may thay, gặp nhiều trợ duyên, bạn lành thầy sáng. Bên ngoài bên trong tương khế mà chánh niệm khởi phát, tâm đạo tăng trưởng, nguyện lớn được thành. Nhưng dầu đã vào đất tịnh, được ở cửa thiền, cũng còn gặp nhiều chướng đạo, ma pháp, ma duyên cố đẩy thân này lui xa cửa Phật, thì lòng thiện cũng nổi lên đánh lại. Trận chiến giằng co, nhưng cuối cùng được dứt khoát, thiện chon toàn thắng.

Ôi! Nếu không chí lớn, nguyện lớn, căn quả tốt, thì cũng nửa đường bỏ gánh. Nên chi Bản Tăng cảm thông chỗ khó khăn của đạo tâm trên bước tu hành đầy chướng ngại. Luôn luôn phải tỉnh sát mà ngăn ngừa, phòng nguy lự hiểm, để tránh mọi thử thách, cám dỗ, mà thoát ra nhà lửa biển mê.

Kinh nghiệm được thấy, giáo lý được nghe, mỗi bước phải cẩn thận và nhớ mãi lời chỉ dạy của Ôn Trên. Phương chi, trong hội pháp nạn, đời mạt kiếp, họa khổ đầy đầy, lòng người ám độn, tình đời điên đảo, ma quỷ thì nhiều, thiện tri thức ít gặp, âm khí phủ trùm thu hút con người vào đường truy lạc, mà đó là lòng ưa thích của nơn thế, của nghiệp thức. Con đường xuống dốc của thời đại đã dọn sẵn, nên bỏ dễ, tu khó.

Ôi! Hân hạnh cho chúng ta! Phật Tiên đã phóng sẵn cho con đường, lại được Ôn Trên dìu dắt, Thần cơ lâm chiếu nhắc nhở, hộ trì. Thánh Hưng Đạo lại là soái tướng

tiền phong dẫn đường, dẹp chông gai chướng ngại, trừ loài ma tặc. Bản Tăng là Hộ Pháp bảo vệ trước sau. Chí Tôn bố trí thật là đầy đủ. Không lo gì nữa, chỉ chúng ta y pháp mà hành trì, giữ đúng thánh quy, là vững bước, dứt lòng thối hối là thành.”⁽⁵⁹⁾

d. “Phải chi chúng ta cùng một con tim nhịp nhàng, cùng đi đứng nói cười, làm lụng cũng không nhằm đối tượng mà noi theo, ai nấy cũng Minh Thiện hiện thân, ai nấy cũng chăm tu chăm học, siêng nghĩ siêng làm, đôi thì ăn, một thì ngủ, thân bất ly Đạo, Đạo bất ly thân. Nếu chur đệ muội để đến một năm rồi cùng nhau xúm lại cúng dâng thì lâu quá. Ước gì mỗi tháng, hai ngày sóc vọng, nhớ Thầy nhớ bạn, lui tới viếng thăm.

Tuy Bản Đạo không còn hình thể, nhưng về chùa để ý nghe có những tiếng âm vang, những hình dung phưởng phất, thì lo gì Đạo Minh Lý chẳng tiến bộ gấp trăm, gấp chục ngàn lần, vì hồi trước tại Tam Tông Miếu có một mình Minh Thiện giảng luận chỉ bày, dịch kinh viết sách, mà bây giờ có ngàn giảng viên, có trăm dịch giả, có Minh Thiện chỗ nọ chỗ kia, trên gác dưới lầu, nhà sau nhà trước, trong bếp ngoài sân, đâu đâu cũng Minh Thiện. Minh Thiện hiện thân, Minh Thiện hóa trùng trùng điệp điệp, bồi trai bồi gái, thì phước đức cho Minh Thiện này biết mấy!

(...) Có một điều là chur đệ muội quyền pháp được nầy trao, địa vị Thiên ân trong Giáo Hội, sứ mạng cao cả Tam Giáo đã ban sẵn, thì Minh Lý là cái nhà của chur đệ muội. Nghèo giàu cùng hưởng cùng lo, nhỏ lớn trong ngoài tự mình sắp đặt.

Sớm có đi thì tối phải về. Công việc sinh hoạt hằng ngày cần được chia cắt phân công. Đưa nhỏ đưa lớn, ai

⁽⁵⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 20-8 Bình Dân.

cũng được hưởng thì ai cũng làm. Việc này việc nọ tự quản trị, tự đảm đương. Không thể nhà Minh Lý mà bỏ bê để người khác lo giùm, dẫu bạn chí thân như Phổ Thông Giáo Lý cũng không sao kham được chuyện của nhà mình... Vì vậy mà bốn phận Thiên ân các hiền đệ muội nên tiểu tâm lưu ý, khéo hướng đạo cho hàng ngũ được nhứt tề. Dẫu khó đến đâu cũng không vì lợi vì danh mà đổi chí buông tu, bỏ Đạo. Lúc này cần nhứt là Thiên ân tiêu biểu lòng trung kiên nhứt trí để toàn đạo có chỗ nương mình...”⁽⁶⁰⁾

e. “Nay các chúng đệ có bốn phận ai nấy lo bảo toàn cho thánh sở, cho sứ mạng quyền pháp được vững còn, cho hàng ngũ đừng tan vỡ, cho tâm đức ít bị mua chuộc. Cái hương hỏa vĩ đại này, kho tàng đạo pháp này, chưa biết sử dụng thì giữ đó chờ kẻ Thánh Hiền, chờ Thầy đến, đừng bán rẻ, đừng phá hư. Nó khác nào một chiếc máy thần diệu, phải có người biết sử dụng thì lợi cho thiên hạ, bằng không biết sử dụng, không phải thợ phải Thầy, thì nên cất giấu ở tâm. Nay mai có Thầy có thợ, sẽ đem ra dùng cho thiên hạ...”

Cái Đạo Minh Lý là Đạo Tam Tông tổng hợp. Người Thiên ân phải có lượng lớn mới giữ được, có trí lớn mới thấy được, bằng tâm hẹp hòi thì phiền diện thiên chấp một bên.

Vì thiên chấp một bên mà thiên hạ đảo huyền, bốn phương đồ thán, khác nào cái vạc ba chơn mà không đủ cả ba thì dễ lật. Ba chơn vững hơn bốn năm chơn, có phải không các chúng đệ? Hai chơn đứng được không? Ba chơn đứng được không? Chắc ba chơn là vững được, dẫu có cao thấp chút đỉnh cũng được vững, chớ bốn chơn có cao thấp chút đỉnh cũng không sao bằng được.

⁽⁶⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 15-11 Ất Mão.

Ba chơn ấy là Tam Giáo. Tam Giáo không thể thiên một bề, cũng như khoa học, chánh trị, tông giáo, cần bổ túc lẫn nhau thì lợi ích cho thiên hạ.

Nên khuyên chư hiền hằng tháng, hằng kỳ, hội nhau mà tu để trừng tâm, thanh tịnh, thần quang hòa lẫn giữa nhau, hòa tràn ra thiên hạ. Đó là cách bảo trì thánh sở, bảo vệ quyền pháp, tồn tích đạo pháp.”⁽⁶¹⁾

f. Đức Bác Nhã Thiên Sư rất quan tâm đến thế hệ tiếp nối. Ngài dạy:

“Bản Huynh để lời khuyên các em thanh thiếu niên Cơ Quan và Minh Lý.

Trong thời tuổi trẻ là thời phát huy sáng tạo, các em muốn nên một người chuyên viên trong thế chiến này, tất phải chịu mọi đẽo khắc của hoàn cảnh. Có như vậy giá trị mới cao và xứng đáng là người tiếp nối trong cơ tái tạo dinh hoàn.

Bản Huynh ngợi khen sự giác ngộ sớm của các em và ban ơn hộ trì, cũng như các Đấng thiêng liêng đã chiếu cố đến xây dựng tinh thần tuổi trẻ thế hệ tương lai. Những huynh tử hiện diện hôm nay đang trông chờ các em đó.

Tuy hôm nay có một vài trò thanh thiếu niên, nhưng lời Bản Huynh là nhắn gởi toàn thể, vì đạo nghiệp Minh Lý Thánh Hội, cũng như Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ là dòng nước luân lưu vô tận.”⁽⁶²⁾

⁽⁶¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 28-5 Đinh Tỵ.

⁽⁶²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 26-3-1974.

13. Thay Lời Kết

Xuyên suốt qua các nội dung các thánh ngôn và các bài giảng đạo lý của Ngài Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện, môn sanh chúng tôi càng thấu hiểu, nhận chân được công đức vô lượng của Đức Đạo Tổ thừa lệnh Đức Chí Tôn trực tiếp khai tâm pháp Minh Lý Đạo. Và nền móng vững chắc của tâm pháp này được đắp bồi do các vị tiền khai tịch Minh, trong đó Ngài Minh Thiện là người có công vô cùng to lớn trong việc vun quén, xây dựng mối Đạo ngày càng thêm phát triển.

Ngài đã để lại cho chúng ta vô vàn bài học từ giáo lý, pháp môn đốn nhập đại thừa, kinh Dịch, các bài giảng về đạo đức để môn sanh có đủ phương tiện tu học. Chúng ta đã thu hoạch được bao nhiêu để xứng đáng với lòng kỳ vọng của ân sư?

Ngài đã chỉ dạy môn sanh từng chi tiết một về Nhơn Đạo và Thiên Đạo, và luôn nhắc nhở, khuyên nhủ chúng ta không khác nào một người cha từ ái, chỉ mong cho chúng ta tu tập nếu chưa chứng đạo, thì cũng là một hiền nhơn.

Đức Hưng Đạo Đại Thánh tha thiết khuyên nhủ chúng ta:

“Phải thể lòng Trời, phải noi gương các bậc Ngài hướng đạo, cách ăn ở, đối xử hằng ngày, việc tu tập lập công, cấm cại từng giờ, không quên nhiệm vụ, đăm đăm qua ngày, lấy sự kham khổ làm vinh, tiếng kệ câu kinh thay cho kịch ca du hý. Chẳng cần bắt chước ai, gần hơn là MINH THIÊN, suốt nửa cuộc đời oằn oại đôi vai đạo

nghĩa. Lúc treo ấn từ quan, về tu dưỡng lấy gánh nhơn sanh. Một thân phải đương đầu mọi khó khăn để bảo trì cơ sở, bảo vệ môn sanh. Lo vun đắp nền Đạo Minh Lý bằng vật chất, khai triển từ tay không có nên triệu triệu, từ chia ly rời rạc được quy tụ, quyền pháp xương minh. Lo sửa hạnh chế tâm, ngày tháng không quên mình là mục thước cho người người, mò mẫm men theo đường sáng của tiền nhơn, dịch sách, xem kinh, sớm chiều đầu chán. Thì bây giờ chư Thiên ân nên học Người, theo Người từ động tác để tu, từ cái nói cái đi, cái nói cái làm, để học, để trở nên Người, để cho mọi người yêu, mọi người nương chờ, trông cậy.

Minh Lý còn mắt không phải giáo lý cao sâu ngoài miệng, là ông nọ bà kia, hay chùa lớn của dư, mua chuộc lòng người bằng tiền bằng vật, mà phải hạnh tu cho chín chắn, hết sức nhẫn nhục ôn hòa, hết sức từ bi hỷ xả. Quên mình mà kính lễ mười phương quân tử tài hiền. Đẹp bớt chuyện nhà để lo chuyện Đạo. San sẻ tình thương của mình cho tất cả người người, tình thương đó bớt ra ở thế thặng từ phược. Mở lần dây bó buộc cho được tự do rộng lớn hơn ra. Được vậy các hiền sẽ sáng danh trong thiên hạ, tiếng khắp xa gần, quyền uy mỗi lúc mỗi rộng lớn cao dày. Minh Lý lo gì chẳng được vững nền kiên cố...”⁽⁶³⁾

Suy gẫm những lời Đức Hưng Đạo Đại Thánh khuyên nhủ môn sanh Minh Lý, chắc hẳn mọi người chúng ta càng thấm thía công lao của ân sư đối với Đạo và đối với mỗi một môn sanh.

Ngài Minh Thiện để lại cho chúng ta một tấm gương sáng chói, một mẫu mực đạo đức vô cùng to lớn, không những cho Minh Lý, mà còn cho hậu thế. Tuy nhiên Ngài

⁽⁶³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-01-1973.

chỉ tự nhận rằng những gì Ngài đã làm là “*vô kỹ, vô công, vô nhiệm*”.⁽⁶⁴⁾

Quả thật, suốt quãng đời hành đạo và hoằng pháp, dù trải qua bao sóng gió, bị gièm pha, bị mật báo hoạt động chính trị, đồng đạo rời bỏ, Ngài vẫn luôn giữ thái độ lấy tĩnh chế động, âm thầm như không làm gì hết, mà thực ra cái gì cũng làm, không cầu lợi riêng, thản nhiên áp dụng câu “*Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi*” 上德無爲而無以爲⁽⁶⁵⁾ trong Đạo Đức Kinh bằng tinh thần *vô kỹ*, không để bản ngã phạm tâm chi phối, chỉ một lòng phục vụ Đạo mà Ôn Trên đã trao phó trách nhiệm, phục vụ cho Đạo mà vẫn giữ đức khiêm, lo từ trong nội bộ đến liên lạc với các chi phái bạn, để giữ vững giềng mối Đạo, lo cho môn sanh từng chút, xây dựng cơ sở mà không bao giờ nói đến công lao (*vô công*), không quảng bá rầm rộ, không màng đến chức danh, chức vụ (*vô nhiệm*).

Tự thân Ngài nhận biết đã chứng đắc chơn tâm tự tánh thanh tịnh, biết được tiền kiếp của mình, thế nhưng Ngài e sợ người đời hiểu lầm, nên ra lệnh hủy bỏ các câu thơ có liên hệ đến Ngài. Có thể nói người ngoài nhờ vào lịch Tam Tông Miếu mà biết đến chùa Tam Tông Miếu nhiều hơn là biết đến Ngài Định Pháp Tông Lý Minh Thiện.

Nếu có ai hỏi về sự nghiệp và đạo nghiệp của Ngài Minh Thiện, chắc rằng đầu có trí nhớ tốt thế mấy đi nữa, chúng ta chỉ có thể kể lại một phần nhỏ công đức của Ngài mà thôi.

Noi theo gương sáng, mẫu mực đạo đức của Ngài, chúng ta không có gì hơn là cố công tu học và thực hành Tam Công (công quả, công trình, công phu) để xứng đáng

là một đệ tử của Ngài Minh Thiện hôm qua, của Đức Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát hôm nay và mai sau.

⁽⁶⁴⁾ Ghi lại từ tấm văn bằng vải trắng viết sáu chữ đen *vô kỹ, vô công, vô nhiệm* treo ở bàn vong trước linh cữu Ngài tại Tam Tông Miếu.

⁽⁶⁵⁾ Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 38: Luận Đức.

PHỤ LỤC I

Điều Vãn, Văn Tế, Thư Chia Buồn

Khi Ngài Minh Thiện quy tiên ngày 16-11 Nhâm Tý (21-12-1972), rất nhiều đại diện các tôn giáo đã đến viếng, gửi thư chia buồn, đọc điều vãn, văn tế ca tụng công đức của Ngài. Sau đây là một số thư, điều vãn còn lưu giữ:

1. Điều vãn của Minh Thiện Đại Đạo, Thanh An Tự (tỉnh Bình Dương), do đạo trưởng Bảo Pháp Thánh Giác đọc.

2. Văn tế của Tuyết Vân Mặc Khách (bác sĩ Trương Kế An).

3. Điều vãn của Minh Thiện Thánh Hội và Điều Trì Phái.

4. Điều vãn của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, do đạo trưởng Trần Luyện đại diện đọc.

5. Thư chia buồn của Hòa Thượng Thích Từ Quang (Viện Chủ Chơn Đức Thiền Viện).

6. Điều vãn của Thượng Tọa Thích Giác Nhiên (Tổng Trị Sự Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam).

*

1. MINH THIÊN ĐẠI ĐẠO
THANH AN TỰ (BÌNH DƯƠNG)

THI
(Độc vận: CÔNG)

*Một kiếp tu trì đắc QUẢ CÔNG,
Công trình, công đức đã THÀNH CÔNG.
Đường đời khắc khổ, không vương nghiệp,
Bước đạo ung dung, quyết LẬP CÔNG.
MINH LÝ TAM TÔNG tròn đạo pháp,
TỊNH ĐƯỜNG BÁC NHÃ vẹn PHU CÔNG.⁽⁶⁶⁾
Năm mươi năm truyền chơn đạo,
BÁC NHÃ THIÊN SƯ đắc NGHIỆP CÔNG.⁽⁶⁷⁾*

**Thánh Giác Bảo Pháp
(Minh Thiện Đại Đạo)**

Kính điều

*Thanh An Tự, ngày Thích Ca thành đạo
Ngày mồng 8 tháng 12 Nhâm Tý*

*

⁽⁶⁶⁾ Công phu.

⁽⁶⁷⁾ Công nghiệp.

**2. VĂN ĐIỀU TẾ ĐẠO TRƯỞNG ĐỊNH PHÁP TỔNG LÝ
MINH THIỆN, SIÊU TỊNH SƯ MINH LÝ THÁNH HỘI
(TAM TÔNG MIẾU)**

*Viên tịch giờ Hợi, ngày 16 tháng Tý năm Nhâm Tý
(21-12-1972), hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi.*

HỒI ÔI!

- Chòm mây bạc bao trùm chót đánh, trận đông tuôn,
mây chập chồng bay!

Đám sương mờ che phủ cõi thông, ánh nắng tỏa, sương
tan tác rã!

- Bóng quang âm vãng lai thấm thoát, kiếp phong trần
nhìn rất đau lòng!

Vàng nhứt nguyệt vận chuyển thường xuyên, thân phù
thể nghĩ càng nào dạ!

- Quán âm dương rước khách, ngày tương phùng chưa
vui thỏa thương ôi!

Đò Tào Hóa đưa người buổi vĩnh biệt thật khổ buồn
cha chả!

- Công xây dựng, phô trương cũng lắm, khó lướt qua
màu nhiệm Trời cao,

Cuộc tạo gây, tô điểm càng nhiều, khôn thoát khỏi diệu
huyền Luật cả.

- Tam thôn khí tại thiên ban dựng, tiền trình sanh thuận,
kiếp tử quy dứt rồi kiếp tạm thời!

Nhứt đản vô thường vạn sự hư, hậu nhứt tử an, đời
sanh ký rõ thật đời vất vả!

- Đời chinh nghiêng, người thiện chí nhiệt thành lại
bồng lia thể bất ngờ,

Đạo rời rạc, bậc từ tâm chân thật sao đành tách trần vội
vã?

NHỚ LINH XƯA:

- Nho nhã thái độ đẹp gương,

Đậm đà tác phong cao giá.

- LỄ, NGHĨA tròn, tánh chất tựa hồ trong,

NHƠN, TRÍ vẹn, tâm trung dường biển cả.

- TÁNH cương trực làm ngay nói thật, chẳng sánh so kẻ
trọng người khinh,

TÂM khoan dung sửa méo ra tròn, biết phân biệt kẻ
chân người giả.

- Đối cố hữu trước sau một bọc, hạnh khiêm nhường
giao tiếp đậm đà,

Cùng thân bằng trên dưới trọn niềm, nét nghiêm chỉnh
kết liên cao nhã.

- Mùi vật chất lười kia từng trải nếm, ngàn cuộc đời ít
sự chân thành,

Khôi tinh thần lòng nọ đặng đeo mang, buồn tình thể
đòi cơn lộng giả!

- Ngày qua tháng lại, bước ung dung tầm thú thanh
nhàn,

Nay thanh mai suy, lòng phóng khoáng tránh vòng
khiếm nhã.

- Lòng chán thể mới nhập môn cơ MINH LÝ, học Tiên
Thiên, Lễ Thật cố sưu tầm,

Dạ thương người nên nghiên cứu đạo TIÊN GIA, hành
Đại Đạo, Lý Mầu toan khám phá.

- Trong giới đạo quyết canh tân đạo đức, thuyết tường
trình thảo luận lễ chánh tà,

Ngoài trường đời toan cách mạng tinh thần, câu biện bác phân minh lời cao hạ.

- SIÊU TỊNH SƯ MINH LÝ ĐẠI ĐẠO vẫn nhiệt thành thiện chí giữa buổi đời tàn,

CHUỖNG MÔN PHÁP BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG
càng hăng hái chơn tâm trên đường đạo cả.

- Góp tư tưởng ĐẠI ĐỒNG thực hiện, giúp TAM TÔNG MIẾU kiến tánh TỬ BI,

Đem đức tin CHÁNH GIÁO khai thông, hành MINH LÝ ĐẠO quyết tâm HỖ XẢ.

- Tinh tri kỹ Đạo Trưởng từng biểu lộ, quyết kết mối liên tình, mong cơ Đạo rộng khai,

Nghĩa đại đồng Bản Đạo vẫn tạc ghi, mong chung đường hiệp chí, bỗng kiếp đời tàn tạ!

- Tai CHUNG TỬ hằng lắng tiếng thanh tao trầm mặc, giọng từ bi còn trở điệu êm đềm,

Đòn BÁ NHA đọi lên dây lưu thủy cao san, câu bác ái bỗng im hơi tao nhã.

- Đời gặp cảnh phân vân tâm vật, hiện tại vắng bóng ĐỨC ĐỊNH PHÁP để biện bác lẽ thực hư,

Đạo đương cơn nan giải lý tình, tương lai không lời SIÊU TỊNH SƯ hầu phân minh điều chơn giả.

NHỪNG HÔM NAY:

- Bóng nguyệt thỏ khuyết mờ!

Cành liên hoa tàn tạ!

- Những tưởng được may mắn vui vẻ vì huỳnh cúc sẽ nảy nở đến đông xuân,

Nào ngờ đâu rủi ro khổ buồn, bởi bạch liên đà tạ tàn từ nắng hạ!

- ĐẠO sắp thành, chơn tài cần thẳng số, sao bậc chí thành lại xa Đạo lệ làng,

ĐỜI chưa định, hiền sĩ phải tăng gia, mà người chánh trực đành lia đời vợi vãi.

- Tiếc là tiếc nuôi phong đời tục bại, bật chuông thần cảnh tỉnh mỗi tham si,

Hờn bởi hờn cơn đạo trễ đời suy, roi bút thép phê bình điều chơn giả.

- Truyền GIÁO LÝ chương trình kia chưa liễu kết, Đạo Trưởng lại bỏ dở cuộc thức tỉnh đời tàn!

Tạo QUY NGUYỄN công cuộc nọ sắp khởi đọan, Tịnh Sư đành buông rời điều phổ thông Đạo cả.

THẨM THAY!

- Dầu cạn, đèn mập mờ!

Nhụy khô, hoa toi tả!

- Nước chảy cuốn hoa trôi,

Đông tuôn đùa mây xả!

- Tài Biện Thước tâm căn cứu bệnh, dẫu tìm tiên dược cũng khó toan điều trị bệnh chứng trệ trầm!

Thuật Hoa Đà liệu chước trừ phương, tuy dụng thần y mà không thể cứu chữa thể thân tàn tạ!

- NAM TÀO, BẮC ĐẤU xóa danh bồi số, Thiên Sắc NGỌC HOÀNG truyền xuống, Thiên Đình ban phước quy hồi,

SỨ GIẢ ĐẤU SUẤT lướt gió cõi mây, Lịnh Bài ĐẠO TỒ triệu về, trần thế vô phương cứu chữa.

- Nơi lễ tiệc THÁNH ĐƯỜNG, chung rượu đưa đường điệu viễn, tiễn tiệc tan, người ra đi chân bước ngập ngừng!

Chôn trường đình NGHĨA ĐỊA, cảnh liễu tiền dậm
quan hà, nghĩa tình dứt, kẻ ở lại lệ rơi tâm tã!

ÔI THÔI!

- Thuyền khảm giữa phong ba,

Nhà nghiêng cơn bão tố!

- Trời đã định mạng căn,

Người không qua kiếp số!

- Bóng quang âm vi vút, trăm năm ôm hận biệt ly,

Hồn kim cổ mơ màng, gang tấc không phương tương
ngộ.

- Lâu HUỖNH HẠC giọng tiên đã dứt, tiếng tơ đồng
thôi trôi khúc tri âm,

Kho BẠCH NHÀN tiếng én nỉ non, tình đạo mạch đã
dứt lời thổ lộ.

- Vàng trắng sáng soi làn thu thủy, cõi thanh loan làm
thú tiêu diêu,

Trận gió thơm thổi lớp du trần, nương bạch lộ đạo
miền cõi thọ.

- Vẫn tưởng sống nhiều năm thêm nữa, để làm gương
cho nghĩa bạn mến yêu,

Nào hay vương một phút vô thường, đành biệt thế
khiến tình người nhắc nhở.

- THÁNH ĐƯỜNG đó, cháu em còn đó, chưa lập đời
THÁNH ĐỨC, linh hồn Đạo Trưởng lia tách vụn trùng
vân,

MINH LÝ đây, bôn đạo vẫn đây, đợi thành đạo ĐẠI
ĐỒNG, xá lợi Đạo Trưởng lấp vùi tam xích thổ!

- Trời Nam Việt mây sầu cảnh thảm! Trời đành thâu
hồn phách lại Hư Cung,

Đất nghĩa trang cháu khóc em than! Đất nở lấp thể thân
nơi thổ mộ!

- Chôn TỊNH ĐƯỜNG BÁC NHÃ buổi sớm, nghe hồi
chuông bình kệ, chúc sắc nhớ cơn Đạo Trưởng bàn luận
cùng đạo đồng tại tịnh đường,

Nơi THÁNH ĐƯỜNG MINH LÝ hồi chiều, lắng tiếng
mở tụng kinh, đạo hữu nhớ lại Đạo Trưởng hội đàm cùng
chức sắc nơi đạo xá.

- Tiếng đé ru sầu đêm vắng nơi BÁC NHÃ, tiếng nã
nùng như khóc điệu TỊNH ĐƯỜNG xưa, vì Đạo Trưởng
chẳng còn thăm viếng TỊNH ĐƯỜNG,

Hơi gió rít thảm ngày buồn tại THIÊN ĐƯỜNG, hơi
thảm thiết tựa than sầu ĐẠO XÁ cũ, bởi Đạo Trưởng đã
dứt bước về BÁC NHÃ.

- Dứt oan trái hồn linh siêu thoát, cầu Quan Âm Bồ Tát
độ hồn được tiêu diêu,

Lìa nghiệp duyên phách quế thượng thăng, nguyện
Giáo Chủ U Minh rước phách mau giải tỏa.

- Ba chung rượu cầu hồn linh về Tịnh Độ, vái chơn linh
trực đạo cảnh đảo Bồng,

Một nén hương vái phách quế đảo Linh Đài, cầu vía
phách quy hồi nơi cõi Thọ.

Hỡi ôi!

Thương thay!

Hồn linh minh chứng!

Bác sĩ **TRƯƠNG KẾ AN (Tuyết Vân Mặc Khách)**

Chánh Hội Trưởng Thanh An Tự (Bình Dương)

(Tuyết Vân Mặc Khách kính lục thánh giáo để kỷ niệm
công phu, công quả, công trình và công đức của cô ĐÌNH

PHÁP MINH THIÊN trọn một đời tận tụy, hy sinh, cho đạo lý và đạo pháp.)

*

3. ĐẠI DIỆN MINH THIÊN THÁNH HỘI và ĐIỀU TRÌ PHÁI

Huy Lụy Kính Diệu

Sài Gòn, 25-12-1972 (20 tháng 11 Nhâm Tý)

KÍNH ĐIẾU CỐ ĐỊNH PHÁP MINH THIÊN viên tịch, đăng tiên

THI

Cõi thọ an nhàn nhẹ gót tiên,
Thoát ly trần tục, cảnh ưu phiền.
Đường tiên ĐỊNH PHÁP xong nhân quả,
Nẻo tục đạo đồng trả nghiệp duyên.
Tại thế đã từng diu thiện tín,
Đăng tiên há chẳng độ nhơn hiền?
Nhơn sanh chìm đắm vòng trần lụy,
Linh hiển hà phương cứu vãn yên?

NGỌC PHẨM TIÊN (ĐIỀU TRÌ PHÁI)

THIỆN ĐỨC ĐÀN (SÀI GÒN)

*

ĐỌC TRƯỚC LINH SÀNG NGÀI ĐỊNH PHÁP TỔNG LÝ MINH LÝ THÁNH HỘI TẠI TAM TÔNG MIẾU

Hỡi ôi!

Một áng mây bay,

Ngàn sao rơi rụng!

Người đã ra đi, dặm ngàn thiên cổ, bên trời cao vợi,
ngui ngút vạn trùng, chúng tôi toàn thể chức sắc, chức việc
nam nữ đạo đồ Minh Lý Thánh Hội hiện diện nơi đây, xin
tỏ bày đôi lời vĩnh biệt.

Hồi tưởng lại,

Giác linh xưa,

Sinh trưởng trong gia đình đạo pháp Minh Sư, noi chí
cả song thân, đất Tân An vẫn còn phảng phất phương danh
công hạnh.

Từ Đình Dậu chào đời (1897) đã tỏ ra hạo nhiên cốt
cách. Nền Tây học theo đòi nghiên bút, kịp đến khi khoa
bảng nêu danh chân thơ ký Nam Kỳ Soái Phủ.

Lập gia đình nhưng phải hiềm hoi, hưởng lộc nước
Phòng Nhì Dinh Hiệp Lý.

Nói đạo nghiệp tiền nhân để lại, để bao phen mưu sự
xuất gia.

VĂN TẾ

Cho đến khi Minh Lý Hội lập thành (1924) công phá
thạch vụn bồi cùng bạn tác.

Năm Nhâm Ngọ (1942) dứt đường hoạn lộ, chán cảnh
quan liêu, chung sức góp công trồng cây Minh Lý.

Hai mươi bốn năm lãnh chức Trụ Trì, thọ Thiên phong,
Thanh, Khiết, Vĩnh, Siêu đường Tịnh Sư bốn lần viên
mãn.

Năm Bính Ngọ (1966) Ôn Trên giao phó, chức vụ Định
Pháp Tổng Lý từ đây, bao công quả điếm tô nền Thánh
Hội.

Dựng ngôi Tam Tông đồ sộ, xây nền thánh thể uy nghi,
tạo Bác Nhã Tịnh Đường thanh khiết, đã hai nơi đạo
nghiệp rõ ràng.

Công trú tác còn ghi muôn vẻ, nào sáng khai, nào dịch thuật, trăm vạn quyển dày kinh, kho sách quý mở đường giáo hóa.

Chạnh nhớ buổi sanh tiền,

Ân đức kể biết bao!

Phẩm hạnh khiêm cung,

Đức nhân hòa ái.

Lòng nhẫn nhục, dạ thanh liêm, một đời tận tụy hy sinh, vui vẻ đáp đền ân đất nước.

Mạnh tay cứu kẻ cơ hàn, nhưng không phung phí bạc tiền, chỉ nghĩ làm nên công quả chúng sinh, không nghĩ đến tư riêng lợi lộc.

Trong thâm tâm quyết đạt thành đạo pháp, tìm tòi kinh sách về đường tu, không kể quyền cao chức trọng, chỉ trông mong đạo nghiệp vun trồng.

Những quả công từ ấy đắp bồi, cây Minh Lý đơm hoa kết trái, hương vị nở thơm tho, cũng nhờ có ân thâm báo bổ.

Cho nên Đức Đạo Tổ đã dạy: “*Công đầu Minh Thiện.*”

Thật quả như lời!

Hôm nay đây,

Đứng trước linh sàng,

Nén tâm hương khấn nguyện,

Tình huynh đệ chứa chan.

Bọn chúng tôi, những người sau nối tiếp, biết nhờ ai hôm sớm dạy bày, rồi những khi mưa đổ gió day, cơn khải thí, lúc khuyh nguy biết nhờ ai cứu vớt?

Hỡi ôi!

Học thuyết Minh Lý dở dang,

Công trình điểm tô còn đó.

Người vội đã ra đi!

Kể từ nay, đôi ngả âm dương, đường tiên nhẹ gót, có khi nào ngoảnh lại thế nhân, đoái tưởng đàn em còn khổ lụy mà ra ân mặc hộ âm phò để noi dấu tiền nhân lập công bồi đức.

Hôm nay đây,

Non nước đìu hiu,

Nhân tâm biến động.

Cuộc thế lắm cảnh trở day,

Quốc gia đương hồi tao loạn.

Nghĩ đến giác linh xưa, chúng tôi xin dốc tâm tu học, dụng công phu, nêu chánh pháp, noi tiền nhân vun đắp quả công.

Cõi thế gian muôn vạn nẻo, đường mê muội, hễ trầm luân xin ngưỡng vọng anh linh bố hóa cho chúng sanh thoát vòng oan nghiệt, đất nước khỏi họa đao binh, đạo đời chung sức, cùng nhau kết nghĩa đồng tâm, tạo nên hòa bình hạnh phúc.

Đôi lời vĩnh biệt,

Xin chứng lòng thành.

Cúc cung,

Thượng hưởng!

*

**4. ĐIỀU VĂN CỦA PHÁI ĐOÀN HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO
CAO ĐÀI, ĐỌC TRƯỚC LINH CỬU CỔ ĐẠO TRƯỞNG ĐỊNH
PHÁP TỔNG LÝ MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TÔNG MIẾU)
LÚC HẠ HUYỆT NGÀY 27-12-1972**

Kính thưa Giác linh Đạo trưởng Định Pháp Tổng Lý,

Thưa toàn thể Quý vị,

Trời nam gió rít đòi con, phụng hoàng gãy cánh,

Đất Việt sưng sa đắm lệ, sư tử tàn hơi.

Ôi! Một vì sao rơi rụng, cả vũ trụ tối tăm,

Một bậc hướng đạo từ trần, toàn nhân thế ngán ngơ.

Vậy nên, khi được tin Đạo Trưởng Định Pháp Tổng Lý đăng tiên, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chúng tôi vô cùng bồi hồi xúc động. Giờ này, phái đoàn chức sắc gồm Phối Sư Chủ Trưởng, đại diện toàn thể bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo khắp hai miền Trung Nam, kính cẩn đến nghiêng mình trước linh cửu cổ Đạo Trưởng và có đôi lời bi ai tỏ bày nỗi niềm u hoài ngưỡng mộ với cổ Đạo Trưởng Định Pháp Tổng Lý trước giờ an nghỉ vĩnh viễn nằm sâu trong lòng đất mẹ.

Sự quy liễu của cổ Đạo Trưởng chẳng những khiến cho Minh Lý Thánh Hội đạo tràng mất đi một bậc lãnh đạo tinh thần uy nghi tài đức khó bề thay thế, mà còn làm cho Hội Thánh Truyền Giáo chúng tôi rất đổi thiệt thòi, vì chính cổ Đạo Trưởng đã đem tinh thần liên giao thấm thiết và chí hướng hợp tác xây dựng thật chặt mối liên hệ tốt đẹp ràng buộc hai Hội Thánh Minh Lý và Truyền Giáo chúng ta.

Minh Lý là một thành phần trong Ngũ Chi Đại Đạo mà *Ngũ Chi hiệp nhứt* lại là yếu lý tôn chỉ Cao Đài Giáo từ khi khai Đạo. Lại nữa, danh xưng Tam Tông Miếu ra đời

cũng hàm có ý nghĩa *Tam Giáo quy nguyên* nằm trong tôn chỉ Cao Đài Giáo. Như vậy, giáo thuyết Minh Lý Tam Tông Miếu rất tương đồng với tôn chỉ giáo lý Cao Đài Giáo.

Trên phương diện lịch sử Đạo, Minh Lý Tam Tông Miếu, thành lập từ năm 1924, tương đương thời gian hình thành Cao Đài Giáo vào những năm 1920 trở đi. Tam Tông Miếu từng là nơi hội họp của các bậc hướng đạo khai Đạo như Quý Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, v.v... nên cổ Đạo Trưởng cũng đã từng tham dự liên hệ không nhiều thì ít vào giai đoạn sáng khai Cao Đài Giáo. Chứng tích cho giai đoạn ấy là việc một số bài kinh chữ Hán và kinh Nôm hiện còn xung tụng trong Minh Lý Thánh Hội ngày nay cũng là những bài kinh rất phổ biến trong Cao Đài Giáo lúc bấy giờ.

Vì những liên hệ xa xưa về giáo lý và lịch sử như trên mà Hội Thánh Minh Lý và riêng cổ Đạo trưởng Định Pháp đã luôn dành sẵn cảm tình sâu đậm với Cao Đài Giáo nói chung và đặc biệt với Hội Thánh Truyền Giáo chúng tôi, mà tôn chỉ "*thuần túy tôn giáo đạo đức, dung hòa tổng hợp, thuần chân vô ngã*" đã được cổ Đạo Trưởng vô cùng tán thưởng.

Vì vậy từ năm 1956, cổ Đạo Trưởng Định Pháp đã sẵn lòng cho Hội Thánh Truyền Giáo mượn nơi tạm đặt văn phòng liên lạc tại Tam Tông Miếu. Thật là một nghĩa cử cao đẹp, chẳng khác chi mục sư Tin Lành Martin qua truyền đạo Trung Quốc năm 1920 đã được một vị sư Phật Giáo chia nhường vườn đất chùa để vị mục sư làm nhà thờ Tin Lành đầu tiên ở Trung Quốc. Với tâm hồn khoáng đạt cao thượng, cổ Đạo Trưởng Định Pháp còn là một nhà lãnh đạo tôn giáo có nhãn quan nhìn xa thấy rộng và một tâm hồn chân thành tha thiết với thể đạo nhân tâm, rất ít thấy ở các bậc tuổi tác tiền bối.

Cố Đạo Trưởng Định Pháp thường đàm đạo với chúng tôi bày tỏ bao nỗi ưu tư đối với thế đạo suy vi, đạo đức đồi trụy, tín ngưỡng bại hoại, tiền đồ tôn giáo mỏng manh nên cố Đạo Trưởng đã nhiệt tình cùng với Hội Thánh Truyền Giáo tìm cách liên giao tôn giáo, xiển dương đạo lý, chung sức lập nên bức tường thành tín ngưỡng kiên cố cản ngăn làn sóng đồi trụy tội lỗi. Do đó từ năm 1956, Minh Lý Thánh Hội đã cùng với Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức các buổi tiếp xúc liên giao tôn giáo với các nhà lãnh đạo trong và ngoài nước như Nhật Bản, Mã Lai, Trung Hoa Quốc Gia, v.v... Hồi năm 1957 cùng đứng lên thành lập Ủy Ban Liên Giao Tôn Giáo Việt Nam với sự tham dự của cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, các Hòa Thượng Minh Trực, Thành Đạo chùa Phật Ấn, cùng một số quý vị khác.

Từ năm 1967, nhận thấy nhu cầu xiết chặt đoàn kết liên giao tôn giáo phải bắt đầu từ gần ra xa, cố Đạo Trưởng Định Pháp lại cùng Hội Thánh chúng tôi đã thành lập Hội Đồng Liên Giao Chi Phái Đại Đạo, với sự tham dự nòng cốt của bốn phái là Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo, Hội Thánh Tiên Thiên và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, với chủ tâm thực hiện kế hoạch huấn luyện giáo sĩ, đào tạo nhân tài, hầu quảng truyền chánh giáo, hoạt động văn hóa xã hội và có người kế tục sự nghiệp Đại Đạo. Vì kinh nghiệm một đời hành đạo của cố Đạo Trưởng cho thấy là *nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân*, nên cố Đạo Trưởng quan niệm muốn giải quyết mọi vấn đề nhân sinh phải lấy con người làm trọng tâm và trước hết phải cần xây dựng con người. Từ đó, cố Đạo Trưởng đã ngày đêm chuyên chú tâm lực nghiên cứu soạn thảo kinh điển, để thành lập bộ giáo lý của Minh Lý Thánh Hội làm căn bản chủ thuyết huấn luyện đào tạo chức sắc và đạo tràng, và làm khuôn vàng thước ngọc cho việc truyền đạo đời đời. Việc kiến tạo Bác

Nhã Tịnh Đường ở Long Hải cũng nằm trong ý hướng dùng làm nơi nghiên cứu tu học đào tạo giáo sĩ. Sự chuyên tâm nghiên cứu soạn thảo kinh sách này đã làm hao mòn, suy giảm sức khỏe của cố Đạo Trưởng không ít.

Nhờ học thức uyên bác và nghị lực hoạt động dồi dào, cố Đạo Trưởng đã liên kết với nhiều nhà trí thức đạo tâm và đã mở rộng phạm vi hoạt động tôn giáo cổ hữu mà tổ chức nào là lớp học Nho Giáo, Khổng Học, lớp học Dịch lý, lớp học Hán tự, những buổi thuyết giảng về văn hóa, đạo đức, v.v... dần dần biến cơ sở Tam Tông Miếu thành một trung tâm truyền bá phát huy tinh thần đạo lý dân tộc Đông Phương.

Mặt khác, với tấm lòng bác ái vị tha mênh mông vô lượng, cố Đạo Trưởng đã tích cực tham gia tán trợ hữu hiệu các công tác cứu trợ xã hội, như cứu trợ nạn nhân bão lụt của năm 1964, 1966, 1970, 1971 và gần đây, các công tác cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc tại miền Nam và ngoài Trung.

Trên đây chỉ tóm lược những nét đại cương về công nghiệp lớn lao của cố Đạo Trưởng Định Pháp trên phương diện cổ xúy đạo đức, xiển dương văn hóa, tôn giáo, nhất là trong liên hệ thân giao giữa Minh Lý Thánh Hội và Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, chưa kể đến bao công nghiệp khác mà cố Đạo Trưởng Định Pháp đã thực hiện riêng cho nội bộ Minh Lý Thánh Hội mà thành tích rõ ràng xán lạn nhất là ngôi chùa Tam Tông Miếu đồ sộ tráng lệ hiện nay. Hai mươi bốn năm trụ trì Tam Tông Miếu, một hạnh chân tu vẹn toàn, một tâm bồ tát từ Thiên phong Thanh Tịnh Sư tiến dần lên Khiết Tịnh Sư, Vĩnh Tịnh Sư, Siêu Tịnh Sư và từ năm 1966 giữ chức Định Pháp Tổng Lý Thánh Hội, cố Đạo Trưởng đã vững tay lái cơ Thánh Đạo phát triển đạo tràng ngày thêm đông đảo, bành trướng cơ sở ngày thêm quy mô, đem ảnh hưởng đạo đức gián tiếp phổ cập

trong toàn dân gian qua lịch Tam Tông Miếu, một sáng kiến độc đáo đầu tiên, nhất là trong thời Pháp thuộc. Công nghiệp lớn lao to tát như vậy so với sức một người quả thật là xuất chúng siêu phàm vậy.

Than ôi! Hoài bão chưa thành, lý tưởng chưa đạt, sự nghiệp lớn chưa xong, cố Đạo Trưởng Định Pháp đã vội đăng tiên, để lại trăm mối ngổ ngang, muôn vàn đau xót tiếc thương cho toàn chúng ta.

Giữa thời buổi loạn ly, dân tộc điêu linh, đạo đức băng hoại, tôn giáo khảo đảo, những bậc chân tu đạo cao đức trọng, những bậc lãnh đạo tôn giáo uy nghiêm thánh triết chí khí thao lược lỗi lạc, trọn đời hy sinh thân tâm như cố Đạo Trưởng Định Pháp quả là vô cùng hiếm hoi, nên sự quý liểu của cố Đạo Trưởng giữa hoàn cảnh đời đạo hiện nay quả là một thiệt thòi lớn lao cho công cuộc phát huy tôn giáo phục hưng đạo lý nói chung và cho lý tưởng hợp tác giữa hai Hội Thánh Minh Lý và Truyền Giáo, với mỗi tâm tình cố tri đồng thanh đồng khí, cùng chung hoài bão lý tưởng, tuy không cùng chung tổ chức giáo hội nhưng cùng đồng tâm tư chí hướng, sự đau xót thương tiếc lại càng vô cùng áo não.

Nay cố Đạo Trưởng đã ra người thiên cổ nhưng công nghiệp vĩ đại còn để lại uy nghi, uy đức còn lẫm liệt rạng ngời, ảnh hưởng còn tỏa ra khắp xa gần, chúng tôi tin rằng giác linh cố Đạo Trưởng ở miền tiên cảnh sẽ luôn đem uy lực thiêng liêng phò trì Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và toàn thể những bậc đạo tâm thiện chí trong các đạo giáo, cùng gần gũi cộng tác nối tiếp phát huy lý tưởng Đại Đạo và hoằng dương sự nghiệp vinh quang, hầu thực thi hữu hiệu vai trò tôn giáo cứu độ, đem lại chân hòa bình hạnh phúc cho đất nước và thế gian, theo đúng ước nguyện bình sinh của cố Đạo Trưởng và chúng tôi.

Tác thành kính xin cố Đạo Trưởng Định Pháp linh thiêng chứng chiếu. Than ôi! Vĩnh biệt!

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

TRẦN LUYỆN

*Tổng Đoàn Trưởng Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn
Phụ tá đại diện ngoại giao Hội Thánh Truyền Giáo
phụng độc.*

*

5. THƯ CHIA BUỒN CỦA CHƠN ĐỨC THIÊN VIÊN

Gia Định, ngày 22 tháng 12

Kính gửi: QUÝ NGÀI CHÚC SẮC
MINH LÝ THÁNH HỘI

Thưa Quý Ngài,

Vừa nghe tin Ngài Đạo Trưởng MINH THIÊN viên tịch ngày 21-12-1972 (16-11 Nhâm Tý), chẳng khác nào sét đánh ngang tai, thật đau đớn biết bao!

Tôi lấy làm ngậm ngùi thương tiếc!

Thương một vị Đại Thiên Tri Thức, đức độ siêu phàm, trí huệ xuất chúng, suốt đời hết lòng phụng sự đạo pháp.

Tiếc một bậc Trưởng Lão Siêu Tịnh Sư, trang nghiêm đạo hạnh, lại giàu lòng bác ái, năng chùng phước điền cho các giới hữu duyên.

Những tưởng Ngài Đạo Trưởng còn thọ lâu dài để tiếp tục tài bồi công đức, không ngờ hôm nay Ngài Đạo Trưởng nhứt biệt trường từ.

Hỡi ôi! Minh Lý Thánh Hội đượm màu áo nã, Bác
Nhã Tịnh Đường đây về thê lương!

Từ đây chúng ta mất một vị Đạo Sư gương mẫu.

Tuy nhiên, theo thiên kiến của tôi, khi sanh tiền, Ngài
Đạo Trưởng đã dày công hành đạo và hoằng đạo thuần
tánh chất trọn lành, thì đương nhiên lúc tử hậu, Ngài Đạo
Trưởng, cũng như các bậc tiền hiền, có thừa phước đức
cao cả để trở về nguồn gốc trọn lành, giải thoát tự tại.

Tôi xin nhứt tâm cầu nguyện Ngài Đạo Trưởng sớm
tiêu diêu ở cõi thọ an lạc vĩnh cửu và chơn thành phân ưu
Minh Lý Thánh Hội.

Kính thơ,

Viện Chủ Chơn Đức Thiền Viện

Hòa Thượng Thiền Sư Thích Từ Quang

*

6. ĐIỀU VĂN CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH GIÁC NHIÊN (Tổng Trị Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam)

Tuyên đọc trước linh cữu của cố Đạo Trưởng Định Pháp
Tổng Lý Minh Thiện là một vị lãnh đạo Minh Lý Thánh Hội,
đã viên tịch tại chùa Tam Tông Miếu
ngày 16 tháng 11 năm Nhâm Tý.

Hỡi ôi!

Bóng quang âm thấm thoát

Ngày tháng tự thoi đưa

Kiếp con người là kiếp sống tạm thừa

Ôi! Thấy đó rồi bỗng liền mất đó!

Đúng với câu:

Cuộc đời có hợp không tan

Thì đâu có sự bẽ bàng thế ni!

Cuộc đời có hiệp không ly

Thì đâu có nỗi sầu bi đoạn trường!

Đạo Trưởng hỡi!

Hôm nay Ngài cách biệt

Bỏ đàn con chiu chắt lại bơ vơ

Giữa hôm nay làm ai cũng bất ngờ

Cả huynh đệ đành bó tay rơi lệ!

Đạo Trưởng tịch, mất đi vì sao sáng

Cả đệ huynh mất đi một Thầy hiền.

Cả chúng sanh mất đi một cơ duyên

Cả tử muội mất đi người khả kính.

Đạo Trưởng ra đi để lại biết bao người mến thương luyến tiếc

Khắp bá gia đều thống thiết u buồn

Cả mọi người đều giọt lệ sầu tuôn

Mất Đạo Trưởng như mất người duy nhứt.

Đạo Trưởng hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi

Cũng là trường thọ cao niên khá lắm

Trên thế gian cũng là hiếm có

Nhưng giữa cảnh tử biệt sanh ly

Kẻ ở người đi kẻ còn người mất

Đau bấy tâm cam lòng chua xót

Thương tình cách biệt lệ đầm sa

Trọn đời gương mẫu lo cho Đạo

Suốt kiếp hy sinh chẳng kể mình

Hơi thở cuối cùng tròn bổn phận

Một lòng giáo hóa độ quần sinh

Đạo Trưởng hỡi! Sao nỡ đành xa cách?

Bỏ bao người lại đành phải ra đi

Vẫn biết rằng hò sanh ký tử quy

Nhưng không thể ngậm ngùi khi viễn cận

Mượn thiên bút để phân bài tường tận
 Tác lòng thành để trút cạn nỗi niềm
 Đạo Trưởng Ngài xin an ngự chứng miêng
 Lời kính diếu, giác linh Ngài chứng giám.

Hỡi ôi!

Đời người như một giấc mơ
 Trăm năm nào khác cuộc cờ đôi thay!
 Tuần huòn máy Tạo chuyển xoay
 Chết đi sống ở xưa nay lẽ thường.
 Hôm nay thâm nỗi đoạn trường
 Tình Thầy nghĩa đệ hai đường cách xa.
 Gã trong số kiếp người ta
 Có sanh có tử ấy là xưa nay.

Nên nói:

Vô thường không hẹn ngày nào đến
 Trút một hơi rồi mãi kiếp tu.
 Ôi! Xét gã một đời người ngắn ngủi
 Hơi ra vào mà bỗng lại tắt ngang.
 Rồi mai kia một nắm mộ xương tàn
 Thôi hết kiếp ai còn đâu nói luận.
 Thân tứ đại bởi vì do ngũ uẩn
 Nếu hiệp thì ắt phải có ngày tan.
 Xót nghĩ ra giọt lệ nhỏ dầm chan
 Bởi kiếp sống con người trong nháy mắt.
 Đời tạm giả có chi đâu bền chắc
 Sống ngày nay mai chết mất còn chi?
 Thế gian này hết lúc hiệp rồi ly
 Khổ khổ khổ, có gì đâu vui sướng!
 Hỡi xét lại theo lòng tôi nghĩ tưởng
 Cách nơi đây chẳng có được bao lâu...
 Mà hôm nay để bao kẻ âu sầu

Thương mến tiếc bóng hình Ngài mãi mãi.
 Đạo Trưởng hỡi, đã quên mình chẳng ngại
 Hy sinh đời quyết tâm đạo tu hành.
 Mong làm sao chứng đắc quả vô sanh
 Hầu cứu độ cứu huyền cùng thất tổ.
 Ân sanh chúng mong đáp đền báo bổ
 Nghĩa đàn na tín chủ trả cho rồi.
 Hầu thoát ra khỏi những kiếp luân hồi
 Đường sanh tử không còn chi lai vãng.
 Công hạnh Ngài chắc viên tròn quả mãn
 Nên hôm nay mới vội đã quy về.
 Thương mọi người trong bối cảnh ử ê
 Thương huynh đệ không thấy hình Ngài nữa.
 Thương tỷ muội không thấy Thầy hằng bữa
 Thương mến Người, thương tiếc mến thương Ngài.
 Thương mến Ngài với một tấm lòng ngay
 Thương rồi nhớ, nhớ thương người yêu mến.
 Đạo Trưởng hỡi! Năm mươi bốn năm Ngài đến
 Lắm công tu đức hạnh đã cao dày.
 Rồi hôm nay tình cảnh phải chia tay
 Tình Sư đệ ôi thôi còn chi nữa!
 Đúng với câu:
 Mây tàn tuyết tan
 Hoa tàn nguyệt khuyết.
 Bèo hợp để rồi tan
 Hoa nở để rồi tàn.
 Trăng tròn lần rồi khuyết
 Người sống tất biệt ly.
 Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
 Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.
 Suốt đời lo tu học dòm trau
 Nay nhắm mắt quy về nơi cõi tịnh.

Đành bỏ lại bao nhiêu người bịn rịn
 Đành ra đi không chút luyến trần ai.
 Đành chia tay người quen thuộc từ nay
 Đành cắt đứt mối tình người thương mến.
 Đáng thương tiếc Ngài sớm về cõi Phật
 Bao đệ huynh đành phải chịu bơ vơ.
 Nhận lạc bầy còn trông qua hiệp
 Thầy xa trò bao thuở đoàn viên?
 Vắng Đạo Trưởng dạ nào có yên
 Nay cách bóng lệ tuôn dòng mấy lượt.
 Ba tác đất không cách bao nhiêu thước
 Mà không nhìn gặp lại bóng người xưa.
 Nằm trong lòng đất lạnh chịu nắng mưa
 Mặc tuyết đổ phủ phàng phơi sương gió.
 Chỉ làm bạn với hoa ngàn cỏ nội
 Tiếng ve sầu thêm tiếng dế ngân sầu.
 Huynh đệ buồn tìm chẳng thấy nơi đâu
 Ba tác đất, ôi ngàn năm khó gặp!
 Vì là kẻ mất người còn, kẻ ở người đi
 Thương nhau chỉ có âm thầm nguyện.
 Mến tiếc chẳng chỉ có dòng châu
 Gặp nhau chỉ giấc chiêm bao mộng.
 Lưu luyến muốn còn chẳng được đâu
 Bởi đời là quán trọ.
 Kiếp thế nhân là khách lữ hành
 Dừng chân tạm nghỉ rồi ra đi
 Sóng gởi thác về trong nháy mắt.
 Sanh ly ai nào không tẻ tái
 Tử biệt lắm kẻ khóc đưa đi.
 Xét ra trần thế ích gì
 Tử sanh, sanh tử biệt ly là thường.
 Phật dạy ba cõi sáu đường

Luân hồi đảo lộn không lường xuống lên.
 Niết bàn là chỗ cao trên
 Bất sanh bất diệt thường bền vững an.
 Giờ tiễn biệt dương gian đành xa cách
 Cảnh bụi ngùi nhớ lại bóng người xưa.
 Kể từ nay hết dẫu dãi gió mưa
 Mặc tuyết đổ phủ phàng trong sương nắng.
 Ôi nhắc đến tâm lòng tôi cuộn quặn
 Người sống còn kẻ đành bỏ ra đi.
 Cảnh nào buồn bằng tử biệt sanh ly
 Cảnh nào nhớ bằng Thầy xa đệ tử.
 Cảnh nào khổ bằng biệt ly bạn lữ
 Cảnh nào buồn bằng Đạo Trưởng tịch rồi.
 Cảnh nào thương bằng tỷ muội mến thương
 Cảnh nào tiếc bằng chúng sanh luyến tiếc.
 Bốn đạo thành tâm nhứt khẩn nguyện
 Giác linh Đạo Trưởng có linh thiêng
 Ban cho bốn đạo càng tinh tiến
 Nói chí Ngài tu đến Phật tiền.
 Tiếc thay một đấng đã chọn tu
 Suốt kiếp trọn đời quyết tịnh tu
 Giữ giới ăn chay gìn bốn tánh
 Ngày đêm trau luyện phép công phu.
 Hôm nay đạo quả đã vương tròn
 Phật Giáo ghi vào một điểm son.
 Lịch sử ngàn năm còn tiếng tốt
 Non mòn biển cạn, tiếng không mòn.
 Lễ táng hôm nay rất đủ đầy
 Tiễn chân tạm biệt kẻ từ đây.
 Đưa đi thương tiếc tình xưa cũ
 Linh cảm trào dâng lệ đổ đầy.
 Cứu phẩm liên hoa về tòa ngự

Đến nơi Phật quốc kể từ đây.
 An nhàn tự tại siêu phàm tục
 Tán tụng công tu đức hạnh dày.
 Giờ đây bốn đạo khắp gần xa
 Nhất trí đồng tâm giữ hiệp hòa.
 Lễ táng thi hài Ngài Đạo Trưởng
 Cầu sinh Phật quốc sớm siêu qua.
 Văn thơ lưu niệm ngày xa cách
 Câu kệ truyền lưu chẳng xóa nhòa.
 Thử xác xa nhau tuy cách biệt
 Tình Sư nghĩa đệ chẳng hề xa.
 Ôi diễm tả không làm sao nói hết
 Nỗi sâu thương của những kẻ mến thương.
 Tóm tắt đây chỉ có một vài trang
 Để tiễn biệt giác linh thầy Minh Thiện.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi
 Tiếp Dẫn Giác Linh A Di Đà Phật.

PHỤ LỤC II: NĂM BÀI GIẢNG ĐẠO

1. Nhơn Đạo Và Thiên Đạo

Bài giảng của **NGÀI MINH THIỆN**
 nhân lễ kỷ niệm lần thứ 32 Minh Lý Đạo khai
 Đêm 25-11 Ất Mùi (07-01-1956)

Thưa quý vị đại biểu các chi phái,

Thưa chư quý ông, chư quý bà,

Thưa các đạo hữu nam nữ,

Hôm nay là lễ *Minh Lý Đạo khai*, châu niên kỷ niệm, năm thứ 32.

Đạo Minh Lý khai vào ngày 26 tháng 11 năm Giáp Tý, theo dương lịch là 22 tháng Chạp năm 1924. Tới nay là tháng 11 năm Ất Mùi, theo dương lịch là năm 1956, Đạo Minh Lý đã tồn tại và trải qua một thời gian là 31 năm rồi.

Trên nói Đạo Minh Lý khai vào ngày 26. Kỳ thiết, nói ngày 27 đúng hơn. Tại sao?

Vì đàn cúng khai tối 26, mà tới giờ Tý, Đạo Tổ mới ban hai chữ Minh Lý. Ngày 26 mà hết giờ Hợi, bước qua đầu giờ Tý, có phải là kể ngày 27 chăng?

Vậy ngày khai Đạo Minh Lý chánh là:

Năm Giáp Tý,

Tháng 11 là tháng Tý (vừa qua tiết đông chí),

Ngày 27 là ngày Tý,

Giờ khuya là giờ Tý.

Tý là ngôi thứ nhứt thuộc dương, dẫn đầu 12 địa chi. Sách có câu: *Thiên khai u Tý, địa tịch u Sửu, nhơn sanh u Dần*. Nghĩa là: Trời bắt đầu từ Tý, đất bắt đầu từ Sửu, người bắt đầu từ Dần. Đạo Minh Lý chủ về Tiên Thiên, nên cần phải chọn năm tháng ngày giờ thuộc Tý như thế.

Chúng tôi rất hân hạnh mà đặng thấy quý ông quý bà dòi gót đến đây, trước là dùng một bữa cơm chay lầy thảo, để chung vui với chúng tôi, sau là lễ bái Phật Trời, và giúp cho Đạo Minh Lý một câu nguyện lành, thì còn chi quý hóa hơn nữa. Vậy tôi xin thay mặt cho toàn thể môn đạo mà cảm tạ các Ngài có lòng tưởng đến chúng tôi trong buổi lễ này.

Ngày nay, Minh Lý môn sanh tề tựu tại chùa, cốt để:

1. Hồi tưởng công đức của Đức Thượng Đế và Tam Giáo Thánh Nhơn có lòng từ bi khai Đạo, chư Phật chư Tiên nhọc công dạy dỗ bấy lâu, ngõ hầu diu dắt nhơn sanh ra khỏi sông mê bể khổ, mà lên bên kia bờ là nơi giải thoát.

2. Gặp gỡ các đại biểu chi phái để liên lạc cùng nhau, và thắt chặt tình thân ái giữa các mối đạo.

Mỗi năm, chúng tôi chỉ có ngày kỷ niệm này là lễ riêng. Còn kỳ dư các lễ chung khác, thì ai cũng có phận sự cúng bái theo phái của mình, nên không có đủ ngày giờ để hội hiệp với nhau được.

3. Nhắc nhở người trong Đạo Minh Lý những nguyên tắc lớn tu hành của Tiên Phật đã vạch sẵn cho chúng sanh.

Về mấy năm trước, tôi có dẫn sự tích khai Đạo Minh Lý, giải lý Tam Giáo hiệp nhứt, nghĩa hiệu Đạo Minh Lý, hiệu chùa Tam Tông Miếu, lý bản đồ hòa hậu, phép tánh mạng song tu, cách sắp đặt thờ phượng, v.v... Hôm nay, tôi xin bày giải ý kiến của người Đạo Minh Lý đối với Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

NHƠN ĐẠO

I. ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH, THÂN TỘC (NHƠN ĐẠO)

Cái thuyết gia đình thân tộc, gọi tắt là thuyết gia tộc, thuộc về luân lý học, từ xưa đến nay, dầu ở xứ nào cũng phải có. Nhưng ở Đông phương ta, cái thuyết này đặng tôn trọng hơn hết.

Luân lý học có nhiều thuyết, mà thuyết có thống hệ rõ ràng và truyền bá rộng rãi trong xứ ta là thuyết của Đức Khổng Tử, tức là vị Giáo Chủ của Nho Giáo. Chúng tôi thờ Đức Khổng Tử tại chùa này, là vì chúng tôi chịu ảnh hưởng thuyết luân lý của Ngài.

Cha con, vợ chồng, anh em là ba trụ cột của gia đình trong nước ta. Chúng ta sớm biết cách đối đãi cùng nhau và gây nên hạnh phúc vững chãi trong gia đình, là nhờ sự thân ái đậm đà, cảm tình khẩn khít, trật tự nghiêm chỉnh, tâm chí hiệp hòa.

Nếu trong nhà, lớn không biết thương nhỏ, dưới không biết kính trên, ai lo quyền lợi riêng nấy, cứ chống chọi, chia rẽ nhau hoài, thì gia đình phải ngửa nghiêng, sụp đổ. Thế là ta tự tạo sự phiền não, khổ sở cho ta. Dầu ta có than trời trách đất, thì trời đất cũng vô phương cứu chữa.

1. Cha con

Đây nói cha con là nói vấn tắt. Kỳ thiết, phải nói: cha mẹ và con cái, mới là đủ chữ.

Sách có câu: *Tinh cha huyết mẹ*, nghĩa là: Đứa con nhờ tinh của cha mà sanh, nhờ huyết của mẹ mà thành. Tinh huyết rời nhau thì không sanh cũng không thành. Xét kỹ thì cha sanh mẹ thành, công đức của đôi bên cũng ngang bằng như nhau. Nhưng phận sự trong gia đình có khác.

Cha là tượng trưng của sức mạnh, cương quyết và công lý. Còn mẹ là tượng trưng của sự dịu dàng, chịu đựng,

và an ủi. Xét về sự dạy dỗ con cái, cũng như về các phương diện khác, cang nhu phải dung hòa nhau, bổ cứu lẫn nhau, thì mới đạt được kết quả tốt đẹp.

Nếu cha đi đằng cha, mẹ đi đằng mẹ, thì con cái biết theo ai đây? Dầu theo đằng nào cũng là thiên về một bên, khó mà trúng được nẻo trung chánh.

Cái sức mạnh, cương quyết thái quá có hại, phải nhờ có sự dịu dàng, chịu chuộng đẽ kèm hãm bớt, mới đi đến mức trung hòa. Cái dịu dàng chiều chuộng thái quá cũng không lợi, phải nhờ có sức mạnh, cương quyết đẽ khởi, mới đạt được kết quả đúng đắn.

Cha mẹ phải nương nhau, hòa hiệp nhau, để nêu cao gương lành cho con cái bắt chước. Xin đừng tưởng mình là người lớn, muốn làm chi thì làm mà không đếm xỉa tới con cái. Nên nhớ: Hành vi xấu xa của mình, gieo vào đầu óc non nớt của trẻ con, làm cho chúng nó suốt đời phải chịu ảnh hưởng chẳng lành ấy.

Cha. Cử chỉ của người cha phải cho công bình đúng đắn, vì cha là danh vọng của các trẻ con. Trẻ con thường coi cha là một người phải kính phục, đáng kính phục, là một vị nghiêm chủ trong gia đình. Nó tin tưởng người cha nó có đủ các đức tánh tốt.

Mặc dầu con cái còn nhỏ, người cha đối với chúng nó không nên gạt găm, cộc cằn, áp bức. Trẻ con lại cũng để ý đến cách cư xử của cha đối với mẹ nó. Nếu cha thiếu lễ độ, hà hiếp mẹ nó, thì nó cũng đau đớn và mất sự tin cậy nơi cha nó.

Trong gia đình người cha tuy nghiêm nghị, nhưng có lúc cũng phải tỏ ra vui vẻ, vì tánh vui vẻ mới gây được cảnh êm đềm, hòa khí. Người cha cũng cần phải thường hỏi han chuyện xảy ra trong nhà, để tìm hiểu tâm tánh của

mọi người và trừ nghĩ phương pháp giúp ích họ.

Nếu người cha không thường gần gũi với con cái, chúng nó chỉ biết theo bên mẹ mà thôi. Mà mẹ thường bị tình cảm thiên lệch chi phối. Nếu nó chỉ nghe lời mẹ nó, mà không chăm chú đến lời dạy của cha nó, thì sau này dầu cha nó có dùng roi vọt, cũng khó làm cho chúng thiệt vọng lời mình. Đó là một sự hối hận không phải nhỏ vậy.

Người cha phải luôn luôn khuyến miễn con cái về đường học hỏi, phải lưu tâm đến sở thích của nó và khai hóa chúng nó lần lần, để tập thành một nghề nghiệp bảo đảm sự sanh sống trên đời. Đó cũng là một yếu tố để hòa hiệp cha và con. Vì cha đã lo tương lai cho con, thì lẽ nào con lại quên ơn mà không tưởng đến cha hay sao?

Người cha đối ngoại, nên phận sự rất nặng nề. Bài *Khuyến Hiếu* của Đạo Minh Lý có câu:

*Chịu nắng lại dầm mưa,
Cơm tiền cha chẳng tiếc.
Chỉ chẳng quản nhọc nhằn,
Vì thương con rất thiết.*

Mẹ. Người mẹ là nội trợ, tuy không bôn nam tẩu bắc, trải gió dầm sương, nhưng phận sự cũng lắm nhọc nhằn, có khi quên ăn bỏ ngủ, chớ không phải dễ dàng như nhiều người lầm tưởng.

Nội một việc sanh con, mang nặng đẻ đau và nuôi con cho đến trưởng thành, người mẹ phải trải qua biết bao nhiêu sự gian lao cực khổ, nhứt là trong lúc đứa bé bị bệnh hoạn. Bài *Khuyến Hiếu Ca* có câu:

*Chín tháng mẹ cưu mang,
Không đem lòng oán siết.
Lại đến lúc lâm bồn,
Tâm thân thêm rữ rệt.*

*Mắt thấy đặng con thơ,
Hao hơi gần muốn tuyết.
Nhũ bộ trọn ba năm,
Càng tiêu khô hải huyết.*

Người mẹ thường hay ở nhà, nên gần gũi với con cái nhiều hơn. Muốn dạy dỗ con cháu cho đắc lực, thì lời nói của người mẹ phải có tình tứ, giọng nói thiết cho dịu dàng. Chớ nên có những lời quạu quọ, đặng cay, xuyên tạc.

Người mẹ nên kể chuyện phước thiện, hoặc nhắc câu đạo đức, hoặc đặt ra những nguyên tắc cao quý, để cho con cái rút trong đó những bài học kinh nghiệm.

Nhưng lời nói chẳng qua đức hạnh, gương lành cụ thể diễn ra trước mắt. Người mẹ phải luôn luôn có nét mặt tươi sáng, có đức tánh cao quý, để hấp dẫn con cái gần mình, mới dễ thuyết phục chúng nó.

Dầu gặp phải một cảnh trái ý, đứng trước mặt một tình thế buồn lo, thất vọng, người mẹ cũng phải luôn luôn giữ thái độ vui vẻ. Người mẹ phải là cái gương mẫu nhẵn nại, hơn nữa phải an ủi mọi người, phá tan không khí bất bình, để gây sự vui vẻ trong cảnh gia đình. Người mẹ muốn thành công trong phận sự mình, có tánh tình tốt chưa đủ, còn phải giữ vệ sinh cho thân mình, áo quần sạch sẽ, tóc phải chải tề. Đó chẳng phải là những điều kiện để giữ sức khỏe mà thôi, lại cũng cần ích để gieo thiện cảm chung quanh mình nữa. Xin ai đừng xem thường khoản này mà bỏ qua.

Trên là kể các phận sự của người làm cha mẹ phải vụ tất. Có làm đúng theo đó mới là đặng con cái mền phục, tín nhiệm. Con cái có mền phục, tín nhiệm thì chúng mới hết lòng vưng lời. Nhờ đây, sự dạy dỗ chúng mới đặng kết quả mỹ mãn.

Con. Con cái phải đối với cha mẹ như thế nào?

Bổn phận của con cái là phải cung kính và vưng lời cha mẹ. Mà chúng nó biết cung kính và vưng lời hay không, là do tư cách và phương pháp dạy dỗ của cha mẹ từ buổi con còn thơ ấu.

Cha mẹ cần phải cương quyết đối với con cái ngay lúc ban sơ. Nhứt là không nên nhượng bộ trước những ý muốn ướm nở, chịu chuộng theo những dục vọng hay thay đổi của con. Chớ tưởng lầm rằng làm như thế là thiếu tình thương yêu.

Nếu để con muốn gì đặng nấy, tập quen tánh thành rồi, chỉ chừng lớn lên nó bắt buộc cha mẹ phải làm theo ý muốn của nó. Lúc đó, cha mẹ dầu có dùng roi vọt mà sửa trị nó, thì cũng không chắc là đặng thành công.

Lại cha mẹ phải đối đãi với trẻ con một cách lịch sự, như đối với người cộng sự cùng mình. Nên dùng những lời nói khả ái, những phương pháp thích ứng, để cảm hóa đứa bé. Trẻ con càng ngày càng lớn, mỗi khi có phạm lỗi, thì cha mẹ phải khuyên bảo thế nào cho nó biết nhận thấy lỗi của nó.

Cần phải dạy cho nó hiểu lễ phép. Khi có khách đến, người lớn xá chào nhau, thì cha mẹ nên chỉ cho con xem gương đó mà bắt chước. Người lớn nên dạy cho con trẻ tập nói tiếng lễ phép với cha mẹ, cho nó quen miệng. Như nói: Cám ơn má, dạ thưa ba, v.v... thế vào những tiếng thô lỗ, tục tằn.

Những việc dạy dỗ nói trên, mới nghe qua dường như không quan hệ mấy. Nhưng đó là một hạt giống tốt gieo trong đầu óc của trẻ con. Hạt giống này sẽ phát triển lên và có ảnh hưởng rất mạnh về sau, đến các cử chỉ của chúng suốt đời.

Khi con cái đã lớn, thành nhơn rồi, Đức Khổng Tử có nêu trong bộ *Hiếu Kinh* hai cang lãnh như sau này:

a. *Vóc hình cho tới tóc da,
Đều nhờ cha mẹ sanh ra mọi đàng.
Xin đừng hủy hoại thương tàn,
Đầu tiên chữ Hiếu là toàn bảo thân.*

Đó là nói về xác thân của con, tức là di thể của cha mẹ, thì con hiếu phải luôn luôn giữ nó cho lành mạnh, tránh khỏi thương tích, tật nguyên.

b. *Lập thân hành đạo ân cần,
Danh thơm tiếng tốt, truyền lãn về sau.
Vinh cha hiển mẹ mới mau,
Đây là chữ Hiếu rốt sau phải cầu.*

Còn đây là luận về tinh thần, con hiếu phải lo lập thân danh, noi đường chánh đạo, làm sao cho cha mẹ đặng tiếng tốt danh thơm.

Ngoài ra, có nhiều người đệ tử hỏi về chữ Hiếu. Đức Khổng Tử dạy mỗi người mỗi khác nhau, là tùy theo tánh hạnh của họ.

Như dạy ông Mạnh Ý Tử, thì Ngài nói: *Vô vi*, nghĩa là: Không trái lễ. Khi cha mẹ còn sống, thì phải phục sự theo lễ; khi cha mẹ qua đời, thì phải chôn cất theo lễ, cúng tế đơm quải theo lễ.

Như dạy ông Mạnh Vũ Bá, thì Ngài nói: *Phụ mẫu duy kỳ tạt chi ưu*, nghĩa là: Cha mẹ chỉ lo cho con bệnh hoạn. Người làm con hiếu phải đổi lòng cha mẹ ra lòng mình, giữ mình đừng bệnh hoạn, cho cha mẹ khỏi ưu phiền.

Như dạy ông Tử Du, thì Ngài nói: *Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ?* Nghĩa là: Người nay nuôi được cha mẹ, gọi là hiếu. Trộm nghĩ: Nuôi thì như nuôi chó, nuôi ngựa, nếu không kính, thì lấy chi để phân biệt?

Còn dạy ông Tử Hạ, thì Ngài nói: *Sắc nan*, nghĩa là: Sắc mặt là khó. Nếu chỉ dung cơm, rượu, cho cha mẹ, mà gương mặt buồn bực, quạu quọ, thì cha mẹ ăn uống đâu có vui gì.

Đó là tôi chỉ kể sơ những điều đại khái mà thôi. Còn muốn hiểu rộng, thỉnh xem các kinh sách Nho, như là bộ *Hiếu Kinh*, mà đạo Minh Lý mới in phát ra cho thập phương bá tánh.

2. Chồng vợ

Người xưa nói: Chồng chúa vợ tôi. Thử xét coi cái nghĩa này có đúng hay không?

Theo ý kiến của chúng tôi, đúng cho người xưa mà trái cho người nay. Đúng cho người thế gian mà trái cho người đạo đức.

** Tại sao cái thuyết ấy đúng cho người xưa mà trái cho người nay?*

Vì người xưa cho khí dương thuộc về trời, khí âm thuộc về đất. Mà theo con mắt ta hiện thấy, trời đất có ngôi thứ như định: trời cao đất thấp. Cho nên mới có thuyết *quân quý thần tiệp, trọng nam khinh nữ*.

Cuốn Lý Học Cang Yếu nói: *“Dĩ thiên tôi địa ti, các hữu định vị, cố hữu: quân quý thần tiệp, trọng nam khinh nữ chi nghĩa”*, là theo lý luận vừa nói trên đó.

Theo đời xưa là vậy. Vì trước kia là đời quân chủ, nên nói: Quân quý thần tiệp, trọng nam khinh nữ, là phải. Còn ngày nay, nước ta là Việt Nam, căn cứ trên nền tảng dân chủ, không còn vua chúa nữa, lấy dân làm quý, một màu bình đẳng.

Còn cái thuyết trọng nam khinh nữ, hay là nói một cách khác: Chồng chúa vợ tôi, cũng dựa theo một nguyên tắc

thiên tôn địa ti đó. Cố nhiên, cái lý do đó ngày nay không thể đứng vững nữa được.

Huống chi, người xưa còn cô lỗ, mộc mạc, chỉ dùng sức mạnh nhiều mà thi hành mọi việc. Như đào sông phá núi, cày đất gánh gồng, ra trận mạc, dầm mưa gió, v.v... Chỉ có người đàn ông làm các việc đó, cho nên chồng gọi là chúa thì có phần phải. Người đàn bà chất yếu, liễu bở, không thể đảm đương các việc nặng nề, lẽ tự nhiên phải chịu khuất phục, nên gọi vợ là tôi.

Còn đời nay, cuộc diện đã đổi khác rồi. Người ta chỉ dùng máy móc là con đẻ của khoa học để thay thế cho mình, mà làm các việc nặng nề nói trên. Sức mạnh bây giờ chỉ có vai tuồng phụ thuộc. Trí huệ mới phải là vai chánh ở thời buổi này.

Việc học hỏi ngày nay của nữ giới cũng đang mở mang nhiều rồi. Hiện thời, có thiếu chi người đàn bà đa mưu túc trí, chẳng thua chi đàn ông. Cho nên e câu nói chồng chúa vợ tôi, vào lúc hiện tại, dường như lạc hậu và lỗi thời..

* *Tại sao cái thuyết ấy có đúng là đúng cho người thế gian, mà trái cho người đạo đức?*

Cuốn *Lý Học Càng Yếu* cũng có nói: “*Dĩ cô dương bất sanh, độc âm bất trưởng, cố tuy trọng nam ức nữ, nhi âm dương nhưng hữu bình đẳng chi nghĩa diên.*” Nghĩa là: Bởi riêng một dương chẳng sanh, riêng một âm chẳng trưởng (lớn), cho nên tuy nói trọng nam khinh nữ, mà âm dương vẫn có nghĩa bình đẳng.

Người xưa tuy nói: Trọng nam khinh nữ, chớ đã có nêu lên cái ý nghĩa bình đẳng kia rồi mà. Lậy có nào mà nói thế? Là bởi riêng nam hay là riêng nữ, thì chẳng làm chi nên được. Có phải là đề xướng cái thuyết cộng tác chẳng?

Cộng tác là mỗi bên đều có riêng thiên chức của Trời phú. Tùy theo thiên chức, bên nào làm được cái chi thì cứ

làm cái đó, rồi phải hiệp lại đôi bên mới là thành sự.

Tỷ như một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Mỗi mùa đều có phận sự khác, luân phiên với nhau, châu nhi phục thi. Cho nên ta phải nhận các hiện tượng trong trời đất đều là ở trong cuộc tuần hoàn. Đầu là đầu, đầu là đuôi? Đầu là lớn, đầu là nhỏ? Khó nói ra được.

Huống chi Phật nói: *Tâm chơn như bình đẳng*. Tiên nói: *Đạo theo đệ nhất là bình đẳng*. Thánh nói: *Dân vi quý* (lời của thầy Mạnh Tử). Chúng ta là người học đạo, lẽ nào không phăng ngược về nguồn gốc bình đẳng, mà cứ lưu liên mãi trong vòng phân biệt sao?

Luận về phận sự của cha mẹ, tôi có nói: Tinh cha huyết mẹ, cha sanh mẹ thành, thì hai bên công đức cũng ngang bằng như nhau. Nhưng phận sự trong gia đình của mỗi người có khác. Mà hễ cha mẹ như thế, thì vợ chồng cũng vậy, đồng theo một nguyên tắc lớn: *Bình đẳng và cộng tác*.

Nghĩa bình đẳng và cộng tác tôi đã giải bày rồi. Bây giờ, tôi xin bàn đến cách cộng tác của vợ chồng ra thế nào.

Trong gia đình, ta không nên để vợ chồng cùng chung làm một việc, mà phé hết các việc khác, nhưt là phận sự nuôi dạy con cái. Tương lai của gia đình là hy vọng nơi con cái. Phé sự nuôi dạy con cái, chắc là gia đình sau này phải sụp đổ.

Phải lập một cái chương trình chung, tùy sức khả năng mà chia công việc cho mỗi người. Đã biết rằng nam thuộc dương, nữ thuộc âm, đàn ông đàn bà khác tánh thì tự nhiên cảm xúc cũng phải khác.

Người đàn bà chủ tịnh thì nên chăm lo việc trong gia đình, giúp đỡ cho chồng con. Cái trách nhiệm của đàn bà là phải tạo sự êm ấm và hòa hài trong nhà. Còn phận sự của người đàn ông chỉ biết gia đình và vợ con một cách gián tiếp mà thôi.

Tại sao? Vì người đàn ông chủ động, mắc bận việc ở ngoài, với chức vụ, với bạn bè. Họ phải cạnh tranh với người đời, e thua sút mà phải mất mặt với bạn tác. Người vợ phải hiểu tâm lý ấy, chẳng những không vội trách chồng sao ít để ý đến vợ con, mà còn phải giục lòng chồng hăng hái thêm lên, để đi thành công ở ngoài.

Phàm làm người đàn bà, phải nghĩ đến chồng trước khi nghĩ đến thân mình. Một khi chồng hiểu rõ ý vợ rồi, thì làm sao lại không biết ơn. Dầu chồng có lỗi, vợ cũng phải làm như không biết những lỗi ấy. Người chồng nào biết xét, thì sau sẽ có ngày ăn năn, các tánh tốt của họ sẽ nhờ đó mà phát lên mạnh mẽ.

Đủ thấy hai bên vì tánh khác mà hành động phải khác. Một người vợ hiền phải tìm hiểu những nhu cầu của chồng, để giúp đỡ chồng đặng thành công trong các việc ngoài.

Cuốn *Bổ Cáo* của Đạo Minh Lý khởi đầu bằng mấy câu sau này:

*Tam Tông Giáo tuy là khác chủ,
Minh Lý rồi, phải đủ cả ba.
Thí như lập đặng tòa nhà,
Thiếu tay chủ quỹ, ai mà đơm đương.
Lại còn cần kẻ lo lường,
Nhọc công bồi bổ, mới thường ấm no.*

Đây nói một tòa nhà phải có người chủ quỹ là người đàn bà lo phần nội trợ bên trong và một người nhọc công bồi bổ là người đàn ông ra ngoài làm công cho có tiền để nuôi gia quyến, thì kẻ ở trong nhà ấy mới đặng ấm no, tức là hưởng phúc gia đình. Sách *Đại Học* kể ra tám điều mục, mà nêu cao hơn hết là *bình thiên hạ*.

* *Bình thiên hạ* nghĩa là gì?

Thầy Tuân Tử giải như vậy: Nhà nông hết sức cày cấy, nhà buôn tìm kế sanh lợi, người thợ tập ngón xảo khéo để làm ra các món dụng cụ. Còn từ bực sĩ, bực đại phu sắp lên cho tới công hầu không ai chẳng đem hết sức nhân hậu, sức hiểu biết của mình mà làm tròn phận sự chần dân, trị nước. Đó là chí bình, nghĩa là bình trị tốt bực, rốt ráo.

Cái nguyên tắc lớn: Bình đẳng và cộng tác, tùy theo khả năng của mỗi người mà làm việc, chẳng những nên áp dụng trong gia đình mà thôi, mà dầu ra ngoài xã hội, trong thiên hạ, muốn cho trị bình, chúng ta còn phải chú ý đến cái nguyên tắc ấy lắm. Xin chớ đem lòng tự ái quấy mà tranh giành quyền hành lớn nhỏ, cao thấp. Hãy ráng hiệp sức cho việc lợi ích chung đặng thành tựu là hơn.

3. Anh em

Luận về gia đình, chỉ nói cha con, chồng vợ, mà bỏ quên anh em ra ngoài, đó là một khuyết điểm chẳng phải nhỏ.

Anh em, nói cho đủ chữ, là anh em, chị em.

Anh em, chị em là những người cùng chung một cha một mẹ, cùng chung một dòng dõi. Họ sản đồng bào, hoài đồng nhũ, cũng là một khối huyết xắn ra làm năm, làm bảy. Cho nên bài *Khuyến Đế Ca* của Đạo Minh Lý, khởi đầu với câu:

*Một cội trở nhiều nhánh,
Anh em là cốt nhục.*

Lúc còn thơ ấu, anh thương em, em mến anh. Anh em chung ăn chung ngủ, cùng học cùng chơi, cực khổ có nhau, ngọt bùi chia sẻ, hễ vắng mặt một lát là tìm hỏi, thì còn ai tương thân tương ái như anh em nữa?

Bài *Khuyến Đế Ca* tiếp nói:

Xúm xít lúc thơ măng,

*Chung cùng đồng hẩm hút.
Ngọt béo cũng cam phân,
Yêu thương nhường nhịn nhục.
Vắng mặt hỏi han tìm,
Nào rời nhau một phút.*

Tới chừng dựng vợ gả chồng, sanh con đẻ cháu, anh em bị tình mê vật tể. Có kẻ nghe lời nói vô ra của vợ, mà anh em xung đột cùng nhau. Có kẻ vì một việc nhỏ mọn, mà quên tình nghĩa cốt nhục. Có kẻ giàu sang, chỉ biết quyền lợi riêng, đã không phù trì, giúp đỡ, lại còn khinh bạc anh em nghèo hèn là khác.

Bài *Khuyến Đế Ca* nói tiếp:

*Chớ tưởng sự sang hèn,
Đừng nghe lời xúi giục.
Ruột thịt rút quăng xa,
Sanh ra điều bất mục.
Đỡ giúp lúc tai nạn,
Không ngờ tình thủ túc.*

Sách xưa nói: Trên nghịch mẹ cha, dưới khinh thủ túc, là chỉ về hạng anh em vô nghĩa. Nếu huynh hữu đệ cung, anh em giữ tình tương thân tương ái như xưa, thì mới:

*Khởi phụ kẻ sanh thành,
Vô vong công dưỡng dục.*

Như anh em ở chung, nên vui vẻ luận đàm về đạo đức. Bằng anh em ở riêng, thường vắng lai để tỏ tình thân mật.

Còn chị gái và em gái, tuy xuất giá, chớ cũng là đồng bào. Ta luôn luôn phải huệ cố ân cần, thăm hỏi khi có người bệnh hoạn hay là gặp nạn tai.

Phải coi con cái của anh em, chị em, như con cái của mình. Lúc nào, cũng phải trông nom, binh vực chúng, cho khỏi bị kẻ ngoại nhơn húng hiếp.

Đó là phương pháp làm cho gia hưng tộc thịnh, bảo tồn dòng dõi của mình.

II. ĐỐI VỚI NHƠN QUẦN XÃ HỘI

Nhơn quần xã hội là tiếng gọi những người ngoài gia đình của chúng ta, nghĩa là ở ngoài ba bực nói trên: cha con, vợ chồng, anh em. Nghĩa hẹp là chỉ những người đồng một giống nòi, cùng chung một nước. Nghĩa rộng là chỉ tất cả nhơn loại trên thế giới hoàn cầu, cũng như chữ thiên hạ.

Hạng người này tuy là họ khác huyết thống với ta, mà xét rộng ra, thì họ cũng đồng tình nhơn loại.

Lại chẳng phải là họ không quan hệ với chúng ta. Bất luận là người trí huệ đến đâu, tài giỏi bực nào, quyết chẳng phải một mình sống ở thế, mà hưởng được hạnh phúc đầy đủ. Món ăn, thức mặc, thuốc men, nhà cửa, mọi vật đều nhờ ơn của người trong nước giúp đỡ lẫn nhau. Cho nên Phật Giáo gọi cái ơn này là *ơn chúng sanh*.

Ta đã thọ ơn của xã hội, thì phải lo đền đáp để tỏ tình đoàn thể, tất nhiên phải có phận sự đối với xã hội. Không lẽ ta cứ chịu ơn của người, mà không chịu bổ thí ra chút công cán nào.

Nho Giáo có thuyết ngũ luân là năm bực: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu. Trong khoản đối đãi với gia đình, tôi đã kể phận sự của ba bực là cha con, chồng vợ, anh em. Lẽ dĩ nhiên, vua tôi và bằng hữu, ra ngoài vòng huyết thống gia đình, thì phải thuộc về khoản nhơn quần xã hội này.

Xưa kia, ta theo chế độ quân chủ, nên mới đặt ra bực vua tôi. Nay nước ta đã thành nước lấy dân chủ làm nền tảng, thì còn lý lẽ nào mà cứ giữ các danh từ ấy mãi. Các quan lại không còn nói trung thành với vua nữa, mà lấy

việc phục vụ Tổ Quốc làm căn bản. Tổ Quốc là tên chung bao quát tất cả nhơn quần xã hội, tất cả quyền lợi của một nước, theo nghĩa hẹp mà tôi đã giải trước.

Danh từ tuy có đổi, mà phận sự không đổi. Ta phải suy rộng phận sự ở gia đình, mà phục vụ tổ quốc, như lời của Đức Khổng Tử đã dạy trong cuốn *Hiếu Kinh*:

*Thầy rằng quân tử hiếu thân,
Đem lòng hiếu ấy sự quân trung thành.*

Nhưng chữ quân (vua) ở đây, theo lý do mà tôi đã giải trước, phải hiểu Tổ Quốc mới là hợp thời.

Chúng ta có thể tóm tắt các phận sự đối với tổ quốc trong ba điều sau này:

a. Trung thành Với Tổ Quốc và đoàn kết người đồng bang để bình vực quyền lợi chung. Đó là phận sự của công dân.

b. Thương xót người đồng bang, kính lão hoài ấu, cứu cấp giải nguy, và tùy phương tiện mình sẵn có mà giúp cho họ trên mọi mặt sanh sống. Đây là đạo nhân nghĩa.

c. Mặc dầu gặp tình thế khó khăn, không tránh sao khỏi cảnh bất bình giữa người đồng bang, phải hết sức dung hòa để tránh những cái chi khắc hại lẫn nhau. Nếu không dĩ đức được, thì nên dĩ công báo oán mới phải.

Người xưa có nói: *Nhơn đạo bất tu, tắc Thiên đạo viễn hỹ*. Nghĩa là: Nếu đạo người chẳng trau dồi, thì đạo Trời đã bỏ mất. Ý nói: Những người không trung hiếu, không nhân nghĩa, mà muốn thành Tiên tác Phật, thì chưa từng có lý đó bao giờ.

Trung hiếu, nhân nghĩa nói đây, chẳng phải là nói sông, hay là chạy chọt lằng xằng để kiếm địa vị, hay là bày ra những thứ trung hiếu, nhân nghĩa giả hiệu mà gạt gẫm thiên hạ đâu. Còn phải tùy tài lực, tùy hoàn cảnh, bất

câu ở địa vị nào, cũng hết lòng thiết hành đúng theo phận sự của mình.

Lấy một ví dụ mà nói. Chẳng phải những người cầm súng đánh giặc mới thiết là trung mà thôi. Trong các tầng lớp dân, ai ở địa vị nào thì cứ theo địa vị đó mà hết lòng giúp ích cho Tổ Quốc, cho xã hội, thì cũng gọi là trung được.

Miễn là trong gia đình ta biết thờ cha kính mẹ, yêu vợ con, thuận anh em; ra ngoài xã hội ta giữ phận sự công dân, hành đạo nhân nghĩa, thế cũng có thể nói là làm xong nhơn đạo của một thường dân. Con người bấy nhiêu đó mà chưa làm xong, thì khó mong làm chi khác nữa.

THIÊN ĐẠO

III. ĐỐI VỚI CÁC TÔNG GIÁO

Làm người, phải biết trọng tứ ân, nghĩa là bốn thứ ơn lớn như sau này: ơn Tổ Quốc, ơn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn tam bảo.

Về phần Nhơn Đạo, tôi đã giải rõ ba ơn trước rồi. Đây xin luận về ơn thứ tư là ơn Tam Bảo, tức là Thiên Đạo.

** Tam Bảo là gì?*

Là ba món báu. Nói theo Đạo Giáo, là Đạo, Kinh, Sư. Nói theo Phật Giáo, là Phật, Pháp, Tăng.

Theo đại thừa Phật Giáo, chữ Phật không phải lấy nghĩa hẹp là chỉ một vị Phật nào mà thôi. Về nghĩa rộng, Phật là tất cả chư Phật, tức là Pháp tự nhiên, luật thiên nhiên (*Pháp nhĩ*), đã có sẵn từ đời vô thủy, bất sanh bất diệt. Dầu cho Đức Phật Nhiên Đăng hay là Đức Phật Thích Ca cũng phải dựa theo đó mà tu trì, mới đặng chứng quả.

Chữ *Phật* nói đây cũng đồng nghĩa với chữ *Đạo* của Đạo Giáo, thường trụ bất biến mà hóa sanh muôn vật, cũng như Phật nói bất biến mà tùy duyên vậy. Nho Giáo và các tông giáo khác gọi là Thiên hay là Thượng Đế. Thượng Đế là ngôi vua cao thượng tột bậc. Vì có chữ vua, có dáng hữu hình, nên thiên hạ tưởng tượng theo lối thông thường như có một ông vua hình người ngồi trên ngai vàng. Kỳ thiệt Thượng Đế là vô hình. Vì vô hình nên kinh sách mới nói Thượng Đế trải khắp cả mười phương, không chỗ nào là không có Thượng Đế. Nếu ngôi này có hình dáng như chúng ta đây, mà nói trải khắp cả mười phương là một điều hết sức vô lý. Nên muốn nói về vô hình, nên dùng chữ *Thiên* là hợp hơn.

* *Hỏi: Nếu chữ Phật lấy nghĩa là Pháp, thì chữ pháp ké đó (ngôi thứ nhì trong Tam Bảo) mới giải nghĩa làm sao cho trôi chảy được?*

Đáp: Chữ Pháp nói trước nên viết bằng chữ P hoa cho dễ phân biệt với chữ *pháp* sau viết bằng chữ p thường. Chữ *pháp* sau này có nghĩa là phương pháp của các đức giáo chủ, sau khi thành đạo, truyền lại cho đệ tử cứ tu hành theo đó, thì cũng sẽ đặng chứng quả như các Ngài vậy.

Chữ *pháp* sau này có ghi trong kinh điển, có thấp, có cao, có quyền, có thật, có hữu lậu, có vô lậu, không như định, nên nó đồng nghĩa với chữ *kinh* của Đạo Giáo.

Phật Giáo tỷ pháp như chiếc thuyền để đưa qua sông. Một khi ta nhờ nó đưa đến bờ rồi, thì ta phải liả bỏ nó, chớ không ai mang chiếc thuyền theo bao giờ. Cho nên kinh nói pháp của Phật còn phải bỏ (ám chỉ pháp sau này), hướng hồ là những pháp nào khác (ám chỉ pháp ngoại đạo).

Chữ *tăng* của Phật Giáo và chữ *sur* của Đạo Giáo cũng đồng một nghĩa, là người thay thế cho các giáo chủ mà

hoàng hóa mỗi đạo, diu dắt chúng sanh noi theo con đường của các giáo chủ đã vạch sẵn.

Mỗi tông giáo tùy thời đọi, tùy tình cảnh, mà có khác nhau, nhưng về đại cương vẫn đồng như có một. Như luận về Tam Bảo, chi phái nào lại không có như thế, bất quá là danh từ chẳng đồng nhau đó thôi.

Thỉnh chư quý ông, quý bà ngó lên tấm bảng *Tề Vật Đàn* treo trên chỗ thuyết pháp này. *Tề vật* nghĩa là: Trang bằng mọi vật. Trang bằng theo phương pháp nào? Y lời dạy trong đôi liễn hai bên như vậy:

*Tề chúng tánh dĩ vi nhưt tánh,
Vật hữu hình nhi trí vô hình.*

Nghĩa là:

*Trang bằng các tánh làm một tánh,
Hóa vật có hình ra không hình.*

Câu *Trang bằng các tánh làm một tánh*, chẳng phải nói làm cho các tánh giống hệt nhau ngay bây giờ (trực tiếp). Đây có nghĩa là mỗi người phải nhìn cho ra cái bản tánh vốn lành, công bình chánh trực của mình, rồi cứ theo đó (Nho gọi là *suất tánh*), mà cư xử cùng nhau, thì có ngày sẽ gián tiếp gặp nhau, giống nhau. Đó là theo nguyên tắc đồng nhưt của triết học gia: A = B, B = C, thì cố nhiên A = C.

Câu *Hóa vật có hình ra không hình*, chẳng phải nói dùng phép tác huyền diệu mà biến hóa các vật từ chỗ có hình tướng đến bản thể của nó, là không hình. Hiểu được như thế, thì mới rõ muôn vật đều cùng chung một gốc là chơn không, tức là Đạo.

Bản tánh và chơn không chẳng phải khác nhau, thì hai phương pháp nói trên đều quy về một mối mà thôi.

Nếu chúng ta còn phân nhơn biệt ngã, chấp tượng nê

hình, thì khó mong hòa hiệp cùng nhau. Vậy chúng ta chớ nên kích bác lẫn nhau, cho lộ vẻ kiêu căng. Hãy tìm hiểu nhau, lấy lượng rộng rãi mà đối đãi và dắt dìu nhau, mới là cao quý. Đó cũng là góp sức để xây dựng nền thịnh trị cho nước nhà. Tình bác ái, đức từ bi là mối dây cột dính các phái đó.

Nên nhớ: Đạo có một. Đừng vì hình thức bên ngoài có khác mà chia rẽ nhau, là sai lạc chánh nghĩa của chữ tông giáo (*religion*) là cột dính nhau.

Đạo có vật chất, có tinh thần. Vật chất thuộc về thực tế, ở trong giới hạn của năm giác quan, đã eo hẹp, mà không đăng minh xác như phần đông người ta hiểu lầm. Nếu ta không lấy tinh thần mà mở rộng giới hạn của sự hiểu biết, thì sự hiểu biết đâu có sâu xa, tâm hồn làm sao đăng phối nở?

Nhà Phật gọi là sắc không, là tánh tướng. Học đạo mà theo sắc bỏ không, theo tướng quên tánh, là chưa hiểu Đạo. Vì Đạo là tức sắc tức không, tức tánh tức tướng, nghĩa là đem sắc về không, trong tướng nhận tánh. Sắc, không, tánh, tướng vẫn có một căn bản mà thôi. Căn bản này là Phật, là Đạo, là Thượng Đế, theo nghĩa chọn chánh của nó vừa mới giải trên.

Thế thì các tông giáo, các chi phái dưới danh từ khác nhau, cũng đồng thờ chung một ngôi cao cả, như một vị cha chung. Vậy thì chúng ta ở trong cửa đạo đều là anh em thiêng liêng. Đã gọi là anh em thiêng liêng, thì có lẽ nào chẳng biết thương nhau, liên lạc và giúp đỡ nhau, như tình anh em xác thịt nói trên hay sao?

IV. KẾT LUẬN

Nghĩ như thế, chúng tôi là người Minh Lý nhứt định lấy ngày 25 tháng Chạp mỗi năm để hội hiệp với các chi phái

và tỏ tình thân thiện cùng nhau. Nếu các đại biểu chi phái biểu đồng tình, thì chúng tôi xin đề nghị:

1. Mỗi phái tùy tiện cũng nên chọn như chúng tôi một ngày trong năm để liên lạc cùng nhau và thông báo cho các đại biểu chi phái hiện diện hôm nay và các chi phái khác có thiện chí đăng biết ngày ấy mà tuân hành;

2. Lấy ba chữ đôi là *bình đẳng, cộng tác, hòa ái* làm tượng trưng, làm biểu ngữ chung cho các hành động của chúng ta.

Tôi rất ước mong sự liên lạc này sẽ đem đến cho nền tông giáo xứ Việt Nam ta nhiều kết quả tốt đẹp về tinh thần.

Trước khi dứt bài giảng luận hôm nay, tôi xin mời chư quý ông, chư quý bà và các đạo hữu nam nữ đồng đứng dậy, nhơn dịp lễ long trọng hôm nay, thâm niệm trong tâm, mà cầu nguyện:

*Minh lý hoằng khai,
 Tam Tông trường cửu,
 Thế giới hòa bình,
 Nhứt thiết chúng sanh,
 Tề thành Đại Đạo.*

Rất lòng thành tín.

NGUYỄN MINH THIỆN

2. Sự Tích Khai Đạo Minh Lý

*Bài giảng của **NGÀI MINH THIỆN**
nhân lễ kỷ niệm lần thứ 40 Minh Lý Đạo khai
Đêm 26-11 Quý Mão (10-11-1964)*

Thưa chư quý ông, chư quý bà,

Thưa chư đạo hữu nam nữ,

Hôm nay, chúng tôi Minh Lý môn sanh tề tựu tại chùa để thiết lễ cúng *kỷ niệm Minh Lý Đạo khai*, nghĩa là nhắc nhở, ghi nhớ ngày đầu tiên mà Tiên Phật ban hiệu Đạo *Minh Lý* và tặng bài *Tặng Ngọc Đé*.

Đạo Minh Lý khai từ năm Giáp Tý (dương lịch là năm 1924). Từ năm Giáp Tý (1924) cho tới năm nay là năm Quý Mão (1963), đạo Minh Lý đã trải qua một thời gian là 39 năm. Vậy lễ kỷ niệm này là lễ kỷ niệm năm thứ 40.

Chúng tôi rất hân hạnh đặng thấy chư quý ông, chư quý bà nhân lễ kỷ niệm có lòng đến hộ niệm cho chúng tôi ngày hôm nay. Lại tôi rất cảm động đặng thấy các đạo hữu nam nữ tề tựu đông đủ tại chùa để:

1. Cầu nguyện Thượng Đế ban ơn lành cho tất cả chúng sanh.

2. Tỏ lòng biết ơn cùng các đấng Giáo Chủ và chư Phật chư Tiên đã dày công khai sáng môi đạo Minh Lý.

3. Hội diện đông đủ các đạo hữu Minh Lý để gặp biết nhau, ngõ hầu kết chặt tình thân ái như con chung một nhà.

Vậy hôm nay tôi xin nhắc sơ sự tích khai Đạo và các nguyên tắc lập Đạo và tu thân của Đạo Minh Lý theo dàn bài sau này:

I. Lời nói đầu

II. Tóm tắt sự tích khai Đạo

- a. Ngày giờ khai Đạo
- b. Phương pháp khai Đạo
- c. Nghĩa Minh Lý Đạo
- d. Nghĩa Tam Tông Miếu

III. Các nguyên tắc lập Đạo

- a. Tam Giáo hiệp nhưt
- b. Tam Giáo quy nguyên
- c. Chấp trung thủ nhưt

IV. Các nguyên tắc tu thân

- a. Tam ngũ nhưt (bàn đàn và nóc chùa)
- b. Tiêu ngữ (bình đẳng, cộng tác, hòa ái)
- c. Thập ngưu đồ (tu tâm, luyện khí)
- d. Tề Vật Đàn (bình đẳng tuyệt đối)
- đ. Nhưt tâm thành kính (Tâm và Đạo vẫn có một)

V. Kết luận

*

I. LỜI NÓI ĐẦU

Bởi duyên cớ nào mà hôm nay có lễ kỷ niệm *Minh Lý Đạo khai*?

Vốn là vào năm 1921, 1922, 1923, chúng tôi là một nhóm bảy công chức và tư chức thường hội hiệp nhau, mỗi tháng mỗi người bỏ ra hoặc năm đồng, hoặc ba đồng, để làm vốn in kinh phổ thông phát không trong xứ, cốt yếu để

cầu phước báu mà thôi. Lần lần, chúng tôi mới phát tâm nghiên cứu các kinh Tam Giáo Đạo. Kế sau nữa, theo phong trào đương thời bấy giờ, có người trong nhóm chúng tôi tập làm đồng tử để cầu Phật Tiên dạy đạo.

Một đêm nọ, có một vị đạo hữu ở đàn khác đăng lĩnh Bề Trên đến báo tin cho chúng tôi biết rằng: “*Đã tới ngày giờ, các ông phải lập đàn cho Bề Trên giảng dạy Đạo.*”

II. TÓM TẮT SỰ TÍCH KHAI ĐẠO

a. Ngày giờ khai Đạo

Ngày chúng tôi đăng lĩnh khai đàn là ngày 26 tháng 11 năm Giáp Tý (dương lịch năm 1924), vào lúc 10 giờ tối. Nhưng đến khi khai đàn chánh thức là đã đến 11 giờ khuya (giờ Mậu Tý), bước qua ngày 27 thuộc Bính Tý, tháng 11 cũng thuộc Bính Tý.

Thế thì Minh Lý Đạo khai, chẳng những trùng vào năm Giáp Tý (1924), mà tháng, ngày, giờ cũng đều là thuộc Tý cả. Chính là theo âm lịch nhằm:

- Năm: Giáp Tý (1924).
- Tháng: Bính Tý, là tháng 11.
- Ngày: Bính Tý, là ngày 27.
- Giờ: Mậu Tý, là từ 11 giờ tối tới 1 giờ khuya.

Chúng tôi ghi trong lịch Tam Tông Miếu ngày 27 tháng 11 là ngày chánh lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai. Còn chiều nay là ngày 26 tháng 11, chúng tôi khai mạc buổi lễ theo thông lệ của chùa Tam Tông Miếu, nhưng phải chờ đến 11 giờ khuya bắt đầu bước qua ngày 27, mới chánh thức hành lễ kỷ niệm tại chánh điện.

b. Phương pháp khai Đạo

Từ xưa, trong nước ta có nhiều đàn cầu Tiên Phật, mà sự tín ngưỡng của thiên hạ hãy còn mơ màng. Họ chỉ đến

hầu đàn cầu thuốc, hay hỏi về việc danh lợi mà thôi, chớ ít ai để ý về mặt đạo đức. Nhờ một đạo hữu tập được huyền cơ, nên mọi người trong nhóm chúng tôi mới bắt đầu tin chắc trong cõi thế giới vô hình, quả thật có Trời Phật Tiên Thánh, không còn ngờ vực gì nữa.

Sao gọi là *huyền cơ*?

Theo huyền cơ, Thần Tiên tự viết ra, trên một tờ giấy bỏ trong bao thơ treo tận tại xà nhà, không cần phải mượn tay đồng tử, theo lối thần cơ hiện đương lưu hành trong xứ.

Ai muốn hỏi điều chi thì phải thành tâm tưởng mạnh vào câu hỏi của mình, chớ không cần phải nói ra lời.

Chừng 10 hay là 15 phút sau, khi lấy bao thơ xuống, thì thấy trên giấy đầy những chữ viết: trước ghi câu hỏi của mỗi người, rồi sau có một bài thơ của Thần Tiên trả lời cho mỗi câu hỏi ấy. Ai thấy lời Thần Tiên dạy bảo bằng cách đó, thì đều thán phục, phấn khởi vui mừng, lòng thêm tín ngưỡng thập bội.

Nhưng sau, Bề Trên không cho dùng phương pháp đó nữa, dạy phải dùng *thần cơ*, nghĩa là phải có đồng tử cầm cái cơ có cán hình đầu chim loan theo lối thường cho tiện hơn. Thế thì những thánh ngôn tiếp được trước là do huyền cơ, còn sau là do thần cơ.

c. Nghĩa Minh Lý Đạo

Tại sao mà chúng tôi chọn ngày 27 tháng 11 làm chánh ngày khai Đạo?

Như trên đã nói, đó là ngày chánh thức mà Bề Trên đã truyền lệnh cho chúng tôi khai đàn tiếp kinh. Bài kinh tiếp lần thứ nhứt là bài *Tặng Ngọc Đế*, làm kinh căn bản cho Đạo Minh Lý. Nhưng ngoài lý do nói trên, lại còn có một lý do chánh đáng khác: Cho bài kinh ấy xong, Bề Trên lại

tiếp ban hiệu đạo Minh Lý (thánh ngôn ngày 26 tháng 11 năm Giáp Tý, dương lịch 1924). Vì hai lý do nói trên, chúng tôi mới chánh thức chọn ngày hôm nay làm lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai.

* *Minh Lý Đạo nghĩa là gì?*

Trong cuốn *Bố Cáo* của Đạo Minh Lý, trang 15, có một bài thơ giải nghĩa ba chữ Minh Lý Đạo như sau đây:

*ĐẠO là căn bốn khá tâm mờ,
MINH mãi lương tâm cạn xét dò.
LÝ ấy tánh chơn vô nhị thị,
GIẢI phân họa phúc chẳng so đo.*

Ta hãy đọc bốn chữ đầu câu: *Đạo Minh Lý giải*.

Chữ *Minh* nghĩa là minh mãi lương tâm, xét dò mỗi việc, cho biết đường chánh mà theo, đường tà mà tránh. Đây cũng có nghĩa là thiết hiện hoàn toàn, làm cho sáng tỏ

* *Làm cho cái chi sáng tỏ?*

Làm cho *chơn tánh*, cũng gọi là *lý tánh* đặng sáng tỏ. Lý tánh ở trong lương tâm. Nếu tâm bị tình dục mờ ám, thì lý tánh ở trong đó không sao sáng suốt được. Tỷ như một cục ngọc quý giá ở trong một bồn nước đục, thì ánh sáng của cục ngọc đó khó mà chiếu sáng ra ngoài.

Cái lý tánh, cái chơn tánh đó, theo Nho tức là tánh của Trời ban phú (*Thiên mạng chi tánh*), theo Phật là *chơn như bốn tánh*. Lại bài thơ giải nghĩa nói trên có nói: “*Vô nhị thị*” nghĩa là: Tánh đó là lẽ phải duy nhất, không có một lẽ phải thứ nhì nữa, tức là tánh tuyệt đối chung cho Tam Giáo.

d. Nghĩa Tam Tông Miếu

Hiệu chùa Tam Tông Miếu do Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn truyền xuống theo lời thỉnh cầu của một vị Đại Tiên tức là Ngài Đông Phương Lão Tổ (thánh

ngôn ngày 20 tháng 11 năm Ất Sửu, dương lịch 1926).

Thượng Đế có ba ngôi là: Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực. Ba ngôi này tuy một mà ba, ba mà một. Mỗi ngôi đều có một vị đại diện thờ tại bửu điện Tam Tông Miếu: Ngôi thứ nhất là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, đại diện cho ngôi Vô Cực, nên xưng là Vô Cực Thiên Tôn. Còn đại diện của hai ngôi khác là: Thái Cực và Hoàng Cực, là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và Đức Hồng Quân Lão Tổ.

Tam Tông đây là Tam Tông Giáo nói tắt, cũng như Minh Lý là Minh Lý Tánh nói tắt vậy. Ba tông giáo lớn ở Đông Nam Á là Nho, Thích, Đạo.

Chữ *Miếu* nghĩa là đền thờ. Theo tiếng Trung Hoa, chữ Tông Miếu là đền thờ các vua đời trước. Xin chớ hiểu miếu là miếu theo tiếng Việt Nam, vì chữ miếu rất nhỏ, không thể so sánh với tông miếu được.

Tam Tông Miếu tức là đền thờ ba tông giáo: Nho, Thích, Đạo.

* *Nhiều người hỏi: Một giáo mà còn học chưa kham, làm sao học hết cả ba giáo?*

Chẳng phải chúng tôi học hết cả ba giáo, mà chỉ học một sở trường của mỗi giáo đó mà thôi. Sở trường là chỗ giáo lý giải rộng và hay hơn hết. Lại học ba giáo là cốt để tìm cái nguồn cội ngõ hầu quy về Đạo Một, ngôi Nhất là Thượng Đế. Đây là thuộc về nguyên tắc lập Đạo, chúng tôi sẽ nói rõ thêm vấn đề này ở giai đoạn sau.

III. NGUYÊN TẮC LẬP ĐẠO

Từ ngày 27 tháng 11 nói trên, ba vị giáo chủ là Đức Phật Tổ, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử liên tiếp giảng dạy, hoặc cho chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần thay mặt giảng cho kinh chú, sớ điệp, lễ nghi, luật lệ hay là truyền giáo lý cho Minh Lý môn sanh.

Về kinh chú, số điệp, lễ nghi, luật lệ, ai cũng thấy trong công việc làm hằng ngày. Còn về giáo lý, vì lẽ cao siêu thuộc về hình nhi thượng học, nên ít người rõ được. Nhưng phải lưu ý: Giáo lý mới là căn bản của đạo, kinh chú, luật lệ, v.v... đều do nơi đó mà suy luận ra. Một tông giáo thiếu giáo lý là nền tảng của Đạo, thì cũng như cái nhà cất trên bãi cát, khó giữ được lâu dài, bền bỉ.

Đạo Minh Lý có một nền giáo lý hãn hoi, nhưng chưa tới ngày giờ phổ thông. Và lại việc sắp đặt cũng chưa hoàn thành, nên chưa in thành sách. Đây xin kể ba nguyên tắc lập Đạo như sau này:

a. Tam Giáo hiệp nhứt

** Đạo Minh Lý có phải là mới đạo mới không?*

Đạo Minh Lý không phải mới, mà cũng không phải cũ. Tại sao?

Không phải mới vì đạo Minh Lý lấy Tam Giáo làm căn bản, mà Tam Giáo là Nho, Thích, Đạo đã có từ xưa, thì đâu phải là đạo mới.

Không phải cũ, vì ba tông giáo lớn ở phương Đông cần phải hiệp nhứt, để tìm lại cội gốc là Đạo. Cách xa cội gốc là phải mất chơn lý.

** Hình thức của ba giáo có khác nhau, làm sao mà hiệp được?*

Tam Giáo quả thật có dị điểm, nhưng mà cũng có đồng điểm. Nay chúng ta phải hiệp, là hiệp các dị điểm đó, để thành lập một hình thức mới hoàn toàn hơn (*syncretisme*).

Các dị điểm đó là các sở trường của mỗi giáo trong Tam Giáo, nghĩa là những điểm dạy bảo có phần minh bạch, rõ ràng hơn, chứ không phải thiệt là khác hẳn nhau.

Những sở trường của Nho Giáo là Nhơn Đạo, nghĩa là đạo làm người, đạo ăn ở đời. Sở trường của Đạo Giáo là

luyện khí, thường gọi là luyện đơn. Sở trường của Phật Giáo là tu tâm, để thuận theo giác tánh. Trong ba sở trường nói trên, xét kỹ thì chẳng thể bỏ điều nào ra ngoài, mà không trau tria được.

Đạo Nho dạy con người ăn ở đời, chủ về xã hội nhiều hơn, là vì người ta ăn ở với nhau, chung đụng hằng ngày, thì phải biết cách sống thế nào cho hòa thuận, vui vẻ, chia lao sót nhọc cùng nhau, giúp đỡ nhau để tạo một nền hạnh phúc chung cho nhơn loại.

Chúng ta thấy loài thú vật giao cấu hỗn tạp, cấu xé giành ăn; còn con người Thánh Hiền cho là linh hơn muôn vật, lẽ nào lại theo con đường đó sao? Cho nên cần phải dạy luân lý, để quy định cách ăn ở đời sao cho nhằm lẽ, mà ai ai cũng phải noi theo, mới là đặng sống yên ổn, hưởng hạnh phúc cao quý của Trời ban cho.

Đạo Lão dạy luyện khí là tập hơi thở của mình cho điều hòa. Nhưng hơi thở tự mũi miệng là hơi thở hậu thiên, còn trước. Hành giả còn phải tiến lên tập cho hơi thở mình đặng nhẹ nhàng, lại đặng dài chừng nào càng tốt chừng nấy, lâu ngày mới đặng hơi thở tiên thiên thanh tịnh, mà kinh *Huỳnh Đình* gọi là nội tức (hơi thở bên trong, đối với hơi thở bên ngoài nói trên).

Nếu hơi thở không tịnh, thì tâm cũng không tịnh. Tỷ như lúc mình hoạt động mạnh thân thể, như chạy đua, bung xách nặng nề, v.v... thì tự nhiên khí cấp, thở dốc, rồi tâm cũng theo hơi thở mà loạn động.

Thế thì khí và tâm luôn luôn nương cậy nhau, gọi là *tâm tức tương ý*. Cho nên, trước muốn tu tâm, thì chẳng thể không luyện khí, tức là hơi thở. Trái lại, nếu muốn luyện khí, thì không thể không tu tâm, nên tiếp theo luyện khí là phải có Phật Giáo dạy tu tâm.

Đạo Phật dạy tu tâm là trau sửa cái tâm cho đặng trong sạch, luôn luôn tự chủ, chớ để tư dục mờ ám hay là ngoại trần dẫn dắt cái tâm phiêu lưu vô định. Làm như thế gọi là giữ giới. Rồi còn phải tu thiền định, cho cái tâm thiết yên lặng, thiết thanh tịnh, mới có thể phát trí huệ. Vì có định mới là phát huệ. Huệ nghĩa là trí cao thượng, có thể thấy biết niết bàn mà tu.

Kinh Phật nói: “*Bác nhĩ vô kiến, năng kiến niết bàn*”, nghĩa là: Bác nhĩ hay là trí huệ không thấy (các tà kiến), mà thấy được niết bàn (là chánh kiến).

Đủ thấy tu tâm và luyện khí là hai phương pháp bổ trợ lẫn nhau. Nếu thiếu một là không thành công. Vì theo Tàu, thành phần chữ *tức* 息 [hơi thở] là chữ *tự* 自 và chữ *tâm* 心 hiệp lại. Thế thì *tức* lại do *tâm*, nên luyện khí mà thiếu tu tâm thì cũng phải thất bại.

Tóm lại, trong Tam Giáo, mỗi giáo có một phần dạy kỹ kể trên là luân lý, luyện khí, tu tâm. Ba phần đó đều là phương pháp cần thiết cho sự tu hành, nên không thể bỏ ra ngoài một phương pháp nào cả.

* *Thế thì có nên hiệp nhưt Tam Giáo chăng?*

Tam Giáo hiệp nhưt là nguyên tắc lập đạo thứ nhưt của đạo Minh Lý.

b. Tam Giáo quy nguyên

Nếu chỉ hiệp nhưt Tam Giáo như nói trên là hiệp đàng ngọn, thì chúng ta còn thấy có ba, nên chưa thiết đúng lẽ Đạo, vì Đạo chỉ có một. Chúng ta phải phăng về nguồn cội của ba giáo, tìm cho thấy được ba giáo chỉ có một gốc chung mà thôi. Nếu chúng ta thấy được một gốc chung đó, thì ba giáo cũng biến thái mà trở về ngôi Nhưt. Ba giáo đồng trở về ngôi Duy Nhưt, nói theo chữ Tàu, tức là “Tam Giáo quy nguyên” (*synthèse*).

Chữ *nguyên* nói đây có hai cách viết. Nếu chữ *nguyên* 原 không chấm *thủy* 氵 bên mặt thì có nghĩa là cội cỏ, gốc rễ, bằng thêm ba chấm *thủy* vào 源 thì chữ *nguyên* này có nghĩa là nguồn nước, mạch suối. Hai chữ tuy khác nghĩa, mà đều có thể thông dụng được cả, không có gì là tương phản. Cũng có thể viết chữ *nguyên* như thế này 元 là đầu tiên, là khởi điểm. Về mặt đạo, người ta thường dùng chữ nguyên tắc, nguyên lý.

* *Xin hỏi: Ba giáo trở về nguồn đầu, mà nguồn đầu nói đây là cái chi?*

Đáp: Theo đạo Nho, nguồn đầu này là Thiên hay Thượng Đế; theo đạo Lão, nguồn đầu này là Đạo hay Đức; theo đạo Phật nguồn đầu này là Pháp hay Phật, mà chúng tôi đã giải trong cuốn *Lập Thuyết Minh Lý* như sau này:

“*Tuy mỗi giáo, luận điệu có khác nhau, mà ngoài ra danh từ, nếu cứ xét về mặt nguyên lý, thì Tam Giáo đồng thờ một căn bản Duy Nhưt và Phổ Biến (Principe unique et universel), mà thông thường người ta gọi tắt là Ngôi Nhưt, còn đạo Minh Lý gọi là Viên Nhưt.*

“*Nghĩa hai chữ Viên Nhưt như sau này:*

“*Chữ Viên nghĩa đen là tròn, đây có nghĩa rộng là viên mãn (trọn đủ), châu biến (trải khắp), là Pháp nhĩ vô thần,⁽⁶⁸⁾ cũng gọi là “Bất Thần Chi Thần”. Còn chữ Nhưt là Nhưt nguyên (duy nhưt bản thể),⁽⁶⁹⁾ là Nhưt thần hay là Chủ tế hữu thần (một ngôi chủ tế sáng suốt).⁽⁷⁰⁾ Hai chữ*

⁽⁶⁸⁾ *Déisme ou Dieu impersonnel, Cause première, Absolu sans attributs moraux.*

⁽⁶⁹⁾ *Monisme, hors du temps et de l'espace.*

⁽⁷⁰⁾ *Théisme ou Dieu personnel, Providence du monde et justicier dans la vie future, appelé aussi Monothéisme; s'oppose à l'athéisme qui nie l'existence de Dieu, au Panthéisme qui nie sa personnalité, au Déisme qui nie son action dans le monde.*

Viên Nhứt hiệp chung có nghĩa là ngôi Nhứt mà trải khắp cả mười phương. Ngôi này tuy là chủ tể ở trong muôn sự muôn vật, đâu đâu cũng có, mà chẳng phải muôn sự muôn vật.⁽⁷¹⁾

“Lại vòng tròn cắt đứt, rồi kéo dài ra thì thành chữ Nhứt —, chữ Nhứt cuốn tròn và ráp lại hai đầu thì thành vòng tròn O. Cho nên vòng tròn là chữ Nhứt, chữ Nhứt là vòng tròn (thánh ngôn ngày 12-1-1937). Đó cũng là hình dung chữ trung 中 cổ tự: 中. Chữ trung này có nghĩa là Trung Đạo, chẳng thiên về bên có, mà cũng chẳng thiên về bên không (bất trú nhị biên).

“Thế thì ngôi Viên Nhứt gồm đủ cả hai nghĩa hữu và vô vừa nói trên (Pháp nhĩ vô thân và Chủ tể hữu thân). Nếu thiên về một bên thì lẽ đương nhiên phải có chỗ khiếm khuyết. Vì có đó, chúng tôi cột dính hai chữ Viên Nhứt bằng một gạch nối ở chính giữa hai chữ, thành ra: Viên-Nhứt. Ý muốn nói: Tuy thế gian thấy có hai, mà kỳ thiệt là một thể đó thôi. Một thể nói đây đồng nghĩa với chữ Tâm của người vật, kiêm cả Pháp nhĩ vô thân và Chủ tể hữu thân nói trên, gọi một cách khác là: Pháp tánh và Phật tánh,”

Cái tâm của con người khi ngủ, khi thức có khác nhau, thì tâm của vũ trụ, trong cái tịnh tuyệt đối, cũng phải có đủ các đức tánh như thế.

Tam Giáo quy nguyên là nguyên tắc lập đạo thứ nhì của Đạo Minh Lý.

c. Chấp trung thủ nhứt

Tiến lên một bậc nữa là: *Chấp trung thủ nhứt*. Theo Đạo Minh Lý, chấp trung thủ nhứt là nắm giữ ngôi Viên

⁽⁷¹⁾ Selon le Panenthéisme, Dieu est dans tout, mais il n'est pas le tout (à la fois immanent et transcendant).

Nhứt của đạo Minh Lý đã nói trên, cùng ngôi Viên Nhứt vẫn có một (*identité suprême*).

Viên tức là trung, là chơn không, tuy không mà không phải không. *Nhứt* tức là diệu hữu, tuy có mà chẳng phải có. Rốt cuộc, Viên và Nhứt là Nhứt Như, chỉ có một thể chơn như mà thôi. Đó gọi là Trung Đạo, Trung Đế.

Đây là nguyên tắc lập đạo thứ ba của Đạo Minh Lý.

Tóm lại, Đạo Minh Lý có ba nguyên tắc lớn, hay là ba giai đoạn hành đạo như sau:

1. *Tam Giáo hiệp nhứt*, là giai đoạn phải gom ba giáo đem về một mối.

2. *Tam Giáo quy nguyên*, là giai đoạn hết còn thấy Tam Giáo nữa, mà chỉ thấy có một gốc lớn, một nguồn đầu.

3. *Chấp trung thủ nhứt*, là giai đoạn nắm giữ cái gốc lớn, cái nguồn đầu, mà như không nắm giữ, để đi tới cái Đạo tự nhiên *Trung Nhứt* hay là *Viên Nhứt*, có đủ vô lượng tánh công đức.

Thỉnh xem *Tam Giáo Đồ* của Đạo Minh Lý, cũng gọi là họa đồ Hòa Hậu, tượng trưng ba nguyên tắc lập đạo nói trên. Chúng tôi lấy kiểu đó mà làm ra các lồng đèn treo ngày lễ kỷ niệm hôm nay.

IV. CÁC NGUYÊN TẮC TU THÂN

a. Tam ngũ nhứt (Bàn đàn và nóc chùa)

* *Tam ngũ nhứt là nghĩa gì?*

Cuốn *Ngộ Chơn Thiên* của Đạo Giáo giải nghĩa này trong một bài thơ bát cú, như sau đây:

Tam ngũ nhứt đồ tam cá tự,

Cổ kim minh giả định nhiên hy.

Đông tam, nam nhị, đồng thành ngũ,

Bắc nhứt, tây phương tứ cộng chi.

*Mồ Kỵ tự cư sanh số ngũ,
Tam gia tương kiến kiết anh nhi.
Anh nhi thị Nhứt hàm chơn khí,
Thập ngoạt thai viên nhập thánh ky.*

Nghĩa là:

Tam, ngũ, nhứt là ba chữ này,
Xưa nay hiểu được ít người thay!
Đông tam, nam nhị, hiệp thành ngũ,
Bắc nhứt, tây tứ cộng cũng vậy.
Mồ Kỵ một ngôi sanh số ngũ,
Ba nhà gặp gỡ kết tiên thai.
Tiên thai là Một gom chơn khí,
Mười tháng thai thành nự thánh đài.

Ông Đạo Quang là một vị lão sư của Đạo Giáo có giải nghĩa rộng thêm như vậy:

Mộc số 3 ở hướng đông,
Hỏa số 2 ở hướng nam.

Vì mộc hay sanh hỏa, hai *hành* này đồng một cung, cho nên 3 và 2 hiệp lại thành ra một số ngũ. Đây là nói tâm thuộc hỏa, tánh thuộc mộc hiệp lại thành một số ngũ (số năm), tức là tu tâm.

Kim số 4 ở hướng tây,
Thủy số 1 ở hướng bắc.

Vì kim hay sanh thủy, hai *hành* này đồng một cung, cho nên 4 và 1 hiệp lại thành ra một số ngũ khác. Đây là nói tình thuộc kim, tính thuộc thủy hiệp lại thành một số ngũ, tức là luyện khí.

Còn Mồ Kỵ ở trung ương riêng một mình cũng có đủ một số ngũ nữa. Đây là nói về chơn ý. Tu tâm và luyện khí nói trước phải nhờ có chơn ý làm môi giới mới thành

công.

Ba con số ngũ nói trên hiệp lại làm một, nên gọi là *tam, ngũ, nhứt*, hay là nói đủ chữ: *tam ngũ hiệp nhứt*, nghĩa là tâm, khí, ý, gọi là *tam gia*, nếu gặp nhau, hiệp thành Thái Cực, thì đặng thành đạo, vào ngay cõi Thánh.

Tóm lại, *Tam ngũ nhứt là phép “phản bốn hườn nguyên”, từ số 5 là ngũ hành, trở lại số 3, là tam gia, từ số 3 trở lại ngôi một, một là Thái Cực. Thái Cực có phải là nguồn đầu không?*

Trên Phật Trời lấy số tam ngũ nhứt mà sắp điện thờ (5 cấp), bàn đàn (3 cấp), bàn cơ (1 cấp) để hoằng khai mỗi Đạo. Dưới chúng tôi cũng lấy số tam ngũ nhứt mà cất chùa Tam Tông Miếu (lầu chuông 5 nóc), lễ đường (3 nóc), bửu điện (1 nóc tròn) để tiếp độ chúng sanh.

Bàn đàn và nóc chùa đều tượng trưng của phép *tam ngũ nhứt*.

Một mặt khác, tam là 3, ngũ là 5, nhứt là 1, cộng lại hết là số 9. Chín là số dương, tượng trưng lẽ phải, các điều hạnh phúc... Lẽ tự nhiên, nhiều số 9 lại càng tốt. Như chọn ngày mừng 9 tháng 9 để cất chùa.

b. Tiêu ngữ: Bình Đẳng - Cộng Tác - Hòa Ái

** Tiêu ngữ nghĩa là gì?*

Chữ *tiêu* nghĩa là cây nêu. Chữ *ngữ* là lời nói. Hai chữ *tiêu ngữ* ráp lại, có nghĩa là một cây nêu ra mục đích chánh đáng, cái chí nguyện cao cả của một dòng đời hay là một chi phái nào, để cho mỗi người trong dòng hay là phái đó chú ý mà tuân hành.

Cái tiêu ngữ của đạo Minh Lý có ba cương lĩnh là: Bình Đẳng - Cộng Tác - Hòa Ái.

Bình Đẳng nghĩa là ngang bằng với nhau, không phân cao thấp, sang hèn, v.v... Đó là nói về lúc ăn chơi, vô sự.

Nhưng đến lúc làm việc, lễ bái, nhóm họp phải giữ trật tự theo phận sự của mỗi người, tôn kính bậc chức sắc cao cấp, lớn tuổi, thì mới tránh được các sự hỗn độn, thất bại đáng tiếc.

Cộng Tác nghĩa là có việc lợi ích cho đạo, cho đời, thì anh chị em phải chung lưng đấu cật, hiệp tác chặt chẽ, mới mong tạo được hạnh phúc chung và làm tròn phận sự của Phật Tiên giao phó.

Hòa Ái nghĩa là phải luôn luôn giữ niềm hòa khí đối tất cả anh em, chị em trong đạo, cho đến các đồng bào của mình cũng thế và luôn luôn tỏ tình yêu thương, bảo trợ nhau trong lúc hoạn nạn.

Đây là nói vắn tắt, nói về phần đại khái, mỗi người trong đạo cần phải đọc và tìm hiểu cuốn *Tiêu Ngữ Của Đạo Minh Lý*.

c. Thập Ngưu Đồ (tu tâm, luyện khí)

Đây là mười họa đồ con trâu của Phật Giáo đại thừa vẽ trên vách chánh điện:

1. Họa đồ thứ nhất: *Tâm Ngưu*, nghĩa là kiếm trâu.
2. Họa đồ thứ nhì: *Kiến Tích*, nghĩa là tìm thấy vết trâu.
3. Họa đồ thứ ba: *Kiến Ngưu*, nghĩa là gặp trâu.
4. Họa đồ thứ tư: *Đắc Ngưu*, nghĩa là bắt được trâu.
5. Họa đồ thứ năm: *Mục Ngưu*, nghĩa là chăn trâu.
6. Họa đồ thứ sáu: *Kỵ Ngưu Quy Gia*, nghĩa là cỡi trâu về nhà.
7. Họa đồ thứ bảy: *Vong Ngưu Tôn Nhơn*, nghĩa là quên trâu còn người.
8. Họa đồ thứ tám: *Nhơn Ngưu Câu Vong*, nghĩa là quên cả trâu người.

9. Họa đồ thứ chín: *Phản Bồn Huòn Nguyên*, nghĩa là trở về cội xưa (cõi trần thế).

10. Họa đồ thứ mười: *Nhập Trần Thùy Thủ*, nghĩa là thung dung vào chợ.

Chữ *trâu* nói trên tượng trưng cho tâm tánh, nói cho rõ là Phật tánh.

Tiểu thừa Phật Giáo theo thứ tự nói trên, từ họa đồ thứ nhất cho đến họa đồ trắng thứ tám, không có vẽ hình, là tiểu niết bàn, mà tu tâm, thì công phu *tự giác*, nghĩa là mình tự độ mình, đã xong.

Kế đó, y họa đồ thứ chín và thứ mười, đại thừa Phật Giáo còn có phận sự *giác tha*, nghĩa là lẫn lóc với đời để độ chúng sanh, mới là thành Phật, chứng đại niết bàn.

Chư Phật không phải ở một cõi hay là một cảnh nào, ở không mà hưởng các sự sung sướng, như nhiều người lầm tưởng vậy. Chư Phật ở khắp nơi, xứ nào cũng có và luôn luôn tiếp độ chúng sanh không ngừng.

Lại có một thuyết khác giải rộng hơn, cho con trâu tượng trưng Phật tánh, mà Phật tánh ấy còn ở trong vòng bó buộc của khí hậu thiên. Thuyết sau này giải đúng theo đường lối của Đạo Giáo (đạo Tiên). Thế thì con trâu ở đây cũng tượng trưng cho nguơn khí, thành thử Phật tánh ở trong nguơn khí có một tên khác nữa là *huệ mạng*.

Theo kinh *Huệ Mạng* (tập thuyết, trang 11), Đức Tịnh Quang Như Lai nói:

Kim đồng nhưt tinh khí hoàng cung,

Bất giác tê ngưu Bắc Hải trung.

Dục yếu mịch tha quy cổ lý,

Linh Sơn tháp hạ thi tri tung (tích).

Nghĩa là:

Kim đồng vừa tỉnh bỏ lâu các,
 Chưa rõ trâu nằm vùng biển Bắc.
 Bằng toan dẫn nó lại quê xưa,
 Dưới tháp Linh Sơn tìm thấy vết.

Hai chữ *Kim đồng* là chỉ Đức Phật Thích Ca, khi còn tuổi trẻ làm Thái Tử. Tuy Ngài tỉnh giấc mộng tràng, lìa bỏ hoàng cung mà đi tu, nhưng chưa rõ con trâu ở đâu mà đem nó về nhà. Sau nhờ đắc đạo, Ngài tìm thấy vết con trâu ở dưới tháp Linh Sơn.

Theo Phật Giáo, *Linh Sơn* là chỉ cái tâm. Còn theo Đạo Giáo, cũng hiểu *Linh Sơn* là cái tâm, mà đây nói “*dưới tháp Linh Sơn*”, thì đủ biết rằng đây chỉ cái khiếu ở dưới cái tâm gọi là *Đon Điền*, chớ chẳng phải chỉ ngay cái tâm.

Cuốn *Kim Tiên Chứng Luận* (trang 25) giải: *Muôn ngàn tỷ dụ chẳng qua là dạy người hiểu rõ chỗ chánh tu hành, mà đây gọi là “con trâu” đó.*

Nếu ai nói rằng quả thật có con trâu, đó là “câu nệ bất thông”, chẳng phải chơn truyền của Đức Như Lai, của Tổ Đạt Ma, của Ngài Lục Tổ.

Hai tông giáo lớn (đạo Phật và đạo Tiên) hiểu cái tỷ dụ “con trâu”, tuy có khác nhau mà đồng thuộc về chánh lý. Cho nên chúng tôi xin lấy cái tỷ dụ đó tượng trưng cho phép tu tâm và phép luyện khí cho Đạo Minh Lý. Đây là hai giai đoạn công phu bổ túc lẫn cho nhau, mà mỗi đạo tùy phương diện của mình đứng, nên chỉ thấy nghĩa hợp với phương diện đó mà thôi.

d. Tề Vật Đàn (bình đẳng tuyệt đối)

Hai chữ tề vật này có ghi trong bộ sách *Trang Tử*, ở thiên thứ nhì: *Tề Vật Luận*.

Đoạn đầu của thiên này nói về cái nghĩa sai biệt của hai chữ *táng ngẫu* và *táng ngã*.

Một mặt, kẻ bàng nhơn thấy dung mạo bề ngoài của thầy Nam Quách (một vị tu sĩ nói trong thiên *Tề Vật Luận*) có khác thường, đáng tợ như *táng ngẫu*. *Táng* là đánh tan nát. *Ngẫu* là các pháp đối đãi. *Táng ngẫu* là quên tất cả hình hài, phá trừ hết các thành kiến của mình, hoàn toàn không còn chấp các pháp đối đãi ở ngoài thân ta. Phật Giáo gọi là *vô pháp*.

Mặt khác, tâm ta đặng thanh tịnh, hoàn toàn chủ về bên trong, dứt các thứ tư lự, các thứ niệm tưởng, nên nói gần như cây khô, như tro tàn vậy. Họ đâu biết thầy Nam Quách đã chứng vô tâm, dẹp hết bản ngã, nên gọi là *táng ngã*. Phật Giáo gọi là *vô ngã*.

Những đoạn sau của thiên *Tề Vật Luận* đều bàn về các vật không bằng nhau (*bất tề*), lại chỉ dùng một pháp *táng ngã*, mà san bằng tất cả, chớ không có nghĩa sâu kín nào khác nữa.

Chỗ gọi *Đắc nhứt vạn sự tất* là chỉ vào đây mà nói. Câu này có nghĩa là công phu tu hành đi tới giai đoạn đặng Đạo Một hay là Thiên, thì đã xong muôn việc.

Hai bên tám biển *Tề Vật Đàn* lại có hai câu liền để giải nghĩa chữ *Tề Vật* như sau này:

*TỀ chúng tánh dĩ vi nhứt tánh,
 VẬT hữu hình nhi trí vô hình.*

Nghĩa là:

San các tánh bằng như một tánh,
 Vật có hình luyện đến không hình.

Giải câu thứ nhứt. Đây nói *tề chúng tánh* nghĩa là san bằng tất cả các tánh; *dĩ vi nhứt tánh* nghĩa là để làm một tánh.

* *Hỏi: Tánh của muôn vật khác nhau, không ai giống ai, làm sao san bằng các tánh để làm một tánh được?*

Đáp: Quách Tượng, người Trung Quốc chú thích bộ sách Trang Tử, giải nghĩa chữ *tê vật* như thế này: Phàm trong thiên hạ, không có ai chẳng tự cho mình là phải, mà luôn luôn chê bai kẻ khác là quấy. Nhưng phải quấy tuy có khác, mà ta, họ, vẫn đồng nhau. Nếu ta xét phăng về bản thể, về linh tánh, thì muôn vật vốn có một là Đạo Một, là Thiên tánh.

Về mặt lễ nghi, Nho Giáo có nói *Tê chi dĩ lễ*, nghĩa là lấy lễ mà san bằng. Tỷ như người trong đạo của chúng ta, hễ ai vào đạo, thì khi cúng hội cũng phải thi hành một thứ lễ, đọc một thứ kinh, khi đứng, khi quỳ, khi lạy đều là ăn rập với nhau cả. Thế là chúng ta *tê vật* rồi đó.

Về mặt đạo đức, trong Tam Giáo Đạo, mỗi giáo đều chủ về Đạo Một:

Phật Giáo dạy: Vạn pháp quy nhưt.

Đạo Giáo dạy: Bảo nguơn thủ nhưt.

Nho Giáo dạy: Chấp trung quán nhưt.

Chữ *Nhút* này, luận về con người là Nhút tâm, là Lý tánh. Ai ai cũng thuận theo cái tâm tánh đó, thì gọi là Đạo (*suất tánh chi vị Đạo*). Đó là *tê chi dĩ Đạo*. Chúng ta *tê vật* là như thế.

Còn theo pháp luật thế gian, thì *tê chi dĩ hình*. Nhưng xét kỹ dân chúng sợ hình phạt mà tránh lỗi tạm thời, chớ trong lòng thiệt chưa biết hổ thẹn. Chi bằng dạy đạo đức, lễ nghi, kẻ tiêu nhơn đặng cảm thông trong tận đáy lòng, có biết hổ thẹn mới để tiến lên con đường cải cách.⁽⁷²⁾

Giải câu thứ nhị. *Vật hữu hình* nghĩa là các pháp đối đãi với ta có hình tướng. *Nhi trí vô hình* nghĩa là nếu ta đánh tan các pháp đó, thì nhị nguyên (*dualisme*) trở thành nhưt

⁽⁷²⁾ Tử viết: “Đạo chi dĩ chính, tê chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ; đạo chi dĩ đức, tê chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách.”

nguyên (*monisme*), huơn lại Đạo Một, tức là *táng ngẫu* thì sẽ đi đến bình đẳng, dung hòa vạn vật dẫn về cõi hư vô. Thế thì gọi là vô hình.

Đó là cái lý phản bản huơn nguyên, nghĩa là: Trở về nguồn cội, cùng hiệp với Trời, thì đâu còn bản ngã riêng rẽ nữa, nên gọi là *táng ngã*. Vậy *táng ngã*, hay là nói theo lối thường: dẹp bản ngã, là pháp chánh để *tê vật*.

D. Nhút tâm thành kính (Tâm và Đạo vẫn có một)

Bốn chữ *Nhút tâm thành kính* nếu lấy nghĩa thông thường thì tưởng ai ai cũng dễ hiểu, là một lòng thành kính, hay là hết lòng kính vưng, chẳng dám trái lịnh.

Nhưng tiến lên một bậc nữa mà giải, thì *Nhút tâm* là Chơn tâm, là Lý tánh, tuyệt đối thanh tịnh, nên gọi là *thành kính*. **Thành** nghĩa là chơn thiệt, không còn một mảy dục vọng, đồng bậc với Trời, nên sách Trung Dung gọi thành là *Thiên Đạo*. **Kính** nghĩa là dè dặt, thận độc, để cầu phục lại chữ thành mà phần nhiều người đã bỏ mất, nên sách Trung Dung gọi công phu này là *Thành chi Đạo*, tức là *Nhơn Đạo*. Tuy phân ra có Thiên Đạo, có Nhơn Đạo, mà mục đích cứu cánh của hai bên chung quy cũng đều là tự phối hiệp với Trời mà thôi, chớ không phải khác nhau.

Tự điển Phật học giải chữ *Nhút tâm* là *vạn hữu chi thiệt thể chơn như*, nghĩa là cái bản tánh chơn như là thiệt thể, là gốc sanh mọi sự mọi vật. Cho nên kinh Phật thường nói: *Nhút tâm chánh niệm, nhút tâm bất loạn*, v.v... Chúng ta dịch là một lòng, đứng theo văn tự, mà thiệt chưa đặng rốt ráo ý nghĩa.

Thần Tiên dạy lấy bốn chữ *Nhút tâm thành kính* làm sắc lịnh. Khi người Minh Lý nghe đến bốn chữ đó, thì ai ai cũng phải cúi đầu vâng mạng, chẳng đặng làm trái. Vì có

đó, *Nhứt tâm thành kính* là tiêu biểu của *Tâm và Đạo vẫn có một*.

V. KẾT LUẬN

Đạo là lẽ phải, mà cái lẽ phải đó không cố định, nghĩa là không định chắc phải thi hành theo một chiều hướng nào, nhưng luôn luôn nên chú trọng vào hoàn cảnh, thời kỳ, trình độ... Đức Khổng Thánh nói “*Tùy thời xử trung*” là cũng có ý nói về cái ý nghĩa này.

Nhưng nếu *tùy thời* mà không biết các nguyên tắc nói trên, thì chắc phải sai đàng lạc ngõ, không xu hướng về tiền tài, thì cũng đua chen theo danh lợi. Vậy các đạo hữu chẳng khá không tìm hiểu cho rõ ràng các nguyên tắc nói trên.

Một mặt khác, Đạo Minh Lý chủ về dung hòa, nhưng không phải gặp ai cũng nghe theo người ta. Chúng tôi chỉ muốn thỏa hiệp cùng nhau để tìm cho được cội gốc là Đạo mà thôi chứ không tranh giành về hình thức bất tề, cãi vã về các việc nhỏ nhặt, để gieo sự chi li, thù nghịch giữa xã hội đồng bào chúng ta.

Trước khi dứt bài giảng hôm nay, tôi xin mời chư quý ông, chư quý bà và các đạo hữu nam nữ đồng đứng dậy, để tâm thanh tịnh một phút và mật niệm như sau này:

*Minh Lý hoằng khai,
Tam Tông trường cửu,
Thế giới hòa bình,
Nhứt thiết chúng sanh,
Tề thành Đại Đạo.*

Rất lòng thành tín.

NGUYỄN MINH THIỆN

3. Ngũ Chi Đại Đạo

Bài giảng của **NGÀI MINH THIỆN**

nhân lễ khánh thành trùng tu

chùa Minh Thiện Đạo (Thanh An Tự) tại tỉnh Bình Dương

Ngày 1, 2, và 3 tháng 11 năm 1966

Thưa Ông Chánh Hội Trưởng Hội Minh Thiện Đạo,
và chư quý vị Ban Quản Trị.

Thưa chư quý ông, chư quý bà,

Tôi là người Minh Lý Đạo, thay mặt chùa Tam Tông Miếu, vinh hạnh đặng ông Chánh Hội Trưởng mời đến dự lễ khánh thành trùng tu Thánh Miếu hôm nay. Để giải bày một vài ý kiến đạo đức, ngõ hầu chung vui cùng nhau trong buổi lễ long trọng này, ông muốn tôi nói về *Ngũ Chi Đại Đạo*. Xin thú thiệt với chư quý vị thánh giả rằng tôi không thạo lắm về đề tài này, nhưng cũng gắng gượng giải bày để đáp tạ tình của ông Chánh Hội Trưởng.

Trước khi luận về Ngũ Chi Đại Đạo, tôi xin giải thích đại lược nghĩa hai chữ Đại Đạo.

I. ĐẠI ĐẠO LÀ NGHĨA LÀM SAO?

Chữ *Đại Đạo* xuất xứ ở trong cuốn *Đạo Đức Kinh* của Ngài Lão Tử, mà khi giảng các đàn tiên dạy đạo, Ngài thường xưng là Thái Thượng Đạo Quân, hay Thái Thượng Lão Quân. Hai chữ Đại Đạo ấy ghi trong chương 25, như sau này:

“Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh... Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cường vi chi danh viết Đại.”

Nghĩa là: Có một vật hồn nhiên (đâu đâu cũng một màu như hột gà chưa lộn, không chỗ nào thấy hình trạng khác nhau), sanh ra trước trời, trước đất... Ta không biết tên nó là gì, đặt tên nó là Đạo, cưỡng gọi nó là Đại.

Thế thì Đại Đạo là một vật không hình tướng, mà to lớn trải khắp các nơi, có trước trời đất. Đó là cái nguyên nhân thứ nhứt sanh ra trời đất vũ trụ và người vật.

Nó phát biểu ra ngoài gọi là Đức. Cái Đức này không phải lấy nghĩa thông thường, như đức tánh, đức hạnh, nhân nghĩa (*les vertus*). Đạo Đức Kinh gọi chữ Đức này là thượng đức (*la Vertu*), còn chữ đức kia là hạ đức (*les vertus*), vì nó đã chia ra nhiều mỗi mảnh mát vẻ hồn nhiên. Nói một cách khác: Chữ Đức này, lớn như chữ Đạo, gồm đủ hết các đức, không có đức nào lọt ra ngoài.

Ông Pierre Salet là người phiên dịch bộ *Đạo Đức Kinh*, hiểu rõ ý của Ngài Lão Tử, nên trong bài tựa cuốn sách của ông phiên dịch, có nói rằng: Cái công bình và bất công, cái tốt và cái xấu là những hiện tượng của kẻ phạm phu, không có giá trị chi về phương diện tuyệt đối. Mà, ngoài hiện tượng ấy, có cái Đạo bất sanh bất diệt (nghĩa là hằng cửu, vĩnh viễn), là nơi các Hiền Thánh có thể tìm được chơn lý và hạnh phúc. Cái đức chơn thiệt của nó gọi là Đức, trái với các hiện tượng nói trên, là một thứ tinh thần phát xuất, một sức thị hiện của Đạo trong mọi chúng sanh, tỷ như cái cầu để nối dính họ liền lại với Đấng Thiêng Liêng (Đạo).

Đây là lời của tôi phiên dịch ra tiếng Việt Nam câu chữ Pháp của ông Salet như sau này: *“Le juste et l’injuste, le beau et le laid sont des apparences humaines qui n’ont aucune valeur au point de vue absolu, mais, par delà ces apparences, se trouve l’immuable Tao dans lequel le sage peut trouver toute vérité et toute béatitude... La vraie vertu, le Te, au contraire, est une sorte d’émmanation, de*

manifestation du Tao dans les créatures, et comme le pont qui les rattache à la Divinité.”

Ông Bác Sĩ Wiéger, một nhà tu Công Giáo, cũng là người phiên dịch cuốn *Đạo Đức Kinh* nói trên, hiểu nghĩa hai chữ Đạo, Đức như thế này. Trong bài *Tự Ngôn*, ông nói:

Một nguyên lý đầu tiên và duy nhứt, ban sơ nó tập trung và đại tịnh, tự mình phát xuất, sanh hóa. Ban sơ cái nguyên lý ấy tĩnh thì gọi là Đạo, hoạt động thì gọi là Đức.

Le Docteur Wiéger a dit: “Un principe premier, unique, d’abord concentré et inactif, se mit à émaner à produire. Recueilli, on l’appelle Tao; agissant on l’appelle Te.”

Ông Glasenapp trong cuốn *Năm Đạo Lớn Của Thế Giới* có nói: Chữ Brahma (của Ấn Độ Giáo) cũng như chữ Đạo, cả hai đều phủ nhận đời sống hiện tượng và như thế, thì nghĩa nó như hư không. Trái lại, đó là nguyên nhân thứ nhứt của muôn vật tồn tại trên đời và như thế, thì không phải là hư không, mà là một cái thể siêu việt (một bực Chí Tôn)

Câu văn Pháp: *Le Brahma, de même que le Dao, est la négation de l’existence nouménale et, par conséquent, il est désigné comme Néant. Inversement il est la Cause première de toute existence et que, par conséquent, il n’est pas un Néant, mais un être transcendant.*

Theo Ấn Độ Giáo thì một cái thể siêu việt, một bực Chí Tôn này là Brahmā, cũng là Brahma, như nói trên, mà có dấu mũ trên chữ ā, xin chú thính giả để ý. Người Pháp dịch hai chữ Brahma và Brahmā là: *La Loi et l’Être.*

Theo Nho Giáo, thì gọi là Thiên và Thượng Đế.

Theo Phật Giáo, thì gọi là Pháp và Pháp thân Phật.

Theo Đạo Giáo, thì như nói trên, gọi là: Đạo và Đức, tuy là hai mà một, một mà là hai.

Thế thì, các tông giáo nói trên, tuy ra đời dưới hình thức khác nhau về lễ bái, về học thuyết, mà kỳ thiết chỉ có một gốc, một lý mà thôi. Nhưng trước kia, từ một gốc, một lý, mà phát xuất, rồi theo luật tự nhiên của trời đất, chi chi cũng phải trở về căn bản của nó.

Tỷ như hạt giống, khi gieo xuống đất nó xoi đất mà mọc lên, có thân cây, có nhánh, có lá, có bông, có trái, rồi cuộc cũng hườn lại hạt giống in như khi trước, để sau này có thể trồng nó lại nữa. Rồi nó mọc lên cây, lên nhánh, v.v... cũng như đã nói trước, châu nhi phục thi, mà tuần hườn mãi mãi.

Cuốn *Châu Dịch Huyền Nghĩa* của Đạo Minh Lý có nói:

*Kiên: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, bốn đức,
Rộng sâu dày, tốt bực không hai.
Bốn mùa, tám tiết đổi thay,
Xây vắn máy Tạo, tháng ngày không thôi.
Nguyên đức lớn, dựng ngôi tánh mạng,
Hanh đức thông, rở rạng tôn sanh,
Lợi nên thuận thực, hoàn thành,
Trinh bền kết thúc, giống lành y nhiên.*

Câu chót: *Trinh bền kết thúc, giống lành y nhiên*, là có ý nói: Đến kết cuộc rồi, hạt giống kia cũng hườn lại giống lành y nhiên như trước khi.

Kinh Châu Dịch lại gọi đó là biến dịch, rồi cũng hườn về bất dịch. Phật Giáo và Đạo Giáo gọi đó là luân hồi lục đạo, chuyên sanh kiếp này kiếp nọ, không biết chừng nào ngừng nghỉ. Người làm đạo, người tu hành, phải làm sao để tránh sự biến dịch này, làm xáo trộn đời sống con người, để đi đến bất dịch là thường trụ mới là chứng được

quả Tiên Phật, hưởng cảnh an lạc đời đời.

II. ĐẠI ĐẠO CÓ HAI ĐƯỜNG: THUẬN VÀ NGHỊCH, KHÁC NHAU

Trên đã nói: Đạo có hai phần: một phần là biến dịch, nghĩa là thay đổi luôn luôn, làm cho đời con người xáo trộn mãi mãi, còn một phần là bất dịch, nghĩa là thường trụ, không dời dạt, không phiêu lưu vô hạn định, thì đời con người mới hưởng được sự yên tịnh, vui vẻ, hạnh phúc.

Con đường trước là con đường thuận với Tạo Hóa, phải lên lên xuống xuống, cực nhọc đau khổ. Con đường sau là con đường nghịch với Tạo Hóa, mà đặng an nhàn, tự tại, hưởng được thanh phước cực lạc niết bàn.

Cuốn *Châu Dịch Huyền Nghĩa* của Đạo Minh Lý có nói:

*Nền Dịch học lần lần suy yếu,
Mới chơn truyền tối thiểu biết thôi.
Phân đông, vật chất kéo lôi,
Lợi danh, thế sự, bỏ trôi tâm truyền.
Sau đạo Dịch, một nguyên hai phái,
Đến Đông Châu, thời đại loạn ly.
Chủ trương, Lão Tử vô vi,
Đem ngay chỗ động, hai nghi trở về.*

(Chỗ động tức là cơ vi manh động trong lòng ta. Hai nghi tức là âm dương. Trở về nghĩa là đem ngược nó lại gốc xưa, tức là Thái Cực, là Đại Đạo.)

Đời là khổ, ai lại không biết. Tuy là cũng có lúc vui, cái vui theo nhục dục, theo phàm tình hèn thấp, mà cái vui sướng đó không bền bỉ, rồi nối đuôi theo sau nó, không biết bao nhiêu sự thống khổ.

* *Hỏi: Sao lại cho vui sướng là khổ?*

Đáp: Vui sướng ở thế gian là vô thường, không đủ toại nguyện, do các nhân duyên hiệp mà sanh, rồi cũng do các nhân duyên lìa mà mất, không có lúc nào trụ một chỗ, vì có đó mà khổ.

Như người cỡi trời dục giới thọ lạc, như ngây như say, không còn biết chi khác, đến lúc sắp chết mới là giác ngộ, thì đã trễ muộn rồi. Khi mạng chung chúng sanh theo nghiệp nhân duyên phải còn thọ báo. Các chúng sanh đó có gì gọi là sung sướng?

Ba đường ác đạo là cảnh quê xưa. Còn cỡi trời, cỡi người như quán xá để khách trọ nghỉ tạm một lúc. Vì nhân duyên đó, Phật chỉ nói *Khổ Đế*, mà không nói Lạc Đế. Cho nên cả thầy chúng sanh, chẳng một ai không chịu khổ.

Lại chúng sanh rất đáng thương xót, vì không biết cái thiệt khổ. Ở trong chỗ điên đảo, bèn đâm ra tư tưởng sung sướng. Đời này đời sau chịu nhiều sự khổ não, mà lòng không biết chán. Tuy có lúc tạm lìa khỏi khổ, mà rồi cũng trở lại cầu sự sung sướng vô thường kia, gây ra các việc khổ khác nữa. (Rút trong cuốn *Thiền Pháp Yếu Giải* của Phật Giáo, do Minh Thiện phiên dịch và ấn tống.)

Phật nói rằng: các thứ khổ đó do vô minh mà sanh ra. Vô minh nghĩa là trí không đặng sáng suốt, nên tạo ra nhiều điều ác nghiệp, phải bị luật nhân quả buộc con người vào bánh xe luân hồi sanh tử. Nhưng Phật cũng có nói: Mỗi chúng sanh đều có Phật tánh sáng suốt như Phật vậy chẳng khác.

Thế thì danh từ vô minh và Phật tánh cũng đối hẳn với nhau, như ngày với đêm. Hễ có vô minh thì không thấy Phật tánh. Còn thấy Phật tánh thì vô minh phải tiêu tan. Người tu hành dẹp được vô minh, mà thể hiện Phật tánh, thì gọi là *Minh tâm kiến tánh*, chứng quả niết bàn. Ông

Thần Hội, thiền sư đặng nhận là thất tổ trong phái thiền tông, trong bài *Hiển Tông Ký*, có nói:

*Niết bàn vô sanh, năng sanh bát nhã,
Bát nhã vô kiến, năng kiến niết bàn.*

Nghĩa là:

Cảnh niết bàn là cảnh vô sanh (bất sanh bất diệt), mà sanh ra trí bát nhã.

Còn trí bát nhã không có tà kiến (không thấy các việc tà), mà thấy được niết bàn.

Đủ thấy người tu hành muốn chứng được quả Tiên Phật, thì phải có trí bát nhã, mà người Trung Hoa dịch là đại trí huệ. Chữ trí bát nhã đồng một nghĩa với Phật tánh, nói trên. Trí bát nhã là công cụ của niết bàn, còn niết bàn là bản thể của trí bát nhã.

III. CÔNG PHU TU HÀNH PHẢI THEO LUẬT TIẾN HÓA

Muốn đặng trí bát nhã, phải lắm công phu tu học. Không phải đầu hôm sớm mai mà thấy kết quả chóng mau được.

Đại Đạo tuy có một, mà con người hành đạo có nhiều trình độ, nên phải chia ra nhiều lớp tu học. Cũng như đạo Phật có tam thừa, ngũ giáo.

Tôi xin mượn một cái thí dụ trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* như sau đây, để chỉ rõ cái lý tiến hóa phải có nhiều lớp học.

Thí như có một người tuổi còn thơ bé, bỏ cha mà đi qua xứ khác, ở đó rất lâu (hai ba chục năm). Người đó khi lớn lên rồi, vì cảnh nghèo nàn, nên giồng ruồi bốn phương, để làm mướn nuôi thân. Như vậy trải qua nhiều xứ, một ngày kia bỗng hưởng về quê hương.

Ban đầu người cha đi tìm kiếm nó, mà vì không biết nó

ở đâu, nên phải dừng bước lại ở trong một cái thành nọ. Nhờ buôn bán gặp vận may, ông này giàu có lớn, của tiền vô lượng. Các kho tàng chứa đầy những vàng bạc, châu báu, có nhiều tôi tớ, nhân viên phụ tá, voi ngựa, xe cộ, trâu dê vô số, huê lợi lan rộng đến các nước ngoài, khách buôn bán lai vãng tấp nập.

Thì gã cùng tử đạo khắp xóm làng, trải qua nhiều tỉnh, lần hồi đi tới chỗ thành của cha nó ở.

Bấy giờ gã cùng tử làm thuê làm mướn để độ nhật, may đâu gặp nhà người cha. Nó đứng ngoài cửa ngõ trông thấy cha mình đằng xa, ngồi trên giường sư tử, dưới có ghé bấu đỡ chơn. Các vị bà la môn, sát đế lỵ, cư sĩ, đều cung kính vây quanh. Thân ông đặng trang nghiêm bằng chuỗi ngọc, trân châu, giá trị muôn ngàn, v.v...

Gã cùng tử thấy cha có thể lực lớn lao dường ấy liền đem lòng lo sợ, hối hận, vì mình đã lỡ chơn đến đây. Nó thầm nghĩ rằng: Ông này không phải vua, thì cũng là ông chi chi lớn lắm, không phải là chỗ ta đến làm thuê, làm mướn, mà kiếm tiền được. Chi bằng ta qua xóm nhà nghèo bên kia, mới là phải chỗ ta làm ăn, để đặng sanh sống. Nếu ta đứng lâu ở đây, họ có thể bức bách, cưỡng ép ta làm việc này việc nọ chẳng. Nghĩ như thế rồi, gã liền mau chơn bước trái ra ngoài.

Khi ấy, ông trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử, thấy gã cùng tử, nhìn biết là con mình, lòng rất vui mừng, ông bèn sai người hầu bên mình, mau chạy theo kêu nó trở lại...

Lúc ấy, nhiều người hầu chạy riết theo kịp, nắm được gã cùng tử, thì nó kinh ngạc, hãi hùng, lớn tiếng kêu oan: “Tôi chẳng hề xúc phạm đến ai, sao mấy người lại bắt tôi?”

Rồi nó ngất người, ngã xuống đất chết giắc. Người cha đằng xa thấy vậy, liền lớn tiếng bảo các người hầu rằng:

“Thôi, đừng cưỡng ép nó, dẫn nó đến ta làm gì. Hãy lấy nước lạnh mà rửa mặt cho nó tỉnh dậy, đừng nói chi với nó nữa hết.”

Tại sao? Bởi người cha biết chí ý con mình còn hạ liệt và xét biết tại địa vị cao sang của mình mà con nó sợ hãi. Xét biết tánh tình con mình như thế, nên ông dùng phương tiện độ nó, chớ không rí hơi ra, không cho ai biết nó là con mình. Ông kêu người hầu, biểu nói với nó rằng: “Nay ta để cho nó thông thả, tự ý nó muốn đi đâu thì đi.”

Gã cùng tử hoan hỷ, như đặng vật báu xưa nay chưa từng có, liền từ mặt đất trở dậy, chạy đến xóm nghèo để mưu cầu cơm áo.

Lúc ấy, ông trưởng giả muốn dụ dỗ người con, nên dùng phương tiện này: Ông kêu hai người nhà có dáng gầy ốm, không có oai đức, mà nói nhỏ rằng: Hai đứa bây qua xóm bên kia dụ dàng nói với cùng tử rằng: “Tại nhà ta đây có chỗ làm mà thiếu người, lại trả tiền công cao bằng hai nơi khác.” Nếu nó chịu làm, thì dẫn nó về cất việc cho nó làm. Nếu nó hỏi làm gì, thì nói cho nó biết: “Chủ thuê anh hốt phân, quét rác, hai đứa tôi đây cũng làm chung với anh.”

Tức thì hai người nhà đi kiếm gã cùng tử, thuật lại mọi việc như đã kể trên.

Lúc ấy, tên cùng tử đến nhận tiền, rồi lo hốt phân, quét rác. Có lúc, Ông trưởng giả cỡi chuỗi ngọc, áo quần, tế nhuyễn, các món trang sức, rồi mặc áo vải thô rách rưới, bôi mình đất cát, đi coi các công nhân làm việc. Đó là ông phương tiện để gần gũi với con mình.

Đến sau, ông lại bảo con rằng: Gã nam tử kia, cứ siêng năng làm việc, thì ta sẽ trả tiền thêm cho người đủ sống. Người chớ nên e ngại. Hãy coi ta đây cũng như cha người vậy. Đương khi làm việc, người chớ khi dối, trễ nải, gian

dữ, oán trách. Ta mong sao người bỏ hết các tánh xấu đó, chẳng giống như mấy đứa lao động khác. Từ đây về sau, ta coi người như con đẻ của ta.

Ông trưởng giả liền đặt tên tự (tên riêng) cho gã cùng tử, gọi ngay nó là con (như con ruột). Gã cùng tử gặp sự may mắn đó, bắt đầu có lòng tin cậy hơn, vào ra không còn ngần ngại nữa. Tuy vậy, nó cũng vẫn ở chỗ cũ (chòi lá riêng).

Bấy giờ trưởng giả có bệnh, tự biết mình khó sống, mới bảo cùng tử rằng: “Ta nay rất có nhiều vàng bạc, trân báu, đầy đầy kho tàng, có nhiều món nên giữ để sau mà dùng, tất cả con phải chăm nom coi sóc. Lòng ta định như thế, con phải thừa vâng ý cha.”

Tại sao? Vì hiện nay cha cùng con chẳng khác (có một), con phải hết lòng gìn giữ, đừng để mất mát, thì cùng tử vâng lời dặn, coi sóc trong ngoài.

Một ít lâu nữa, cha biết ý con đã lần lần mở trí sáng suốt. Khi gần lâm chung, ông trưởng giả kêu con mình đến và hội tất cả thân tộc, họ hàng mà tuyên bố: “Các ông nên biết, người này là con tôi, tự tôi sanh nó ra. Trên mấy chục năm về trước, cũng ở trong thành này, nó bỏ tôi mà đi phiêu lưu tận khổ. Ngày nay, tất cả sự nghiệp của tôi đều là giao hết về tay nó, một mình nó làm chủ mà thôi.”

Lúc ấy, cùng tử nghe nói, rất là hoan hỷ, cho là đáng một việc xưa nay chưa từng có, nên nghĩ rằng: “Ta nào để ý mong cầu, mà nay cái kho báu kia tự nhiên đến cho ta.”

Trong thí dụ này, ông phú trưởng giả tức là Đức Như Lai, còn các đệ tử đều như con của Phật, vì Như Lai thường nói: “Chúng người như là con cái của Ta.”

Đây nói: Ông phú trưởng giả dùng phương tiện như nói trên, để gần gũi với gã cùng tử mà khuyên dạy nó. Nhưng ban đầu, nó cũng chưa tin cậy mấy, sau nhờ lâu ngày chầy

tháng nó mới tỉnh ngộ, mà bỏ phận sự hốt phân, quét rác, ở sau nhà, góc hẻm, mới lên nhà trên làm quản gia, rốt rồi làm chủ nhà.

Nên biết: Đạo thì có một, mà phương tiện rất nhiều. Trên Trời Phật cũng tùy phương tiện để độ chúng sanh, không nên chấp phương tiện, mà bỏ Đại Đạo ra ngoài.

IV. NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO

Ngũ Chi Đại Đạo, mà tôi muốn nói đây, là năm phần Đại Đạo như sau này: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo.

Tuy hình thức có sai biệt, mà tinh thần bên trong không khác, cũng đều chủ về sự giải thoát cho con người, từ chỗ thô thiển đến nơi rốt ráo hoàn toàn. Đạo là một lý không hai, dầu Đông hay Tây, tuy chia ra có nhiều mối manh, chớ cũng cùng chung một chơn lý duy nhất.

Mỗi phần tùy theo trình độ nhơn loại mà giáo hóa, hướng dẫn, như một cái thang năm nấc, một trường học năm lớp. Nhưng mỗi phần đều lấy chữ khổ mà làm đề mục:

Nhơn thì tòng khổ
Thần thì thắng khổ
Thánh thì thọ khổ
Tiên thì giải khổ
Phật thì thoát khổ

Nhơn thì tòng khổ

Đã là người thì phải chịu cái công lệ: sanh, già, đau, chết, chịu khổ vì hoàn cảnh, vì bản thân. Nếu không biết thuận tòng khổ, để làm tròn bổn phận con người, lo tròn trách nhiệm đạo người, đối với gia đình, xã hội: trong thân tộc ruột rà, ngoài đồng bào quốc thổ, vui với cái thiên chức mà Trời đã trao cho, để cùng nhau chia sẻ nỗi vui,

nỗi buồn, nỗi vinh, nỗi nhục.

Không vì khó khăn mà thối chí, chối từ, không vì nghèo hèn mà tủi nhục. Ai cũng thuận theo luân lý, đạo nghĩa để hoàn tất trách nhiệm làm con, làm cha, làm vợ, làm chồng, làm chủ, làm tớ, làm anh, làm em, làm người giữa nhau trong xã hội.

Thần thì thắng khổ

Vượt lên trên Nhơn Đạo, thì có Thần Đạo. Thần Đạo là đạo của võ tướng, của quân sĩ, phải chiến thắng với tất cả sự áp bức, xâm lăng từ ngoại lai, giữ yên bờ cõi cho đồng bào chủng tộc, bảo hộ cho họ được sống trong cảnh an lành, hoặc dẹp trừ các sự rắc rối, xáo trộn, trộm cướp, cho dân chúng an cư lạc nghiệp, ổn thỏa giữa nhau.

Thánh thì thọ khổ

Tiến lên Thánh Đạo, đảm nhiệm lấy sứ mạng cứu chuộc mọi khổ đau cho loài người, uống cạn chén rượu khổ đời. Tới đây là con người đã quên mình hoàn toàn, chỉ biết có đồng loại. Nên Nho Giáo có câu: *Sát thân dĩ thành nhân*, nghĩa là mình chịu chết để trọn đức nhân, hoặc là mình chịu chết để giúp cho người nên việc. Cũng vì lẽ đó, mà Thánh Giê Su căng mình trên thập tự giá, làm của chuộc tội lỗi cho thế gian, lòng bác ái rộng thương tràn ngập đất trời.

Tiên thì giải khổ

Trên nữa là Tiên gia, tuy tu nghịch đời, mà thuận với lý thiên nhiên, điều hòa thần khí, để phá những phiền phức buộc ràng, đem ngay con người đến chỗ thanh tịnh vô vi, sống trong cái sống hồn nhiên, vui trong cái vui cõi mở, không bận thân nơi tục lụy, mê mết theo đám bầy tình.

Tự mình có cái đạo trường sanh, mình với Trời, là một nguyên lý, một nguyên thân, Trời đang vững bền, thì

người cũng là Trời, lẽ đâu không tồn tại? Người và Trời cũng một Đạo, đồng nhứt ở lý, khí, nên có câu:

*Nhứt nhơn chi tâm, tức thiên địa chi tâm,
Nhứt vật lý chi lý, tức vạn vật chi lý.*

Thế thì thiên địa vạn vật đồng nhứt thể, mà Trời vững đất bền, sao người vật lại bị thống khổ, tiêu ma? Vì người vật cử động cách xa với Thiên lý, bị vật chất giả tạo ám ảnh, mà gây nên điên đảo, lẫn lộn trong vòng luân hồi sanh tử, không biết chừng nào ra khỏi được. Biết cái lý ấy rồi, đem mình trở về cùng Tạo Hóa, thì cũng sẽ đứng bền lâu như Tạo Hóa.

Chẳng những thế, những bực tu đắc đạo rồi, hễ định thần vào đâu, có thể khiến người vật ở đó không bệnh hoạn, lúa thóc trúng mùa ngay (coi sách Trang Tử). Lời này đối với câu sách của Thầy Mạnh Tử *quá hóa tồn thần* thì chẳng phải là quá đáng. *Quá hóa* nghĩa là: Bực Hiền Thánh đi tới đâu thì ở đó được cải hóa về lành, hễ định tâm vào đâu thì ở đó thấy thần diệu. Nhưng đó là việc vô vi, nên người đời khó mà biết được, nên họ lầm tưởng tu Tiên là tu ích kỷ.

Phật thì thoát khổ

Vượt qua một tầng công phu nữa, Phật Giáo tìm phương giải thoát tất cả mọi hành vi hệ lụy, ngoài sự câu thúc của đời hay là của đất trời, nghĩa là đã đi đến chơn không vô tướng, vượt ra khỏi ngoài vòng khí chất, để cầu lấy đạo từ bi tự tại, thì có chi trói buộc được nữa. Tuy chư Phật, Bồ Tát, đang tinh thần tự do, tự tại, mà vẫn không quên chúng sanh còn đương lặn hụp sông mê biển khổ, nên lúc nào cũng ứng hóa độ đời bằng tâm kiến tánh, ngõ hầu được hưởng cảnh thanh nhàn, cực lạc như các Ngài.

Cho nên có câu: *Tâm Phật, chúng sanh, thị vô sai biệt*, nghĩa là tâm của Phật và của chúng sanh là một thể, chúng sanh tu thì thành Phật, đồng hàng với Phật, thì Phật nào có khác chi với chúng sanh.

Người theo đạo thường tưởng rằng hễ tu hành thì cần phải giải các khổ ở đời. Nhưng ít ai biết các khổ đời chẳng phải nên tránh hết. Cũng có khi ta phải nhận cái khổ kia làm thầy của chúng ta (*La douleur, c'est notre maître*).

Trong cuốn *Thiền Lâm Bửu Huân*, ông Phật Giám có nói rằng: *Vi đạo bất ưu, tắc tháo tâm bất viễn. Xử thân thường dật, tắc dụng chí bất thâm... Cái sự nan tắc chí nhuệ, khắc khổ tắc lực thâm, toại năng chuyển họa vi phước, chuyển vật vi Đạo.*

Nghĩa là: Làm đạo không có sự buồn lo, thì tâm tập luyện không đến chỗ xa xăm. Thân thường ở trong cảnh dật lạc, thì chí có dụng cũng không sao sâu sắc được... Vì có gian nan thì ý chí mới sắc bén, có kham khổ thì tâm tư mới chín chắn. Có thể mới là chuyển họa làm phước, chuyển vật ra Đạo (Đạo là chủ động, còn vật là bị động).

V. KẾT LUẬN

Thế thì Ngũ Chi Đại Đạo cũng chung một đề mục, mà dẫn bước đưa đường từ nhiều giai đoạn, hầu đến chỗ cứu cánh, viên mãn hoàn toàn, tự làm chủ mình mà cũng làm chủ được cả乾坤 vũ trụ. Đó là vai trò tiến hóa, mà mỗi người đều có bổn phận vun đắp, trưởng dưỡng, từ nhỏ đến lớn, từ hẹp ra rộng, thì đủ thấy cái nền đạo học của chúng ta tuy có cấp bậc khác nhau, mà không ra ngoài một lý, là Đại Đạo. Vậy chúng ta phải tự xét trình độ, hoàn cảnh của mình mà cầu lớp học, không nên lạp đẳng, mà rốt cuộc khó thành Đại Đạo.

Thầy Trang Tử nói: Người nằm ở chỗ ẩm thấp, thì sanh

ra đau lưng, chết (bại) nửa thân mình, còn con lươn nằm đó thì rất sung sướng, có sao đâu? Người ở trên cây thì run rẩy, sợ té, còn loài khỉ vượn lên cao thì thích thú, có sao đâu? Cũng thế, người học đạo phải tìm thuyết thích nghi mà học, không nên ngó cao quá, hoặc thấp quá, mà rốt cuộc không thành tựu gì cả, tuy hữu lao mà vô công.

Chúng ta cũng chẳng nên tự thị học đạo cao, mà chê bai kẻ còn kém cỏi. Nên giúp công giúp tuệ cho nhau là quý hơn. Con người biết cái lý đó, thì đời sẽ không còn tông giáo này chê bai tông giáo khác nữa. Đó là khởi điểm để đi tới cảnh hòa bình, chẳng những trong nước nhà, mà có thể đem gieo rắc sự an lạc trong khắp cả hoàn cầu thế giới.

Hạnh phúc của chúng ta không phải ở trong sự tranh giành lý thuyết, mà ở chỗ kết tình thương yêu cùng nhau, gắng gỏi thiệt hành đạo đức, để tạo ra một cảnh thanh bình an lạc chung cho nhau. Ngoài tình thương yêu, không có một việc thành tựu nào có giá trị cao cả. Có thể mới là đạt đến mục đích tối cao của loài người, thế mới là biến cõi thế gian ra niết bàn, cực lạc. Mong thay!

Trước khi dứt lời, nhân dịp lễ khánh thành long trọng hôm nay, tôi xin thay mặt cho bản đạo Minh Lý mà cầu chúc cho:

Bản đạo Minh Thiện đặng công đức, an lành.

Chùa Minh Thiện đặng miên viễn, lưu truyền bách thế.

Đạo Minh Thiện đặng mở to rộng, hóa độ khắp nơi.

Rất lòng thành tín.

Định Pháp Minh Lý Đạo

NGUYỄN MINH THIỆN

4. Hòa Đồng Các Tôn Giáo

*Bài giảng của NGÀI MINH THIỆN
nhân lễ kỷ niệm lần thứ 45 Minh Lý Đạo khai
Đêm 26-11 Đinh Mùi (27-12-1967)*

Thưa chư quý ông, chư quý bà,

Thưa chư đạo hữu nam nữ,

Hôm nay, chúng tôi Minh Lý môn sanh có mặt tại chùa để thiết lễ cúng *kỷ niệm Minh Lý Đạo khai*, nghĩa là: nhắc nhở, ghi nhớ ngày đầu tiên mà Tam Giáo Đạo Chủ giảng cơ ban hiệu Đạo *Minh Lý* và cho kinh lần thứ nhất là bài *Tặng Ngọc Đế*, mà chúng tôi làm kinh đọc hằng ngày.

Đạo Minh Lý khai từ năm Giáp Tý (dương lịch là năm 1924). Từ năm Giáp Tý cho đến năm nay là năm Đinh Mùi (1967), Đạo Minh Lý đã trải qua một thời gian là 44 năm. Vậy lễ kỷ niệm này là kỷ niệm năm thứ 45.

Chúng tôi rất hân hạnh đặng thấy chư quý khách đáp lời thỉnh cầu của chúng tôi, mà quang lâm để hộ niệm chúng tôi trong buổi lễ hôm nay. Đó là một sự liên lạc có tình hữu nghị, một sự khích lệ lớn lao, mà chúng tôi xin cảm tạ và ghi nhớ.

Lại tôi rất cảm động đặng thấy các đạo hữu nam nữ tề tựu đông đủ tại chùa để dâng lễ tỏ lòng biết ơn Thượng Đế và các đấng Thiêng Liêng đã dày công khai sáng mỗi Đạo Minh Lý và để gặp gỡ nhau mỗi năm kỳ lễ lớn này cho đông đủ, hầu kết chặt tình thân ái trong gia đình Thượng Đế.

Thường năm, tôi tóm tắt sự tích khai Đạo, nhắc nhở các nguyên tắc lập đạo, các phương pháp tu thân, các việc tiến thoái đã xảy ra, v.v... Năm nay xin giảm bớt các việc đó, đã nói nhiều lần rồi. Nếu có dịp nào khác tôi sẽ đem nói chẳng muộn. Nhân dịp đại hội hôm nay có nhiều bực thiện tri thức, mà chúng ta khó gặp gỡ, nên chúng ta thừa dịp này bày tỏ ý kiến, *bày tỏ ý kiến mà thôi*, để có ngày khác sẽ bàn rộng vấn đề này.

Một việc cần yếu mà Bề Trên nhắc nhở phải sớm lo, là việc liên lạc cùng nhau, ngõ hầu đi đến duy nhất mỗi Đạo Trời, để cầu nguyện thanh bình, yên lòng bá tánh, nung đỡ lấy nhau, mà trải qua một khúc quanh lịch sử nước nhà. Đứng trước cuộc xáo trộn này, trời đất còn cảm động thâm sâu, hướng chi chúng ta là người ở trong đại cuộc mà không đau đớn. Thần Tiên cũng giảng dạy khắp nơi kêu chúng sanh hồi tỉnh, thì chúng ta cũng vưng theo lệnh Trên đem lời vàng ngọc đó mà truyền lại cho đồng bào, ngõ hầu kết thúc một cuộc đời rối loạn, để mở mang một cuộc đời đại đồng giữa chúng sanh, đem lại sự thanh bình an lạc cho Nhơn loại.

Đó là công việc lớn lao của Trời làm, chẳng phải sức con người mà làm nổi. Nhưng chúng ta cũng cần phải thông cảm việc làm đó, phải có sức cộng tác chung lo mới là mong đi tới đích.

Vậy phải thông hiểu những gì? Phải ra sức cộng tác thế nào? Đây tôi xin thay mặt cho Đạo Minh Lý mà bày giải sở kiến của chúng tôi, gọi là góp ý kiến đó thôi. Ngoài ra còn có ý kiến các bực trí thức, còn có Trời Phật trên cao hướng dẫn chúng ta nữa.

Dàn bài

- I. Hòa đồng, theo tiếng Pháp gọi là *Synchrétisme*
- II. Quy nguyên, theo tiếng Pháp gọi là *Synthèse*

III. Đồng nhứt tối cao, theo tiếng Pháp gọi là *Identité suprême*

IV. Các phương pháp thực hành, theo tiếng Pháp gọi là *Méthodes d'application*

V. Kết luận, theo tiếng Pháp gọi là *Conclusion*

I. HÒA ĐỒNG

* *Hòa đồng là nghĩa gì?*

Chữ hòa đồng ở trong kinh Đạo Đức của Đức Thái Thượng Lão Quân, nói cho đủ chữ là *hòa quang đồng trần*.

Câu kinh đó như thế này:

“*Tòa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần. Trạng hề tợ nhược tồn.*”

Nghĩa là: Vạt cái nhọn của mình, gỡ cái rối của mình, hòa ánh sáng mình với người, đồng trần tục (hạ mình) với họ. Đạo (hay người giữ Đạo) trong treo dường như sự trong treo đó còn mãi. Ý nói: Hòa sáng mà không hoen ố, lem luốc, vẫn luôn luôn trong sạch.

Để cho tỏ rõ nghĩa câu kinh trên đó, tôi xin thêm lời chú thích trong kinh mà giải rộng nghĩa như sau này:

Đức Thái Thượng thương xót người phạm, mới chỉ chỗ yếu lý của Đạo mà rằng: Người phạm mà chưa ngộ Đạo được, ấy bởi mình là kẻ tài trí, nên ý sức buông lung, nhậm ý tung hoành. Vì có đó, tánh hư linh bị che khuất, nên chẳng thấy, chẳng hiểu đó thôi.

Nay muốn tu hành, làm đạo, thì phải biết thông minh, trí huệ đó (thuộc về phạm tâm) đều là ma chướng cản đường. Từ nay, trút bỏ thông minh, trừ cái tư kiến của tai mắt (của lục căn), trọn quy về hoằng hốt, hỗn độn (vô tư, vô lự, vô phân biệt). Nhứt thiết khí sắc bén hay khoe tài cậy trí, ngạo vật hiếp người, hãy bẻ gãy hết đi, thì tâm

phạm chết, tâm đạo mới sanh, tri kiến (thấy biết theo lục căn) tắt thì huệ kiến (trí huệ bác nhã) sáng tỏ.

Tiên Nho nói: Người thông minh tài trí chẳng đủ sợ, duy có kẻ cực lực nghiên cứu, tiềm tâm học đạo, lóng lòng suy gẫm chơn lý, mới là đáng nể. Lời này phải là đúng lắm chăng?

Người tu hành phải lấy sự ngằm tâm thân, lọc tư tưởng, ít muốn, lóng lòng làm cốt. Thần tri giác, tư lự kia là những niệm xấu xa, tạp nguy, rối beng, khuấy nhiễu. Cái niệm này chưa dứt, thì cái niệm khác lại dấy lên; cái tướng trước chưa ngừng thì cái tướng sau lại đến. Ta phải tự khuyên tự gắng, tự cởi tự mở. Tỷ như chỉ tơ rối vò, ta phải tìm đầu mối mà gỡ nó. Tỷ như cây cỏ, leo lên chẳng chặt, rậm rạp, ta phải nhổ cọng rễ của nó mà bỏ đi. Như thế sự rối rắm sẽ cởi mở, thì đạo tâm ta mới thường thường tho thối.

Tuy nhiên, đó chỉ là công phu tập tịnh của mình đối với mình, chưa bì kịp với cái tịnh ở chỗ nào nhiệt, đông đảo. Nếu chỉ tập tịnh một mình, mà chẳng biết cái động, thì còn là cái học không gốc. Phải làm như thế này: Lúc tịnh thì ta tinh sát (xét nét), khi vào chỗ đông người, càng phải nấp nấp, cẩn thận. Phạm việc chi, khá nhường người đi trước, ta ở sau họ, tôn người lên trên, ta cam tự hạ. Như thế thì đối với đời, ta sẽ không bị xúc phạm; đối với người chẳng ai tranh giành.

Huống chi kẻ thế tục, ai ai cũng ưa người đồng ý với mình, ghét kẻ khác ý. Vậy ta nương sóng xuôi dòng, tùy theo loại mà hòa với người. Mặc dầu ta có lòng quang minh chánh đại đi nữa, ta quyết chẳng lộ khuê giác (khoe khoang). Duy có thâm biết cái cơ đó, ngằm nắm cái thể đó: Cái chi đồng với mình thì ưa nó, khác với mình thì mặc nó trôi qua.

Cho nên người nước Lỗ tranh nhau đi săn, Đức Khổng Tử cũng tranh nhau đi săn. Xưa kia Thánh Nhơn, lúc Đại Đạo chưa sáng tỏ, bao giờ cũng dùng phương tiện để lẫn lộn với trần tục.

Lại xem tích Đức Lục Tổ, sau khi đăng truyền y bát rồi, đạo quả tuy tròn, mà chưa tận chứng hết mâu nhiệm của Đạo. Bởi cố đó, Ngài mới lưu cái xác phàm lại thế gian, để vừa tích đức, vừa liễu đạo, ẩn trong núi Tứ Hội, ở chung với bọn thợ săn, mà họ thản nhiên chẳng lấy làm lạ, nhờ vậy mà Lục Tổ đăng thoát nạn. Nếu chẳng hòa ánh sáng, đồng trần tục với họ, thì làm sao bảo họ được cái thân mình đăng lâu dài.

Đó là nghĩa *Hòa quang đồng trần* (Hòa sự sáng biết của mình với mọi người, mà không kiêu hãnh, hiệp với người trần tục, mà không làm phiền lụy một ai).

Đủ rõ động tịnh đều tu, có thường có biến, thì một điểm bốn thể (Thiên lương bốn tánh) trong lặng, rộng sáng, tự nhiên bảo nhưt không rời, mà chẳng phải là thiệt có (cố định một chỗ), luôn luôn uyển chuyển theo thời, cốt yếu là để đi tới thành công.

Đó là nghĩa *Trạm hề nhược tồn* (lẫn lộn với người khác mà vẫn giữ mình trong sạch). Lại có câu kinh khác cũng đồng với ý nghĩa đó là: *Dĩ tánh cầu tình*. Nghĩa là lấy tánh sáng suốt (của mình đã tu đặng) mà ủy khúc, chịu chuộng tình đời (chớ không phải cầu cao, tỏ ra mình là bậc cao thượng).

Về vấn đề này, nếu muốn nghiên cứu cuốn Châu Dịch, thì nên xem quẻ Đồng Nhơn. *Đồng Nhơn* là cùng người đồng nhau, chung cùng với nhau, thuộc về thời đại đồng, là thời kỳ thanh bình, an lạc, mà Thần Tiên thường nhắc nhở đến luôn.

Phút đại đồng, Đồng Nhơn vu dã,

*Cảnh thái hòa, thiên hạ thần tiên.
Lòng người thuần phác tự nhiên,
Đức Khôn là gái, đạo Kiên là trai.*

Tiên Phật cũng có giảng cơ dạy về vấn đề này, xin luôn tiện nhắc lại lời vàng ngọc đó, để chur quý vị chiêm nghiệm.

Sau khi giải xong quẻ Đồng Nhơn, Bề Trên kết thúc lại bằng những lời lẽ sau này:

“Hôm nay, Ta đến để góp một vài ý kiến về việc tương hệ với bạn đồng đức, đồng tâm, hầu kết nên một tràng thương yêu, mà chung cùng nhiệm vụ.”

Sau này là một đoạn, trong *Hệ Từ Truyện*, của Đức Khổng Phu Tử nhấn mạnh về việc đồng tâm, đại đồng của thiên hạ. Ta nên noi lấy đó mà hành đạo, giữ đạo và xây dựng quyền pháp tương lai, cứu vãn nội tình hiện tại.

Hệ Từ viết: *“Đồng nhơn tiên hiền đào nhi hậu tiếu.”*
Tử viết: *“Quân tử chi đạo hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ, nhị nhơn đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim. Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan.”*

Nghĩa là: Quẻ Đồng Nhơn trước kêu rêu than khóc, mà sau lại vui cười. Phu Tử nói rằng: Đạo người quân tử hoặc đi hoặc ở, hoặc nín hoặc nói, hai người đồng tâm, lợi ở chặt sắt cũng đứt. Lời nói của đồng tâm, mùi nó thơm tho như bông lan.

GIẢI NGHĨA RỌNG

Đồng nhơn tiên hiền đào nhi hậu tiếu. Câu này ở hào thứ năm của quẻ Đồng Nhơn. Nói đến Đồng Nhơn thì việc đó rất khó khăn. Song thời thế đã đến, thì dầu ai không muốn đồng cũng không được. Đồng tâm là người này và người kia, tuy không ở chung với nhau, mà tâm sự vẫn đồng như nhau.

Tiên là trước, *Hiếu* là kêu rêu, than thở. *Hậu* là sau, *Tiểu* là vui cười. Nghĩa là: Nói đến sự đồng tâm, trước vì sao mà kêu rêu, than thở? Kêu rêu, than thở là vì hai người đồng với nhau, mà chưa được ngộ hợp cùng nhau, trung gian có hào cử tam, cử tứ ngăn trở, nghĩa là bị người ta phá, bị người ta gièm pha, giành giật. Nhưng lẽ phải cuối cùng cũng đặng ngộ hợp nhau, mà vui cười. Nói về đồng tâm, người này với người kia, mà còn khó như vậy, huống chi khối này với khối nọ, làm sao dễ được?

Quân tử chi đạo là đạo của người quân tử ở chỗ đồng tâm, để mưu toan việc đạo việc đời, mà lo việc ích lợi chung cho nhơn loại.

Hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ, nghĩa là: Kẻ ra gánh việc đời, làm công việc nọ kia; kẻ thì ở yên một chỗ, ẩn dật tu hành; kẻ lại im lặng mà làm tỉnh, còn kẻ thì khua chuông giục trống, cảnh tỉnh người đời. Tuy xuất (ra làm quan) với xử (hoặc ẩn dật) khác nhau xa, ngữ (nói) mặc (nín) trái hẳn; song đều lo một mục đích như nhau. Tuy hoàn cảnh địa vị khác nhau, nên mới có kẻ ẩn người hiện, kẻ nói người làm tỉnh, đó là thời và vị không giống nhau. Song đem đổi hoàn cảnh của người này cho người kia, thì họ cũng làm đúng phận sự như nhau không khác.

Đây là nói đồng tâm, mà cái tích (việc làm thấy hiện ra bên ngoài) bất đồng. Tâm là tinh thần, tích là hình tích. Tích mà đồng, tâm không đồng, thì người quân tử không hề làm. Mặc dầu tích không đồng, nhưng tâm đồng, đó là đạo lợi cho thiên hạ.

Cho nên người đã đồng tâm rồi, thì chia nhau mà lo, kẻ làm việc nọ, người làm việc kia. Ai ai cũng cúc cung tận tụy. Hễ các tận sở năng của mình, dầu ở xa ngàn dặm, nhưng việc làm giống nhau (về một mục đích) như khuôn in rập.

Nhị nhơn đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim. Nghĩa là: Người này cùng người kia mà đồng tâm nhau rồi, thì núi cũng xô ngã được, biển cũng lấp bằng được. Người người đều cảm mà hóa theo, thì khác nào đoạn sắt chặt một cái là đứt làm đôi. Sức mạnh của sự đồng tâm ghê gớm, làm gì lại không được? Dầu cho trời đất cũng vui nghe mà giúp đỡ.

Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan. Nghĩa là lời nói của người đồng tâm, tuy không ngọt ngào, mà ai cũng thích, tuy không nồng nàn mà ai cũng say, cảm đến người, đến vật một cách dễ dàng.

Đạo Trời cũng mưu tính, cải tạo loài người, tái lập cuộc đời đại đồng thế giới. Về sự động tác hiệp nhau, để lo xây dựng Đạo Trời, ai là người có trách nhiệm trong nền tân pháp Đại Đạo, phải hướng vào đó mà tu sức, mà mở mang.

Nhưng thế giới bước đến đại đồng, trước phải đặt móng đắp nền ở gần, rồi sau mới đến xa, nghĩa là phải xây dựng đại đồng trong Đạo. Người này người nọ lấy tình thương yêu làm mục đích, lấy lẽ chơn thật làm nền tảng, cột chặt lấy dải đồng tâm.

Vậy hãy xét lời Soán, lời Tượng và Hào Từ của quẻ Đồng Nhơn trong kinh Châu Dịch, mà đặt lại vấn đề, để rồi đặt mối tương quan giữa nhau, mà thành một khối đồng tâm để chịu lo việc đạo, gánh vác việc đời, hầu đem lại một khối bình đẳng duy nhất, không còn ranh giới rẽ riêng. Đó là lời của Bề Trên dạy.

Đồng Nhơn hay là hòa đồng nói đây chỉ là bước đầu tiên của đại đồng. Theo tiếng Pháp, tôi có thể gọi giai đoạn này là *Syncretisme* nghĩa là hỗn hiệp nhiều người hoặc nhiều vật khác nhau, bắt từ kết quả mà phăng lên nguyên nhân, bắt từ hiện tượng mà thâm vào bản thể, bắt từ vạn thù mà quy về nhất bản. Nhưng sự kết hợp đó còn

chi li, còn gián cách, chưa thành khối chặt chẽ, nên khó giữ được lâu dài. Phải có chi cột dính chùm làm một thì mới bền vững. Nguyên tắc này gọi là *quy nguyên* sẽ tiếp giải sau này.

II. QUY NGUYÊN

Đây xin nói đến nguyên tắc thứ hai là quy nguyên. Quy nguyên nghĩa là trở về nguồn đầu, về gốc sanh của người vật. Cái nguồn đầu này, mỗi tôn giáo đều gọi khác nhau:

Phật Giáo gọi là Pháp.

Đạo Giáo gọi là Đạo.

Nho Giáo gọi là Thiên.

Mà theo triết học, ta có thể gọi là bản thể (*essence, noumène, substratum, racine sans racine, cause sans cause, v.v...*). Còn theo Đạo Minh Lý của chúng tôi thì gọi là Lý.

Chữ Lý viết bằng chữ L lớn, không phải lấy nghĩa thông thường là lẽ phải, mà là Thiên Lý hồn nhiên, là bản thể của vũ trụ, của người vật.

Đây xin dẫn lời của Ngài Trần Hưng Đạo Đại Vương giáng bút giải nghĩa chữ Lý, trong hiệu Đạo Minh Lý của chúng tôi. Minh Lý Đạo là làm cho sáng tỏ lẽ Một. Một là Tâm, một là Đạo, là Lý. Lý tràn ngập vũ trụ. Trời đất vạn vật bởi đó mà ra, rồi chung quy cũng về tại đó.

Đã nói Lý là Tâm, Tâm là Lý, thì trời đất vạn vật đều có Tâm đó và Lý đó. Lý đó không có đông tây, không hình tích, rất mầu nhiệm. Đó là cái lẽ đơn nhất tuyệt đối, ở thánh không thêm, ở phàm không bớt, vật vật sự sự không ngoài Lý đó.

Phật chứng ngộ Lý đó gọi là Phật, Tiên chứng ngộ Lý

đó gọi là Tiên, Thánh chứng ngộ Lý đó gọi là Thánh. Các tông giáo, các học thuyết lập ra, cũng không ngoài sự giới thiệu Lý đó cho nhơn loại, để quay lại tìm cái Lý đó, mà cầu giải thoát cho thân, an bài cho bốn biển.

Cho nên Lục Tượng Sơn (một danh Nho) nói: Ở Đông Hải, có Thánh Nhơn xuất hiện, cũng nói cái Lý ấy, nói cái Tâm ấy. Ở Tây Hải, có Thánh Nhơn xuất hiện, cũng nói cái Lý ấy, cái Tâm ấy. Ở Nam Hải, Bắc Hải có Thánh Nhơn xuất hiện, cũng nói cái Lý ấy, cái Tâm ấy. Trăm ngàn đời về trước, có Thánh Nhơn xuất hiện, cũng nói cái Lý đó, cái Tâm đó. Trăm ngàn đời về sau, cũng nói cái Lý đó, cái Tâm đó mà thôi.

Bất cứ học thuyết, tông giáo nào, cũng không ngoài sự hướng dẫn con người cho thấy cái Lý đó và cái Tâm đó, để giải thoát những phiền phược vô minh. Tiên giác là giác cái Lý đó. Tiên tri là tri cái Lý đó. Yên thiên hạ cũng do cái Lý đó, thương cha mẹ cũng do cái Lý đó, mến anh em cũng do cái Lý đó. Cho nên biết tất cả đều không ngoài cái Lý đó. Lý đó là Tâm, là Đạo.

Dẫu Khổng Mạnh, Lão Trang, hay Cơ Đốc, Phật Đà nói chung cũng không chủ trương giáo lý nào khác. Nói đặc là đặc cái Lý đó, thành là thành cái Lý đó. Nếu có nhiều tên, đó là tùy theo mỗi giáo, mỗi chỗ, hoặc gọi Phật, hoặc gọi Tiên, hoặc gọi Thánh, gọi Thần, mà Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng bởi hoạch đặc cái Lý đó, mới có cái tên đó.

Cho nên đông tây, kim cổ, không phải hai Lý, hai Tâm. Lý ấy có một, thì Tâm ấy cũng có một. Trời đất, người vật đồng như nhau có một Lý ấy, một Tâm ấy.

Có câu: *Thử Lý bản Thiên sở dữ ngã, phi do ngoại thược. Minh đặc thử Lý, tức thị chủ tế, chơn năng vi chủ, ngoại vật bất năng di, tà thuyết bất năng hoặc.*

Nghĩa là:

Cái mà Trời ban cho ta là cái Lý đó, không phải nhờ ai ở ngoài tạo đức cho ta. Làm sáng cái Lý đó được, có chủ tể. Thực sự, tâm ta đã có chủ tể, thì ngoại vật không di dịch lay chuyển được, tà thuyết không mê hoặc được.

Vậy thì các tông giáo, các Thánh Nhơn không ngoài được cái Lý đó ở trong lòng mình, mà thông thấu suốt tận võ trụ, vạn vật, biết rõ quá khứ, vị lai, làm chủ tất cả trời đất, muôn vật, vào lửa không cháy, xuống nước không chìm, vượt qua biển khổ không cần đò, dạo chơi trong động phủ, cung tiên, khắp ba ngàn thế giới, không cần có cánh để bay, có thuật để hóa.

Vi sao?

Phải chăng cái Lý đó sanh muôn vật, chủ cả trời đất, thì ai được cái Lý đó rồi, hỏi thử: có thứ gì làm chướng ngại nó?

Lý đó không phải theo ông Phật, ông Tiên, ông Thánh nào, mà được cái Lý đó. Bất cứ ai muốn thành đạt cái Lý đó, thì phải tự quay về Tâm mình, cầu nó ở mình, trong thân mình có đủ.

Vậy thì trời đất vạn vật đâu có hai Lý, hai Đạo. Đã nhận được không hai, tất là xưa nay Âu Á đều nương Lý đó mà sống còn, mà xử sự giữa nhau, mà phát minh kiến tạo, mà gây nên một không khí thuận hòa, hòa đồng trong muôn vật, muôn người.

Người biết được cái Lý đó là thiết tướng, là chơn lý, là hoàn thiện tự do, đều buông bỏ những giả tạo, ảo mộng, mới làm chủ được cái vọng tâm của mình, tu đắc cái Pháp thân bình đẳng, mà gọi là Chúa, là Thánh, là Tiên, là Phật, v.v...

Phật đắc đạo rồi, đem cái sở đắc của mình, mà giáo hóa chúng sanh cũng biết được cái đạo pháp ở trong Tâm

con người. Người tự phản chiếu vào lòng, mà cầu lấy chơn như, mới thành Phật. Cho nên nhiều người theo Phật, theo Lão, theo Khổng, hay theo Cơ Đốc đặng đồng nhứt cùng Đạo, mà có các tông giáo ra đời.

Các tông giáo ra đời mục đích không ngoài sự cứu độ quần linh, đặng thoát ngoài sanh tử khổ đau. Nhưng sau khi các bậc đại giác tịch rồi, môn đồ mỗi giáo phân tranh nhau, mới có sự rẽ riêng, có nhiều màu sắc, làm cho con người mờ mịt, ở trong vòng rào chật hẹp của chi phái, án mất lẽ duy nhứt của bản tâm.

Thời thế ngày nay, thiên hạ nhờ khoa học giao thông nhau, bốn biển chung chạ gặp gỡ, nước này nước kia trao đổi nhau về mọi mặt, như văn hóa, chánh trị, v.v... thì tông giáo cũng phải bước theo đà tiến hóa chung mà đoàn kết nhau, hòa đồng trên mọi phương diện để cứu đời, phá vỡ các thành trì ranh giới, cho tiện sự giao thông, để tìm hiểu lẫn nhau, để giữa loài người không còn xảy ra nhiều điều đáng tiếc nữa, vì xung đột bằng lý tưởng, xu hướng, tín ngưỡng, mà cần thực hiện lòng từ bi, bác ái, bình đẳng, theo ý nguyện của các bậc sư tổ ngày xưa.

Nhiệm vụ đòi hỏi cấp bách là Minh Lý phải có bản phận bắc một nhịp cầu, để nối liền tình huynh đệ, lấp bằng các hố bất bình chia rẽ, cho giữa nhau đi lại dễ dàng. Cái gạch liền rất dễ dàng hàn gắn là Tam Giáo cũng đồng một góc mà ra. Chẳng những Nho, Thích, Đạo mà cho chí tất cả vạn giáo trên hoàn cầu, cũng đồng một Lý đó, một Tâm đó, thì có gì riêng rẽ, có gì gián cách?

Cho nên về phần Tâm, thì Minh Lý đặng Lý. Về phần tướng, thì vạn vật giai đồng nhứt thể, theo lập trường duy nhứt. Còn Tam Tông về phần ứng dụng là để phổ ứng quần cơ, chủ về mục đích hòa đồng giữa người và người, giữa đông và tây, giữa xưa và nay bình hành tâm vật, để

cầu sự hạnh phúc tại thế gian và cộng hưởng thanh phước ở niết bàn.

Trên đó, Ngài Trần Hưng Đạo đã chỉ rõ Lý là gốc sanh muôn vật. Muôn vật đã từ đó mà ra, rồi cũng trở lại chỗ đó thì có gì trở ngại đâu? Cũng như khoa học phân tích nước ra dưỡng khí [oxy] và khinh khí [hydro], rồi hiệp lại thì cũng trở thành nước. Hễ biết biết cái gốc sanh đó rồi, không còn có sự phân biệt, riêng rẽ nữa. Vì biết người vật, các tông giáo có thời kỳ phải hỗn hiệp thành một khối để trở về nhứt nguyên (một nguồn đầu) đây gọi là quy nguyên.

Đến nguyên tắc này, ta nên nghiên cứu quẻ Hỏa Trạch Khuê trong kinh Châu Dịch, thì mới rõ lý nói trên. Chữ Khuê nghĩa là trái nhau, lia nhau. Đó là nói về thể của quẻ Khuê (trên quẻ Ly, dưới quẻ Đoài). Tính lửa của quẻ Ly động mà đi lên, tính nước trong quẻ Đoài (ao chằm) động mà đi xuống, nên hai vật đó đi trái hướng nhau. Nhưng nói về tượng của quẻ, thì Ly là sáng suốt, là bám vào; Đoài là vừa lòng, đẹp ý. Thành ra quẻ Khuê có nghĩa là vui lòng bám vào chỗ sáng suốt.

Lời Soán của quẻ này nói rằng:

Thiên địa khuê nhi kỳ sự đồng dã, nam nữ khuê nhi kỳ chí thông dã, vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỹ tai!

Nghĩa là: Trời đất lia nhau, mà việc làm của hai bên đồng nhau; nam nữ lia nhau, mà chí hướng của hai bên thông nhau; muôn vật lia nhau mà sự kiện của hai bên giống nhau. Thế thì công dụng biết theo thời mà dùng thì rất lớn lắm thay!

Thầy Trình Di giải nghĩa rộng: Suy chỗ đồng nhau của vật lý, để tỏ công dụng theo thời của quẻ Khuê, đó là cái đạo của Thánh Nhơn làm hợp lại sự chia lia. Thấy đồng

nhau là đồng nhau, đó là tri thức của bọn thế tục. Thánh Nhơn biết rõ chỗ vốn đồng nhau của vật lý, vì vậy mới có thể thông đồng chí hướng của thiên hạ, mà hòa hợp muôn loài.

Dem trời đất, nam nữ, muôn vật mà nói thêm cho rõ, thì trời cao đất thấp, thể nó lia nhau, mà lại hiệp nhau để hóa dục quần sanh thì vẫn đồng nhau. Nam nữ khác chất là lia nhau, nhưng chí lại tìm nhau, mà sanh con đẻ cháu thì vẫn thông nhau. Sinh vật khác nhau muôn vẻ là lia nhau, nhưng đặng sự hòa hợp của trời đất, bầm thọ tinh khí của âm dương, thì vẫn in nhau. Vật tuy khác mà vẫn bổ túc cho nhau, nên lý vẫn đồng nhau.

Cho nên vật lớn như thiên hạ, nhiều như các sinh vật, lia tan muôn ngã, đáng Thánh Nhơn có thể làm cho đồng nhau. Trong thời quẻ Khuê, biết dùng quẻ Khuê, thì đó là một việc rất lớn, nên lời kinh trên nói: Công dụng lớn lắm thay!

Lời Tượng lại nói thêm rằng: *Thượng hỏa, hạ trạch: Khuê. Quân tử dĩ đồng nhi dị.* Nghĩa là: Trên lửa dưới chằm là quẻ Khuê. Quân tử theo đó để chung cùng với nhau mà lại khác nhau.

Thầy Trình Di giải nghĩa rộng: Trên lửa dưới chằm, tính của hai vật trái khác nhau, vì thế mới là có tượng lia cách. Đáng quân tử coi cái tượng lia khác nhau đó, mà trong chỗ đại đồng, biết có cái khác nhau.

Ồi! Thánh Hiền ở đời, về sự lễ thường của người, chẳng có cái gì mà chẳng đại đồng với thế tục, nhưng trong chỗ đồng nhau đó, có khi lại riêng khác với họ. Nghĩa là về sự *cầu đạo thường của Trời ban* thì đồng nhau, mà về sự làm lỗi của thế tục, thì có khác nhau. Nếu không thể đại đồng với người, thì người đó là người loạn thường trái lẽ. Còn ai không biết riêng khác, tức là kẻ thế

tục quen tánh làm xằng. Cốt tại chỗ đồng nhau, mà biết khác nhau đó thôi.

* *Câu này lấy nghĩa làm sao?*

Ý nói: Đồng ở bản thể, mà khác ở công dụng. Bản thể là lý, công dụng là sự. Việc nào cũng có lý có sự, mà lý sự vô ngại, mới là người quân tử.

Lại kinh cũng có câu: *Dĩ tình quy tánh*, nghĩa là đem tình trở về tánh. Tình là tình đời theo thế gian, có cao có thấp, có giai đoạn, có cấp bậc, còn tánh là tánh Trời, là chơn lý tuyệt đối, tỹ như cây nêu. Nếu tình chẳng nhắm theo tánh đó mà quy về, cũng như sự chẳng tủng lý, thì thấy khó bề nên việc cả. Nói như thế cũng dễ dàng, tưởng ai ai cũng có thể hiểu được rồi.

*Đất nhơn sanh lên đời thánh đức,
Đưa nước nhà đến bực văn minh.
Ngàn năm một thuở thanh bình,
Trời Nghiêu đất Thuấn, vạn sinh cộng đồng.*

Nhưng nguyên tắc này chỉ dẫn đến kết quả một cuộc đời thanh bình, an lạc tại thế gian, đó là Nhơn Đạo. Đứng về mặt tôn giáo, về Thiên Đạo, Lý còn có một vai tuồng quan trọng khác là giải thoát con người, như Ngài Trần Hưng Đạo đã nói trước, khi giải nghĩa chữ Lý:

“Phật chứng ngộ Lý đó, gọi là Phật. Tiên chứng ngộ Lý đó gọi là Tiên, Thánh chứng ngộ Lý đó gọi là Thánh. Các tông giáo lập ra, cũng không ngoài sự giới thiệu Lý đó, cho nhơn loại để quay lại tìm cái Lý đó, mà cầu giải thoát cho thân...”

“Vậy thì các tông giáo, các Thánh Nhơn nói chung, không ngoài được cái Lý đó ở trong lòng mình, mà thông thấu suốt tận vũ trụ vạn vật, biết rõ quá khứ vị lai, làm chủ được tất cả trời đất muôn vật, vào lửa không cháy, xuống nước không chìm, v.v...”

“Vi sao? Phải chăng cái Lý đó sinh sinh muôn vật, chủ cả trời đất, thì ai đặng cái Lý đó rồi, hỏi thử có thứ gì làm chướng ngại nó?”

III. ĐỒNG NHỨT TỐI CAO

Tới nguyên tắc này, không phải người vật hiệp với người vật, tông giáo hiệp với tông giáo, mà ta phải phản chiếu vào lòng, mà cầu lấy cái Lý đó, đặng đồng nhưt cùng Đạo, để đặng tự do, tự chủ hoàn toàn, nên gọi là giải thoát cứu cánh. Cho nên Kinh Dịch có câu:

Tiên thiên nhi Thiên phát vi Thiên thả phát vi, nhi hướng ư nhơn hồ, hướng ư quý thân hồ?

Nghĩa là: Tu đặng khí tiên thiên rồi thì dầu Trời cũng không trái. Trời còn không trái, hướng hồ con người, hướng hồ là quý thân! Có phải là giải thoát hoàn toàn đó chăng?

Đây là nguyên tắc đồng nhưt cùng Đạo, nên gọi là đồng nhưt tối cao, dịch tiếng Pháp là *identité suprême*, hoàn toàn giải thoát, nên tuyệt đối không còn mảy may chướng ngại.

Nói đến việc tu chứng, là một đại sự tối cao trong cửa Đạo, chúng tôi xin chỉ dẫn những lời kinh xưa của các vị tu chứng rồi truyền lại.

1. Người hành giả (người tu thiền định) đã đặng trí bác nhã rồi, nhìn tất cả mọi vật cũng như ở trong thân mình (trong Lý tánh, không phân biệt trong hay ngoài), và nhờ đó mà đặng thấy ngay vạn vật là Lý tánh (không phải thấy bởi Lý trí phân biệt, mà bởi lòng trực giác).

2. Người hành giả biết rằng muôn vật đều là ngẫu phát (các hình thức thị hiện) không khác gì Lý tánh (nói về bản thể) và ngoài Lý tánh, thì không còn có chi khác nữa.

3. Khi các hiện tượng đã dẹp hết rồi (sự tồn tại tạm

thời), người hành giả sẽ tương nhập với các vật trong bồn thể là Lý tánh.

4. Người hành giả không có đức tánh nào riêng biệt, và luôn luôn vô vi, bất sanh bất diệt (sanh diệt chỉ ở trong vạn thù), bất di bất dịch, vô hình, tuyệt đối thật tại.

5. Người hành giả cũng như nguyên khí (*akasha*) biến mãn thập phương (không có gì sai biệt), không hoại không hư, ở trong muôn vật, trong sạch, bất động, không biến chất.

6. Theo kinh Phệ Đà, người hành giả là Đại Phạm tối cao (*Suprême Brahma*), vĩnh viễn, trong sạch, tự do, bất nhị (lành tuyệt đối), cực lạc, không phải nhị nguyên, là Đạo (ra ngoài vòng nhân quả), liễu biệt (mà sự hiểu biết này không phân biệt có ngã, có pháp) và vô tận vô biên.

7. Người hành giả là Phạm (Đạo), nên sau khi tu đặng Nó rồi, thì không còn chi đáng có thêm nữa; sau khi ta hưởng cực lạc rồi, thì không còn ham hạnh phúc nào nữa, sau khi ta đặng bác nhã rồi, thì không còn phải tìm học cái chi khác nữa.

8. Người hành giả là Phạm (Đạo), do mất bác nhã mà thấy được, ngoài ra không còn vật nào khác đáng nhìn xem nữa, đồng nhưt với cái đó rồi, thì có gì thay đổi nữa, cái đó đã đặng tri giác rồi (không phải do khả năng của lục căn) thì còn chi phải tri giác nữa (là bởi các tri thức phân biệt tới đây đã lỗi thời và dường như hủy diệt).

9. Người hành giả là Phạm (Đạo), biến mãn thập phương, ở trong tất cả mọi vật, là cái chơn thật, đầy hạnh phúc, bất nhị, nan chi phân và vĩnh viễn.

10. Người hành giả là Phạm (Đạo), theo lời chứng nhận của kinh Tân Phệ Đà (*Védanta*), hoàn toàn phân biệt với cái chi nó thấm nhuần (chỉ phân biệt ở sự tồn tại tạm thời), đầy đủ hạnh phúc và bất nhị.

11. Người hành giả là Phạm (Đạo) do đây mà ban ra sự sống và các nguyên tố để thành phần cõi thể gian (cả tinh lẫn thô).

12. Người hành giả là Phạm (Đạo), trong đó mọi vật đều hội hiệp (ra ngoài sự phân biệt), do đó các hành động đều phát khởi (mà tự nó không hành động). Vì có đó mà Nó biến mãn (mà không phân chia, không sai biệt).

13. Người hành giả là Phạm (Đạo), không có bề lớn, không có bề rộng, không có nguồn đầu (vì vĩnh viễn), không hư hoại, không đức tánh (cố định), không có một dấu vết riêng biệt.

14. Người hành giả là Phạm (Đạo), chiếu rọi mọi vật, ánh sáng của Nó làm cho mặt nhựt sáng chói, mà không ánh sáng của vật nào làm cho Nó hiển lộ ra ngoài.

Người hành giả tự nhập vào ngay cái tự tánh vĩnh viễn của mình (không khác chi với Đại Phạm tối cao) và (đồng thời) Nó nhìn xem toàn thể của vũ trụ (hiển lộ và không hiển lộ), y như Đại Phạm, cũng như lửa nhập vào một viên đạn sắt lửa đỏ và (đồng thời) tự mình thị hiện ra ngoài (cho các giác quan thấy nghe được sự nóng và sự sáng của Nó).

15. Đại Phạm (Đạo) không giống với cõi đời và ngoài Đại Phạm ra, không còn có gì cả (nếu có gì ở ngoài Nó thì Nó không phải là vô tận vô biên). Cái chi mừng tượng hiện ra ngoài chánh thể của Nó chỉ tồn tại một cách tạm thời, cũng như ở đồng nội ta thấy xa xa có nước (huyền kiến).

16. Con mắt trí bác nhã nhìn rõ Đại Phạm thiết thiết, tương nhập với mọi vật; mà con mắt của vô minh không thể tìm được, thấy được, cũng như người mù không sao thấy ánh sáng thuộc về lục căn.

17. Lý tánh (hay là đại bản ngã, *le Soi*) nhờ thiên định

mà đặng sáng tỏ (ánh sáng ở ngoài yếu lắm, còn phân biệt, tạm thời tồn tại), rồi nhờ có lửa của bác nhĩ cháy lên (lửa tiên thiên) nên giải thoát các sự biến chuyển và chói lọi trong ánh quang minh của mình như chơn kim (vàng thiệt).

18. Khi mặt nhật của ngôi bác nhĩ mọc lên trong khung trời của tâm ta (trung điểm bản thể), thì nó đuổi bóng tối (vô minh), nó thấu nhập mọi vật, bao quát mọi vật, chói sáng mọi vật.

19. Người nào châu du với Lý tánh mình (không có không gian, không có thời gian), biến mãn thập phương, phát ra hạnh phúc hằng cửu và giải thoát tất cả cuộc rối loạn khổ sở, thì người đó vô tác, biết muôn vật (ở trong Đại Phạm) và đặng hạnh phúc vĩnh viễn.

Đến đây, người tu chứng đã trực giác và đồng nhưt cùng Đạo, thì việc làm của người là của Trời làm, không còn chi sai biệt, lầm lỗi nữa, thì nên nghiên cứu thêm quẻ *Thiên Lôì Vô Vọng* trong kinh *Châu Dịch*.

Đây không đủ ngày giờ mà giải nghĩa đủ quẻ *Thiên Lôì Vô Vọng*. Vậy xin dẫn sơ ít lời mà thôi, của *Thần Tiên* đã dạy chúng tôi.

Quẻ *Vô Vọng* là nội *Chấn* ngoại *Kiên*.

Chấn là do quẻ *Khôn*, *Khôn* động ở hào sơ làm quẻ *Chấn*. Sơ là dương từ ngoại lai, làm chủ quẻ *Vô Vọng*, mà sơ cũng làm chủ quẻ *Chấn*. Đã gọi cương tự ngoại lai, là chi nội quái là quẻ *Khôn*. *Khôn* mà có hào sơ là dương cương, ngoài đến làm chủ, gọi là *Chấn*.

Chấn động thì mạnh mẽ. Động theo *Thiên Lý*, ứng với *Đạo Trời*, nên trên có quẻ *Kiên*. *Kiên* là *Trời*, là *Đạo* nên động mà được kiện hành trùng đạo, nên gọi là *Vô Vọng*. *Vọng* là dối giả, sai lầm. *Vô Vọng* là không có sai quấy, cần bậy.

Được Vô Vọng là hào nhị đắc trung, đắc chánh. Trung chánh mà thuận ứng với hào cửu ngũ là dương cương trung chánh, thiệt là *Vô Vọng* đến nơi. Lòng người lòng *Trời* huyền đồng nhưt *Lý*, bởi ở chỗ tự nhiên mà hiện ra đương nhiên.

Do chỗ tự nhiên là *Đạo Trời*, mà hiện ra đương nhiên là đạo người. *Trời* người ở chỗ vô vi, bằng lẽ như *Thiên Lý*, nên được đại hanh thông. Lấy chánh mà vun đắp bản tánh của *Trời* ban phú cho ta, mà không tư tà, vọng động làm mờ chơn tâm.

Nếu không giữ được đúng hồn nhiên, chất phác ở lòng mình, mà làm sai con đường chánh đạo, thì tai hại chẳng vừa, làm gì đặng hanh, đặng lợi?

Sách *Sử Ký* chép là *Vô Vọng*, nghĩa là không cần kỳ vọng (trông ngóng) mà cũng có được, như thế cũng thông.

Thiên Lôì Vô Vọng đồng với nghĩa niết bàn của nhà *Phật*.

IV. PHƯƠNG PHÁP THIỆT HÀNH

Theo ý kiến của chúng tôi, thì công việc hiệp đạo cũng nên chia làm ba giai đoạn, đối chiếu với ba nguyên tắc giải thích ở trên, mà đi lần lần đến mục đích cứu cánh, chớ không phải hiệp trọn một lần mà được.

Giai đoạn thứ nhất

1. Liên lạc để tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau, theo ba phép bố thí của nhà *Phật*: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

2. Mỗi phái vẫn giữ quy củ (luật lệ, lễ bái, kinh tụng, v.v...) như trước, không có gì thay đổi, mà có thể tự mình xin bỏ túc theo phái khác. Nhưng bắt buộc các phái phải

cầu xin một bài *Dung Hương* và một bài *Cầu Nguyện* chung, khi có dịp cúng hội (lễ lớn).

3. Những thánh ngôn của mỗi phái, nếu có đàn cơ, cũng chỉ có thể thi hành trong phái mình mà thôi. Còn thánh ngôn chung về lễ nghi, luật lệ, giáo lý do ủy ban liên phái ban hành, phải do một đồng tử chánh thức của ủy ban chọn bằng cách bỏ thăm kín, mỗi kỳ ba năm. Trong kỳ ba năm, cũng có thể chọn một đồng tử phụ, để thay thế đồng tử chánh bịnh hoạn hay là mắc việc chi ngăn trở.

4. Lập một ủy ban liên phái gồm đủ các phái, mỗi phái ba người để thi hành, nhắc nhở, hoặc trông nom các phái thi hành các điều kể trên. Ủy ban này cũng có phận sự điều hòa các việc làm và hòa giải các việc bất bình xảy ra giữa các phái.

5. Mỗi năm, các phái phải hiệp đại hội một lần, mỗi phái phải đề cử mười người, để chọn trong các người cầm đầu mỗi phái, với sự ưng thuận của Bề Trên, một vị chủ tịch và phó chủ tịch cho ủy ban liên phái, ra ngoài số nhưt định nói trên.

6. Trong giai đoạn thứ nhất, cần yếu phải giữ nguyên tắc *hòa quang đồng trần*, nhân nhượng nhau, để tỏ tình thương yêu nhau, mà đi tới giai đoạn thứ hai. Giai đoạn này rất khó khăn, nên ai ai cũng phải chú ý lắm mới mong thành tựu.

Giai đoạn thứ hai

1. Các chi phái phải hiệp sức mà cất một cái trường lớn *Đạo học đường* chung cho các đạo hữu un đúc tinh thần. Chương trình học hiệu do ủy ban liên phái xếp đặt, chia ra nhiều lớp học, bằng sự giúp đỡ của các thiện tri thức và dưới quyền tối cao của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (do cơ đàn).

2. Mỗi người từng học ở trường này, sau khi ra trường, đăng giấy chứng nhận, sẽ đăng bổ nhiệm và lãnh phận sự trong hàng Thiên ân (giáo sư) của Đạo.

3. Ủy ban liên phái, tới giai đoạn thứ hai, sẽ là một cơ quan thống nhất quy nguyên, xếp thành một thánh hội, mà thành phần: phân nửa là các vị trong giáo hội mỗi phái hiện thời và phân nửa các vị chức sắc ra trường có giấy chứng nhận nói trên.

4. Qua một thời gian, nếu có đủ số người có giấy chứng nhận, thì chỉ có hạng người sau này có giấy chứng nhận mới đăng vào thánh hội mà thôi.

5. Người cầm đầu thánh hội phải là người hiểu thông giáo lý và công đức, công hạnh đầy đủ, do toàn thể của Đạo bầu cử bằng thăm kín, và đăng Tam Giáo Tòa phê chuẩn.

6. Trong giai đoạn thứ hai, cần yếu phải có sự học hỏi, tìm hiểu giáo lý, là nguồn cội của Đạo, theo nguyên tắc quy nguyên nói trên.

Giai đoạn thứ ba

1. Trong giai đoạn này, trong Đạo phải có người tu chứng, nghĩa là sau một thời kỳ tu luyện, phải đắc quả Thánh Nhơn, thành vị Tiên Phật.

2. Thánh hội phải có nhiều người tu chứng cao siêu, mới có thể rộng truyền mỗi đạo khắp cả hoàn cầu, khắp tam thiên đại thiên thế giới (ba ngàn thế giới).

3. Tới đây, thì không còn ai xưng hiệu là đạo này hay là đạo kia, mà chỉ còn chung có một đạo là Đạo Thượng Đế, nên có tên là *Đông nhưt tối cao*.

Trên đó đại khái là chương trình thiết hành của Đạo Thượng Đế, tùy thời thế, tùy trình độ nhơn sanh, mà lần lần tiến lên. Cái Đạo này chẳng phải do người, mà do cả

Thiên Nhơn cộng trị (nghĩa là người còn sống hiện tiền và kẻ tiền bối quy vị, kiêm cả âm dương nhị giới).

Một: Tông chỉ dung hòa duy nhất,

Hai: Giáo quyền tổ chức Thiên, Nhơn.

Ba: Tu tánh mạng huần đôn,

Bốn: Tròn trung, hiếu, nghĩa, Nhơn đạo người.

V. KẾT LUẬN

Trong trời đất, tuy ta thấy thiên sai vạn biệt, nhưng ta có thể chia ra hai tầng mà luận là: bản thể và hiện tượng, tánh và tướng, lý và sự, hữu và vô, sắc và không, lý và khí, tánh và mạng, nhứt bản và vạn thù, v.v...

Hai tầng tuy có khác nhau, mà cũng là một. Bỏ bản thể làm gì có hiện tượng, không hiện tượng biết đâu là bản thể. Kẻ phàm phu thấy có hai, mà bực Thánh Nhơn thấy có một. Đi đến cái một đó, mới là đặng hạnh phúc.

Thượng Đế muốn mở hội Long Hoa, dạy bảo đủ điều, để phản bản huần nguyên, trở về ngôi xưa vị cũ, dẫn dắt đến hội Long Hoa cho chúng sanh gần cùng Tiên Phật Thánh Thần. Lẽ nào ta tự bạo tự khí, mà chia rẽ mãi để chịu trầm luân khổ hải, luân hồi sanh tử, đọa lạc không biết tới lúc nào là cùng. Ông Trên tuy dạy bảo, mà nếu ta không cố gắng, thì Ông Trên cũng chẳng biết làm sao mà cứu rỗi được!

Mở rộng đường, bảo dân giáo tử,

Mở rộng lòng tha thứ bao dung.

Long Hoa tam hội tương phùng,

Phật Tiên, Thần Thánh công đồng từ đây.

Khéo hay vụng, do tay thầy thợ,

Được hay không, bởi ở lòng mình.

Một phần kế hoạch, chương trình,

Một phần quyết định, thiệt hành hay không.

Trước khi chấm dứt, tôi xin thay mặt cho Đạo Minh Lý ân cần khuyên nhủ các bạn đồng tâm, tương thân tương ái, hiệp nhau mà mở rộng Đạo Trời, lập công bồi đức, ngõ hầu trở về ngôi xưa vị cũ, hiệp cùng Đức Thượng Đế. Đó mới là chánh mục đích của con người, kỳ dư đều là giả tạm, không có gì bền bỉ lâu dài.

Tôi cũng cầu nguyện Thượng Đế, nhân dịp lễ kỷ niệm này, ban ơn lành cho chúng ta và tất cả Nhơn loại trên hoàn cầu thế giới đặng hưởng một cuộc đời an lạc, thanh bình, qua khỏi cảnh chiến tranh, loạn lạc.

Rất lòng thành tín.

MINH LÝ ĐẠO

Định Pháp Tổng Lý

NGUYỄN MINH THIÊN

5. Khai Mạc Lễ Lạc Thành Bác Nhã Tịnh Đường

Diễn văn của NGÀI MINH THIỆN

Ngày 27-11 Tân Hợi (13-01-1972), lúc 10 giờ sáng.

Thưa chư đại diện giáo phái,
Thưa chư quý quan khách,
Thưa chư đạo hữu nam nữ,

Trước hết, xin mừng chào và cảm tạ chư quý liệt vị có lòng chiếu cố mà đáp ứng lời mời của chúng tôi rất đông đủ.

Chúng tôi rất hân hạnh đặng tiếp xúc với chư quý vị hôm nay. Nhân dịp may mắn này, cùng chư quý vị xin trình bày công trình xây cất Bác Nhã Tịnh Đường và lý do Bác Nhã Tịnh Đường thuộc về Hội Tam Tông Miếu của Minh Lý Đạo.

I. CÔNG TRÌNH XÂY CẤT BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG

Ban sơ chúng tôi chủ ý chọn dựa bờ biển một chỗ thanh tịnh, mát mẻ, mà cất một cái am để tịnh tu Bác Nhã. Chỗ đất tìm được là Nước Ngọt, ở giữa đường đi Long Hải qua Phước Hải. May thay tại đó có người cất sẵn một cái am, mà vì duyên cơ gia đình không tiếp tục ở được, nên nhường lại cái am đó cho chúng tôi.

Nhưng nhằm cơn bát loạn, chỗ đó chúng tôi không thể ở được, mới dời cái am về Bàu Sen, gần chùa Bửu Lâm Tự. Chùa này ở gần chơn núi, mà ở trong địa phận Long

Hải, dựa bên đường đi Nước Ngọt, gần nhà “sĩ quan an dưỡng”, bây giờ là chỗ đóng quân tiểu khu.

Ở đó đặng ít năm, thì nhà “sĩ quan an dưỡng” bị Việt Minh đánh phá. Cho là vùng nguy hiểm, ông Tỉnh Trưởng Phước Tuy dạy cả vùng đó phải di cư. Nhưng đó là vùng chùa chiền, nên thà chịu khổ, chớ tài chánh đâu mà dời, và biết dời đi đâu bây giờ.

Bất đắc dĩ, chúng tôi phải dờ am mà chưa định phải về đâu, thì ở tại đây có một cái nhà lâu xưa ba căn cũng làm chỗ thờ Phật, mà ông chủ phải về Gia Định, trụ trì chùa Châu An Tự, nên sẵn lòng giao lại cho chúng tôi. Thấy cảnh tốt đẹp, sau dựa chơn núi, trước ngó ra biển, chúng tôi ưng thuận, thì giấy tờ giao kết nhằm ngày 21-5-1964. Ở đây còn có một cái lợi khác, là đất chùa liên tiếp với đất ruộng của một vị đạo hữu (Trần Văn Châu) dựng cúng cho chùa từ lâu.

Qua năm 1966, chiếu theo giấy phép xây cất ngày 15-02-1966, bắt đầu từ ngày 28 tháng 12, chúng tôi mới phá dỡ cái nhà lâu cũ, mà xây dựng Bác Nhã Tịnh Đường này, nhằm âm lịch ngày thứ 17 tháng Mười, 14 giờ, năm Bính Ngọ. Đó là đợt thứ nhứt, chỗ xây cất hậu đường và hai dãy tả hữu nhà trệt phụ thuộc (*dépendances*) mà thôi.

Tới năm 1970, bắt đầu từ ngày 1^{er} tháng Tư, chúng tôi mới tiếp tục khởi dựng tòa chánh điện, là đợt thứ nhì, nhằm âm lịch ngày 25 tháng Mười Hai, 14 giờ, năm Canh Tuất và lên lầu hai bên tả hữu nhà phụ thuộc. Đến năm 1971, công việc mới hoàn tất, lạc thành năm nay là ngày 27 tháng Mười Một năm Tân Hợi (ương lịch năm 1972).

Tòa Bác Nhã Tịnh Đường dựng nên là nhờ lòng thành của bôn đạo Minh Lý, hy sinh tất cả, quyết định đi đến lạc thành mà thôi. Tuy nói vậy, chớ cũng nhờ Ôn Trên ban phước lành, cũng nhờ địa linh tú khí nơi đây mới đúc kết

nên hình.

Ngày an vị, Đức Ngọc Đế có giảng bút cho một bài trường thiên sau đây:

1. *Ngôi Bắc Nhã Tịnh Đường đã dựng,
Thì có người tu chứng pháp môn,
Chỉ phương chế phách luyện hồn,
Huyền quan nhứt khiếu Kiên Khôn nhiệm màu.*
2. *Tĩnh ngộ liền quày đầu thấy Phật,
Thanh tịnh là duy nhứt cùng Cha,
Huân chưng một khí Thái Hòa,
Pháp luân thường chuyển, tam hoa kết thành.*
3. *Núi Tuyền Vân bao quanh vững chắc,
Đá chập chồng dày đặc vút cao,
Vững yên lặng lẽ biết bao,
Dựa lưng ý giốc, dễ nào đổ hư.*
4. *Lòng được vậy như như bất động,
An trụ tâm là tổng trì môn,
Ngàn năm muôn kiếp trường tồn,
Bền công đại định, hồn hồn thông linh.*
5. *Trước mắt kìa, Thái Bình biển lớn,
Nước minh mông, rừng rợn phong ba,
Phải chãng vọng niệm tâm tà,
Âm ý rộn rịp, trông ra nghĩ mình.*
6. *Hàng phục được, trước bình tâm địa,
Quay ngược về một phía chơn tâm,
Niệm xưa phức tạp âm âm,
Niệm nay hồi hướng cao thâm đối chiếu.*

II. MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO MINH LÝ LÀ THỜ TRỜI (ĐỒNG HÓA)

Nói về công trình xây cất Bắc Nhã Tịnh Đường mà

không nói về phần tinh thần đạo lý của nó, cũng như nói cái vỏ bề ngoài mà không nói về cái ruột bên trong, đó phải chăng là một điều thiếu sót? Vậy kể theo đây, xin nói về tinh thần đạo lý của nó, hay là của Đạo Minh Lý, Hội Tam Tông Miếu.

Đạo Minh Lý ra đời từ năm Giáp Tý (dương lịch năm 1924), đến nay là 48 năm qua, nhưng mà chưa xuất đầu lộ diện, nghĩa là chưa làm việc chi lớn đáng kể, vì phải còn lo tổ chức, học tập và tu thân.

Đạo Minh Lý là Tiên Thiên Đại Đạo, chủ về phần siêu hình.

Mục đích của Đạo Minh Lý là Tam Giáo quy nguyên. Mà muốn quy nguyên Tam Giáo, thì phải biết nghĩa Tam Giáo đồng nguyên.

- Tam Giáo đồng nguyên là nghĩa gì?

Chữ *nguyên* nghĩa là nguồn đầu, là cội gốc do đây mà phát sanh vũ trụ và người vật. Tam Giáo đồng nguyên nghĩa là ba giáo lớn là Nho, Thích, Đạo đồng có một nguồn đầu, một gốc sanh mà thôi. Biết nghĩa Tam Giáo đồng nguyên đó mới biết chỗ căn bản ở đâu mà quày đầu trở về, tiếng chữ Nho gọi là *Phản bản hườn nguyên*.

Phật Giáo, Đạo Giáo và Nho Giáo đều bắt đầu từ ngôi tối cao đó mà lập thuyết. Danh từ xung tụng tuy có khác nhau, nhưng kỳ thiết thật tướng chỉ có một, thường gọi là Trời.

- Sao gọi là ngôi tối cao?

Phật Giáo gọi ngôi tối cao là Pháp (Lý) hay là Phật (Trí), tuy có hai vai tuồng khác nhau mà đồng chung một bản thể. Có Lý mà không Trí, hoặc có Trí mà không Lý, thì còn thiếu sót, chưa thể gọi là viên giác (giác ngộ hoàn toàn).

Kinh Phật nói: “*Pháp là tánh bất động, nên gọi là bất giác. Phật là trí khế lý, nên gọi là Giác.*” Lại nói: “*Hai bên nương nhờ nhau, dùng riêng là không thấy được diệu.*” (Nhị giả tương tu, thiên dụng vị kiến kỳ diệu.)

Lại nói trong tánh bản giác (chơn như bản tánh hay là tánh viên giác) duy có Như Như Trí và Như Như Lý. Chỗ gọi Trí cũng Như Như. Lý cũng là Như, ấy là một Như, chứ không phải hai Như (*Viên Giác Liễu Nghĩa Giảng Nghĩa*).

Ngôi cao cả của Đạo Giáo cũng y như thế đó, là có hai phương diện: Đạo và Đức. Chữ Đạo và Đức nói đây lấy nghĩa đệ nhất thuộc về tiên thiên, chứ không phải theo nghĩa thường tình thế gian là phần hậu thiên. Đạo và Đức là nguồn đầu, là gốc sanh ra vũ trụ và người vật, tuy có hai vai tuồng khác nhau, mà đồng xuất một thể Huyền (*Đồng xuất nhi dị danh, huyền chi hựu huyền.* – Đạo Đức Kinh).

Ông Wiegner, người dịch cuốn Đạo Đức Kinh, chữ Tàu ra chữ Pháp, cũng đồng nhận nghĩa như thế, nên nói rằng “*Recueilli, on l’appelle Tao, agissant on l’appelle Teh.*” Đạo và Đức là hai mặt của một bản thể (*l’* là chữ thể cho bản thể), nên không thể nào chia lìa. Đạo mà thiếu Đức thì lấy gì sanh sanh hóa hóa, nuôi dưỡng vạn vật. Còn Đức mà thiếu Đạo thì lấy gì làm căn bản cho sự sanh hóa đó. Cũng như làm bánh mà thiếu bột, có bột mà không có thợ làm bánh vậy, thì làm sao có bánh mà ăn?

Vậy Đạo Đức tuy một mà hai, tuy hai mà một.

Theo Nho Giáo, thì ngôi cao cả đó cũng có hai phần là Thiên và Thượng Đế. Thượng Đế mới thiết là ông Trời, còn chữ Thiên là luật tắc tiên thiên. Luật là một trạng thái minh mông, trải khắp vũ trụ, chứ không có hình trạng nào cả. Thượng Đế gom Thần thành một chơn thể, để sanh sanh hóa hóa. Ngài là Đại Từ Đại Bi, độ dẫn chúng sanh,

tác thành vạn vật, đem trở về gốc xưa (*Les Trois Religions de la Chine, par W.E. Soothill*).

Xưa kia, học giả không phân biệt ra hai phần đó cho rõ ràng, là bởi lý thuyết còn đơn giản, nên hiểu sao cũng được, không có gì là quan hệ lắm. Nhưng theo nghĩa các kinh xưa, chẳng phải là không phân biệt. Chỉ có vua mới có quyền tế Thượng Đế, còn Thiên là Trời (luật) rộng lớn bao trùm tất cả chúng dân.

Ngày nay muốn cho lý thuyết đặng rành rẽ, dễ hiểu, thì phải biết có hai phần mà một bản thể, như Phật Giáo và Đạo Giáo. Có Lý phải có Trí, có luật phải có quan tòa mới là trọn đủ, thiếu một phần thì không sao khỏi thiên trệ. Như có luật mà không có quan tòa thì ai xử đoán? Còn có quan tòa mà thiếu luật, mới dựa vào đâu mà định trái phải? Bằng luật do hữu tác hữu vi, thì sao gọi là công bình thiêng liêng?

Về mặt tinh thần, ba nghĩa nói trên đều giống như nhau, chúng tôi hiểu như thế, theo lời Thần Tiên chỉ dạy.⁽⁷³⁾ Huống chi Đạo có một, không thể phân tách ra thành nhị nguyên, mà nói rằng hiểu Đạo. Xin chư quý vị để ý.

Chúng tôi thờ Trời và muốn hiệp đức cùng Trời, thì phải làm sao?

III. TÔN CHỈ VÀ PHƯƠNG PHÁP HÀNH ĐẠO

A. Tôn chỉ của đạo Minh Lý là quy nguyên Tam Giáo

Quy nguyên Tam Giáo nghĩa là trở về nguồn cội của Tam Giáo: Thích, Đạo, Nho. Như đã nói trên, đã biết nguồn cội rồi, thì phải tìm phương trở về nguồn cội hiệp cùng Trời, tức là *phản bản hườn nguyên* vậy.

Muốn phản bản hườn nguyên không phải là chuyện dễ

⁽⁷³⁾ Coi cuốn *Đạo Học Chỉ Nam*, Chương I, Tiết II.

dàng. Sự tu học có khác nhau vì phải tùy theo trình độ, hoàn cảnh, phước đức của người học đạo. Dầu ở trong một tôn giáo cũng phải có nhiều môn học, hướng hồ là ở trong các tôn giáo khác nhau. Như trong các trường học phải có nhiều lớp học. Vì lẽ đó mà ta không nên chấp nhứt sao chỗ này chẳng giống chỗ kia. Nhưng mà mục đích cuối cùng thì chỉ có một, tức là trở về nguồn xưa, hiệp cùng ngôi Chúa Tể tối cao nói trên.

Cũng vì đó mà công phu tu học về Đạo cho mỗi người không thể nhứt định là một thời gian bao lâu, theo như thế gian. Lại người kiếp trước ít tu, thì nay phải cần khổ nhiều hơn người tu, phải trải qua nhiều đời mới đặng thành công. Còn người đã tu nhiều kiếp rồi, là các nguyên nhân xuống thế, sẽ đặng đắc quả trong một thời gian rút ngắn, hoặc trong một kiếp này mà thôi.

Tuy nói vậy chớ người gặp pháp môn vi diệu, lại nỗ lực tu hành, quên cả danh lợi ái ân, vượt ra ngoài vòng thế sự, thì có thể thành công như các nguyên nhân nói trên. Sách *Trung Dung* nói rằng “*Nhơn nhứt năng chi, kỷ bách chi; nhơn thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hỹ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường. (...) Cập kỳ thành công, nhứt dã.*”⁽⁷⁴⁾ Nghĩa là người ta làm một lần mà đặng ngay, mình phải làm một trăm lần cho đặng; người ta làm một trăm lần mà đặng ngay, mình phải làm một ngàn lần cho đặng. Nếu ai thiệt theo cái phương pháp đó, thì tuy là ngu cũng chắc đặng sáng, tuy là yếu cũng chắc đặng mạnh. (...) Đến khi thành công thì cũng như nhau.

Giáo lý của đạo Minh Lý cũng có nhiều môn học. Phần học công truyền ở tại chùa Tam Tông Miếu (Sài Gòn), còn phần học tâm pháp sẽ giảng và tu tại Bác Nhã Tịnh Đường

⁽⁷⁴⁾ 人一能之，己百之。人十能之，己千之。果能此道矣，雖愚必明，雖柔必強。 (...) 及其成功，一也。

(Long Hải).

Bề Trên có dạy rằng ngôi Bác Nhã Tịnh Đường được thiết lập là chí nguyện của môn sanh Minh Lý được trải qua một bước khá dài, cả hai mặt công truyền và tâm pháp được thành hình, làm nơi tu học, cầu tự giác, giác tha... Từ đây trở đi, ngôi Bác Nhã Tịnh Đường chỉ được dành riêng cho các bậc đã thọ thừa pháp môn Bác Nhã.

B. Phương pháp là học kinh sách Tam Giáo

Kinh sách của Tam Giáo là “hạn ngu sung đồng” (trâu chớ đồ mồ hôi, nhà chất đầy dầy óc), làm sao mà học cho hết được! Dầu có đủ phương tiện để mà học, nhưng đến mãi kiếp, cũng không thể nào học hết được.

Người biết học thì chỉ học cái tinh nghĩa mà thôi, chớ không ai đọc hết văn tự nổi. Mới vào đạo thì học rải rác các thứ kinh thông thường, để chọn môn nào mình thích, rồi mới có thể chuyên tâm trí mà học một môn đó thôi. Nhưng một mình mình đâu có đủ sức, cần phải có thầy có bạn giúp đỡ. Tôi muốn nói: Phải nhờ có Tiên Phật giáng bút dắt dẫn, các bạn trí thức chỉ bảo.

Bôn đạo Minh Lý học đạo có ba thời kỳ:

a. Thời kỳ thứ nhứt là mười sáu năm (1924-1940), có Thần Tiên dùng huyền cơ⁽⁷⁵⁾ mà gieo tín ngưỡng, sau mới dùng thần cơ mà tổ chức các việc hữu hình của một tôn giáo cho đạo Minh Lý. Trước cho kinh sách Việt ngữ tụng đọc trong các cuộc lễ, như cầu an, cầu siêu, v.v... hoặc dạy thuyết pháp giảng kinh để tiếp xúc với đại chúng. Kế dạy cắt chùa, thứ tự chức sắc, phương pháp kinh tế...

Về mặt đạo, chỉ dạy bằng tượng trưng cho hai quả Phục

⁽⁷⁵⁾ Huyền cơ là Thần Tiên viết ngay ra trên giấy, chớ không phải mượn tay đồng tử, như thần cơ hiện dùng khắp các đàn tiên. Xem thêm bài giảng số 2: *Sự Tích Khai Đạo Minh Lý* có giải thích rõ về huyền cơ.

và Tùy làm căn bản cho đạo Minh Lý.

Thời kỳ này có thể gọi là thời kỳ tổ chức hữu hình.

b. Thời kỳ thứ nhì là hai mươi bốn năm (1941-1965), khoảng thời gian dài đặng đặng, Thần Tiên tuyệt dứt thân cơ, dạy chư môn sinh phải tự tu học. Trong lúc này, chúng tôi bị khảo đảo nhiều thứ: Tài chính kiệt quệ, cơ đạo chính nghiêng, đạo hữu rã rời, không lập phái tu riêng thì cũng theo đàn cơ này hay đàn cơ khác, trong đánh ra ngoài đánh vô, hầu như dễ bị kẻ ngoại đạo chiếm cơ sở (có thơ nặc danh tố cáo chúng tôi thông đồng với Việt Minh, làm lịch có ghi nhiều lời phản nghịch với chánh quyền...).

Tuy vậy, một số người trung kiên còn ở lại, theo phương pháp của Thần Tiên chỉ dạy, biết lợi dụng lúc rảnh rang, không cầu đàn, ít lễ cúng, sùng tu ngôi Tam Tông Miếu, chuyên về kinh tế cho các bạn tu hành sinh sống. Trời Phật ủng hộ người lành, nên việc chi cũng đặng thành tựu theo ý nguyện. Thiệt là “*Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tùng chi.*”

Trong thời kỳ này, tuy có học và dịch nhiều kinh sách mà chỉ giữ ba cuốn này làm căn bản: *Viên Giác Kinh*, *Đạo Đức Kinh* và sách *Trung Dung*. Cho nên thời kỳ này có thể gọi là thời kỳ nghiên cứu kinh sách Tam Giáo.

c. Qua thời kỳ thứ ba (từ 1965 đến ngày nay), may thay có lẽ tình cảnh của chúng tôi cảm động lòng Trời, nên mới chuyển đồng tử đến giúp cho đạo Minh Lý. Thời kỳ này Thần Tiên gọi là thời kỳ khai cơ giáo pháp, ngõ hầu đi tới chuyển cơ thành đạo.

Bắt đầu, Bê Trên dạy Châu Dịch huyền nghĩa, nói về Thiên Đạo, nhưt là giải về quẻ Phục, quẻ Tùy, quẻ Thái, quẻ Kiền, quẻ Khôn, quẻ Thiên Lô Vô Vọng, kể nhiều quẻ khác phụ thêm nghĩa đạo lý tiên thiên cho được rõ ràng.

Thần Tiên lại truyền xuống bộ kinh *Minh Lý Chơn Giải*, để bổ túc cho cuốn *Minh Lý Học Thuyết* là kết quả nghiên cứu của chúng tôi trong thời kỳ thứ nhì nói trên, và một bộ kinh khác là *Đạo Học Chi Nam* để chỉ rõ lý thuyết của Tam Giáo quy nguyên, tuy danh từ có khác, phương tu không giống, nhưng cũng đổ về một mối mà thôi, ở chỗ bắt đầu khởi tu, có chứng nghiệm phân minh, đồng đi tới nguồn gốc cao cả nói trên.

Cái mối đầu này tôi xin tóm tắt trong đôi liễn tại chánh môn bửu điện:

BÁC NHÃ *tâm khai, huệ chiếu vô minh hườn bốn giác,*

TỊNH ĐƯỜNG *khí phục, đơn thành nhưt lập thoát thai thân.*

Tuy lời nói tắt, mà các bạn tu học Tam Giáo chắc hiểu được nhiều.

IV. KẾT LUẬN

Trên đó là tôi trình bày đại lược công việc chúng tôi đã làm và sẽ làm tại Bác Nhã Tịnh Đường này.

Tôi có thể ghi ba phần chánh, nên đề ý:

1. Đôi liễn tại chánh môn của Bác Nhã Tịnh Đường (công phu).

2. Học thuyết Tam Giáo chủ trương Thiên nhơn hiệp nhưt (giáo lý).

3. Biểu hiệu thượng trên nóc Tịnh Đường và tại chánh điện, một tấm kiếng lớn (đại viên cảnh trí), với ba bài vị Tam Giáo Thánh Nhơn (thờ phượng).

Chúng tôi ước mong chư quý vị đại diện thông cảm và nếu đồng chí với nhau, thì sẽ hiệp cùng nhau trong thời kỳ mật pháp này, vì có nhiều vị giáo chủ đã tiên tri “*Mạt kiếp đáo đầu đa tai biến*”.

Nhưng đứng trước cảnh xáo trộn lớn lao như ngày nay,

sức một nhóm người có bao nhiêu đầu mà chống trả nổi. Nên cần phải có Trời Phật, có sức Tiên Thánh giáng bút dạy bảo khắp nơi, thành một lực lượng hùng hậu, đem đạo thức tỉnh người đời, trước khi cũng như sau hòa bình, mới mong vẫn hồi cảnh an lạc khi xưa.

Đây xin kết luận bằng một vé kinh của *Minh Lý Chơn Giải*:

Một, tôn chỉ dung hòa duy nhất,
Hai, giáo quyền tổ chức Thiên Nhơn,
Ba, tu tánh mạng huòn đơn,
Bốn, tròn trung hiếu, nghĩa nhơn đạo người.

Hễ gốc (ba điều trước) đã kiến lập, thì lo gì nhánh nhóc không thành.

Tới đây tôi xin chấm dứt, ước mong ngày khác có dịp tái hội sẽ bàn rộng thêm nhiều.

Một lần nữa, xin cảm tạ chư quý liệt vị, và cầu chúc Ổn Trên ban bố đức lành cho dân nước Việt Nam đặng hưởng hạnh phúc thái bình một ngày gần đây.

Bác Nhã Tịnh Đường muôn năm!

Minh Lý Thánh Hội muôn năm!

Rất lòng thành tín.

Định Pháp Hội Trưởng
NGUYỄN MINH THIỆN

PHỤ LỤC III: HÌNH BÓNG NGƯỜI XƯA



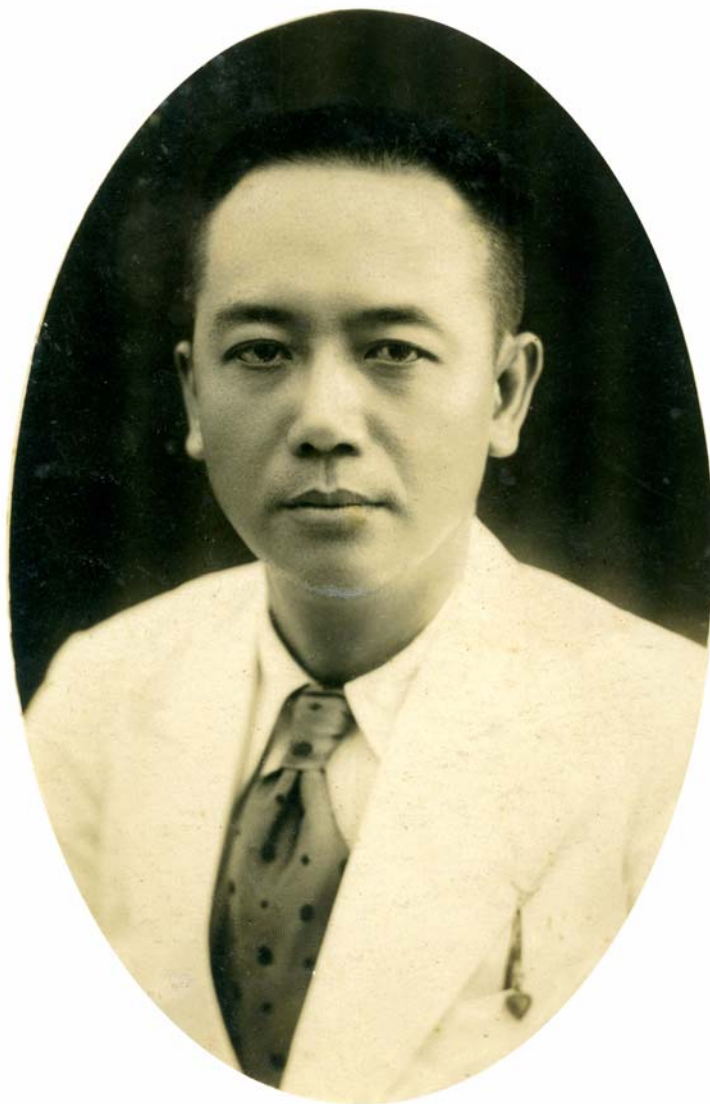
THIÊN LONG CHƠN NHƠN
(Cụ Tôn Văn Thi: thân phụ Ngài Minh Thiện)



Cụ Lâm Thị Chợ: thân mẫu Ngài Minh Thiện



Ngôi nhà của song thân Ngài Minh Thiện, nhìn ra sông Bảo Định, được hiến làm Phật Đường của đạo Minh Sư. Năm 1996 đổi tên là Quan Âm Phật Đường, nay ở số 55/4 Huỳnh Thị Mai, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.



Ngài Minh Thiện

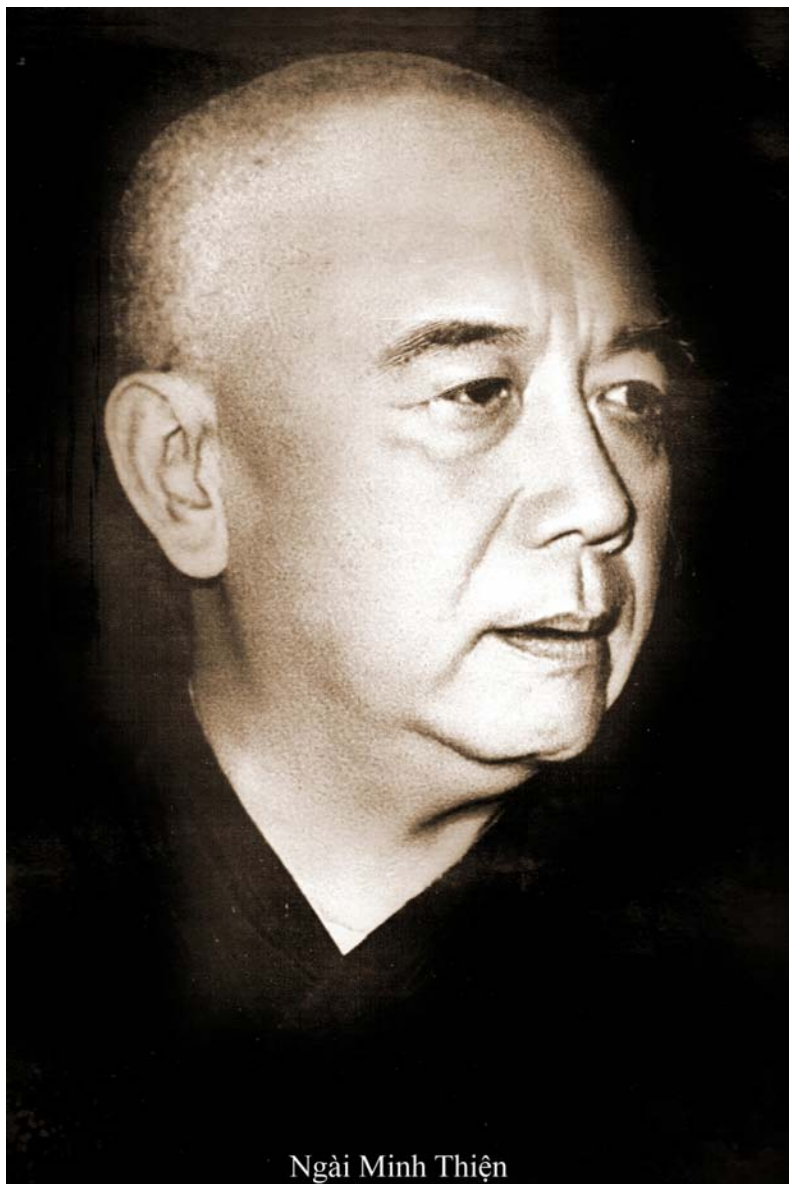


1957: Bà Toàn Lạc (Tôn Thị Thân, em Ngài Minh Thiện) dự lễ lạc thành Tam Tông Miếu.

Con gái bà (Nguyễn Thị Kim Tuyết, pháp danh Tịnh Nhứt) là dưỡng nữ của Ngài Minh Thiện, kết hôn với ông Nguyễn Vĩnh Nghi (trung tướng, pháp danh Thanh Thế).

Bà Toàn Lạc đắc quả vị DIỆU ĐỨC NƯƠNG NƯƠNG.





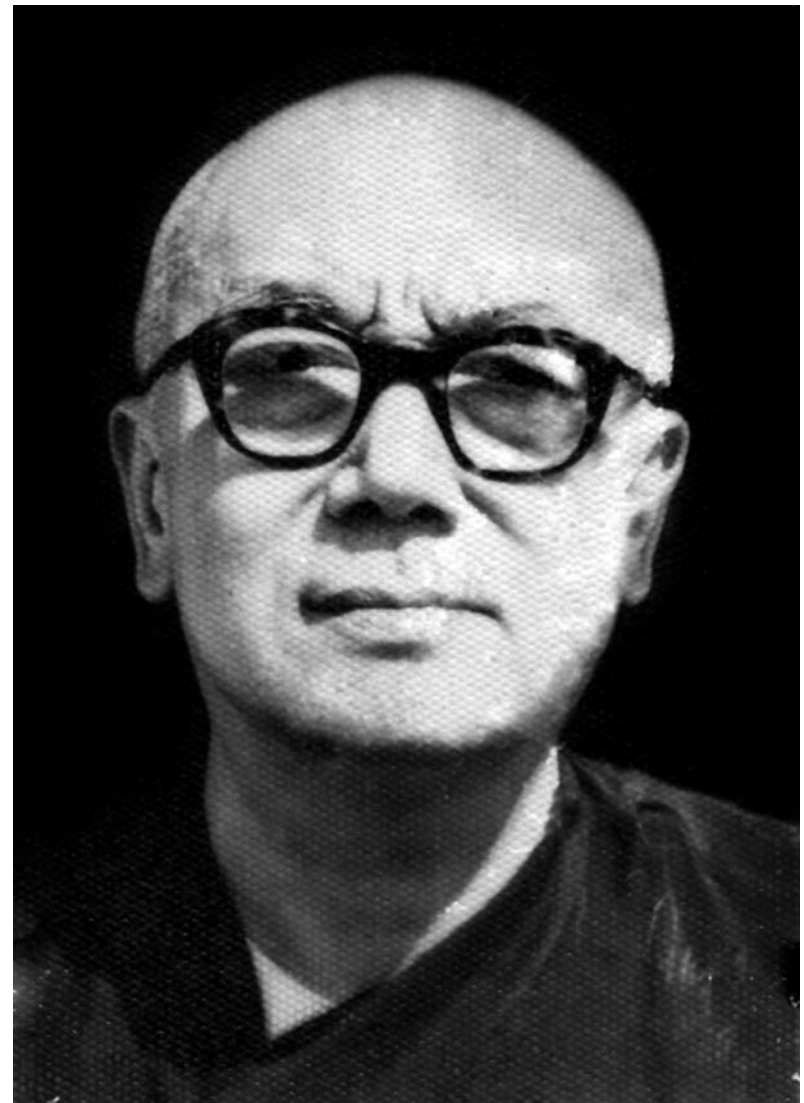
Ngài Minh Thiện



1954: Ngài Minh Thiện tại thiền thất Phú Nhuận



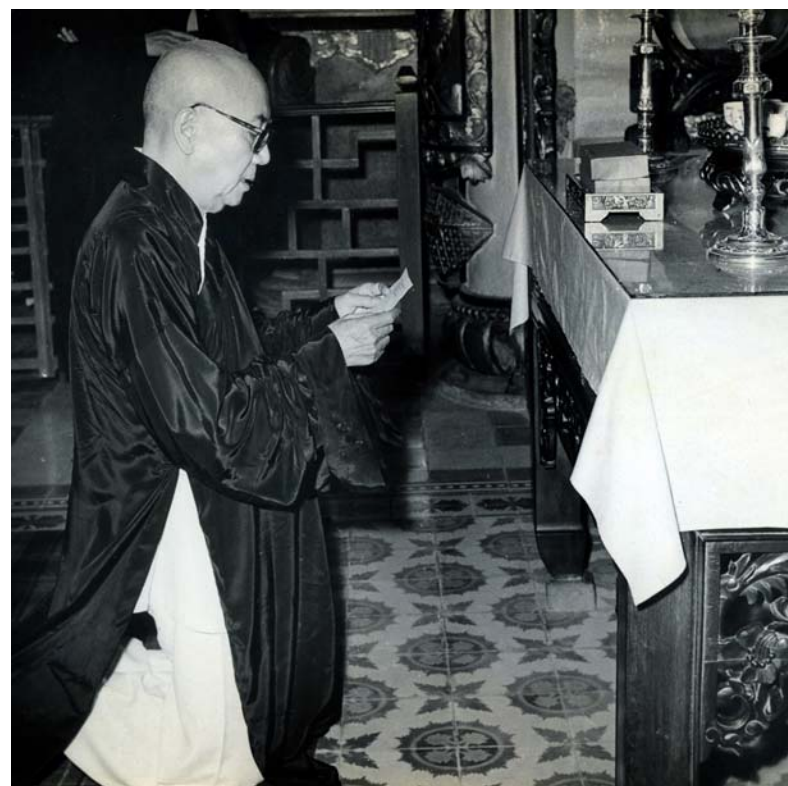
1954: Tại thiền thất Phú Nhuận.
Ảnh trên, từ trái qua:
các Ngài Minh Truyền, Minh Thiện, Huệ Lương.



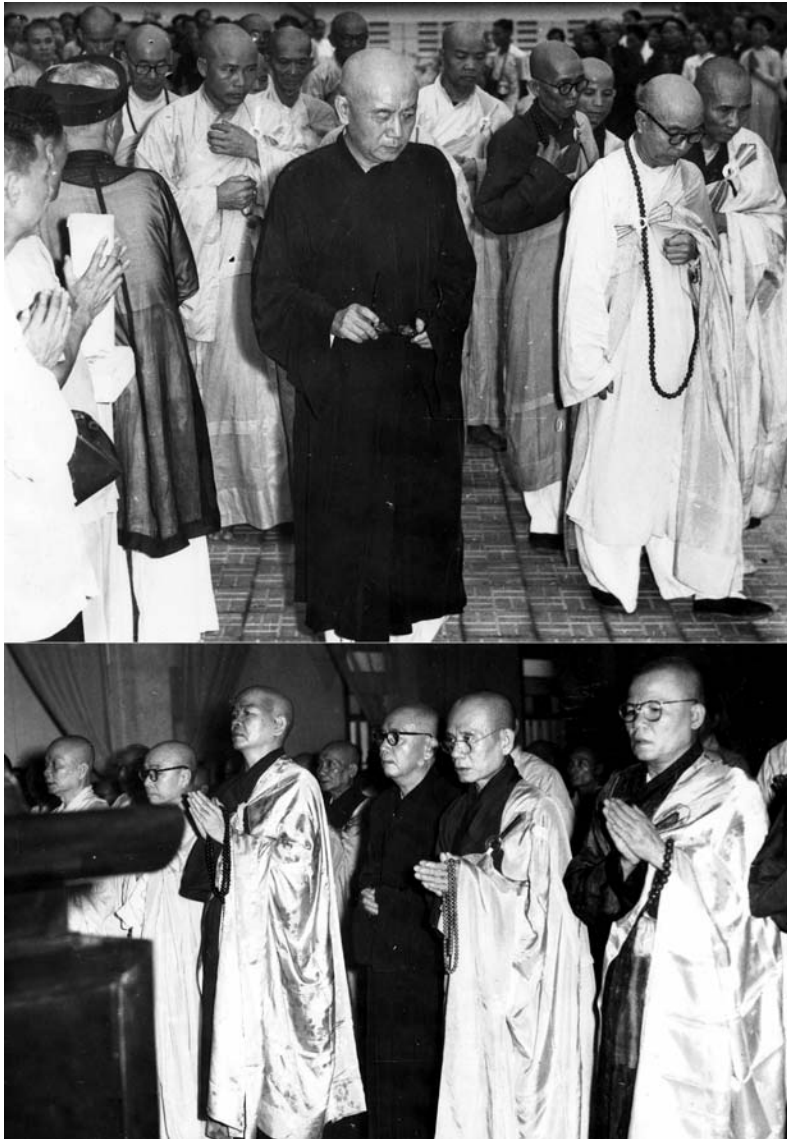
Ngài Minh Thiện



Ngài Minh Thiện lấy bản số văn



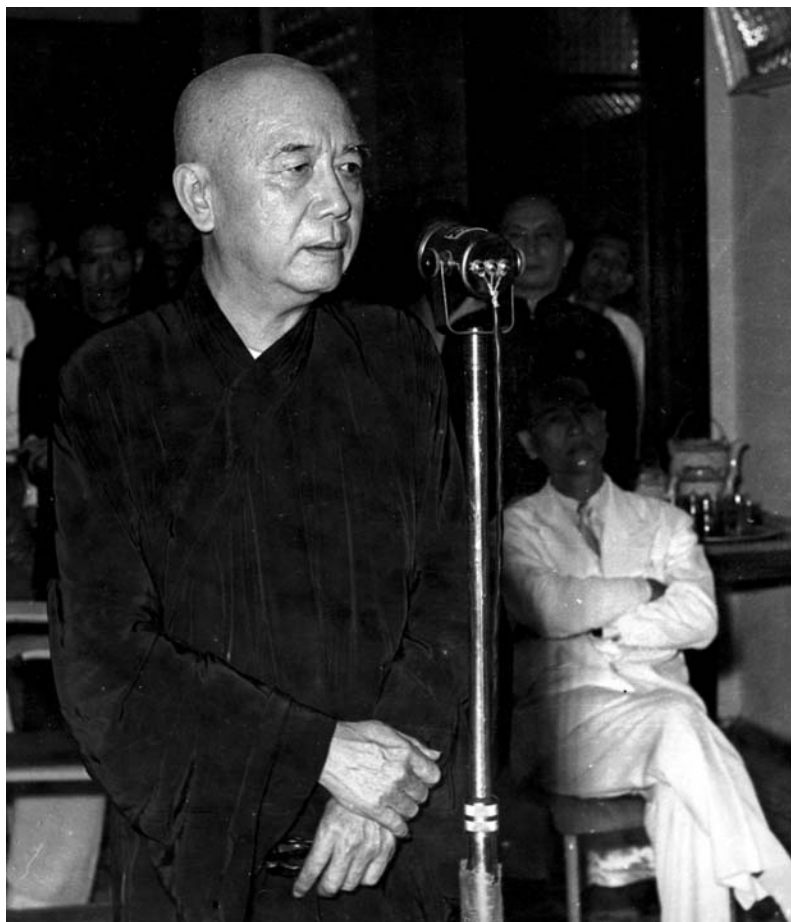
Ngài Minh Thiện đọc số văn



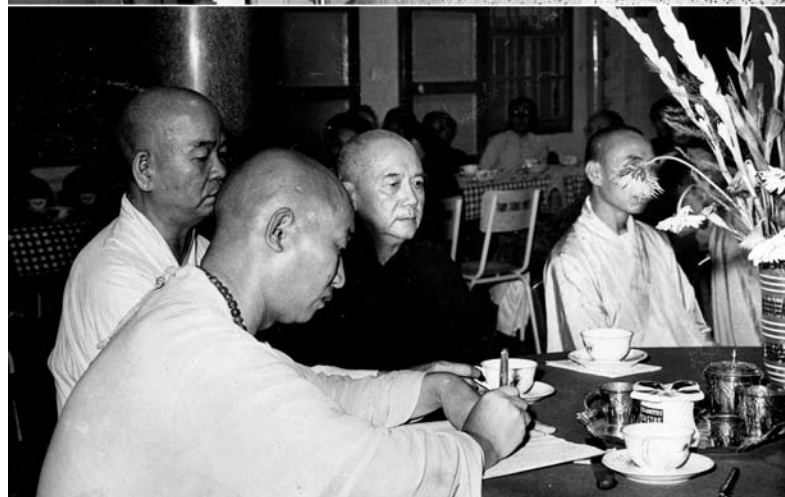
Ngài Minh Thiện dự lễ tại chùa Xá Lợi



Ngài Minh Thiện dự lễ tại chùa Xá Lợi



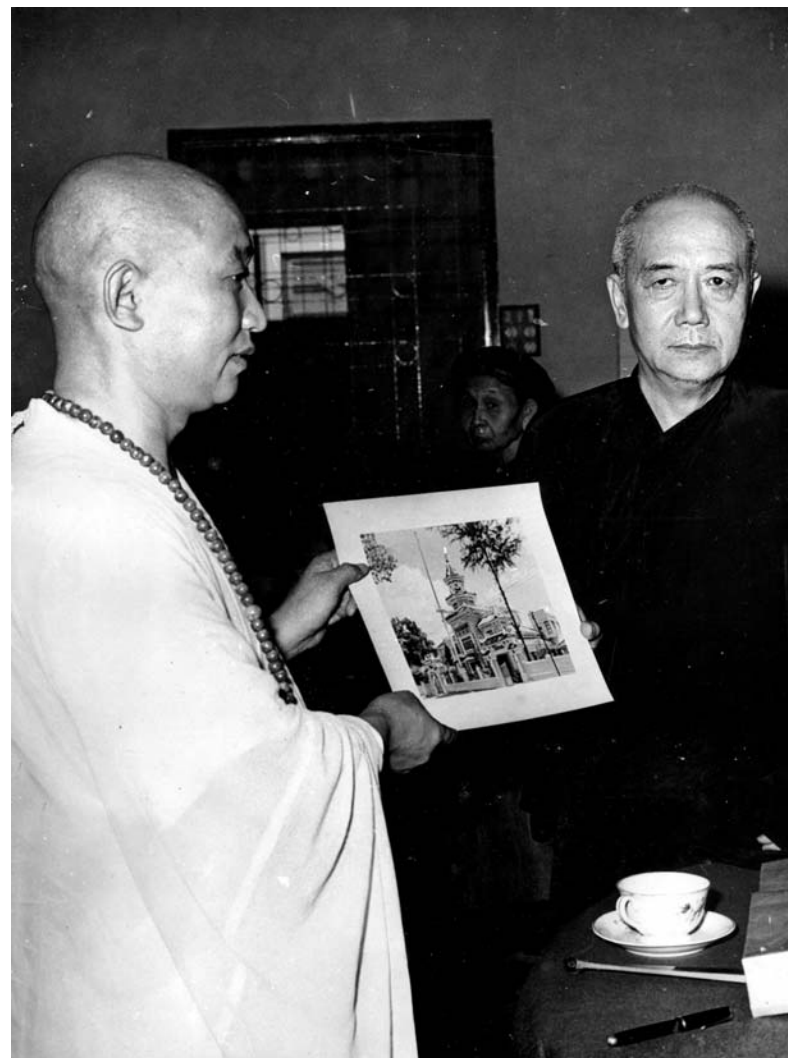
Ngài Minh Thiện đáp từ tại chùa Xá Lợi



Ngài Minh Thiện giảng đạo ở hậu đường Tam Tông Miếu
Ảnh dưới: Tiếp chư tăng tại hậu đường



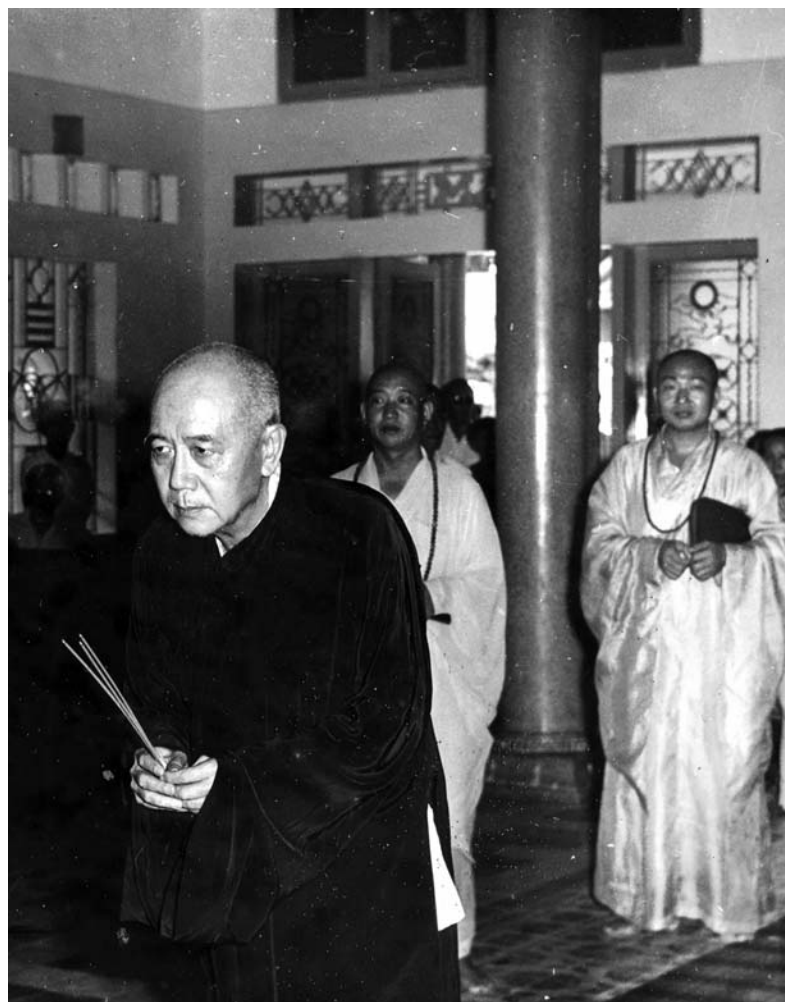
Ngài Minh Thiện đang đàn giảng đạo



Ngài Minh Thiện tiếp Đại Sư Diễn Bồi



Ngài Minh Thiện trong dịp tiếp Đại Sư Diễn Bồi



Ngài Minh Thiện dâng hương trong dịp tiếp Đại Sư Diễn Bồi



Ngài Minh Thiện giải thích ý nghĩa xây dựng trong chánh
điền. Ảnh dưới: Ngài Minh Thiện giảng đạo



Nơi Ngài Minh Thiện làm việc



*Ảnh trên: Tam Tông Miếu (1927)
Ảnh dưới: Tam Tông Miếu (1941)*



*Ảnh trên: Tam Tông Miếu (1957)
Ảnh dưới: Tam Tông Miếu (bên nữ giới)*



Tam Tông Miếu
(1957)

Ảnh dưới: Danh
thiệp của Ngài
Minh Thiện



Chánh điện Tam Tông Miếu



Hội Tam Tông Miêu
(Bác Nhã Tịnh Đường,
Long Hải)



1954: Ngài Minh Thiện (x) tại thiền thất Phú Nhuận.
Ảnh dưới: Quý Ngài Minh Ngôn (a), Minh Thiện (x),
Minh Truyền (b), Huệ Lương (c), Minh Đàm (d),
Minh Hóa (e)



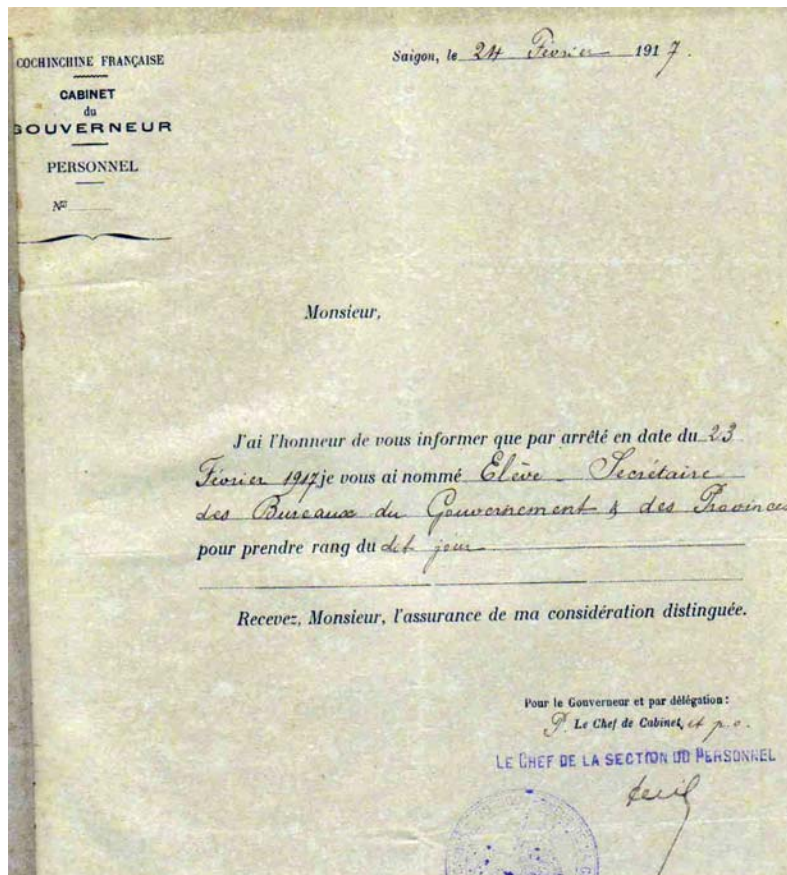
Bác Nhà Tịnh Đường (Long Hải)



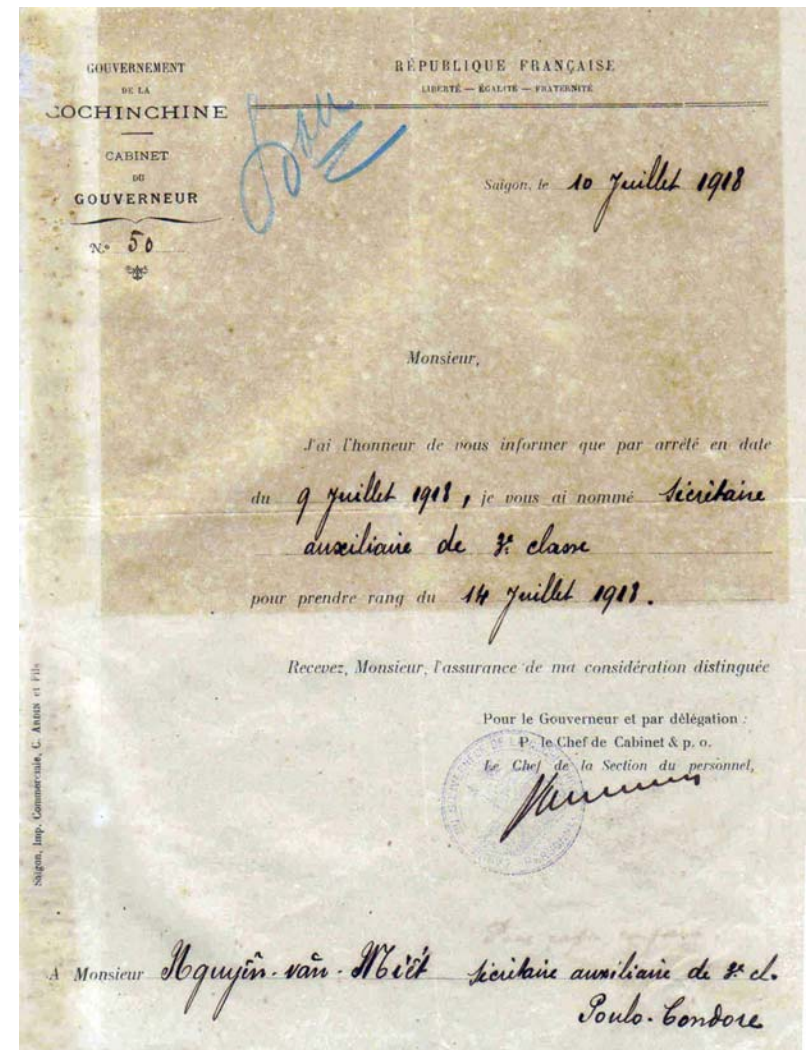
Bốn quyển sách do Ngài Minh Thiện dịch, soạn



19-4-1916: Bằng Thành Chung của ông Nguyễn Văn Miết



24-2-1917: Ông Nguyễn Văn Miết được thăng lên ngạch thư ký tập sự.
Ảnh bên: con dấu của thư ký Nguyễn Văn Miết.



10-7-1918: Công văn của Trưởng Phòng Nhân Viên Văn Phòng Thống Đốc Nam Kỳ thông báo ông Nguyễn Văn Miết được xếp ngạch phó thư ký hạng ba.

ANNÉE 1920 REPUBLIQUE FRANÇAISE MODÈLE B.
LIBERTÉ — ÉGALITÉ — FRATERNITÉ

(1) Indicateur de service.

Gouvernement de la Cochinchine

C O P I E

(1) Pénitencier de Poulo-Condore.

BULLETIN INDIVIDUEL DE NOTES

Nom et prénoms.....NGUYEN-VAN-MIET,
Lieu de naissance.....Nhon-Binh (Tanan)
Grade et date de promotion.....Secrét. aux. de 3e classe-
Grade dans la Légion d'honneur et date 14 Juillet 1918.
de promotion....."
Age.....23 ans,
Célibataire, marié ou veuf.....Marié,
Nombre d'enfants....."
Date d'entrée dans l'Administration.....le 23 Février 1917.

SERVICES		
du 1er Juill. 1920		
EFFECTIFS	EN ONRANCE	SCAHE LEGAL
3 ans	4 mois	7 jours.

Notes du Directeur des Iles et du Pénitencier de Poulo-Condore.

Conduite.....Très bonne,
Moralité.....Excellente,
Tenue.....Bonne,
Santé.....Assez bonne,
Capacités.....Très étendues pour ses fonctions,
Fonctions.....Actuellement au 2e Bureau à Saigon,
Manière de servir.....Parfaite
Aptitudes spéciales....."
Connaissances nécessaires.....Justice- Etat civil et Impôts,
Langues étrangères....."

M. MIET évacué pour raison de santé n'a servi sous mes ordres que pendant trois mois. Ce laps de temps relativement court a été suffisant pour apprécier ce fonctionnaire d'élite.

Bien éduqué, modeste et discret, M. MIET représente à mon avis, le type du parfait fonctionnaire, travailleur et consciencieux. Très méritant.

Propositions Je le propose pour le grade de secrétaire auxiliaire de 2e classe avec la côte 20./.

Poulo-Condore, le 19 Mai 1920.

19-5-1920: Giám Đốc nhà giam Côn Đảo đề nghị ông Nguyễn Văn Miết lên ngạch phó thư ký hạng nhì

GOUVERNEMENT DE LA RÉPUBLIQUE DE COCHINCHINE

NOTICE de renseignements concernant M. NGUYEN-VAN-MIET

candidat au titre de Phu honoraire

1° - Nom et prénoms : NGUYEN-VAN-MIET

2° - Lieu et date de naissance né le 20 Août 1897 à Nhon Nhung, actuellement Loi Binh Nhon (Tanan)

3° - Nationalité (indiquer, s'il y a lieu la date du décret accordant la jouissance des droits de citoyen français) Việtnamienne

4° - Grade et classe Comptable de 1ère classe, en retraite depuis le 31 Décembre 1941
(pour les fonctionnaires retraités indiquer la date de cessation des services)

5° - Durée des services 23 ans 8 mois 17 jours
(Joindre un état détaillé des services)

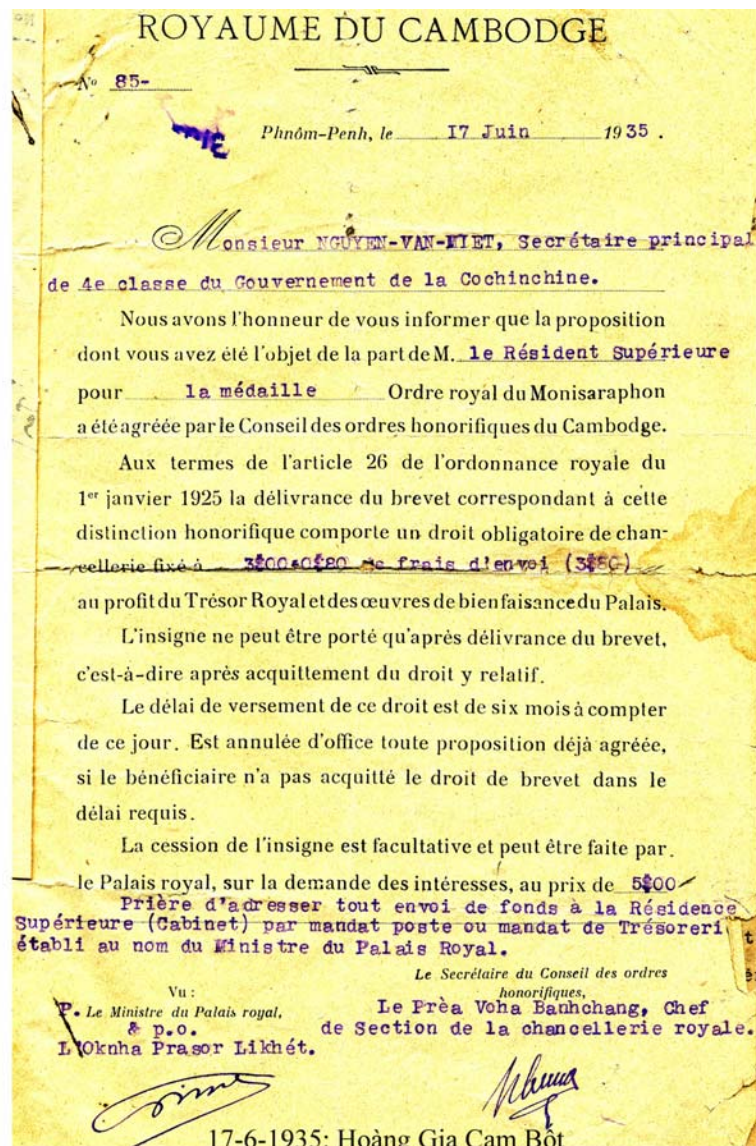
6° - Décorations obtenues et dates de leur obtention Ordre Royal du Monisaraphon 1935
Kim-Tiên de 3ème classe 1941

7° - Date de l'arrêté accordant le titre de Huyên honoraire 1938

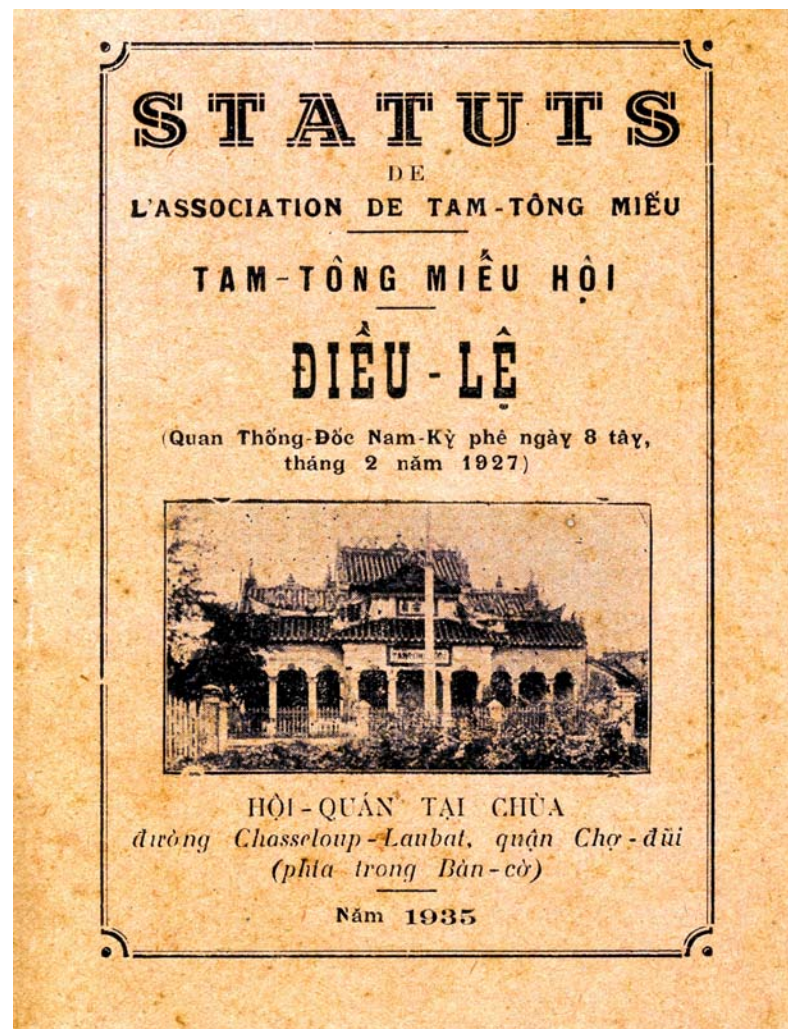
8° - Services exceptionnels rendus par le postulant "

9° - Appréciations motivées du Chef de Service M. NGUYEN-VAN-MIET a été un fonctionnaire de tout premier ordre. D'une rare conscience professionnelle et parfaitement au courant des questions administratives et financières, il a rendu, pendant de longues années, de précieux services dans les bureaux ...

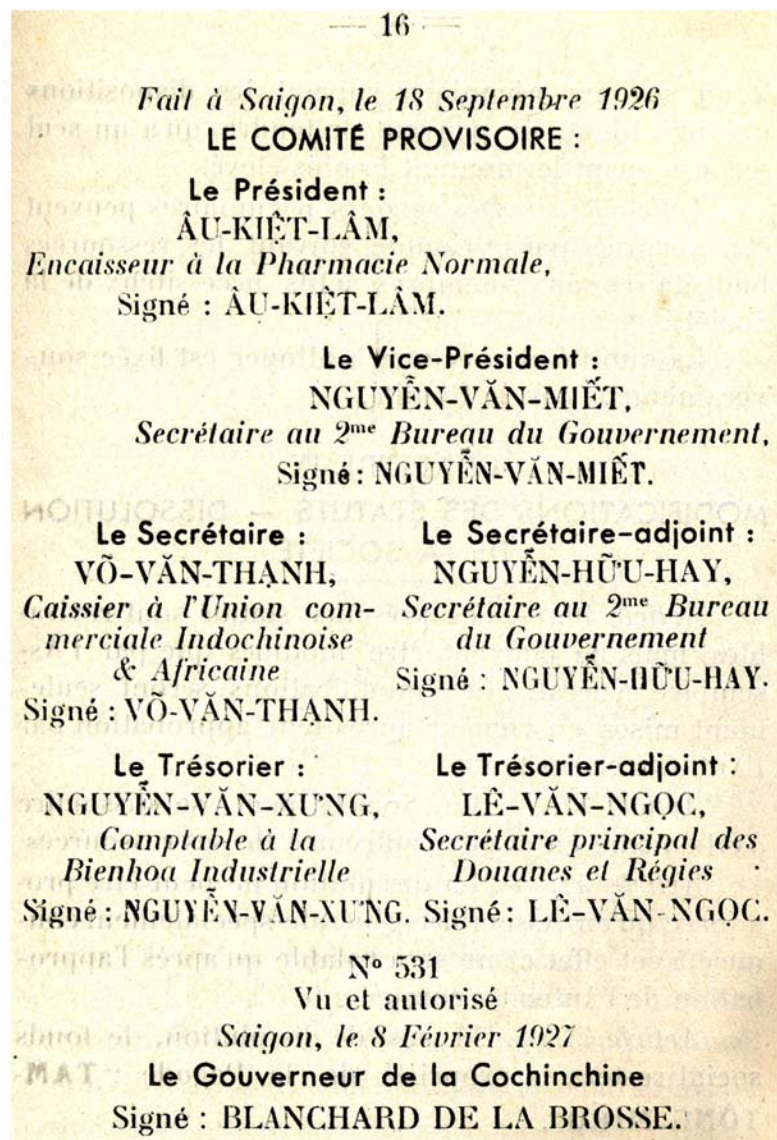
Hồ sơ cá nhân của công chức Nguyễn Văn Miết



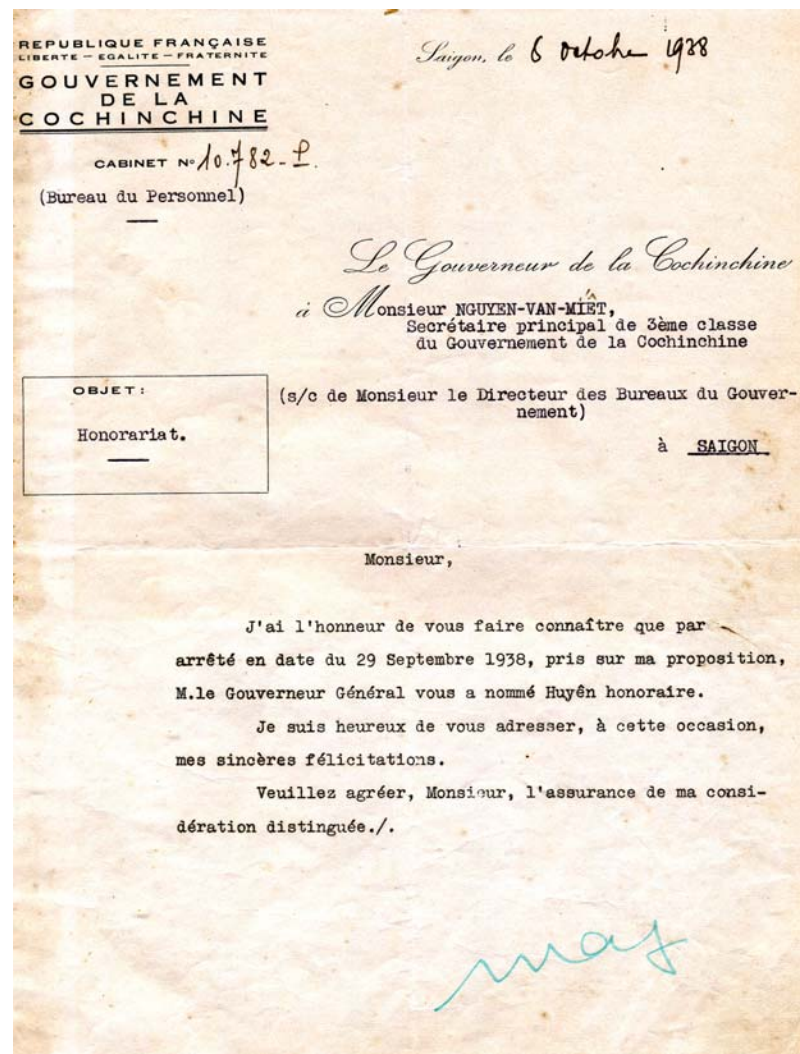
tặng ông Nguyễn Văn Miết Huân Chương Monisaraphon



1935: Điều lệ của Hội Tam Tông Miếu (trang bìa)



Điều lệ Hội Tam Tông Miếu (trang 16)



06-10-1938: Công văn thông báo ông Nguyễn Văn Miết được thưởng Huyện hàm

Saigon le 28 mai 1938. 1

A Monsieur le Président du Conseil d'Administration de la Caisse des Pensions Civiles Indigènes d'Indochine
Hanoï.

Monsieur le Président,

Conformément aux dispositions de l'article 7, §1^{er}, de l'arrêté du 28 Décembre 1937 de M. le Gouverneur Général, j'ai l'honneur de vous adresser la présente requête tendant à la validation des services journaliers que j'ai accomplis en qualité de secrétaire au Service des Travaux Publics, pendant la période du 8 février 1916 au 20 janvier 1917 inclus.

Vous voudrez bien trouver sous ce pli :

- 1^o une copie de l'arrêté du 13 juillet 1916 portant ma nomination comme secrétaire journalier au Service des Travaux Publics;
- 2^o une copie de l'arrêté du 2 février 1917 acceptant ma démission de cet emploi;
- 3^o un relevé des salaires perçus pendant la période du 8 février 1916 au 20 janvier 1917 (en double expédition);
- 4^o une copie du bordereau n^o 3.746^D du 25 mai 1938 du Service des Travaux Publics.

L'arrêté du 2 février 1917 mentionne que ma démission a été acceptée pour compter du 27 janvier 1917. Toutefois, d'après les notes marginales du bordereau sus-mentionné du Service des Travaux Publics, les caractères d'attachement ne font ressortir aucun paiement de salaire à mon profit, du 21 au 26 janvier 1917. C'est pour cette raison que

28-5-1938: Bút tích Ngài Minh Thiện (trang 1)

cette dernière période n'est pas comprise dans le des sommes perçues.

Veuillez agréer, Monsieur le Président, l'hommage de mes sentiments respectueux

M. Nguyen

M. Nguyen-vân-Miét
Secrétaire principal de 3^e class
Bureaux du Gouvernement de l'
(2^e Bureau)

Sai

28-5-1938: Bút tích Ngài Minh Thiện (trang 2)

RESIDENCE SUPERIEURE EN ANNAM HUE, le 10 avril 1941
 Bureau du Conseiller à l'Intérieur.

LE RESIDENT SUPERIEUR EN ANNAM
 à Monsieur *Nguyen-van-Miét,*
*Comptable de 2e cl. des Bureaux du Gouvern-
 ment et de Province, de la Cochinchine à Saigon*

Monsieur,

J'ai l'honneur de vous faire connaître que sur ma proposition, Sa Majesté L'Empereur d'Annam a bien voulu vous decerner la décoration du *Khu-Tien* de 2e classe.

La délivrance du brevet correspondant à cette distinction honorifique comporte un droit obligatoire de chancellerie fixe à *3,000*.

L'insigne ne peut être porté qu'après délivrance du brevet, c'est à dire, après acquittement du droit de chancellerie correspondant.

Conformément aux dispositions de l'art. 2 du D.U. no-38 du 6 Mai 1935, le délai de versement de ce droit est fixé à six mois à compter de la date de notification au bénéficiaire que la proposition dont il a été l'objet, a été agréée. Ce délai est porté à un an, pour les bénéficiaires résidant hors de l'Indochine. Sera annulée toute proposition agréée, si le titulaire n'a pas acquitté le droit de chancellerie dans le délai requis.

L'insigne afferent à cette distinction honorifique pourra être délivré, sur votre demande, par le Gouvernement Annamite qui possède actuellement deux stocks d'insignes différents:
 1o/Insigne réglementaire en argent doré.
 2o/Insigne de luxe en or véritable au titre de 0,850.

Le prix officiel de ces insignes est fixé ainsi qu'il suit :

Insigne réglementaire : *6,000*
 Insigne de luxe : *83,000*

Le droit de chancellerie du brevet et le montant de l'insigne ainsi que celui des frais d'envoi fixe à 0,800 pour un brevet seul et à 1,600 pour un brevet et un insigne, seront mandatés à Monsieur le Conseiller auprès du Ministère de l'Intérieur à Hué /Annam/.

Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance de ma considération distinguée./.

P. le Resident Supérieur et p.o.
 Le Conseiller, auprès du Ministère de l'Intérieur,

Droit de chancellerie du brevet : *3,000*
 (Insigne réglementaire) : *6,000*
 Prix de l'insigne (Insigne de luxe) : *83,000*
 (Brevet seul) : *0,800*
 Frais d'envoi ... (Brevet et insigne) : *1,600*

10-4-1941: Ông Nguyễn Văn Miết được thưởng huy chương Kim Tiền hạng ba

Saigon le 9 Septembre 1941

A Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine
 (Bureau du Personnel) SAIGON

Monsieur le Gouverneur,

En raison de mon état de débilité générale, j'ai l'honneur de vous prier de bien vouloir accepter la démission de mon emploi et me faire admettre à la retraite proportionnelle, à compter du 1er Janvier 1942, conformément aux dispositions de l'article 10 § II et de l'article 11 § II de l'arrêté en date du 28 Décembre 1937 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine, réorganisant la Caisse des Pensions Civiles de l'Indochine.

Ayant débuté dans l'Administration française le 8 Février 1916, je compterai à la date du 31 Décembre 1941:

Secrétaire journalier des T.P. du 8-2-16 au 20-1-17 inclus (services précaires validés)..... 11 m. 13 j.
 Secrétaire et comptable des Bureaux du Gouvernement du 23-2-17 au 31-12-41 (moins la période de disponibilité du 8-12-30 au ~~12-1-33~~ 11-1-33 inclus)..... 22a. 9m. 4 j.
23a. 8m. 17j.

Ci-joint:

1° une déclaration d'élection de domicile
 2° 4 photos

Les pièces d'état-civil ont été fournies à la Caisse des Pensions civiles.

Veuillez agréer, Monsieur le Gouverneur, avec ma sincère gratitude, l'hommage de mon profond respect.

M. NGUYEN-VAN-MIET
 Comptable de 2e cl. en service au 2e Bur. du gouvernement de la Cochinchine

09-9-1941: Ông Nguyễn Văn Miết làm đơn xin nghỉ hưu

Saigon le 8 Janvier 1942

A Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine
(s/c de M.le Chef du 2e Bureau et de M.le Directeur
des Bureaux du Gouvernement) SAIGON

Monsieur le Gouverneur,

En mai 1936, j'ai été hospitalisé pour hémoptysie pendant plus d'un mois.

Depuis cette date, malgré le traitement privé que j'ai toujours suivi à ma sortie d'hôpital, la maladie dont je suis atteint, après une période de calme relatif, a repris avec le déclin de la vie et le travail que je me suis imposé. De nouveau, j'ai été hospitalisé en octobre 1941.

Etant toujours souffrant, très fatigué, et pensant pouvoir obtenir ma guérison avec un repos absolu, j'ai dû, avec beaucoup de regrets, présenter ma demande d'admission à la retraite proportionnelle pour raison de santé. Cette faveur vient d'être accordée par arrêté du 31 Décembre 1941, pour compter du 1er Janvier 1942.

Les soins nécessaires à mon état de santé ont épuisé toutes mes économies, fruit de mes vingt quatre ans de dur labeur.

D'autre part, je ne dispose aucune ressource personnelle en dehors de la pension de retraite proportionnelle d'ailleurs très minime (environ 35\$00 par mois) dont je serai appelé à bénéficier.

Aussi

08-1-1942: Ông Nguyễn Văn Miết xin nghỉ hưu (trang 1)

vernement Général de l'Indochine
Cabinet du Gouverneur Général

ETAT FRANCAIS
Travail - Famille - Patrie

LE GOUVERNEUR GENERAL DE L'INDOCHINE
Grand Officier de la Légion d'Honneur,
N° 3797

Vu les décrets du 20 Octobre 1911, portant fixation des pouvoirs du Gouverneur Général et Organisation administrative et financière de l'Indochine ;
Vu le décret du 29 Août 1940 ;
Vu l'arrêté du 28 Décembre 1937 portant refonte du règlement de la Caisse des Pensions Civiles de l'Indochine et la Circulaire d'application du 28 Janvier 1938 ;
Vu l'arrêté du Gouverneur de la Cochinchine n° 6663 du 31 Décembre 1941 portant admission à la retraite proportionnelle de M. NGUYEN VAN MIET, n° mle 30, Comptable de 2ème classe des Bureaux du Gouvernement et des Provinces de la Cochinchine ;
Le Conseil d'Administration de la Caisse des Pensions Civiles de l'Indochine entendu,

ARRETE :

ARTICLE 1er.- Le montant de la pension de retraite proportionnelle à laquelle M. NGUYEN VAN MIET, n° Mle 30, Comptable de 2ème classe des Bureaux du Gouvernement et des Provinces de la Cochinchine a été admis à faire valoir ses droits par l'arrêté du 31 Décembre 1941 susvisé est fixé à la somme de QUATRE CENT TRENTE ET UNE PIASTRES (431\$00) par an

ARTICLE 2.- Le paiement en sera fait à SAIGON (Cochinchine) par trimestre et à terme échu les 15 Janvier, 15 Avril, 15 Juillet, et 15 Octobre.

ARTICLE 3.- Le Gouverneur de la Cochinchine et le Président du Conseil d'Administration de la Caisse des Pensions Civiles de l'Indochine sont chargés, chacun en ce qui le concerne de l'exécution du présent arrêté.

Hanoi, le 4 Mai 1942

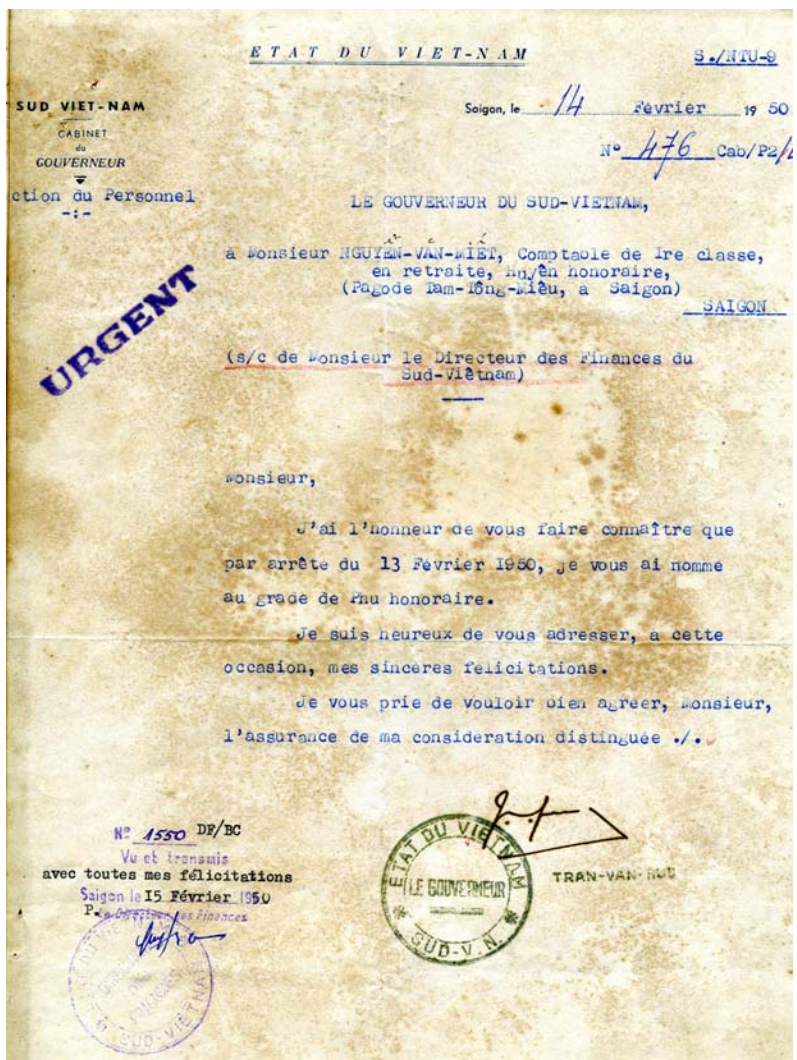
Visé à la C.P.C.I. le 23-4-42 N°6746 PC
Mis au C.F. le 25-4-42 N° 7707

Par Délégation
LE SECRETAIRE GENERAL
du Gouvernement Général de l'Indochine
Signé: GAUTIER

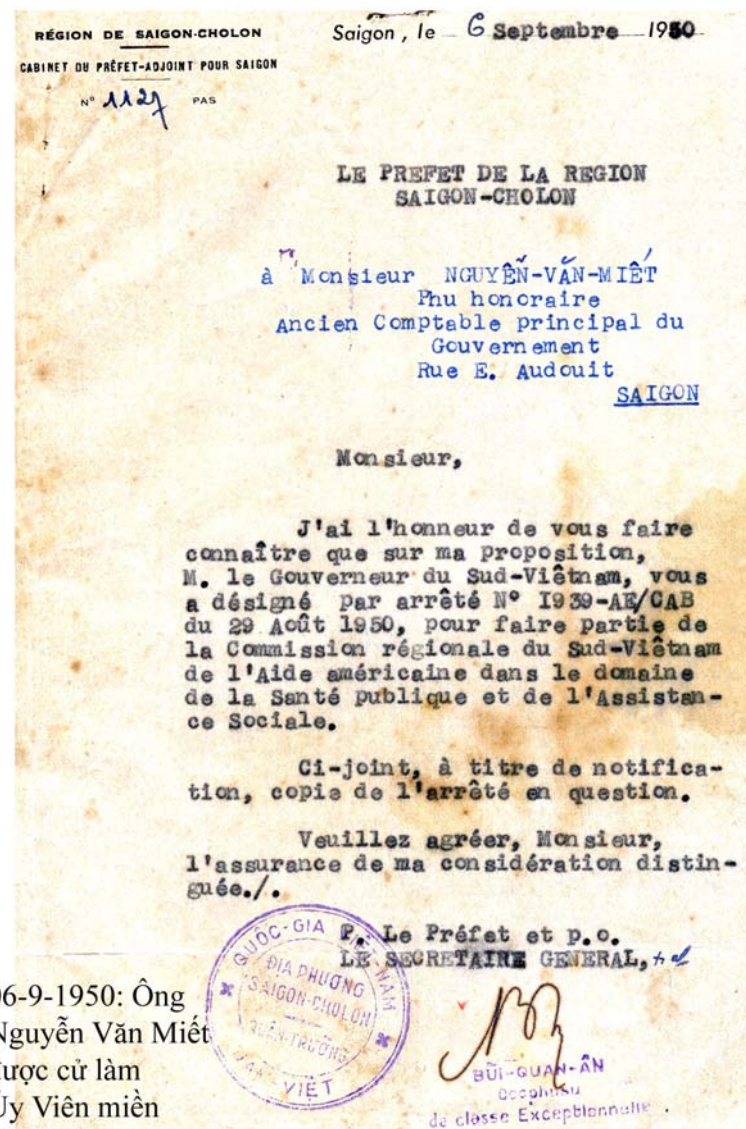
Pour ampliation
Le Chef du Bureau des Archives
du Gouvernement Général
Signé: LAVAL

P. C. I. C.
P. LE CHEF DU 2ème BUREAU,

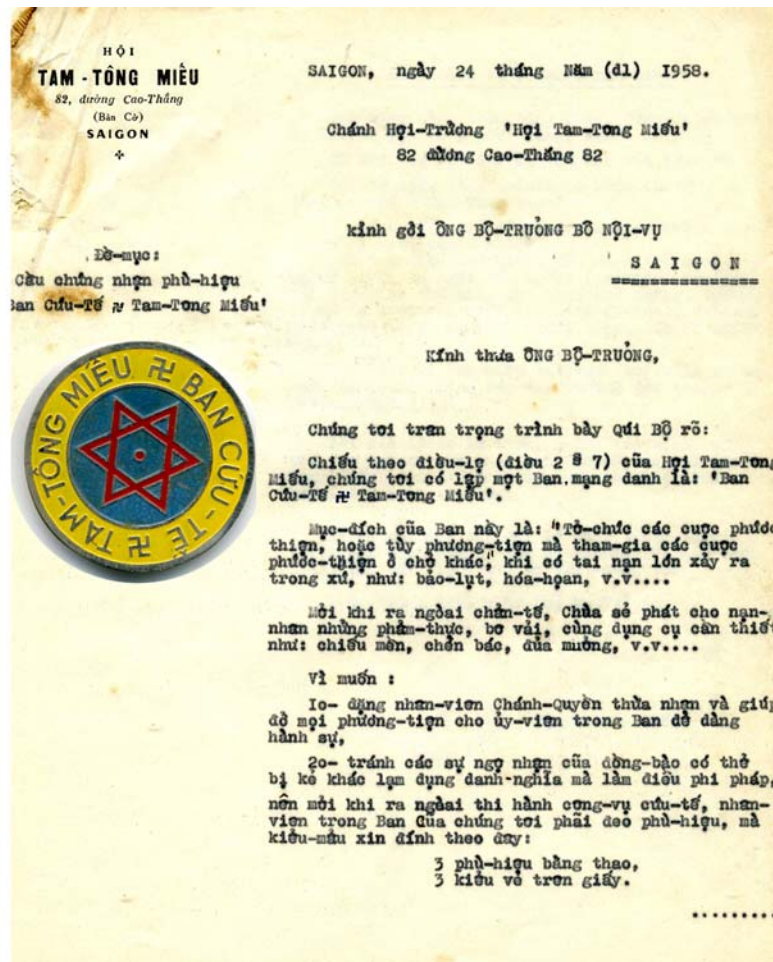
04-5-1942: Quyết định của Phủ Toàn Quyền Đông Dương
án định mức lương hưu của ông Nguyễn Văn Miết
là 431 đồng một năm.



14-2-1950: Ông Nguyễn Văn Miết được thưởng Phù hàm



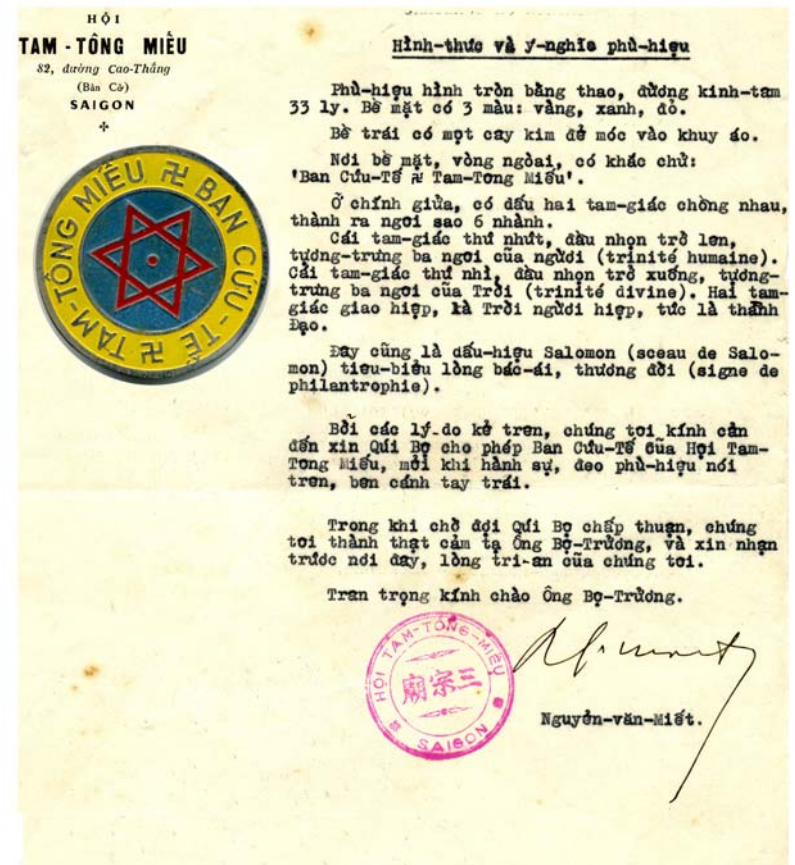
06-9-1950: Ông Nguyễn Văn Miết được cử làm Ủy Viên miền Nam Việt Nam



24-5-1958: Hội Tam Tông Miếu xin phép Bộ Nội Vụ làm phù hiệu của Ban Cứu Tế (3,3cm).

Trên đây là trang 1 tờ đơn.

Xem tiếp trang 2 tờ đơn (trang kế)



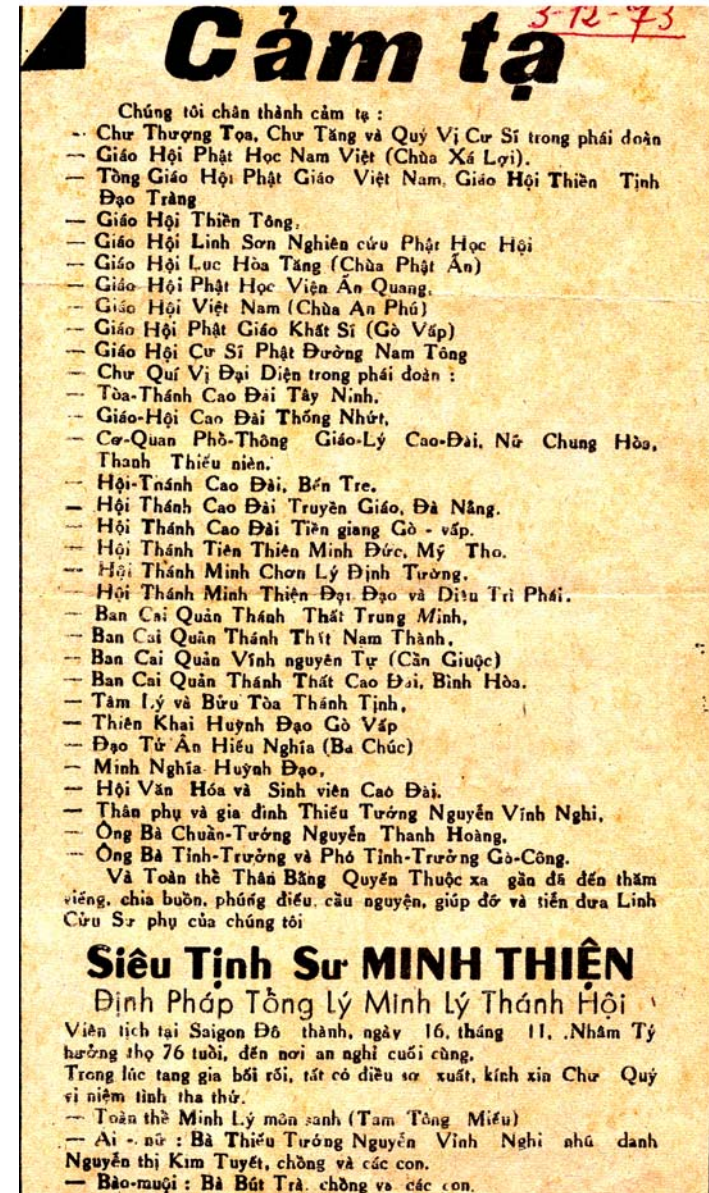
24-5-1958: Hội Tam Tông Miếu xin phép Bộ Nội Vụ làm phù hiệu của Ban Cứu Tế (3,3cm).

Trang 2 tờ đơn: Ngài Minh Thiện (Nguyễn Văn Miết) miêu tả hình thức phù hiệu và giải thích ý nghĩa phù hiệu.



04-8-1958: Hội Tam Tông Miếu xin phép Bộ Nội Vụ làm phù hiệu của Hội.

15-8-1958: Bộ Nội Vụ chấp thuận.



03-12-1973: Đăng báo cảm tạ sau tang lễ Ngài Minh Thiện



Tề Vật Đàn: giờ Ngọ ngày 15-11 Mậu Tý (12-12-2008).

Theo thông lệ, hằng năm môn sanh Minh Lý Đạo đều thiết lễ kỷ niệm ngày quy tiên của Ngài Minh Thiện vào giờ Ngọ ngày Rằm tháng 11 âm lịch tại Tề Vật Đàn. Qua tối hôm sau (ngày 16-11 âm lịch) thì cúng tại Chánh Điện.

CÁC KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ẤN TỔNG

- ❑ Đại Giác Thánh Kinh và Kinh Thánh Giáo Pháp
- ❑ Đại Thừa Chơn Giáo
- ❑ Bảo Pháp Chơn Kinh
- ❑ Quan Âm Phổ Chiếu Pháp Bảo Tâm Kinh
- ❑ Khuyến Nữ Hồi Tâm
- ❑ Địa Mẫu Chơn Kinh
- ❑ Thuyết Đạo: Chữ Tâm, Tình Thương, Ngọc Kinh
- ❑ Thánh Giáo Sư Tập từ năm 1965 đến năm 1971
- ❑ Nữ Trung Tòng Phận
- ❑ Kinh Sám Hối
- ❑ Thánh ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát
- ❑ Ngọc Minh Kinh
- ❑ Giáo Đoàn Nữ Giới
- ❑ Tu Chơn Thiệp Quyết
- ❑ Thánh Đức Chuyển Mê
- ❑ Thánh Đức Chơn Kinh
- ❑ Thánh Đức Chơn Truyền Trung Đạo
- ❑ Kinh Bình Minh Đại Đạo
- ❑ Hồi Dương Nhơn Quả và Ngọc Lịch Minh Kinh
- ❑ Thất Chơn Nhơn Quả (tái bản nhiều lần, lần chót 2010)
- ❑ Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển I & Quyển II)
- ❑ Huấn Từ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế
- ❑ Đạo Pháp Bí Giải
- ❑ Tam Thừa Chơn Giáo (in lần thứ hai, 5/2010)
- ❑ Kinh Pháp Hoa
- ❑ Kinh Thiên Địa Bát Dương
- ❑ Tư Tưởng Đạo Gia (*Hàn Sinh tuyển, Lê Anh Minh dịch*)
- ❑ Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên (*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- ❑ Bồi Dưỡng Đức Tin (*Ngọc Giáo hữu Bùi Văn Tâm*)

- Lòng Con Tin Đấng Cao Đài (*Huệ Khải*)
- Cơ Duyên và Tuổi Trẻ
(*Thượng Giáo hữu Phạm Văn Liêm*)
- Đất Nam Kỳ – Tiên Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài
(*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- Tìm Hiểu Kinh Sám Hối (*Thanh Căn – Huệ Khải*)
- Tam Giáo Việt Nam – Tiên Đề Tư Tưởng
Mở Đạo Cao Đài (*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- Có Một Tình Thương (*Bạch Liên Hoa*)
- Hương Quế Cho Đời
(*Thượng Giáo hữu Phạm Văn Liêm*)
- Đạo Nguyên Chánh Nghĩa (*Vĩnh Nguyên Tự*)
- Hành Trang Người Đạo Cao Đài (*Diệu Nguyên*)
- Ngài Minh Thiện: Cuộc Đời & Đạo Nghiệp (*Đại Cơ Hườn*)

ĐÓN ĐỌC:

- Một Dòng Bát Nhã (*Huệ Khải*)
- Lời Vàng Sen Trắng
- Ôn Gọi Miền Trung (*Phạm Văn Liêm*)
- Thiện Thư:
Cảm Ứng Thiên – Âm Chất Văn – Công Quá Cách
(*Lê Anh Minh*)
- Giải Mã Truyện Tây Du (*Huệ Khải*)

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỔNG KINH SÁCH KHUYẾN THIỆN

- 1) Một là những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2) Hai là thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
- 3) Ba là vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu, oan trái của đời trước cũng như đời này.
- 4) Bốn là các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5) Năm là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6) Sáu là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y thực đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
- 7) Bảy là lời nói việc làm Trời, người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- 8) Tám là ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khổ nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9) Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10) Mười là hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

CHUNG TAY CÔNG QUẢ PHÁP THÍ

Theo kinh *Tam Nguơn Giác Thế* (Chiếu Minh Đàn, Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, do Tiền bối Cao Triều Trực ấn tống), trong đàn cơ ngày 02.11 Tân Mùi (thứ Năm 10.12.1931), đức **Thần oai Viễn trấn Quan Thánh Đế Quân** giảng dạy như sau (tr.36):

“Phàm người tu hành mà đặt dặng **một bộ kinh sám** mà khuyên chúng làm lành thì người ấy dặng thành tiên. Còn người vẫn chươg quân tử mà làm dặng **một pho sách** dạy chúng luân thường đạo lý thì người dặng thành thánh.”

Trong đàn cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970, Đức **Giáo tông Đại đạo Thái Bạch Kim Tinh** dạy:

“Hơn một lần, **Bần Đạo** có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng **bố thí lời đạo đức** để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nếu Quý vị phát tâm muốn công quả ấn tống kinh sách khuyến thiện (được trừ thuế lợi tức cuối năm), chi phiếu xin đề “**Thiên Lý Bửu Tòa**” với ghi chú “Kinh sách”, và gửi về:

THIÊN LÝ BỬU TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA

Điện thoại liên lạc: (408) 683-0674

NHỮNG CHỖ HIỂU SAI LẦM VỀ VIỆC ĂN CHAY

Phàm người tu hành phải thiết lòng giữ giới sát sanh, chớ nên viển lẽ bất chánh mà nói rằng hột gà, hột vịt chưa có linh hồn con gà, con vịt, nên ta có thể dùng. Thử hỏi: Tuy các thứ trứng chưa có linh hồn hoạt động, mà nó có hột giống sanh ra sự sống của con gà, con vịt, thì ta có nên tuyệt nguồn sanh của nó chăng?

Hoặc có kẻ nói con tôm, con cua có máu trắng, chớ chăng phải máu đỏ, nên ta cũng có thể dùng. Thử hỏi: Tuy loài này có máu trắng, mà nó có sự sống hay không?

Đức Thái Thượng Lão Quân giảng bút tại Tam Tông Miếu có dạy rằng: *Người ta thường hiểu thịt là thịt của súc vật, còn cá là loài cá. Vì hiểu hai chữ huyết nhục, mới nói huyết là một thứ nước đỏ chạy trong thân thể, nên gặp thứ nước trắng thì ăn được, không phạm giới cấm. Còn nói huyết thì chỉ nghĩa thịt của súc vật mà thôi. Chớ loài ốc, sò, bào ngư, khô mực, tôm, cua v.v... không phải thuộc về thịt và không có máu đỏ, nên ăn không được sao? Có phải tại chỗ hiểu lầm hai chữ huyết nhục đó, mà dám ăn bậy như vậy chăng?* (Thánh ngôn ngày 14-9 Tân Mùi – 24-10-1931).

Đạo cấm sát sanh, mà sanh là mạng sống, nên tìm hiểu mạng sống ở đâu. Con vật nào bò, bay, máy, cựa đều là có mạng sống cả, thì ta nên chừa ngay những ngày ta nguyện ăn chay. Không nên đã gây ra tội sát sanh, mà còn phạm thêm giới vọng ngữ nữa.

Ý NGHĨA CHƠN CHÁNH CỦA VIỆC ĂN CHAY

1. Theo khoa học, bất cứ ăn thịt cá hay là rau cải, món ăn nào cũng đủ chất dinh dưỡng để nuôi thân, chăng phải ăn thịt mới sống được, miễn là mình biết chọn món ăn là được.

2. Thịt cá hay sanh chất độc, món ăn rau cải có phần thanh khiết hơn.

3. Ta có thể sống bằng rau cải, mà còn tìm giết loài cầm thú vô cớ, là trái với lòng bác ái.

4. Giết loài cầm thú chẳng phải sát sanh mà thôi, lại còn mang tội thâm đạo [*cướp đoạt mạng sống của loài khác*] nữa, nên phải luân hồi chuyên kiếp mà trả nợ thân mạng cho nhau.

5. Phật dạy mỗi con vật đều có một bản thể như ta là Phật tánh. Nghĩa là cũng có thể thành Phật và tình đồng anh em ruột, thì nữ nào sát hại.

6. Phật dạy tu thì phải làm sao cho cái bản thể mình tương cảm, tương thông với bản thể của chư Phật, Bồ Tát. Nếu còn tướng sanh ngã (vị kỷ) và pháp ngã (chấp trước), thì cái bản thể ấy bị ngăn chia giữa ta và chư Phật, Bồ Tát, nên chư Phật, Bồ Tát khó bề độ dẫn ta.

Việc ăn chay là một điều cần nhứt để tu thân. Khi mới vào đạo, ta nên tập ăn trai kỳ lần lần, chọn món ăn cho đủ chất mới tránh khỏi bệnh hoạn. Chừng nào ta ăn chay trường được, mới là đặng trọn đủ lòng từ bi, mới mong đặng hoàn toàn giải thoát.

Quý ông, quý bà, chư đạo hữu nam nữ nên để ý suy xét, đừng quá tin nơi người luận biện phù phiếm mà phạm giới cấm. Đã nguyện ăn chay mà sát sanh, lại còn viện thêm duyên cớ dẫn dắt kẻ khác vào con đường lầm lạc như nói trên, thì thà là ăn mặn còn hơn.

Rất lòng thành tín.

MINH THIỆN

(*Rằm hạ nguơn năm Bính Tý, 1936*)

ĐẠI CƠ HUỒN NGÀI MINH THIỆN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Sửa bản in: THU CÚC, DIỆU NGUYỄN, THIÊN ÂN

Phụ bản, trình bày & kỹ thuật: DỪ LAN

Liên kết thực hiện: **Minh Lý Thánh Hội (Tam Tông Miếu),**

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài,

& NXB Tam Giáo Đông Nguyên

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

TÔNG PHÁT HÀNH

MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TÔNG MIẾU)

82 Cao Thắng, quận 3, Sài Gòn ☎ 08-38358181

ÂU CHÂU

Mr. NGUYỄN BÁ LINH (KIM PHONG)

2 Bis Rue Constantinople, 94140 Alfortville, FRANCE

nnbalinh@yahoo.fr ☎ 331.4977.8408

ÚC CHÂU

Mr. NGUYỄN THANH NHẢ (NHỰT ĐẠO)

Glenroy, Victoria 3046, AUSTRALIA

thanhnh288@yahoo.com ☎ 9306.0578

MỸ CHÂU

Mr. LÊ THIỆN TÙNG (ĐẠI KHAI)

15591 Burning Tree St, Westminster, CA 92683, USA

dai.tungthienle@gmail.com ☎ (714) 379-0295

THIÊN LÝ BỬU TÒA

12695 Sycamore Ave, San Martin, CA 95046, USA

www.thienlybuutoa.org ☎ (408) 683-0674

www.tamgiaodongnguyen.com